

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON



BÙI THỊ HỒNG ANH

ĐỀ TÀI:

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀO VIỆC XÂY DỰNG BÀI TẬP NHẪM
CỦNG CỐ MỘT SỐ KỸ NĂNG SỐNG
CẦN THIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 05/ 2013.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**



BÙI THỊ HỒNG ANH

ĐỀ TÀI:

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀO VIỆC XÂY DỰNG BÀI TẬP NHẪM
CỦNG CỐ MỘT SỐ KỸ NĂNG SỐNG
CẦN THIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI.**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: Th.S TRIỆU TÁT ĐẠT**

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 05/ 2013.

LỜI CẢM ƠN

Sau 4 năm học tập cũng như thực hiện nghiên cứu đề tài tốt nghiệp, em đã hoàn thành bài khóa luận của mình.

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ThS. Triệu Tất Đạt, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện bài khóa luận này.

Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô trong khoa Giáo dục Mầm non và quý thầy cô khác trong trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Để có thể hoàn thành được bài khóa luận, em cũng xin cảm ơn sự hỗ trợ tốt đa của Ban Giám Hiệu và các giáo viên đứng lớp ở các trường mầm non, đặc biệt trường mầm non Trinh Vương, Quận Thủ Đức, TPHCM.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến tập thể lớp giáo dục mầm non 4A đặc biệt những người bạn trong nhóm học và gia đình đã mang đến cho em nguồn động viên rất lớn khi thực hiện công trình nghiên cứu này.

Trong quá trình nghiên cứu để hoàn tất đề tài chắc hẳn không tránh khỏi thiếu sót, rất mong được sự góp ý của Hội đồng giám khảo và với hết tâm huyết của mình, em cũng mong đề tài sẽ góp một phần nhỏ cho ngành nghề mà mình đã và đang theo đuổi.

Một lần nữa, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả mọi người đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

TP. HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2013

Sinh Viên

Bùi Thị Hồng Anh

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ HOÀN CHỈNH
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐC	Đối chứng
KNS	Kỹ năng sống
TN	Thực nghiệm

MỤC LỤC

MỤC LỤC	4
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	6
1. Lý do chọn đề tài.....	6
2. Mục đích nghiên cứu.....	8
3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu	8
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	8
5. Giả thuyết khoa học	9
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	9
7. Phương pháp nghiên cứu	9
8. Đóng góp của đề tài	10
9. Cấu trúc của đề tài.....	10
PHẦN 2. NỘI DUNG.....	12
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI.....	12
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	12
1.2. Một số khái niệm	22
1.3. Đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 5-6 tuổi.....	30
1.4. Nội dung- yêu cầu kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi.....	36
1.5. Vai trò của kỹ năng sống đối với sự phát triển chung của trẻ 5-6 tuổi	41
1.6. Thực tiễn việc xây dựng bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.....	43
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	45
CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO VIỆC Củng Cố MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI.....	46

2.1. Phần mềm ActivInspire	46
2.2. Các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi	50
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	118
CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ	119
3.1. Điều tra về nhận định của giáo viên và Ban giám hiệu trường mầm non sau khi đã xem xét và tự thử nghiệm các bài tập.	119
3.2. Thực nghiệm sư phạm	127
3.3. Kết luận chung về mối tương quan giữa nhận định của giáo viên và khảo sát thực tế trên trẻ.....	138
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	139
KẾT LUẬN CHUNG	140
TÀI LIỆU THAM KHẢO	141
PHỤ LỤC	143
PHỤ LỤC 1	143
PHỤ LỤC 2	147
PHỤ LỤC 3	149
PHỤ LỤC 4	169
PHỤ LỤC 5	189
PHỤ LỤC 6	201
PHỤ LỤC 7	203
PHỤ LỤC 8	207

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Vào đầu thập kỷ 90 các tổ chức của Liên Hiệp Quốc như tổ chức Y tế thế giới, Quỹ cứu trợ nhi đồng, Tổ chức giáo dục văn hóa và khoa học và các nhà giáo dục thế giới đã cùng tìm cách giáo dục để tạo cho trẻ năng lực tâm lý xã hội, nhằm ứng phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày. Đó là kỹ năng sống cần thiết.

Đứng trước những vấn đề phức tạp liên tục nảy sinh trong xã hội ngày nay, nếu mỗi người trong đó có trẻ em không có những kiến thức cần thiết để biết lựa chọn những giá trị sống tích cực, không có những năng lực để ứng phó, để vượt qua những thách thức mà hành động theo cảm tính thì rất dễ gặp trở ngại, rủi ro trong cuộc sống.

Do đó, việc hình thành kỹ năng sống cần thiết cho mọi người nói chung và trẻ em nói riêng đang trở thành nhiệm vụ quan trọng.

Theo quyết định 55 – Bộ Giáo dục 1990, mục tiêu giáo dục ở bậc học mầm non là: “Hình thành ở trẻ những cơ sở đầu tiên của nhân cách con người mới Xã hội Việt Nam” [19]

Trong khi đó, mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển hài hòa, toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, ngôn ngữ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Cung cấp cho mỗi trẻ những kiến thức cần thiết về kỹ năng sống để các em sống sao cho lành mạnh và có ý nghĩa. Giúp các em hiểu, biến những kiến thức về kỹ năng cần thiết được cung cấp thành hành động cụ thể trong quá trình hoạt động thực tiễn với bản thân, với người khác, với xã hội, ứng phó trước nhiều tình huống, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người, giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ và thể hiện bản thân một cách tích cực...

Theo UNESCO, 8 tuổi đã là quá trẻ để giáo dục kỹ năng sống. Vì đến độ tuổi này trẻ đã hình thành cho mình phần lớn các giá trị; trừ phi có sự thay đổi sâu sắc về trải nghiệm trong đời, nếu không thì khó mà lĩnh hội thêm giá trị sau độ tuổi này. Trẻ từ dưới 2 tuổi đã bắt đầu tiếp thu từ môi trường sống xung quanh, như giọng nói của người lớn khi trò chuyện với trẻ, cách thức tiếp xúc với trẻ,... tất cả đều tác động đến sự phát triển của trẻ. Vì vậy việc hình thành và phát triển kỹ năng sống cần thiết cần được tiến hành từ bậc học mầm non.

1.2. Đất nước Việt Nam ta đang hòa nhập và phát triển cùng với thế giới một nền kinh tế tri thức và một xã hội thông tin đầy khó khăn và thách thức. Chính vì thế việc đào tạo nguồn nhân lực về CNTT là rất quan trọng và cấp thiết. Trong quyết định số 81/2001/QĐ- TTG của Thủ tướng chính phủ đã giao nhiệm vụ trọng tâm cho ngành giáo dục là đào tạo nguồn nhân lực CNTT và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giáo dục và đào tạo. Năm học 2008-2009, Bộ giáo dục và đào tạo đã triển khai cuộc vận động “Năm học ứng dụng CNTT trong giảng dạy” ở tất cả các cấp trường từ đại học, cao đẳng cho đến THPT, THCS, TH và cả bậc học mầm non.

Nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, ngành giáo dục mầm non là mắt xích đầu tiên trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực CNTT và đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào giảng dạy.

Hiện nay các trường mầm non có điều kiện đầu tư và trang bị Tivi, đầu Video, xây dựng phòng đa năng với hệ thống máy tính và máy chiếu, nối mạng internet. Một số trường còn trang bị thêm máy quay phim, chụp ảnh,... tạo điều kiện cho giáo viên mầm non có thể ứng dụng CNTT vào giảng dạy. Qua đó người giáo viên mầm non không những phát huy được tối đa khả năng làm việc của mình mà còn trở thành một người giáo viên năng động, sáng tạo và hiện đại, phù hợp với sự phát triển của người giáo viên nhân dân trong thời đại CNTT.

Công nghệ thông tin phát triển đã mở ra những hướng đi mới cho ngành giáo dục trong việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học. Công nghệ thông tin phát triển mạnh kéo theo sự phát triển của hàng loạt các phần mềm giáo dục và có rất nhiều những phần mềm hữu ích cho người giáo viên mầm non như Activinspire, Bộ Office, Lesson Editor/ Violet, Active Primary, Flash, Photoshop, Converter, Kispix, Kismas,

...Các phần mềm này rất tiện ích và trở thành một công cụ đắc lực hỗ trợ cho việc thiết kế giáo án điện tử và giảng dạy trên máy tính, máy chiếu, bảng tương tác cũng như trên các thiết bị hỗ trợ khác như Tivi, đầu Video...vừa tiết kiệm được thời gian cho người giáo viên mầm non, vừa tiết kiệm được chi phí cho nhà trường mà vẫn nâng cao được tính sinh động, hiệu quả của giờ dạy.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi quyết định lựa chọn đề tài “Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi” để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng hệ thống các bài tập trên.

3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

- Ban giám hiệu trường mầm non, giáo viên mầm non ở một số trường mầm non trong Thành phố.
- Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận của đề tài.

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi .

4.3. Thử nghiệm hệ thống các bài tập vào dạy cho trẻ thông qua hình thức dạy học.

5. Giả thuyết khoa học

Nếu đề tài “Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi” thành công thì ứng dụng các bài tập trên vào dạy học cho trẻ ở trường mầm non sẽ thuận lợi.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Vì điều kiện nghiên cứu hạn chế về thời gian và không gian nên đề tài chỉ tập trung nghiên cứu việc xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5- 6 tuổi trên 5 kỹ năng sống sau:

- Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe- dinh dưỡng.
- Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân.
- Kỹ năng giữ an toàn cá nhân.
- Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội.
- Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên.

Tôi hy vọng đề tài sẽ là một gợi ý tốt cho những nghiên cứu rộng và sâu hơn về kỹ năng sống khác cần thiết cho trẻ.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

- Tìm kiếm, đọc, phân tích và tổng hợp tài liệu phục vụ cho đề tài nghiên cứu như các sách giáo khoa, sách chuyên ngành, các tạp chí, trang web...
- Nghiên cứu lí luận và những thành tựu về tâm lí học, giáo dục học, về đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 5-6 tuổi. Từ đó xác định nội dung và phương pháp một số kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo lớn trong chương trình mới.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng Anket

Sử dụng phiếu hỏi cho giáo viên mầm non, Ban giám hiệu ở một số trường mầm non trong Thành phố Hồ Chí Minh để thu thập thông tin, thực trạng về việc hình thành, củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

7.2.2. Phương pháp đàm thoại

Phỏng vấn, trò chuyện, trao đổi với Ban giám hiệu, giáo viên trường mầm non nhằm thu thập ý kiến, thông tin cần thiết cho vấn đề nghiên cứu. Đặc biệt là tìm hiểu về mức độ kỹ năng sống của trẻ và nhận thức khách quan của quý cô về mức độ quan tâm của họ đối với kỹ năng sống của trẻ MGL là đối tượng chuẩn bị bước vào lớp một.

7.2.3. Phương pháp quan sát

- Quan sát quá trình trẻ tham gia vào các hoạt động chơi và sự tích cực, hứng thú với các bài tập kỹ năng sống.

- Quan sát quá trình giáo viên hướng dẫn cho trẻ các kỹ năng sống thông qua các trò chơi, bài tập về kỹ năng.

7.2.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Nhằm kiểm tra tính khả thi và tính hiệu quả của quá trình xây dựng các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.

8. Đóng góp của đề tài

8.1. Về mặt lí luận

Góp phần làm phong phú, sáng rõ hơn cơ sở lí luận của một số kỹ năng sống cho trẻ đặc biệt là trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

8.2. Về mặt thực tiễn

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng các bài tập nhằm giáo dục một số kỹ năng sống cho trẻ giúp cho trẻ lĩnh hội kiến thức cơ bản đời thường một cách tích cực. Góp phần làm trẻ hứng thú hoạt động, tích cực hoạt động và sáng tạo trong quá trình học.

- Làm phong phú các bài tập, trò chơi củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.

9. Cấu trúc của đề tài

Phần 1. Mở đầu

Phần 2. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lí luận của đề tài.

Chương 2: Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm và phân tích kết quả

Phần 3. Kết luận chung

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

Phụ lục

PHẦN 2. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Trên thế giới [2, tr.33]

Trên thế giới, việc nghiên cứu kỹ năng sống đã được nhiều tổ chức con người quan tâm và tìm hiểu, vì đây là một điểm quan trọng trong việc nghiên cứu và phát triển con người. Trước tiên, những khái niệm về kỹ năng sống đã được đề cập đến trong những nghiên cứu của UNESCO khi cho rằng: “Kỹ năng sống là năng lực cá nhân giúp cho việc thực hiện đầy đủ chức năng và tham gia vào cuộc sống hằng ngày”. Bên cạnh đó, UNICEF cũng đề cập đến khái niệm, đặc điểm và những con đường hình thành kỹ năng sống, trong nhiều nghiên cứu khác nhau. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cũng nghiên cứu về kỹ năng sống như là một năng lực cá nhân.

1.1.1.1. Ở phương Tây

Các nước phương tây, việc giáo dục một số kỹ năng sống đã vận dụng một cách tổng hợp các quan điểm của những nghiên cứu của các tổ chức như WHO, UNICEF để củng cố một số kỹ năng sống cho thanh thiếu niên. Nhiều áp dụng chuyên biệt đã định hướng rèn kỹ năng sống của thanh thiếu niên dựa trên các nhóm kỹ năng như: kỹ năng thuộc về tâm lý cá nhân, kỹ năng trong mối quan hệ với người khác, kỹ năng cộng đồng và kỹ năng làm việc. Bên cạnh đó, việc huấn luyện hay trang bị kỹ năng sống còn được vận dụng một cách lồng ghép và tích hợp có kế hoạch trong từng môn học khác nhau trong chương trình học. Từng môn học và từng kế hoạch bài dạy đều thể hiện rõ yêu cầu hình thành kỹ năng sống trong kế hoạch bài giảng một cách cụ thể thông qua những hoạt động rất chi tiết.

❖ Tại Mỹ

Năm 1989, Bộ lao động Mỹ đã thành lập một Ủy ban thư ký về Rèn luyện các kỹ năng cần thiết (The secretary's commission on achieving necessary skills- SCANS). Mục đích của ủy ban này nhằm thúc đẩy nền kinh tế bằng nguồn lao động kỹ năng cao và công việc thu nhập cao. Họ khẳng định rằng chỉ trang bị những kỹ năng cần thiết cho

người lao động, đặc biệt là những kỹ năng để họ thích ứng, thì mới cải thiện được hiệu quả lao động.

❖ *Tại Úc*

Cũng trong khoảng thời gian này, năm 1990 -2002, Hội đồng kinh doanh Úc (The business Council of Australia - BCA) và Phòng thương mại và Công nghiệp Úc (The Australia Chamber of Commerce and Industry - ACCI) với sự bảo trợ của Bộ Giáo dục- Đào tạo và Khoa học (The Department of Education, Science and Training Authority - ANTA) đã xuất bản cuốn “ Kỹ năng hành nghề cho tương lai” (2002). Quyển sách đề cập đến những kỹ năng và kiến thức mà người lao động cần phải có, trong đó liên quan đến nhiều kỹ năng sống. Kỹ năng hành nghề (employability skills) là các kỹ năng cần thiết không chỉ để có việc làm mà còn tiên bộ trong tổ chức khi phát huy tiềm năng của cá nhân và đóng góp các định hướng chiến lược của tổ chức. [21, tr.3]

1.1.1.2. *Ở phương Đông*

Những năm đầu thập niên 90, một số nước gần với Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và cả Châu Á nói chung như: Ấn Độ, Lào, Campuchia, Indonexia, Malaysia, Thái Lan,... cũng đã nghiên cứu theo hướng áp dụng thử nghiệm rất được quan tâm và triển khai chương trình dạy kỹ năng sống ở các bậc học phổ thông từ Mầm non cho đến Trung học phổ thông. Những nội dung giáo dục chủ yếu ở hầu hết các nước này, đó là trang bị cho người trẻ tuổi những kỹ năng sống cần thiết để giúp họ thích nghi dần với cuộc sống sau này, mục đích chính là dạy – trang bị và hình thành. Mục tiêu chung của củng cố một số kỹ năng sống được xây dựng là: “Nhằm nâng cao tiềm năng của con người để có hành vi thích ứng và tích cực nhằm đáp ứng nhu cầu, sự thay đổi, các tình huống của cuộc sống hằng ngày, đồng thời tạo ra sự thay đổi và nâng cao chất lượng cuộc sống”. Diễn hình như:

❖ *Tại Lào*

Từ năm 1997 – 2002, lần đầu tiên giáo dục KNS được thực hiện trong 5 trường trung học cơ sở thuộc một tỉnh, sau đó đã mở rộng ra 700 trường tiểu học và trung học thuộc 8 tỉnh. Với những nội dung cơ bản như:

- Kỹ năng giao tiếp có hiệu quả

- Kỹ năng tư duy sáng tạo
- Kỹ năng giải quyết vấn đề...

Trong khi thực hiện, một số bài học kinh nghiệm đã được chỉ rõ như: cần phải biên soạn, in ấn nhiều tài liệu hướng dẫn để phổ biến cho người dạy và người học. Đồng thời cần tăng cường việc đào tạo giáo viên trực tiếp củng cố một số kỹ năng sống ở các trường về nội dung và phương pháp tích cực hơn.

❖ *Tại Campuchia*

Tại Campuchia người ta coi KNS là năng lực mà con người cần phải có để nâng cao các điều kiện sống có hiệu quả nhằm phát triển quốc gia, kỹ năng tìm việc và kiếm tiền để nuôi sống bản thân và gia đình là những KNS quan trọng đối với thế hệ trẻ và người lớn. Vì thế trong sự phân loại được chia thành 3 nhóm chủ yếu:

- Nhóm 1: Kỹ năng chung bao gồm:

+ Những kỹ năng đơn giản trong đời sống gia đình như: kỹ năng phòng ngừa những bệnh lây lan qua đường tình dục, kỹ năng an toàn thực phẩm, kỹ năng hiểu biết về dinh dưỡng...

+ Kỹ năng quản lý gia đình và các phương pháp học tập.

+ Kỹ năng nâng cao đời sống hàng ngày như: Kỹ năng hiểu biết về những công nghệ cơ bản trong đời sống hàng ngày .

+ Kỹ năng hiểu biết về các giá trị đạo đức, tự chủ...

- Nhóm 2: Kỹ năng tiền nghề nghiệp: Đó là những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tính toán, tri thức về quyền và trách nhiệm của người chủ và người làm thuê, kỹ năng giải quyết vấn đề...

- Nhóm 3: Các kỹ năng nghề nghiệp: Như trồng trọt, nuôi gia súc, sửa chữa đồ điện, sử dụng máy tính và nói ngôn ngữ nước ngoài.

Tại Campuchia KNS được đào tạo chính quy trong nhà trường và được coi như là những nhân tố chính trong chính sách giáo dục nhằm kết nối giáo dục với nhu cầu thị trường để phát triển kinh tế xã hội. Sự kết nối này sẽ nâng cao tính hiệu quả nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp và tăng cường sự đầu tư của địa phương và quốc tế, đồng thời sẽ tạo ra nhu cầu tự học của người học. Chương trình giáo dục KNS trong các trường chính quy đều hướng tới giúp người học có khả năng:

- Áp dụng kiến thức của các môn học khác nhau vào cuộc sống hiện thực.
- Sau khi rời ghế nhà trường là người tích cực và có trách nhiệm đối với xã hội
- Tham gia vào thế giới công việc.
- Giảm nạn thất nghiệp và nghèo đói để góp phần phát triển xã hội.

Để thực hiện được những mục tiêu đó, việc giáo dục KNS tại Campuchia được thực hiện như sau:

- Các KNS chung được tích hợp vào bài học của các môn học cơ bản từ lớp 1 đến lớp 12.
- Các kỹ năng nghề nghiệp từ lớp 6 đến lớp 12 được tổ chức dạy và thực hành trong các tiểu ban công nghệ.
- Các kỹ năng nghề đơn giản được lựa chọn thực hiện dựa trên khả năng của từng trường.

❖ *Tại Malaysia*

Giáo dục KNS ở Malaysia do bộ Giáo dục. Họ coi KNS là môn kỹ năng của cuộc sống và môn này được dạy như một môn học ở trường tiểu học và THCS. Mục tiêu của môn học này ở trường tiểu học là cung cấp cho người học những kỹ năng thực tế cơ bản để họ có thể thực hiện các nhiệm vụ và có xu hướng kinh doanh. Còn ở bậc THCS thì mục tiêu là tạo ra những cá nhân có thể tự thực hiện, được xoá mù về công nghệ và kinh tế, là người có sự tự tin, sáng tạo, khả năng tương tác hiệu quả với người khác.

❖ *Tại Indonesia*

Tại Indonesia KNS được quan niệm là những kỹ năng, kiến thức, thái độ giúp người học sống một cách độc lập. Giáo dục KNS sẽ:

- Nâng cao cơ hội việc làm cho người học.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ đó thúc đẩy việc thực hiện chính sách tự chủ của địa phương.
- Tạo ra chất lượng giáo dục cho người nghèo và người có hoàn cảnh đặc biệt.

❖ *Tại Thái Lan*

Tại đây họ quan niệm, KNS là thuộc tính hay năng lực tâm lý xã hội giúp cá nhân đương đầu với tất cả tình huống hàng ngày một cách hiệu quả và có thể đáp ứng

với hoàn cảnh tương lai để có thể sống hạnh phúc. Nói cách khác, KNS là khả năng của cá nhân có thể giải quyết những vấn đề trong đời sống hàng ngày để an toàn và hạnh phúc. Và ít nhất cần hình thành cho người học 10 KNS cơ bản sau:

- Ra quyết định.
- Giải quyết xung đột.
- Sáng tạo.
- Phân tích và đánh giá.
- Giao tiếp.
- Quan hệ liên nhân cách.
- Làm chủ cảm xúc.
- Làm chủ được những cú sốc.
- Đồng cảm.
- Thực hành.

❖ **Tại Ấn Độ**

KNS được coi là khả năng giúp tăng cường sự lành mạnh về tinh thần và năng lực của con người. Bao gồm những kỹ năng cơ bản như:

- Giải quyết vấn đề.
- Tư duy phê phán.
- Tư duy sáng tạo.
- Giao tiếp.
- Quan hệ liên nhân cách.
- Ra quyết định.
- Đàm phán.
- Tự nhận thức.
- Đối phó với stress và cảm xúc.
- Từ chối.
- Kiên định và hài hoà.

❖ **Tại Nepal:**

- Kỹ năng tồn tại: là những kỹ năng cần có để con người có thể tồn tại.

- Kỹ năng chung: Là những kỹ năng giúp con người tìm ra và giải quyết được những vấn đề của cuộc sống.

- Kỹ năng dịch chuyển: là sự kết hợp của kỹ năng tồn tại kỹ năng chung và kỹ năng nghề nghiệp. Giúp con người nhanh chóng thích ứng với việc phải chuyển sang nghề nghiệp mới.

❖ *Tại Philipine*

Với quan niệm coi kỹ năng sống là những năng lực thích nghi và tính tích cực của hành vi giúp cho cá nhân có thể ứng phó một cách hiệu quả với những yêu cầu, những thay đổi, những trải nghiệm và tình huống của đời sống hàng ngày và vì vậy những kỹ năng cần thiết khi củng cố một số kỹ năng sống cho người học cần có là:

- Tự nhận thức.
- Đồng cảm.
- Giao tiếp hiệu quả.
- Quan hệ liên nhân cách.
- Ra quyết định.
- Tư duy sáng tạo.
- Tư duy phê phán.
- Ứng phó.
- Làm chủ cảm xúc.
- Kinh doanh.

Tóm lại, dù xuất phát từ những quan điểm chung về kỹ năng sống từ Tổ chức Y tế thế giới (WHO) hay UNESCO, nhưng ở mỗi quốc gia trên thế giới đều có sự khác biệt về quan niệm và nội dung, có nước thực hiện đúng chuẩn kỹ năng nhưng cũng có nước mở rộng thêm chứ không chỉ bao hàm kỹ năng sống là những kỹ năng tâm lý, xã hội. Kỹ năng sống được lồng ghép ở cả giáo dục chính quy (giáo dục trong chương trình đào tạo) và cả giáo dục không chính quy (hoạt động ngoại khóa – hoạt động ngoài giờ lên lớp). Những quan điểm, nội dung củng cố một số kỹ năng sống được triển khai vừa thể hiện nét chung của các quốc gia cũng mới bước đầu triển khai chương trình và biện pháp củng cố một số kỹ năng sống nên chưa thật toàn diện và sâu sắc, vì chưa có quốc gia nào đưa ra được kinh nghiệm hoặc hệ thống tiêu chí đánh giá chất

lượng kỹ năng sống ở người học sau khi được trang bị hay huấn luyện kỹ năng sống.
[1, tr.40 - 43]

1.1.2. Tại Việt Nam

Trong lịch sử giáo dục Việt Nam, trước những năm 1990, nội dung giáo dục con người biết đối nhân xử thế, kinh nghiệm làm ăn để đáp ứng với những thách thức của thiên tai,... đã được phản ánh khá phong phú qua hệ thống danh ngôn, ca dao, tục ngữ và những lời dạy của người xưa. Còn đối với chức năng của giáo dục thì mục tiêu học để làm người hay nói cách khác là học để biết đối nhân xử thế, học để sống tốt hơn và học để phục vụ bản thân – gia đình và xã hội, đã được quan tâm ngay từ những ngày đầu tiên của giáo dục Việt Nam. Có thể dễ dàng nhận thấy vấn đề này được đề cập đến trong chương trình giáo dục của nước ta như môn học Đạo đức, Giáo khoa thư. Bên cạnh đó có nhiều tác giả, dịch giả, học giả nghiên cứu và biên soạn ra những tài liệu, sách học làm người nhằm cung cấp cho mọi giới có thể học biết về cách làm người, cách đối nhân xử thế, phương pháp học tập, tốt chức đời sống khoa học,... Có thể nêu lên một số tác giả nổi danh: Nguyễn Hiến Lê với tác phẩm “ Rèn nhân cách”, “ Nghệ thuật giao tiếp”; “ Phép lịch sự” của Phạm Công Hoàn,... Những tài liệu này đã góp phần rất lớn trong việc trang bị những kỹ năng nhất định để sống, làm việc cho con người Việt Nam. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu kỹ năng sống tuy chưa được gọi là chính thức như nghiên cứu về kỹ năng sống nhưng đã được quan tâm đề cập đến nhiều.

Thuật ngữ “Kỹ năng sống” bắt đầu được quan tâm tại Việt Nam, vào những đầu thập niên 90 – khi xã hội bắt đầu có những chuyển biến phức tạp – nền kinh tế thị trường và việc du nhập các nền văn hóa từ các nước bên ngoài vào Việt Nam hay đó là sự biến đổi của môi trường tự nhiên đã tác động rất lớn đến con người. Vì lẽ đó, đòi hỏi mỗi người phải thích nghi với những sự thay đổi đó, từ đây những kỹ năng khác ngoài trình độ học vấn, tư cách đạo đức, năng lực làm việc bắt đầu được xem xét và quan tâm. Đó chính là điều kiện để giáo dục Việt Nam quan tâm đến thuật ngữ kỹ năng sống trong chương trình triển khai một số dự án của các tổ chức khác nhau trên thế giới.

Những năm đầu thập niên 90, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có văn bản quyết định 1363/TTG về việc “Đưa nội dung giáo dục môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân”, tuy quyết định này chưa thấy rõ về việc phải rèn luyện kỹ năng sống ở các bậc học, tuy nhiên, nội dung của quyết định cũng đã đề cập trang bị cho người học những vấn đề về văn hóa ứng xử, về thái độ sống,... Chỉ thị 10/ GD&ĐT năm 1995 hay chỉ thị 24/CT&GD năm 1996 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã có những chỉ đạo về phòng chống HIV/AIDS hay tăng cường công tác phòng chống ma túy tại trường học cũng ít nhiều đã đề cập đến nội dung của thuật ngữ kỹ năng sống [1, tr.40-43].

Năm 1996 thông qua chương trình của UNICEF “Giáo dục một số kỹ năng sống để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường”. Giai đoạn một của chương trình chỉ dành cho một số đối tượng của ngành giáo dục và Hội chữ thập đỏ, họ được trang bị một số kỹ năng như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kiên định, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng xác định giá trị,... Sang giai đoạn hai của chương trình đối tượng tập huấn được mở rộng và thuật ngữ “kỹ năng sống” được hiểu một cách rộng rãi hơn. “Kỹ năng sống” là các kỹ năng thiết thực mà con người cần đến để có cuộc sống an toàn và khỏe mạnh”. Cuối cùng khái niệm kỹ năng sống thực sự được hiểu với nội hàm đầy đủ và đa dạng sau hội thảo “Chất lượng giáo dục và kỹ năng sống” do UNESCO tài trợ vào năm 2003. Và chính từ đây, ngành giáo dục đã bắt đầu quan tâm đến kỹ năng sống và cách thức củng cố một số kỹ năng sống cho học sinh.

Trong những năm đầu của thế kỷ XXI, một số bộ Luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi cũng đã có những định hướng và điều khoản liên quan đến việc trang bị kỹ năng sống như: Luật chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, hay Luật giáo dục 2005. Mặt khác, Giáo dục Việt Nam bắt đầu quan tâm nhiều vấn đề liên quan đến người học – đặc biệt là vấn đề phát triển toàn diện cho người học nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và của nền kinh tế tri thức. Từ năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện giáo dục một số kỹ năng sống cho học sinh phổ thông qua dự án “Giáo dục sống khỏe mạnh, Kỹ năng sống cho trẻ và vị thành niên” với sáng kiến và sự hỗ trợ của UNICEF tại Việt Nam. Tham gia dự án có học sinh THCS và trẻ em ở một số trường học thuộc nhiều khu vực như: Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh,

Hải Phòng, Hà Nội, TPHCM... Các em được rèn kỹ năng sống thiết thực để ứng phó với những vấn đề ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn, mạnh khỏe của trẻ như: phòng chống HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản, vấn đề quan hệ tình dục sớm,... Mục tiêu của dự án là hình thành thái độ tích cực của học sinh đối với việc xây dựng cuộc sống khỏe về chất, mạnh về tinh thần, hiểu biết về xã hội, nâng cao nhận thức của cha mẹ về kỹ năng sống... để họ chủ động trong việc trang bị kiến thức cho con em mình. [2, tr.37, 38, 43, 44]

Năm 2007-2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Phong trào này bắt đầu triển khai mạnh mẽ trong hầu hết các bậc học từ mầm non cho đến đại học. Ngày 22 tháng 7 năm 2008, một lần nữa Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra chỉ thị về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013. Kèm với chỉ thị này là một thông báo về hướng dẫn triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” năm học 2008-2009 và giai đoạn 2008-2013 với mục tiêu liên quan đến kỹ năng sống là “Rèn luyện kỹ năng ứng xử hợp lý với các tình huống trong cuộc sống, thói quen và kỹ năng làm việc, sinh hoạt theo nhóm; rèn luyện sức khỏe và ý thức bảo vệ sức khỏe kỹ năng phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; rèn luyện kỹ năng ứng xử văn hóa, chung sống hòa bình, phòng ngừa bạo lực và các tệ nạn xã hội”.

Cũng trong thời điểm này, một số nhà chuyên môn cũng bắt đầu nghiên cứu và viết một số tài liệu liên quan đến lĩnh vực kỹ năng sống. Tác giả Nguyễn Thanh Bình khi tham gia dự án Đào tạo giáo viên Trung học cơ sở đã cho ra đời Giáo trình “Giáo dục một số kỹ năng sống” – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2007. Giáo trình đã tập trung phân tích về khái niệm kỹ năng sống, các nguyên tắc và phương pháp củng cố một số kỹ năng sống hiệu quả. Tuy nhiên, nội dung cơ bản của từng kỹ năng vẫn chưa được phân tích một cách có hệ thống và sâu sắc vì không phải là nội dung trọng tâm của tài liệu này.

Năm 2009, tác giả Huỳnh Văn Sơn cùng Nhà xuất bản Giáo dục cho ra đời tài liệu “Nhập môn kỹ năng sống” với các nội dung cơ bản: những vấn đề chung về kỹ

năng sống và một số kỹ năng sống cơ bản. Cùng thời điểm này, Trung tâm hỗ trợ sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức diễn đàn Những kỹ năng thực hành xã hội dành cho sinh viên và thông qua diễn đàn này tài liệu “Những kỹ năng thực hành xã hội dành cho sinh viên cũng đã được xuất bản. Tài liệu là cẩm nang gồm một số kỹ năng sống và làm việc dành cho những người trẻ trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước. Và tài liệu kỹ năng sống dành cho trẻ mầm non thì trong năm 2009, Nhà xuất bản Giáo dục lần đầu tiên cho in quyển “Giáo dục một số kỹ năng sống cho trẻ từ 5-6 tuổi” của tác giả Lê Thị Bích Ngọc. Mục đích của cuốn sách này tác giả muốn nhắm đến các con phụ huynh có con từ 5-6 tuổi ở vùng nông thôn. Trong đó tác giả phân loại thành 7 nhóm kỹ năng sống; mỗi nhóm gồm nhiều kỹ năng sống; mỗi kỹ năng sống có hướng dẫn về tên gọi, những điều cha mẹ cần hướng dẫn cho trẻ và gợi ý các hoạt động, phương tiện, hình thức giáo dục.[24]

Năm 2010, tại Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả Mai Hiền Lê đã nghiên cứu kỹ năng sống của trẻ mầm non, với đề tài: “ Một số biểu hiện kỹ năng sống của trẻ lớp mẫu giáo lớn trường mầm non Thực Hành thành phố Hồ Chí Minh”. Tác giả đã bước đầu đi vào nghiên cứu về kỹ năng sống của đối tượng mới là trẻ mầm non và đã có cuộc khảo sát khá đầy đủ về các kỹ năng sống của trẻ mẫu giáo lớn.

Tóm lại:

Đã có nhiều tài liệu và công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kỹ năng sống, nhưng việc nghiên cứu kỹ năng sống cho trẻ mầm non – giai đoạn 5 đến 6 tuổi là giai đoạn chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông và là nền tảng có tính quyết định cho quá trình phát triển nhân cách của mỗi cá nhân trong những giai đoạn tiếp theo lại chưa có nhiều. Và cho đến nay, kỹ năng sống vẫn còn là một vấn đề được quan tâm và chú ý trong khoa học cũng như trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Nghiên cứu kỹ năng sống tại Việt Nam, hay triển khai chương trình rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ cũng nhằm mục đích nâng cao kỹ năng sống cho những mầm non tương lai của đất nước. Và việc chúng tôi tìm hiểu về kỹ năng sống cũng như thiết kế những bài tập củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ mẫu giáo lớn cũng không nằm ngoài mục tiêu chung đó.

1.2. Một số khái niệm

1.2.1. Khái niệm bài tập:

Bài tập là bài mà giáo viên đưa ra để giúp học sinh luyện tập, vận dụng lại những kiến thức đã được học trên lớp.

1.2.2. Khái niệm bài tập củng cố:

Bài tập củng cố là một dạng bài tập nhằm giúp học sinh nhớ lại các kiến thức đã học đồng thời nắm vững hơn, khắc sâu hơn những kiến thức đó.

1.2.3. Khái niệm kỹ năng:

Theo Từ điển tiếng Việt, kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế. [23, tr.517]

Từ điển Oxford định nghĩa “skill” – kỹ năng là khả năng tìm ra giải pháp cho một vấn đề nào đó và có được nhờ rèn luyện. [21, tr.15 – trích theo]

Theo Từ điển Giáo dục học, kỹ năng là “ khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động ấy, cho dù đó là hành động cụ thể hay hành động trí tuệ” [22, tr.220]

Theo Từ điển Tâm lý học do tác giả Vũ Dũng (Chủ biên), kỹ năng là “năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng. Ở mức độ kỹ năng, công việc được hoàn thành trong điều kiện hoàn cảnh không thay đổi, chất lượng chưa cao, thao tác chưa thuần thục và còn phải tập trung chú ý căng thẳng, kỹ năng được hình thành qua luyện tập”. [5]

Như vậy, có thể thấy khái niệm kỹ năng được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau. Việc làm rõ những điểm chung và những điểm khác biệt trong từng khái niệm nhằm đi đến một cách hiểu nhất quán về kỹ năng được sử dụng trong đề tài..

Có nhiều tác giả trong và ngoài nước đều đã cố gắng minh chứng một cách sinh động về khái niệm kỹ năng khi đưa ra quan điểm của mình.

❖ Quan điểm thứ nhất: xem kỹ năng như là kỹ thuật thao tác.

Tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động, con người nắm được cách hành động tức là có kỹ thuật hành động, có kỹ năng. [13, tr.49]

Từ điển Tâm lý học (1983) của Liên Xô (cũ) định nghĩa: “Kỹ năng là giai đoạn giữa của việc nắm vững một phương thức hành động mới – cái dựa trên một quy tắc (tri thức) nào đó và trên quá trình giải quyết một loạt nhiệm vụ tương ứng với tri thức đó, những còn chưa đạt đến một mức độ kỹ xảo”. [9, tr.376]

Các tác giả Nguyễn Hữu Nghĩa, Triệu Xuân Quỳnh, Bùi Ngọc Oánh cho rằng: “Kỹ năng là những hành động được hình thành do sự bắt chước trên cơ sở của tri thức mà có, chúng đòi hỏi sự tham gia thường xuyên của sự ý thức, sự tập trung chú ý, cần tiêu tốn nhiều năng lượng của cơ thể”. Các tác giả cũng cho biết, kỹ năng có những đặc điểm khác nữa là “hành động chưa được khái quát, do thao tác chưa chính xác nên vai trò kiểm soát của thị giác là quan trọng”. [25]

Còn tác giả N.D. Levitovxam xét kỹ năng gắn liền với kết quả hành động. Theo ông, người có kỹ năng hành động là người phải nắm được và vận dụng đúng đắn các cách thức hành động nhằm thực hiện hành động có kết quả. Ông nhấn mạnh, muốn hình thành kỹ năng con người vừa phải nắm vững lý thuyết về hành động, vừa phải vận dụng lý thuyết đó vào thực tế.

❖ Quan điểm thứ hai: xem kỹ năng như là một năng lực của con người.

Tác giả A.V. Petrovski cho rằng: “Kỹ năng là cách thức cơ bản để chủ thể thực hiện hành động, thể hiện bởi tập hợp những kiến thức đã thu lượm được, những thói quen và kinh nghiệm”. Cụ thể hơn, tác giả viết: “năng lực sử dụng các sự kiện, các tri thức hay kinh nghiệm đã có, năng lực vận dụng chúng để phát hiện những thuộc tính bản chất của các sự vật và giải quyết thành công những nhiệm vụ lý luận hay thực hành xác định, được gọi là kỹ năng”. [26]

Cùng quan điểm này, các tác giả Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Thị Tuyết Minh cũng quan niệm kỹ năng là một mặt của năng lực con người thực hiện một công việc có kết quả.

Các tác giả Đức Minh, Phạm Cốc, Đỗ Thị Xuân cho rằng kỹ năng là cách vận dụng tri thức vào thực tiễn, kỹ xảo là kỹ năng được củng cố và tự động hóa.

Như vậy, với cả hai quan niệm này chúng ta thấy rằng: nếu có kỹ năng thì con người làm việc một cách có hiệu quả hơn. Kỹ năng sẽ giúp mỗi người thực hiện công việc có thứ tự, kế hoạch và tổ chức được quá trình làm việc một cách chuyên nghiệp

và hiệu quả. Kỹ năng là khả năng thực hiện một công việc nhất định, trong một hoàn cảnh, điều kiện nhất định, đạt được một chỉ tiêu nhất định.

Dựa trên cơ sở những quan niệm của các tác giả về kỹ năng ở cả hai góc độ, chúng tôi cho rằng: kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. Kỹ năng không chỉ đơn thuần về mặt kỹ thuật của hành động mà còn là biểu hiện năng lực của con người.

***Đặc điểm của kỹ năng**

Phân biệt kỹ năng với kỹ xảo. Trong kỹ xảo, ít có sự tham gia của ý thức, thậm chí có khi không có sự tham gia của ý thức và đôi khi có kiểm tra bằng cảm giác vận động, tầm tri giác được mở rộng. Ở các kỹ năng lại có điểm riêng biệt như sau:

- Ý thức đóng vai trò tích cực và thường trực. Trong quá trình thực hiện một hành động, chủ thể thực hiện một kỹ năng nào đó thì chính chủ thể luôn sử dụng ý thức để nhận biết được các thao tác và hành động cụ thể.

- Khi thực hiện kỹ năng, chủ thể phải sử dụng các loại tri thức khác nhau để kiểm tra các thao tác thực hiện.

- Tùy vào từng mức độ kỹ năng của mỗi chủ thể mà các thao tác được thực hiện đầy đủ, chính xác đến mức độ nào. Tuy nhiên, khi thực hiện kỹ năng, thường những động tác phụ chưa được loại trừ.

- Trong kỹ năng, có sự thống nhất giữa tính ổn định và tính linh hoạt: có ý nghĩa là kỹ năng không thống nhất gắn liền với một đối tượng nhất định, mà trong trường hợp kỹ năng ở mức độ cao thì chủ thể có khả năng di chuyển linh hoạt và dễ dàng sang những đối tượng mới.

1.2.4. Khái niệm và phân loại kỹ năng sống.

1.2.4.1. Khái niệm kỹ năng sống

Theo WHO (Tổ chức Y tế thế giới), kỹ năng sống là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách có hiệu quả với người khác và giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày.

Theo UNICEP (quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc), Kỹ năng sống là những hành vi cụ thể, thể hiện khả năng chuyển đổi kiến thức và thái độ thành hành động thích ứng trong cuộc sống. Kỹ năng sống phải dựa trên nhận thức, thái độ và chuyển biến thành hành vi như một yêu cầu liên hoàn và có định hướng. Giáo dục dựa trên kỹ năng sống cơ bản là sự thay đổi trong hành vi hay một sự phát triển hành vi nhằm tạo sự cân bằng giữa kiến thức, thái độ và hành vi.

Theo UNESCO (tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc), thì kỹ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày. Như vậy, kỹ năng sống chính là những kỹ năng tâm lý- xã hội nhằm giúp cá nhân giải quyết một cách có hiệu quả những yêu cầu, thách thức của cuộc sống đặt ra và thích nghi với những yêu cầu, thách thức đó.

Theo tác giả Xkommi thì kỹ năng sống là khả năng con người thực hiện những hành vi thích ứng với thách thức và những đòi hỏi của cuộc sống. Kỹ năng sống thể hiện năng lực sống của con người trong cuộc sống cá nhân, trong môi quan hệ xã hội...

Tác giả Huỳnh Văn Sơn quan niệm: kỹ năng sống là những kỹ năng tinh thần hay những kỹ năng tâm lý, kỹ năng tâm lý – xã hội cơ bản giúp cho cá nhân tồn tại và thích ứng với cuộc sống. Tác giả cho rằng kỹ năng sống nhìn dưới góc độ năng lực tâm lý là những kỹ năng giúp con người tồn tại về mặt thể chất và mặt tâm lý. [11, tr.7-9]

Từ góc độ tâm lý học, tác giả Nguyễn Quang Uẩn khẳng định: kỹ năng sống là một tổ hợp phức tạp của một hệ thống kỹ năng nói lên năng lực sống của con người giúp con người thực hiện công việc và tham gia vào cuộc sống hằng ngày có kết quả, trong những điều kiện xác định của cuộc sống. [18, tr. 2-4]

Tóm lại:

Ở mỗi quan niệm về kỹ năng sống, chúng ta nhận định được một hướng suy nghĩ, một hướng giải thích. Nhưng, rút ra dựa trên cơ sở những quan niệm của các tác giả về kỹ năng sống, có thể quan niệm rằng: kỹ năng sống là những hành vi mà con người thể hiện để ứng phó với những tình huống diễn ra trong đời sống dựa trên những phẩm chất tâm lý cơ bản của nhân cách và kinh nghiệm cá nhân.

1.2.4.2. Phân loại kỹ năng sống [2, tr.10]

Do có nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng sống, mà sự phân loại về số lượng kỹ năng sống, cũng như tên gọi của những kỹ năng sống cũng khác nhau.

❖ Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO) gồm ba nhóm kỹ năng:

- Nhóm kỹ năng nhận thức gồm các kỹ năng:

+ Tự nhận thức bản thân: bao gồm sự nhìn nhận về bản thân, tính tình, mặt mạnh, mặt yếu, ước muốn của chúng ta cũng như những điều mà chúng ta không thích. Ý thức về bản thân giúp chúng ta nhận ra stress hay tình trạng bị áp lực để ứng phó kịp thời. Ý thức về bản thân là một tiền đề quan trọng để truyền thông và giao tiếp có hiệu quả cũng như để thấu cảm với người khác.

+ Kỹ năng sáng tạo: góp phần vào việc lấy quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách giúp chúng ta xem xét tất cả các biện pháp khác nhau và suy nghĩ về các hậu quả của việc ta hành động hay không hành động.

+ Kỹ năng ra quyết định: Giúp chúng ta chọn những quyết định tích cực liên quan đến cuộc sống của chúng ta.

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề: giúp ta xử lý những khó khăn gặp phải một cách tích cực nhất. Những vấn đề gặp phải nếu không quan tâm giải quyết sẽ gây ra stress, dẫn theo những xáo trộn về cuộc sống và sức khỏe.

+ Kỹ năng tư duy.

+ Kỹ năng xác định giá trị.

+ Kỹ năng tự đặt mục tiêu.

- Nhóm kỹ năng liên quan đến cảm xúc gồm các kỹ năng:

+ Kỹ năng nhận biết và chịu trách nhiệm về cảm xúc của mình.

+ Kỹ năng kiềm chế và kiểm soát được cảm xúc.

+ Kỹ năng tự giám sát- tự điều chỉnh cảm xúc của cá nhân.

- Nhóm kỹ năng xã hội: Nhóm này gồm các kỹ năng: [11, tr.8]

+ Kỹ năng giao tiếp và truyền thông: Giúp con người thiết lập và duy trì các mối quan hệ một cách tích cực.

+ Kỹ năng cảm thông: Là khả năng hình dung hoàn cảnh sống của người khác. Cảm thông chúng ta chấp nhận người kia dù họ rất khác với chúng ta. Điều này sẽ

giúp cải thiện các mối tương tác xã hội. Đồng thời, cảm thông còn giúp chúng ta có thái độ phù hợp với những người cần sự giúp đỡ của chúng ta.

+ Kỹ năng thích ứng với cảm xúc của người khác: Đó là cách nhìn nhận các cảm xúc nơi ta và người khác, ý thức rằng cảm xúc ảnh hưởng đến hành vi như thế nào và có khả năng ứng phó với cảm xúc một cách phù hợp.

+ Kỹ năng chia sẻ, kỹ năng hợp tác.

+ Kỹ năng gây thiện cảm.

❖ **Theo quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) có 3 nhóm sau đây:**

• Nhóm kỹ năng tự nhận thức và sống với chính mình. Nhóm này gồm:

+ Kỹ năng tự nhận thức và đánh giá bản thân.

+ Kỹ năng xây dựng mục tiêu cuộc sống.

+ Kỹ năng bảo vệ bản thân.

+ Kỹ năng kiên định,

+ Kỹ năng đương đầu với cảm xúc.

+ Kỹ năng đương đầu với căng thẳng...

• Nhóm kỹ năng nhận thức và sống với người khác. Nhóm này có các kỹ năng:

+ Kỹ năng thiết lập quan hệ.

+ Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm: biểu lộ sự tôn trọng đối với sự đóng góp và phong cách riêng của người khác. Đồng thời biết đánh giá khả năng và sự đóng góp của bản thân cho nhóm.

+ Kỹ năng thương lượng: Đây không chỉ là thương lượng với người khác mà còn thương lượng với chính bản thân mình. Để thương lượng với người khác một cách có hiệu quả, người ta cần biết rõ mình muốn gì trong cuộc sống, nắm chắc các giá trị và niềm tin của bản thân để có thể nói không với những hành vi có hại hay những cám dỗ có nguy cơ cao.

+ Kỹ năng đứng vững trước những áp lực tiêu cực.

• Nhóm kỹ năng ra quyết định và làm việc hiệu quả:

+ Kỹ năng phân tích vấn đề.

+ Kỹ năng nhận thức thực tế, ra quyết định, ứng xử và giải quyết vấn đề.

+ Kỹ năng tư duy sáng tạo...

Ở mỗi góc độ khác nhau, cách phân loại kỹ năng sống có thể khác nhau, dù có phân loại trên góc nhìn nào đi nữa thì kỹ năng sống phải là những khả năng thuộc về năng lực cá nhân, giúp bản thân tồn tại và làm chủ cuộc sống của mình cũng như đạt được những mục tiêu sống một cách hiệu quả. [11, tr.9]

❖ **Theo tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) gồm hai nhóm sau:**

- Nhóm kỹ năng chung:

Nhóm này gồm những kỹ năng cơ bản mà mỗi cá nhân đều có thể có để thích ứng với cuộc sống chung bao gồm các kỹ năng: kỹ năng nhận thức, kỹ năng liên quan đến cảm xúc và các kỹ năng cơ bản về xã hội.

- Nhóm kỹ năng chuyên biệt.

Nhóm này gồm các kỹ năng được thể hiện trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội như: Các kỹ năng về sức khỏe và dinh dưỡng, kỹ năng liên quan đến giới và giới tính, kỹ năng về các vấn đề xã hội như ma túy, HIV- AIDS, các kỹ năng liên quan đến môi trường thiên nhiên, các vấn đề bạo lực, rủi ro, những kỹ năng liên quan đến cuộc sống gia đình, môi trường cộng đồng, hòa bình và giải quyết xung đột, phòng tránh buôn bán trẻ em và phụ nữ...

❖ **Tổ chức ESCAP (Hội đồng kinh tế xã hội châu Á Thái bình Dương của Liên Hợp Quốc)**

Theo tổ chức này họ phân loại kỹ năng sống thành 3 dạng:

- Kỹ năng sống để phát triển cá nhân.
- Kỹ năng sống để tạo mối quan hệ với người khác.
- Kỹ năng công nghệ theo đề nghị của các đại diện trẻ tại một hội nghị. Họ nhấn mạnh đến kỹ năng công nghệ thông tin.

Dù có cách sắp xếp khác nhau cho phù hợp với từng mục đích của các tổ chức, nhưng tất cả đều dựa trên 10 kỹ năng sống cơ bản như:

- Lấy quyết định
- Giải quyết vấn đề
- Suy nghĩ sáng tạo
- Suy nghĩ có phán đoán

- Truyền thông hiệu quả
- Giao tiếp giữa người với người
- Ý thức về bản thân
- Khả năng thấu cảm
- Ứng phó với cảm xúc
- Ứng phó với stress

Tóm lại:

Kỹ năng sống có thể được phân chia theo hai nhóm lớn rất cơ bản đó là những kỹ năng tâm lý và những kỹ năng tâm lý – xã hội. Theo quan niệm mới, một số nhà nghiên cứu đều cho rằng những kỹ năng tâm lý là những kỹ năng thiên về tinh thần của con người là chủ yếu, còn những kỹ năng tâm lý- xã hội thiên về những kỹ năng hành động trong cuộc sống, kỹ năng quan hệ với người khác...

Từ đây, có thể nhận thấy những kỹ năng sống cần thiết nhất đối với con người cũng chính là những kỹ năng cơ bản mà con người cần được hình thành và cần có từ độ tuổi mẫu giáo.

Dưới góc nhìn thực tế, việc củng cố một số kỹ năng sống trên bình diện kỹ năng tâm lý hay kỹ năng tâm lý xã hội luôn cho thấy giữa các kỹ năng có sự liên quan khá mật thiết với nhau. Chính vì lẽ đó, việc quan tâm đến từng loại kỹ năng lại không thực sự có ý nghĩa bằng việc quan tâm đến bản chất của kỹ năng đó, cũng như những biện pháp rèn luyện và quá trình hình thành từng loại kỹ năng này đối với từng cá nhân cụ thể.

Thế nên, theo chúng tôi, kỹ năng sống được phân ra thành 2 nhóm:

- Kỹ năng sống cơ bản: bao gồm những kỹ năng như tự nhận thức bản thân, kỹ năng tư duy, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, kỹ năng ra quyết định và giải quyết những vấn đề đơn giản.
- Kỹ năng sống nâng cao: bao gồm những kỹ năng cơ bản, được rèn luyện, tích lũy và nâng cao theo thời gian sống, như kỹ năng để phát triển cá nhân, kỹ năng để tạo mối quan hệ với người khác, kỹ năng công nghệ...

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 5-6 tuổi

Lứa tuổi 5-6 tuổi là giai đoạn cuối cùng của lứa tuổi mẫu giáo và đã trải qua một thời kỳ phát triển mạnh mẽ với tốc độ nhanh cả về thể chất lẫn tâm lý. Tốc độ nhanh như vậy sẽ không thấy lại được ở những giai đoạn phát triển sau này. Cuối lứa tuổi này, trẻ đang hoàn thiện dần về hình thái cơ thể và các chức năng tâm lý người ở giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách.

1.3.1. Đặc điểm phát triển thể chất:

❖ Về tầm vóc:

Trẻ 5 tuổi tăng nhanh về chiều cao và cân nặng.

- Trung bình về chiều cao:

- + Trẻ trai có thể đạt từ: 106,4 cm đến 116,1 cm

- + Trẻ gái có thể đạt từ: 104,8 cm đến 114,6 cm

- Trung bình về cân nặng:

- + Trẻ trai có thể đạt từ: 16 kg đến 20,7 kg

- + Trẻ gái có thể đạt từ: 15 kg đến 19,5 kg

❖ Về giải phẫu sinh lý

Hệ xương của trẻ 5 tuổi bắt đầu được cốt hóa, cơ bắp to ra. Cơ quan hô hấp và hệ tuần hoàn phát triển mạnh. Trọng lượng não tăng nhanh, từ 1,110 g đến 1,350 g, gần bằng trọng lượng não người lớn. Nhờ đó, vỏ bán cầu đại não phát triển mạnh nên vai trò điều chỉnh và kiểm tra của nó đối với vùng dưới vỏ tăng cường rõ rệt hơn, tốc độ hình thành phản xạ có điều kiện tăng lên nhanh chóng, hệ thống tín hiệu thứ hai phát triển mạnh mẽ.

Sự phát triển thể chất là điều kiện cần thiết để trẻ 5 tuổi có thể hoạt động độc lập được nhiều hơn và giúp chúng lĩnh hội những hình thức mới của kinh nghiệm xã hội trong quá trình tiếp nhận giáo dục.

1.3.2. Đặc điểm phát triển trí tuệ:

❖ Đặc điểm phát triển nhận cảm

Hoạt động nhận cảm (gồm quá trình cảm giác và tri giác) của trẻ 5 tuổi phát triển mạnh, cho phép trẻ định hướng vào những thuộc tính và những mối liên hệ bên

ngoài của sự vật và hiện tượng. Khả năng quan sát bắt đầu hình thành giúp trẻ biết ngấm nghĩa và hiện tượng trong thế giới xung quanh.

Nhờ sự phát triển của hoạt động nhận cảm nên trẻ 5 tuổi có thể lĩnh hội được một số chuẩn nhận cảm về màu sắc, hình dáng, âm thanh, kích thước, ngoài ra, chúng còn phân biệt được độ to nhỏ, dài ngắn khác nhau (theo đơn vị đo thời gian)...

Về tri giác không gian, trẻ 5 tuổi có thể nhận biết một cách chính xác các hướng chủ yếu trong không gian như trên- dưới, phải- trái, trước- sau. Cùng với sự phát triển của tri giác không gian, tri giác được tranh vẽ của trẻ 5 tuổi cũng có một bước tiến bộ rõ rệt, trẻ có thể nhận ra màu sắc, đường nét và cả bố cục của bức tranh.

Về tri giác thời gian, trẻ 5 tuổi nhận biết thời quá khứ, hiện tại và tương lai trong những khoảng thời gian gần chẳng hạn như lúc nãy, bây giờ, chốc nữa hay xa hơn, hôm qua, hôm nay và ngày mai. Cùng với sự phát triển của tri giác thời gian, tri giác độ dài của âm thanh cũng có một bước tiến rõ rệt, trẻ có thể phân biệt được độ dài ngắn của những âm thanh khác nhau. Đó chính là cơ sở để trẻ tiếp nhận tiết tấu, một thành phần cơ bản trong âm nhạc.

❖ ***Đặc điểm phát triển tư duy***

Tư duy của trẻ phát triển mạnh, đặc biệt là kiểu tư duy trực quan hình tượng. Ở giai đoạn này, một kiểu tư duy trực quan hình tượng mới xuất hiện, đó là kiểu tư duy trực quan sơ đồ, trong đó hình tượng đã bị tước đi những chi tiết rườm rà, sinh động chỉ giữ lại những bộ phận chủ yếu nhất, khiến cho hình tượng bị mất đi tính trực quan cụ thể mà mang thêm tính khái quát. Đó chính là bước trung gian của sự chuyển tiếp từ tư duy trực quan hình tượng đến tư duy logic. Nhờ đó, một số yếu tố của tư duy logic được xuất hiện, tạo cho trẻ khả năng khái quát hóa, phán đoán, suy luận và hình thành được một số khái niệm đơn giản.

❖ ***Đặc điểm phát triển trí nhớ***

Ở trẻ mẫu giáo nói chung, trí nhớ không chủ định chiếm ưu thế, nhưng đến 5 tuổi thì trí nhớ có chủ định đã bắt đầu phát triển đáng kể. Vị trí ưu thế của trí nhớ không chủ định giờ đây đã bị yếu dần, nhưng vai trò của nó vẫn hết sức quan trọng trong đời sống của trẻ.

Cùng với sự phát triển của tư duy, trí nhớ có ý nghĩa bắt đầu phát triển mạnh, những gì mà trẻ hiểu thường được ghi nhớ bền vững hơn. Tuy vậy, trí nhớ máy móc vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống của trẻ.

❖ ***Đặc điểm phát triển chú ý***

Tính chú ý của bé đã được phát triển trên nền tảng của tính chủ động biết hướng ý thức của mình về các đối tượng cần cho vui chơi, học tập và lao động tự phục vụ.

Trẻ đã có khả năng chú ý có chủ định từ 37-51 phút nếu đồ vật, đối tượng chú ý hấp dẫn, nhiều thay đổi, kích thích sự tò mò ham hiểu biết của trẻ. Trẻ có thể phân phối được chú ý của mình lên 2-3 đối tượng cùng một lúc, tuy nhiên thời gian phân phối chú ý chưa bền vững, dễ dao động (đặc biệt trong các hoạt động tạo hình, quan sát tranh ảnh...).

Di chuyển chú ý của trẻ nhanh nếu sự hướng dẫn di chuyển tốt.

Tính phân tán chú ý của trẻ còn mạnh, đôi khi trẻ không tự chủ được do xung lực bản năng (vô thức) chi phối, do vậy cần thay đổi đồ chơi, trò chơi hấp dẫn hơn. Nếu sự chú ý của trẻ trước đây tập trung nhiều vào đồ vật tác động vào thị giác, thì nay ý nghĩa của âm thanh đã làm trẻ chú ý nhiều...từ âm thanh đến sự chú ý vào sự suy nghĩ, cảm xúc bên trong não của trẻ.

Cần luyện tập các phẩm chất chú ý cho trẻ thông qua các trò chơi và các hoạt động hứng thú cho trẻ.

1.3.3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ:

❖ ***Trẻ sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ theo các hướng:***

Nắm vững ngữ âm và ngữ điệu khi sử dụng tiếng mẹ đẻ: trẻ biết đọc diễn cảm, biết dùng điệu bộ bổ sung cho ngôn ngữ nói. Cơ quan phát âm trưởng thành đến mức trẻ có thể phát ra những âm tương đối chuẩn, kể cả những âm khó của tiếng mẹ đẻ như: uênh oàng, khúc khuỷu...

❖ ***Vốn từ và cơ cấu ngữ pháp phát triển.***

Vốn từ của trẻ 5- 6 tuổi khá phong phú không những chỉ về danh từ mà cả động từ, tính từ, liên từ...vốn từ của trẻ đủ để diễn đạt các mặt trong đời sống hằng ngày. Tất nhiên việc tăng các thành phần từ ngữ sẽ không có ý nghĩa to lớn nếu trẻ không nắm được các kỹ năng kết hợp các từ trong câu theo quy tắc ngữ pháp. Điều này

phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện sống và giáo dục. Với điều kiện sống và giáo dục tốt thì trẻ cuối độ tuổi mẫu giáo đã có thể sử dụng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ một cách thành thạo, mặc dầu qua quá trình đó diễn ra một cách không có ý thức, khác với quá trình học ngữ pháp một cách có ý thức ở trường phổ thông.

Sự lĩnh hội ngôn ngữ còn được quyết định bởi tính tích cực của bản thân trẻ đối với ngôn ngữ. những trẻ tích cực giao tiếp, tìm hiểu các hiện tượng ngôn ngữ thì không những hiểu được từ ngữ và nắm vững ngữ pháp một cách vững vàng mà còn sáng tạo ra những từ ngữ, những cách nói chưa hề có trong ngôn ngữ của người lớn.

❖ *Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc:*

Ngôn ngữ giải thích, trẻ có nhu cầu nhận sự giải thích và cũng giải thích cho bạn bè. Ngôn ngữ tình huống (hoàn cảnh) do giao tiếp với người xung quanh bằng những thông tin mà trẻ trực tiếp tri giác được trong khung cảnh. Chỉ có những người đang giao tiếp với trẻ lúc đó mới biết trẻ muốn nói gì. dần dần cuộc sống đòi hỏi trẻ cần có kiểu ngôn ngữ khác, ít phụ thuộc vào tình huống hơn, nhất là trẻ cần mô tả lại cho những điều mà mình mắt thấy tai nghe. Ở đây, trẻ phải nói sao cho người khác có thể hiểu được những điều trẻ mô tả mà không thể dựa vào tình huống cụ thể trước mắt. Kiểu ngôn ngữ này là “ngôn ngữ ngữ cảnh”, mang tính rõ ràng, khúc chiết, tính mạch lạc, rõ ràng. Một kiểu ngôn ngữ khác cũng đang phát triển là kiểu ngôn ngữ giải thích. Ở độ tuổi này trẻ có nhu cầu giải thích cho các bạn về nội dung trò chơi, cách tạo ra đồ chơi và nhiều hoạt động khác. Ngôn ngữ giải thích đòi hỏi trẻ phải trình bày ý kiến riêng của mình theo một trình tự nhất định, phải nêu bật những điểm chủ yếu và những mối quan hệ liên kết các sự vật hiện tượng một cách hợp lý để người nghe dễ đồng tình, có nghĩa là phải có tính chặt chẽ và mạch lạc, do đó còn gọi là ngôn ngữ mạch lạc.

Tính địa phương trong ngôn ngữ: nói ngọng, nói lắp, nói mất dấu...nền văn hóa của địa phương, cộng đồng thể hiện rất rõ trong ngôn ngữ của trẻ.

Tính cá nhân đã bộc lộ rõ qua các sắc thái ngôn ngữ khác nhau của trẻ đặc biệt ở chức năng ngôn ngữ biểu cảm (có trẻ nói lưu loát hoặc rời rạc, ấp úng...)

Việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và các tính chất của ngôn ngữ ở trẻ phụ thuộc phần lớn vào việc hướng dẫn và làm gương về lời nói của cha, mẹ, ông bà, anh chị, cô giáo và những người xung quanh...

Trẻ 5-6 tuổi trước khi vào lớp một đã có khả năng nắm được các ý nghĩa của từ vựng thông dụng, phát âm gần đúng cách phát âm của người lớn, biết dùng ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, và đặc biệt là nắm được hệ thống ngữ pháp phức tạp bao gồm những quy luật ngôn ngữ tinh vi nhất về phương diện cú pháp và cả về tu từ, nói năng mạch lạc, thoải mái.

Tóm lại, trẻ thực sự nắm vững tiếng mẹ đẻ.

1.3.4. Đặc điểm phát triển mặt cảm xúc và ý chí:

❖ Đặc điểm phát triển tình cảm

Cuối tuổi mẫu giáo, tình cảm vẫn tiếp tục phát triển và chi phối mạnh đời sống tâm lí trẻ.

Nét đặc biệt trong đời sống tình cảm của trẻ 5 tuổi là sự hình thành tương đối rõ nét, của các loại tình cảm bậc cao như: tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ.

Tình cảm trí tuệ, biểu hiện ở chỗ trẻ ham hiểu biết, ham tìm tòi khám phá những gì còn mới lạ, bí ẩn.

Tình cảm đạo đức thể hiện ở chỗ trẻ rất dễ xúc cảm và cảm động với con người và cảnh vật xung quanh, đặc biệt trẻ rất dễ thương cảm đối với những người tàn tật hay gặp phải những cảnh ngộ éo le. Không chỉ đối với con người mà ngay cả đối với động vật, cây cối, trẻ cũng bộc lộ tình cảm yêu thương. Đối với trẻ, tất cả đều mang hồn người. Đây là thời điểm thuận lợi nhất để giáo dục lòng nhân ái.

Tình cảm thẩm mỹ thể hiện ở chỗ trẻ biết yêu thích cái đẹp xung quanh, mong muốn làm ra cái đẹp để mang đến niềm vui cho chính mình và cho mọi người. Ở tuổi này trẻ rất thích các loại hình nghệ thuật. Những bức tranh đẹp, những bài hát hay, truyện cổ tích đầy chất huyền thoại đều rất dễ cuốn hút lòng say mê của trẻ và để lại những ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn. do vậy, giáo dục bằng nghệ thuật đối với lứa tuổi này là phương pháp giáo dục có hiệu quả nhất.

❖ Đặc điểm phát triển ý chí

Ý chí của trẻ 5 tuổi đã bắt đầu phát triển tạo cho trẻ khả năng điều chỉnh hành vi. Tuy vậy, tính bộc phát vẫn chi phối mạnh mẽ hành vi của trẻ.

Đặc điểm nổi bật trong sự phát triển ý chí của trẻ 5 tuổi là ý chí gắn liền với động cơ hành vi. Lúc này ở trẻ hệ thống thứ bậc các động cơ được hình thành tương đối rõ nét và bắt đầu có sự đấu tranh động cơ. Từ đó, những động cơ xã hội cũng bắt đầu hình thành.

Trên đây là một số đặc điểm phát triển chủ yếu của trẻ 5-6 tuổi nói chung. Song, theo chúng tôi, nếu đưa trẻ phát triển bình thường, được giáo dục tử tế, lại được sống trong một môi trường văn hóa thì sự phát triển của nó sẽ đạt tới hiệu quả cao, tâm lý của trẻ cũng như kỹ năng sống ổn định và phát triển hơn. Ngược lại, nếu đưa trẻ không được giáo dục lại sống trong môi trường kém văn hóa thì sự phát triển của nó sẽ rơi vào tình trạng kém cỏi. Do đó, những đặc điểm phát triển nêu trên đây chỉ nói lên đặc điểm chung của một độ tuổi nhất định (5-6 tuổi), còn trong thực tiễn giáo dục, mỗi đứa trẻ vẫn là một con người riêng biệt. Những người làm công tác giáo dục có thể so sánh trình độ phát triển riêng của từng trẻ với trình độ phát triển chung của cả độ tuổi để biết được sự phát triển của trẻ đó thuộc vào loại nhanh hay chậm để tìm cách giáo dục và chuẩn bị cho trẻ 5 - 6 tuổi một cách hợp lý.

****Đặc điểm phát triển kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi***

Trẻ 5-6 tuổi đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và trong giai đoạn chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một. Vì vậy, những kỹ năng sống của trẻ ở giai đoạn này cần có những đặc trưng như sau:

Kỹ năng sống phải phù hợp với lứa tuổi, hình thành và phát triển cho trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng; khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời của trẻ.

Do đặc thù của trẻ em lứa tuổi mầm non là đang làm quen với xã hội và thế giới xung quanh, nên những kỹ năng sống thường gắn gũi với cuộc sống của trẻ và được mở rộng dần trong mối quan hệ qua lại giữa trẻ với gia đình, với trường mầm non, với cộng đồng xã hội và môi trường tự nhiên. Nội dung kỹ năng sống cho trẻ lớp mầm non nói chung và trẻ lớp mẫu giáo lớn nói riêng phong phú và toàn diện để giúp các em

thích ứng với cuộc sống. Do vậy, đặc điểm kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi cũng phù hợp với yêu cầu về nội dung giáo dục mầm non như sau:

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

1.4. Nội dung- yêu cầu kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi

Ở lứa tuổi mầm non, những kỹ năng sống cần thiết của trẻ em được phân tích dựa vào những đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Trẻ em 5-6 tuổi đang phát triển mạnh mẽ về thể chất, tình cảm, ngôn ngữ; giai đoạn chuẩn bị vào lớp một, bước đầu trẻ gia nhập vào xã hội rộng lớn, trẻ cần có khả năng tự phục vụ, chăm sóc bản thân, nhận thức bản thân, nên trẻ 5- 6 tuổi rất cần được trang bị một cách toàn diện về kỹ năng sống.

Dựa trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực trạng kỹ năng sống ở Việt Nam những năm qua, kết quả khảo sát ý kiến của giáo viên mầm non về những kỹ năng cần phải rèn luyện cho trẻ 5- 6 tuổi, căn cứ trên nội dung Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2010 , và Tài liệu hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên kết với UNICEF, có thể đề xuất nội dung kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non bao gồm các kỹ năng sống cơ bản sau: [12, 27]

1.4.1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng

- Biết một số hoạt động của bản thân trẻ trong sinh hoạt hàng ngày có lợi cho sức khỏe, sự lớn lên và phát triển của cơ thể.

- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. Trẻ có thể lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm

giàu chất đạm như thịt, cá,... Thực phẩm giàu chất vitamin và muối khoáng như rau, quả,... Bên cạnh đó, trẻ được kể tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, chiên (rán), kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....

- Biết một số hành vi ăn uống có hại cho sức khỏe
- Biết thuốc lá có hại cho sức khỏe và thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc.

1.4.2. Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân

Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội hoặc giặt nước cho sạch.
- Có thói quen rửa mặt, đánh răng hàng ngày; biết tự thay quần áo khi đã dơ bẩn, bị ướt và để vào nơi quy định.
- Biết chọn quần áo phù hợp với thời tiết; giới tính.
- Giữ đầu tóc gọn gàng, quần áo sạch sẽ.
- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.

1.4.3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

- Biết những vật dụng và nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.
- Biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm.
- Nhận biết và không tự ý sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm.
- Không đi theo và nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.
- Biết ý nghĩa và có ý thức thực hiện theo quy định của một số biển báo giao thông, biển báo nơi nguy hiểm.

1.4.4. Kỹ năng nhận thức về bản thân

- Nói được họ và tên, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại, tên bố, mẹ của mình.
- Biết mình là trai hay gái và có ứng xử phù hợp.
- Nói được khả năng của bản thân.
- Biết đề xuất những trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của cá nhân.

1.4.5. Kỹ năng tự tin và tự trọng

- Chấp nhận và cố gắng thực hiện công việc được giao.
- HÀi lòng khi hoàn thành công việc.
- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động đơn giản hằng ngày.
- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân.

1.4.6. Kỹ năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc

- Nhận biết trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ của người khác.

- Biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ.
- Biết an ủi hoặc chia vui với người thân và bạn bè.
- Quan tâm, thích thú đối với các hiện tượng trong thiên nhiên.
- Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc.
- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Cố gắng kiềm chế những cảm xúc tiêu cực.

1.4.7. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ tích cực với bạn và người lớn

- Dễ hoà đồng với bạn trong nhóm chơi.
- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.
- Chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm và đồ chơi với bạn.
- Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn.
- Có nhóm bạn chơi thường xuyên.
- Tuân theo thứ tự luân phiên khi tham gia vào các hoạt động.

1.4.8. Kỹ năng hợp tác với người khác

- Biết lắng nghe ý kiến của bạn.
- Biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn.
- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn .
- Chấp nhận sự phân công của nhóm.
- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.

1.4.9. Kỹ năng thích ứng trong quan hệ xã hội

- Biết được hành động hoặc việc làm của mình ảnh hưởng đến người khác như thế nào.

- Có thói quen chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn, cảm ơn, xin lỗi...
- biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Biết được một số hành vi đúng, sai của con người đối với môi trường.
- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.

1.4.10. Kỹ năng tôn trọng người khác

- Nói được khả năng và sở thích của người khác.
- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
- Nhận ra sự không công bằng trong nhóm bạn và biết cách tạo lại sự công bằng.

1.4.11. Kỹ năng nghe hiểu lời nói

- Phân biệt được sắc thái của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.
- Hiểu và đáp lại lời nói của người khác.
- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.
- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... dành cho trẻ.

1.4.12. Kỹ năng sử dụng lời nói

- Phát âm rõ ràng.

- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.

- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp: câu đơn, câu ghép, câu hỏi, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.

- Lời nói bày tỏ được cảm xúc hoặc nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.

- Biết sử dụng lời nói để thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động vui chơi.

- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe hiểu được.
- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo đúng trình tự.

1.4.13. Kỹ năng giao tiếp

- Biết khởi đầu một cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau.

- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.
- Biết chờ đến lượt trong giao tiếp, trò chuyện, thảo luận.
- Biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.
- Biết sử dụng một số từ: chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, vâng ạ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Không nói tục, chửi bậy.

1.4.14. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội

- Có khả năng nhận biết và thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.
- Biết được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày.
- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.
- Nói được nghề nghiệp và nơi làm việc của bố mẹ.

1.4.15. Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên

- Chia nhóm cây cối, con vật và đặt tên theo đặc điểm chung.
- Biết thứ tự các giai đoạn phát triển cơ bản của cây.
- Nói được những đặc điểm nổi bật của từng mùa trong năm; phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Biết được một số đặc điểm, tính chất của nước; ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.
- Biết được không khí, các nguồn sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

1.4.16. Kỹ năng nhận thức về nghệ thuật

- Nghe và cảm nhận được giai điệu của bài hát / bản nhạc.

- Hát đúng giai điệu những bài hát đơn giản, thích tham gia vào các hoạt động biểu diễn.
- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.
- Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên và sản phẩm tạo hình.
- Biết sử dụng các phương tiện, vật liệu khác nhau để tạo hình một sản phẩm đơn giản.
- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.

1.4.17. Kỹ năng sáng tạo

- Thể hiện cái mới, độc đáo trong trò chơi hoặc trong tạo hình, âm nhạc.
- Kể thêm hoặc thay đổi diễn biến của câu chuyện đã biết một cách hợp lí.

1.5. Vai trò của kỹ năng sống đối với sự phát triển chung của trẻ 5-6 tuổi

Kỹ năng sống có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của trẻ mầm non nói chung – đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về mọi phương diện của những năm tháng đầu đời – làm cơ sở nền tảng, và cũng có thể nói sự phát triển của giai đoạn này quyết định cho quá trình phát triển về sau này. Vì thế, vai trò của kỹ năng sống đối với trẻ mầm non cũng sẽ gắn liền với mục tiêu của giáo dục mầm non, mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra, cần phải đạt được, là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một.

Thứ nhất, xét về mặt thể chất, kỹ năng sống hình thành cho trẻ những thói quen hoạt động mang lại ích lợi cho sức khỏe, qua đó làm phát triển chiều cao, cân nặng theo đúng với độ tuổi; các vận động cơ bản của trẻ cũng được thể hiện một cách vững vàng, đúng tư thế; làm tăng khả năng phối hợp các giác quan và vận động của trẻ; trẻ có kỹ năng trong những hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. Bên cạnh đó, trẻ sẽ có khả năng để có thể hiểu biết thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống cho sức khỏe của mình; đồng thời, hình thành ở trẻ những thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

Thứ hai, xét về mặt nhận thức, kỹ năng sống sẽ tạo cho trẻ niềm đam mê thích thú ham hiểu biết, khám phá, tìm tòi về các sự vật, hiện tượng xung quanh môi trường sống của trẻ. Nó hình thành cho trẻ khả năng quan sát, so sánh, phân loại, chú ý, ghi nhớ có chủ định; khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề đơn giản trong cuộc sống; trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết của mình bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu; ngoài ra, trẻ cũng sẽ có được những hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

Thứ ba, xét về mặt ngôn ngữ, trong những hoạt động giao tiếp hằng ngày, kỹ năng sống sẽ hình thành cho trẻ khả năng biết lắng nghe, hiểu lời nói trong khi trò chuyện, trao đổi với người khác; trẻ còn có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ) và có khả năng diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. Ở đây, kỹ năng sống cũng sẽ giúp cho trẻ có được một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

Thứ tư, xét về mặt tình cảm xã hội, khả năng biết ý thức về bản thân của trẻ sẽ được hình thành nhờ các kỹ năng sống. Nó cũng giúp cho trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm của mình với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. Đồng thời, kỹ năng sống hình thành cho trẻ những phẩm chất cá nhân như: mạnh dạn, tự tin, tự lực; có một số kỹ năng quan trọng trong đời sống xã hội như: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ với bạn bè và những người khác; bên cạnh đó, trẻ cũng biết và thực hiện được những quy tắc, quy định cơ bản trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non và những nơi cộng đồng.

Thứ năm, xét về mặt thẩm mỹ, kỹ năng sống sẽ làm phát triển ở trẻ khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. Trẻ biết thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. Qua đó, làm cho trẻ biết yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

Tóm lại, có thể khẳng định lại rằng, kỹ năng sống làm cho chương trình giáo dục mầm non đạt được mục tiêu, vì kỹ năng sống có một vai trò quan trọng là tạo sự khởi đầu cho sự phát triển toàn diện của trẻ: phát triển thể chất, nhận thức, tình cảm, xã

hội, ngôn ngữ, thẩm mỹ, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo và cho việc học tập suốt đời sau này của trẻ.

1.6. Thực tiễn việc xây dựng bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.

Quá trình chuẩn bị xây dựng và sử dụng hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi được tiến hành thông qua việc điều tra, khảo sát giáo viên dạy khối lớp lá, quan sát trẻ mẫu giáo lớn ở các trường mầm non.

1. Mục đích điều tra:

Mục đích điều tra hướng tới việc tìm hiểu vấn đề củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi bằng phương pháp đưa ra các bài tập cho các trẻ mẫu giáo lớn ở trường mầm non.

2. Đối tượng điều tra:

Giáo viên dạy khối lớp lá ở các trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh

(50 giáo viên) trong đó có:

- 12 giáo viên dạy khối lá ở Trường mầm non Trinh Vương, 52 đường 25, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TPHCM.

- 10 giáo viên dạy khối lá ở Trường mầm non Sơn Ca 5, số 7 Cầm Bá Thước, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TPHCM.

- 8 giáo viên khối lá Trường mầm non Hương Sen, 180 Bạch Đằng, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM.

- 10 giáo viên khối lá Trường mầm non Duyên Anh, 70A đường 16, KP 4 Phường Linh Đông, TPHCM.

- 10 giáo viên khối lá Trường mầm non Ánh Sáng, 2/2 Lê Lai, Phường 12 - Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh, Quận Tân Bình, TP. HCM

3. Thời gian tiến hành: 15/11/2012 – 20/12/2012.

4. Phương pháp điều tra: anket và quan sát.

5. Tổng kết điều tra:

Nội dung điều tra gồm 10 câu hỏi phát cho 50 giáo viên khối lớp lá (mẫu giáo lớn) ở các trường mầm non. (Phụ lục 7)

6. Nhận xét, đánh giá quá trình điều tra:

Từ những số liệu thống kê cho thấy, đa số giáo viên khối mẫu giáo lớn ở các trường mầm non khảo sát đánh giá khá cao tầm quan trọng của việc củng cố kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi. Nhưng đa phần vì áp lực thời gian nên các giáo viên lại chưa chú trọng nhiều trong việc đưa ra các bài tập vào củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ. Để có thể làm phong phú về hình thức, phương pháp trong quá trình truyền thụ cũng như củng cố kiến thức có nhiều người chưa biết đến việc xây dựng các bài tập sử dụng công nghệ thông tin. Qua tìm hiểu, trao đổi ngắn với các giáo viên được biết các giáo viên cho rằng thực ra không phải đến thời điểm hiện tại khi Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội nói nhiều về kỹ năng sống và đưa kỹ năng sống vào trường học thì các giáo viên đã thực hiện điều này trong những năm học trước đây. Tuy nhiên, trước đây giáo viên gọi tên của những kỹ năng đó là kỹ năng tự phục vụ còn bây giờ gọi nó với một tên mới là kỹ năng sống. Tuy nhiên, theo người nghiên cứu, kỹ năng sống không chỉ là những kỹ năng tự phục vụ mà còn có cả những kỹ năng tâm lý, tâm lý-xã hội...và vì vậy một số kỹ năng như nhận biết về biển báo giao thông hay thể hiện văn hoá trong giao tiếp, tôn trọng người khác... chưa được cao ở đa số trẻ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Căn cứ vào kết quả của những lý luận phân tích các nguồn tài liệu tham khảo, chúng tôi nhận thấy:

Kỹ năng sống là những năng lực tâm lý – xã hội cơ bản giúp cho cá nhân thích ứng và tồn tại trong cuộc sống. Và cũng chính những kỹ năng này giúp cá nhân thể hiện năng lực của mình thích nghi với những thách thức trong cuộc sống và phát triển. Trong khi đó, việc nghiên cứu về kỹ năng sống nói chung ở Việt Nam là một lĩnh vực khoa học còn khá non trẻ, đặc biệt là những kỹ năng sống ở trẻ em lứa tuổi mầm non chưa có những nghiên cứu đầy đủ về vấn đề này. Nhìn chung, vấn đề kỹ năng sống đang còn là một trong những vấn đề được tìm hiểu và được quan tâm theo chiều sâu trong tương lai. Nên đã có rất nhiều định nghĩa hay khái niệm khác nhau về kỹ năng sống. Và cũng từ những quan niệm của các ngành khoa học khác nhau nên việc xác định danh mục của các nhóm kỹ năng sống cũng khác nhau. Hiện nay, ngành giáo dục và đào tạo đang trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện để cho ra đời bộ khung chương trình giảng dạy giáo dục một số kỹ năng sống trong tất cả các cấp học, bậc học nhằm giúp học sinh hình thành và phát triển. Cho thấy được tầm quan trọng của việc giáo dục và hình thành kỹ năng sống cần thiết cho trẻ đặc biệt trẻ chuẩn bị vào lớp Một.

Dựa vào phần còn lại của cơ sở lý luận và thực tiễn chúng ta biết chính xác hơn về đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi mẫu giáo lớn trong việc giáo dục và hình thành kỹ năng sống cần thiết cho trẻ và các nội dung - yêu cầu kỹ năng sống của trẻ 5-6 tuổi, giúp các giáo viên mầm non sẽ gặp thuận lợi hơn trong việc phong phú hình thức giáo dục và hình thành kỹ năng sống cho trẻ và tự thiết kế các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ.

Ngoài ra, ở chương 1 còn cho ta thấy kết quả điều tra thực tiễn việc giáo dục một số kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non, để từ đó chuẩn bị cho việc tiến hành xây dựng và sử dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống có ứng dụng công nghệ thông tin cho trẻ mẫu giáo lớn ở các trường mầm non sẽ được trình bày ở chương 2.

CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO VIỆC CƯỜNG CỐ MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT CHO TRẺ 5 - 6 TUỔI.

Trong chương 2 này, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn về phần mềm hỗ trợ cho việc xây dựng các bài tập về củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5- 6 tuổi.

2.1. Phần mềm ActivInspire

2.1.1. Sơ lược về phần mềm ActivInspire

Hiện nay, việc ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học đang là vấn đề được giáo viên và nhà trường quan tâm hàng đầu. Trong xu thế đó, trong những năm gần đây, rất nhiều giáo viên đã sử dụng máy tính để tiến hành soạn thảo và thiết kế bài giảng điện tử. Và hầu hết, các chương trình tập huấn đều hướng dẫn giáo viên thiết kế bài giảng bằng phần mềm PowerPoint. Tuy vậy, chương trình này thiên về tính trình chiếu hơn là giúp người học tương tác. Bên cạnh đó, các bài giảng soạn trên PowerPoint đều không thể chuẩn hóa theo chuẩn SCORM (Sharable Content Object Reference Model). Chính vì vậy, trong thời gian qua, đã có rất nhiều phần mềm thiết kế bài giảng điện tử đã xuất hiện như:

Violet (Bạch Kim – Việt Nam): tận dụng các tính năng của Flash để thiết kế bài giảng.

Adobe Presenter: bộ addins của Adobe được nhúng vào chương trình PowerPoint để cung cấp, bổ sung các tính năng tương tác cũng như biên dịch thành bài giảng theo chuẩn SCORM. Chương trình này đã được Cục Công nghệ thông tin (CNTT) – Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai, tập huấn đến các địa phương và xem đây như là 1 bước đệm để chuyển sang các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử theo đúng chuẩn.

Lecture Maker & Teaching Mate (Hàn Quốc) – hệ thống thiết kế bài giảng điện tử và quản lý tài nguyên, tạo ngân hàng đề thi... Phần mềm này hiện đang được Cục CNTT triển khai, tập huấn cho các giáo viên cốt cán của các địa phương.

Microsoft LCDs: chương trình thiết kế bài giảng điện tử theo chuẩn SCORM của hãng Microsoft.

ActivInspire: phần mềm hỗ trợ dạy học tương tác của hãng Promethean (Anh).

Trong số các phần mềm trên, có lẽ, ActivInspire là 1 cái tên khá xa lạ đối với các giáo viên Việt Nam. Tuy nhiên, theo cảm nhận chủ quan của M4Ps, thì đây là phần mềm hỗ trợ tốt việc tương tác giữa thầy và trò trong quá trình dạy học, cũng như giúp giáo viên dễ dàng thiết kế các ý tưởng sư phạm phục vụ tốt cho bài giảng.

Vậy ActivInspire có gì nổi bật?

ActivInspire là phiên bản mới nhất tích hợp 2 phần mềm ActivStudio và ActivPrimary trước đây. Đây là phần mềm soạn bài giảng nằm trong hệ thống Dạy và học tương tác (Digital Interactive Classroom) của tập đoàn Giáo dục quốc tế Promethean (Vương quốc Anh). Hệ thống này bao gồm: ActivBoard- bảng từ tương tác; ActivPen - bút từ tương tác, vừa có tính năng như bút viết bảng, vừa hoạt động như con 1 con chuột máy tính; ActivSlate - có tính năng như bạn con của HS và có thể tương tác với bảng ActivBoard ở bất cứ nơi nào trong lớp; ActivVote – hệ thống phản hồi trắc nghiệm của HS (giống trò chơi truyền hình đấu trường 100)... tạo thành 1 hệ thống kết nối hỗ trợ tốt việc dạy học tương tác giữa học sinh và giáo viên. Trong đó, phần mềm ActivInspire đã đạt 2 giải thưởng Worlddidac cho sản phẩm giáo dục tốt nhất. Đặc biệt, chương trình đã được Việt hóa hoàn toàn giúp giáo viên Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận công nghệ giáo dục này.

Vốn đã quen với các hiệu ứng trình chiếu của PowerPoint nên khi tiếp cận với ActivInspire, ban đầu, M4Ps, nghĩ rằng phần mềm này cũng khá bình thường (do không có những hiệu ứng như PowerPoint). Tuy vậy, khi được trực tiếp khám phá phần mềm với các chuyên gia Kate Bonana và Stewart Hargreaves của chính tập đoàn Promethean, M4Ps đã thật sự bất ngờ. Những ý tưởng vốn không thể thực hiện hoặc phải lập trình tương đối phức tạp trên các phần mềm khác, thì giờ đây, giáo viên dễ dàng thực hiện các ý tưởng đó với ActivInspire. Diễn hình như:

- Bạn dễ dàng tạo các trò chơi ô chữ, Trục Xanh, ghép hình, thậm chí cả chơi cờ cá ngựa... bằng các thao tác đơn giản trên ActivInspire.

- Hỗ trợ việc kéo, thả trong khi trình diễn. Minh họa rõ nhất trong tính năng này là các ý tưởng sau:

- Bạn có sẵn 1 con voi bị cắt thành nhiều phần và trẻ phải ghép thành một con voi hoàn chỉnh theo bóng của con voi. Nếu ghép sai thì phần đó sẽ quay về vị trí ban đầu.

- Bạn có 1 khay các loại thực phẩm, và trẻ sẽ phải nhận diện thực phẩm nào giàu chất đạm và kéo chất đó vào 1 rổ cho trước, nếu đúng thì thực phẩm đó sẽ ở lại, nếu sai thì sẽ quay về vị trí ban đầu trong khay...

Với những ý tưởng này thì việc thực hiện trong PowerPoint hoặc Violet và cả LectureMaker là rất phức tạp, nhưng với ActivInspire thì đây là những thao tác rất đơn giản.

2.1.2. Ưu và khuyết điểm của ActivInspire

2.1.2.1. Ưu điểm:

Như đã trình bày sơ lược về phần mềm ActicInspire ở trên thì ngoài ra Promethean còn kết hợp với các hãng phần mềm khác để cung cấp cho ActivInspire những tính năng rất hữu dụng:

- Tích hợp sẵn công cụ ghi âm, ghi hình, công cụ chụp màn hình. Đây là những công cụ không có sẵn ở các phần mềm khác mà phải cài đặt thêm. Ví dụ: để chụp màn hình bạn cần phải cài đặt phần mềm SnagIt, hay muốn quay phim màn hình, hoặc 1 vùng nào đó trên màn hình thì phải cài thêm phần mềm Camtasia... nhưng với ActivInspire thì đây là những công cụ đã được tích hợp sẵn. Và dưới đây là một tính năng ma thuật được M4Ps thực hiện và quay lại bằng công cụ Screen Recorder của chính ActivInspire:

- Cho phép chèn trực tiếp file Flash mà không cần phải thiết lập các thông số hay cài thêm phần mềm hỗ trợ như PowerPoint hay Violet.

- Khi soạn bài, bạn tìm kiếm và phát hiện 1 hình ảnh thích hợp trên Internet. Để chèn vào bài giảng của mình, thông thường, bạn phải lưu hình ảnh xuống máy, rồi dùng chức năng Insert để chèn. Giờ đây, với ActivInspire, bạn chỉ cần kéo hình ảnh đó rồi thả vào cửa ô của chương trình.

Ngoài ra, rất nhiều tài nguyên đã được hãng phần mềm tích hợp sẵn trong phần mềm cũng như được cung cấp tại trang web prometheanplanet.com. Tại đây, người dùng dễ dàng cập nhật phiên bản mới; bạn dễ dàng tìm kiếm các gói tài nguyên theo các chủ đề thích hợp trong số 12.761 gói tài nguyên được cung cấp miễn phí để tích hợp vào phần mềm nhằm phục vụ công việc của mình. Đặc biệt, tại đây còn có 1 thư viện flipchart (bài giảng thiết kế bằng ActivInspire) được khoảng 40.000 giáo viên ở

70 nước trên thế giới chia sẻ với rất nhiều môn học và cấp lớp: mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Ngoài ra, hiện tại, Promethean đang tổ chức cuộc thi thiết kế flipchart trên toàn cầu, và sẽ tặng Iphone cho 5 flipchart thể hiện ý tưởng giảng dạy xuất sắc nhất trong mỗi tháng.

2.1.2.2. Khuyết điểm:

- Đây là phần mềm thương mại được cung cấp kèm theo các thiết bị hệ thống nên phải đăng ký bản quyền mới sử dụng được. Nếu không, bạn chỉ có thể dùng thử phần mềm trong 60 ngày với đầy đủ tính năng. Sau đó, phải gỡ bỏ và cài đặt lại để tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, theo nguồn tin riêng của M4Ps, hiện tại, Cục nhà giáo – Bộ Giáo dục và Đào tạo – đang tiến hành đàm phán với Promethean để cung cấp 1 triệu bản với giá rẻ nhằm giúp giáo viên và các trường học có thể tiếp cận phần mềm này 1 cách miễn phí.

- Việc phổ biến các tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm này chỉ được tiến hành trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Promethean, Công ty cổ phần mạng trực tuyến Việt Sin (đơn vị ủy quyền của Promethean tại Việt Nam) và Cục Nhà giáo – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chính vì vậy, M4Ps chỉ được phép giới thiệu chứ không thể cung cấp các tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm này. Mặc dù vậy, trong khuôn khổ hợp tác giữa Promethean và Cục nhà giáo, hệ thống dạy học tương tác đang được triển khai tại các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Đại học Sư phạm TpHCM, Đại học Giáo dục (Hà Nội), Đại học Đà Nẵng, Đại học Cần Thơ. Ngay khi đội ngũ giảng viên chủ chốt vượt qua bài test và được Promethean cấp chứng chỉ, chương trình sẽ được triển khai tập huấn cho giảng viên, sinh viên các trường và các địa phương trong thời gian tới.

Nhìn chung, đây là một phần mềm giúp cho giáo viên dễ dàng thể hiện các ý tưởng giảng dạy của mình, đồng thời, giúp cho giáo viên và trẻ dễ dàng tương tác với nhau trong quá trình tiếp thu bài giảng.

Chúng ta có thể tìm hiểu rõ hơn về phần mềm ActiInspire này ở Phụ lục 8

2.2. Các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi

Ở phần này, tôi xin nói tóm tắt về các bài tập có trong bài tập giáo dục một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi. Các bài tập này được thiết kế thành 5 nhóm kỹ năng sống mà đề tài nghiên cứu:

Nhóm 1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng với 26 câu.

Xoay quanh những nội dung hoạt động sinh hoạt hàng ngày có lợi cho sức khỏe, sự lớn lên và phát triển của cơ thể; một số hành vi ăn uống có hại cho sức khỏe; thuốc lá có hại cho sức khỏe và thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc.

Nhóm 2. Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân với 13 câu.

Xoay quanh những nội dung: quy trình chăm sóc vệ sinh thân thể: rửa tay, đánh răng, rửa mặt; chọn quần áo phù hợp với thời tiết, giới tính; hành vi bảo vệ sức khỏe như che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.

Nhóm 3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân với 13 câu.

Xoay quanh những nội dung: Những vật dụng và nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, kêu cứu khi gặp nguy hiểm; nhận biết và không tự ý sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm; biết ý nghĩa và có ý thức thực hiện theo quy định của một số biển báo giao thông.

Nhóm 4. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội với 26 câu.

Xoay quanh những nội dung: Có khả năng nhận biết và thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng; biết công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày; biết một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống; biết và nói được nghề nghiệp và nơi làm việc của bố mẹ.

Nhóm 5. Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên với 17 câu.

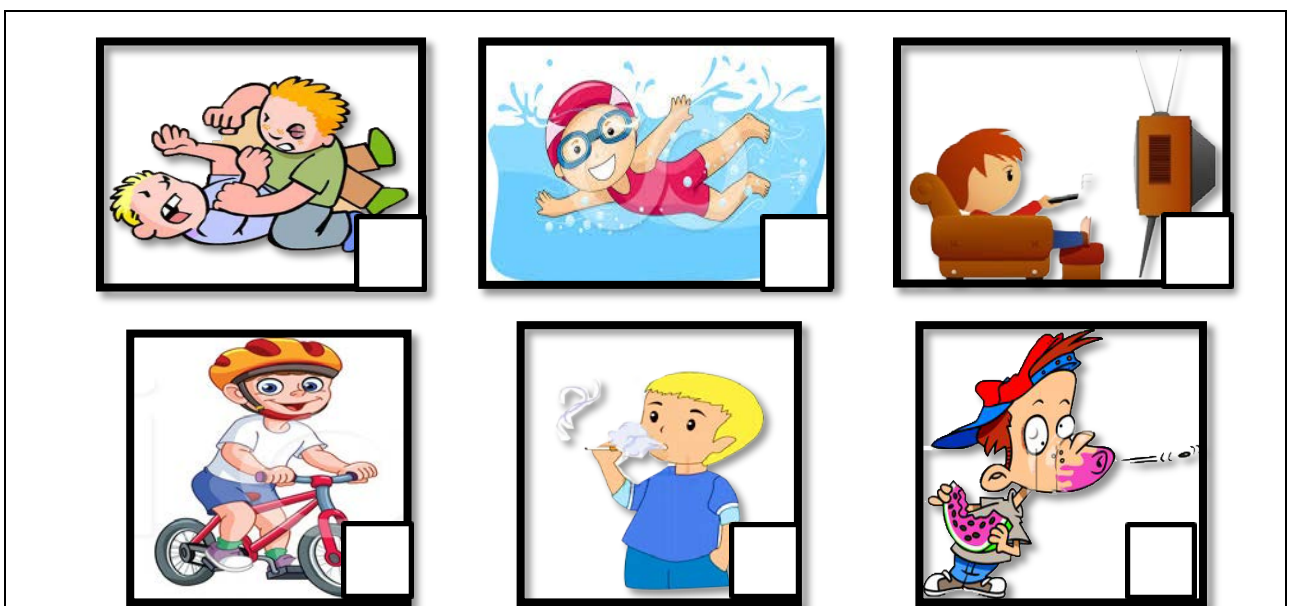
Xoay quanh những nội dung: Chia nhóm cây cối, con vật và đặt tên theo đặc điểm chung; biết thứ tự các giai đoạn phát triển cơ bản của cây; nói được những đặc điểm nổi bật của từng mùa trong năm; phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng; biết ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây; dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

2.2.1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng.

Câu 1: Bé có biết sức khỏe quan trọng như thế nào với con người. Vậy bé hãy chọn những hoạt động có lợi cho sức khỏe của mọi người cũng như của bé bằng cách đánh dấu vào các ô trống nhé!



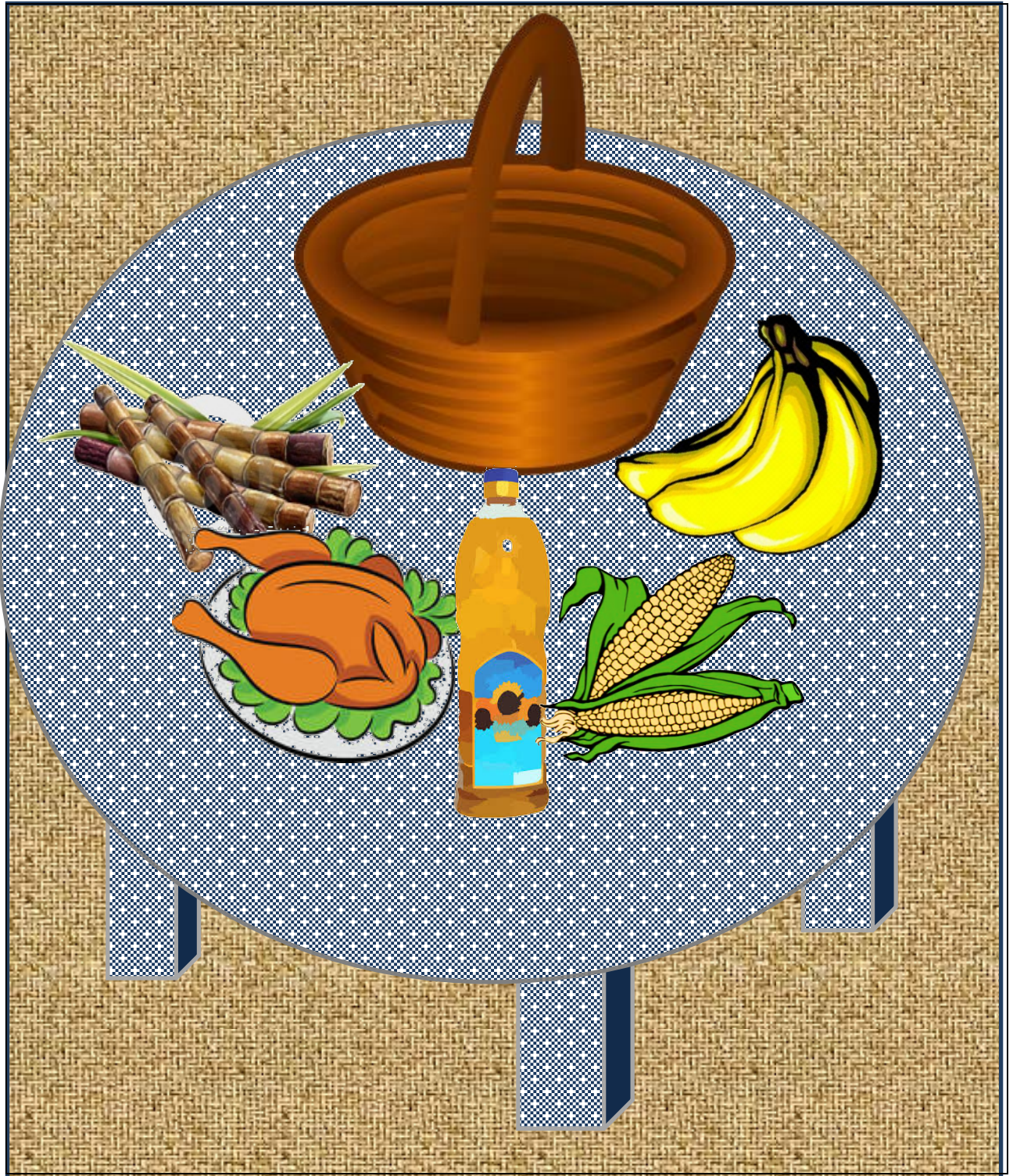
Câu 2: Bé hãy đánh dấu (X) vào hoạt động gây hại cho sức khỏe.



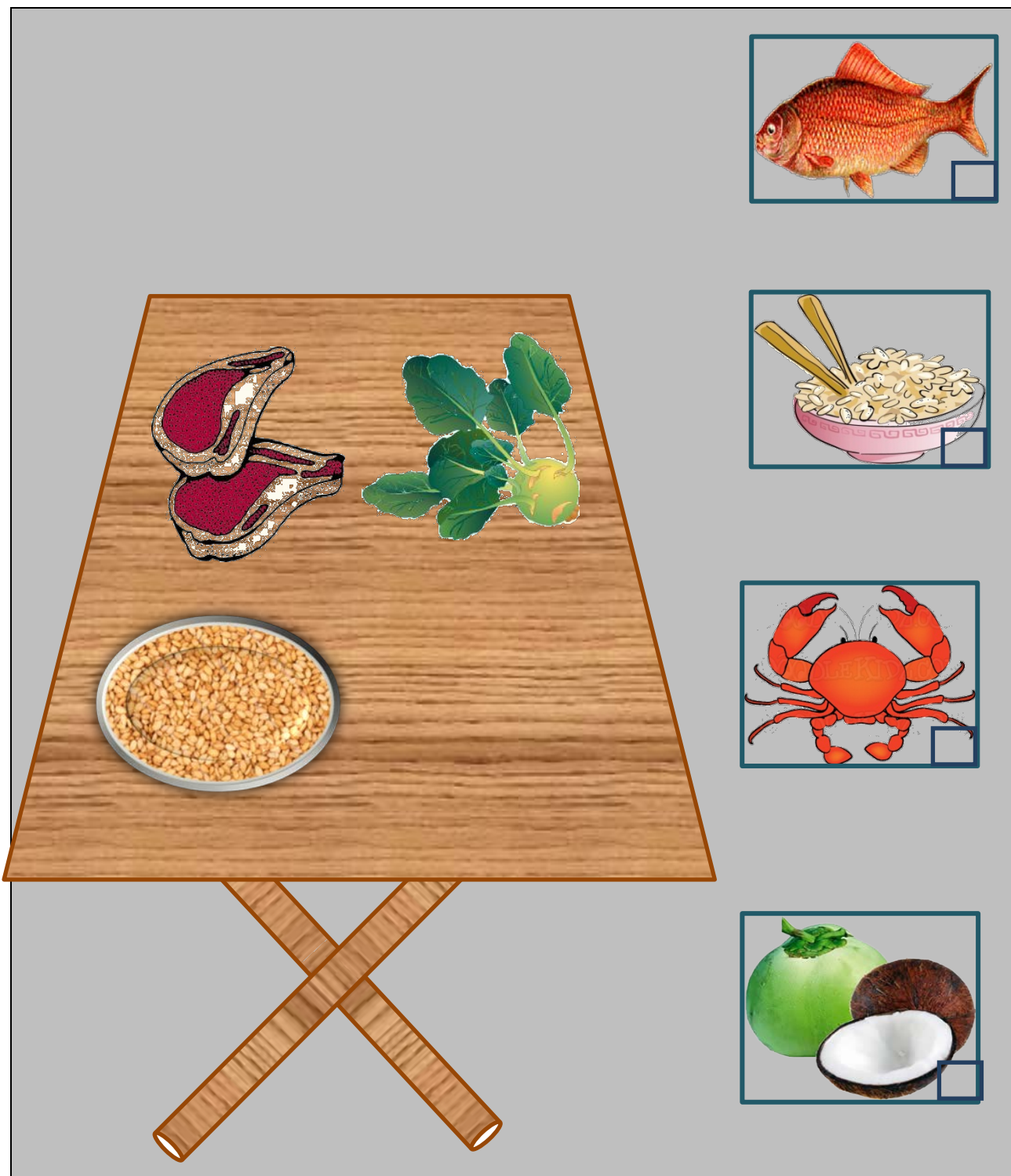
Câu 3: Ông Tư năm nay đã sáu mươi lăm tuổi rồi. Một ngày nọ, ông đem album ảnh ra ôn lại kỷ niệm. Các bé có biết theo thời gian ông đã lớn lên như thế nào không? Các bé hãy sắp xếp lại cho đúng thứ tự nhé.

The image contains six circular illustrations arranged in two rows of three. The top row shows: 1. A baby in a diaper, 2. A young boy playing with a toy car, 3. A pregnant woman. The bottom row shows: 4. A soccer player, 5. A young boy with a backpack, 6. An elderly man with a cane. Below the illustrations is a sequence of six numbered circles (1-6) connected by arrows, indicating a chronological order. The sequence is: 1 (blue) → 2 (red) → 3 (green) → 4 (orange) → 5 (purple) → 6 (teal).

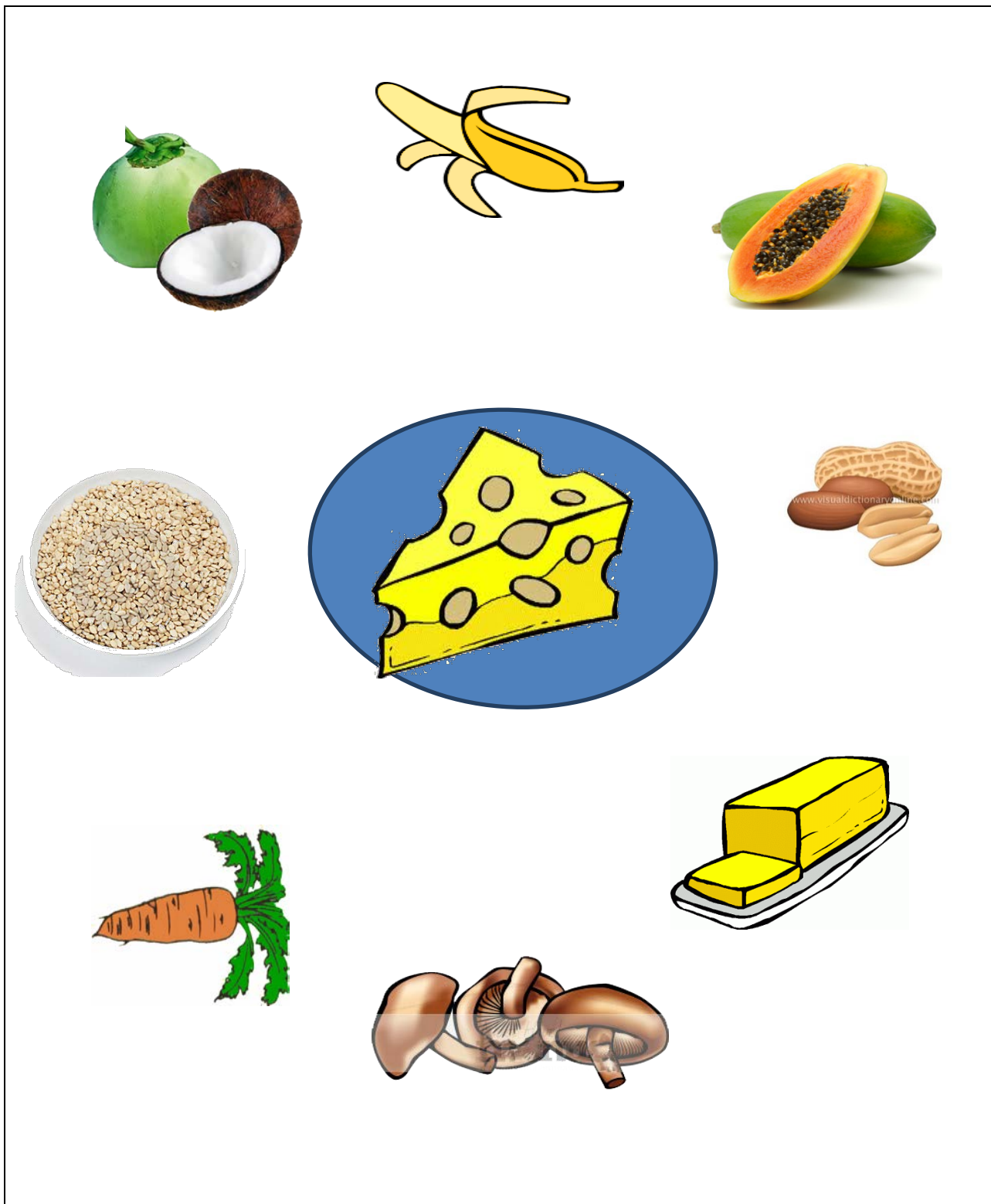
Câu 4: Bà ngoại gọi sang nhà Tin nhờ Tin mang một món chứa chất vitamin và muối khoáng để bữa trưa cho ông bà ngoại thêm ngon miệng lại đảm bảo sức khỏe tuổi già nữa. Theo các bé, bà ngoại đã nhờ Tin mang thực phẩm nào mà bà đang cần trong những thực phẩm sau? Bé hãy lấy thực phẩm đó vào rổ nhé!



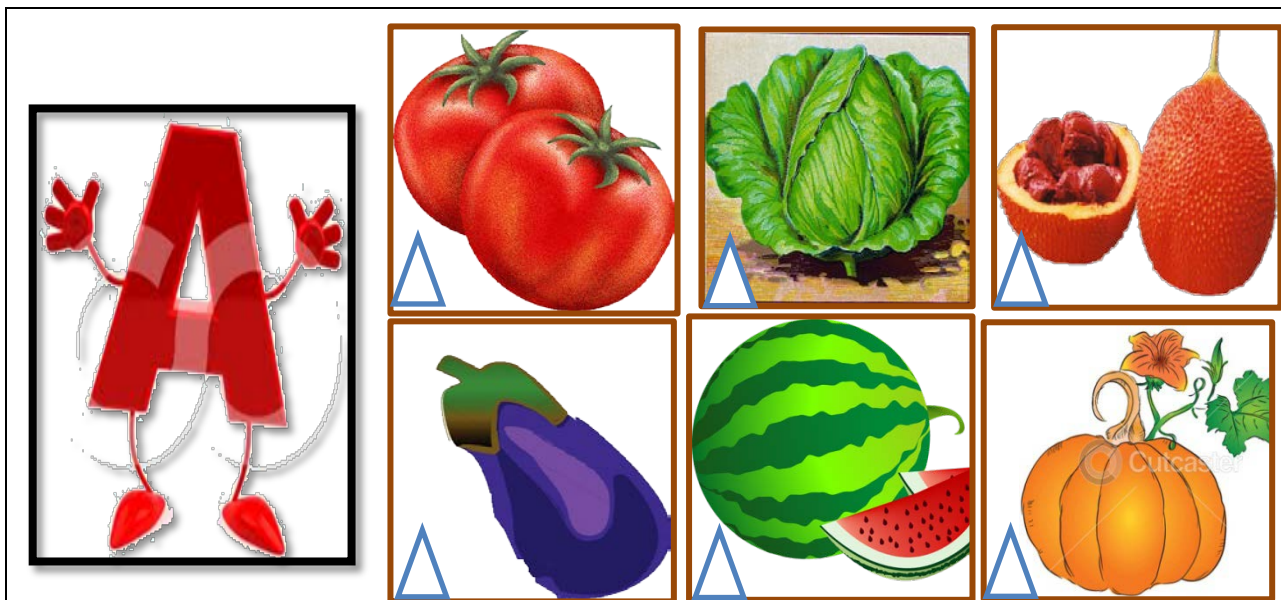
Câu 5: Một bữa ăn đầy đủ chất dinh dưỡng cần có 4 nhóm thực phẩm dinh dưỡng. Mẹ Típ mua nhiều thứ lặt vặt cho nhà mà quên mất một món của một nhóm chất. Vậy khi đến siêu thị Típ sẽ mua thêm món nào? Bé hãy xem và đánh dấu vào nha.



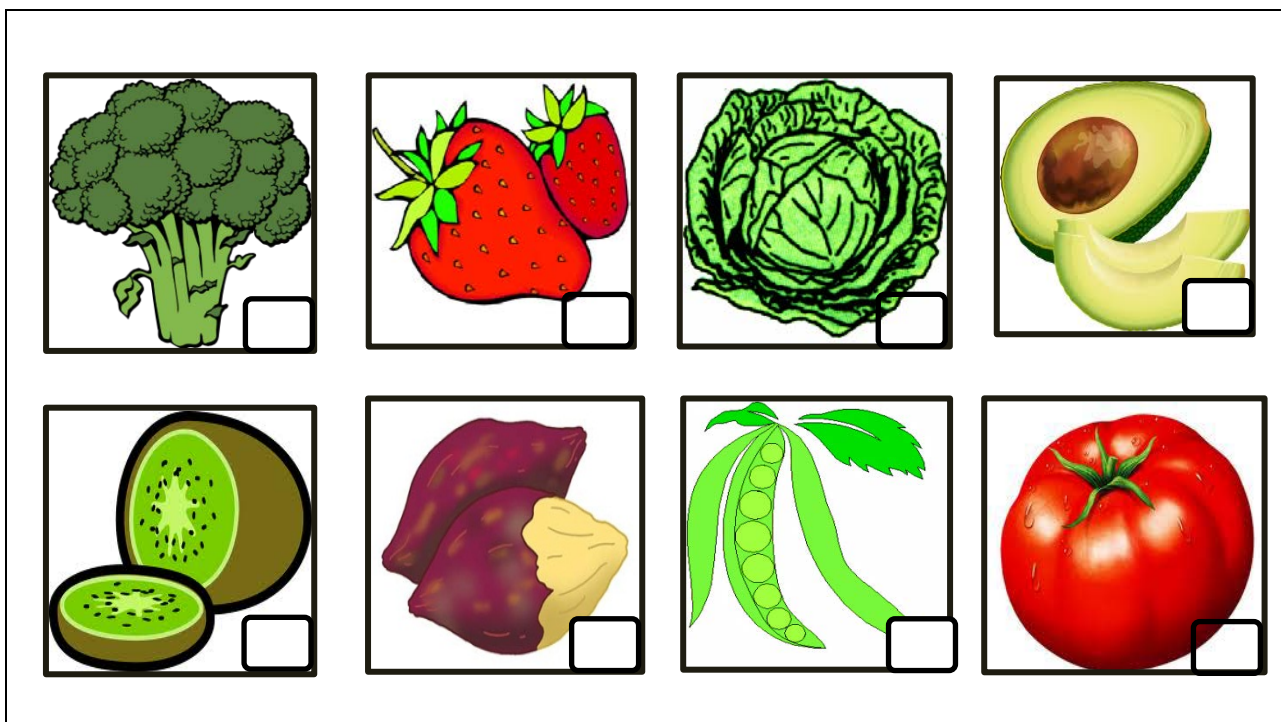
Câu 6: Chào các bạn nhỏ! Tớ là Pho mai mũm mĩm đây! Các bạn có biết trong các thực phẩm dưới đây, ai là người họ hàng với tớ không nè ? Bé hãy nối Pho mai những ai có họ với Pho mai nhé !



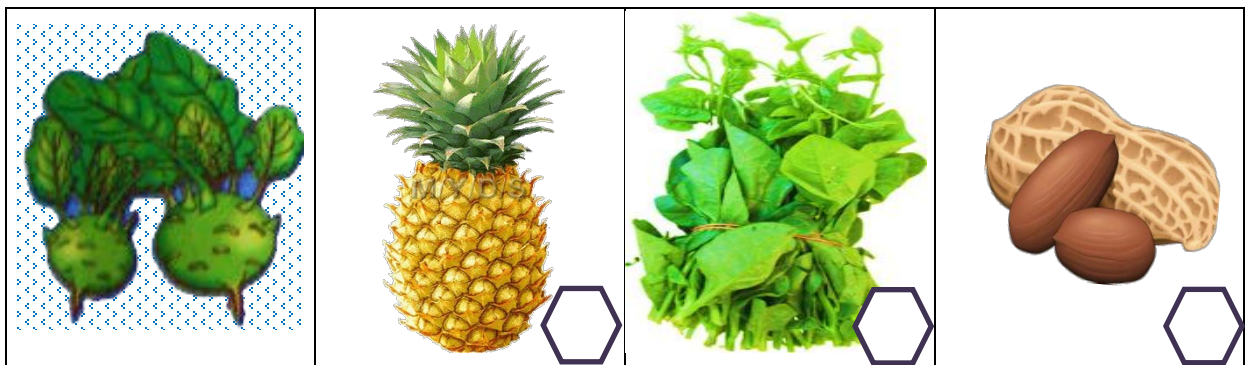
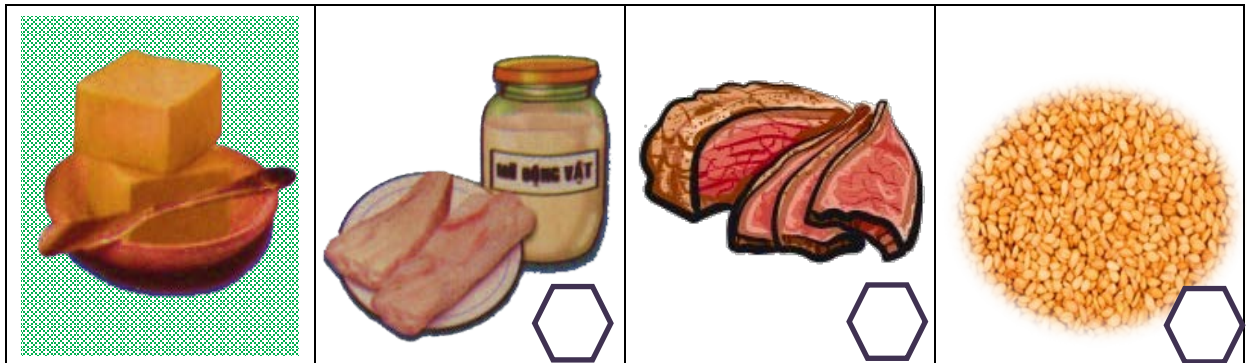
Câu 7 : Chào các bạn nhỏ dễ thương! Tớ là vitamin A giúp đôi mắt của bạn luôn sáng để nhìn rõ mọi vật xung quanh bạn đây. Vậy bạn có biết thực phẩm nào cùng họ với tớ không nè ? Các bạn hãy đánh dấu (X) vào ô tam giác trống nhé !



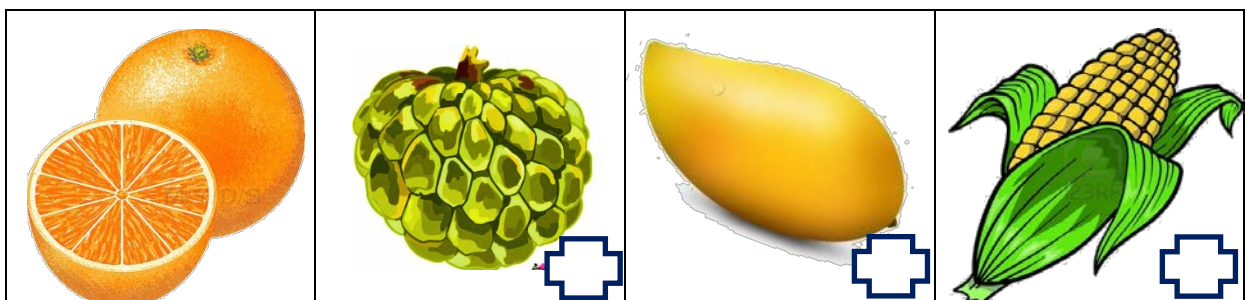
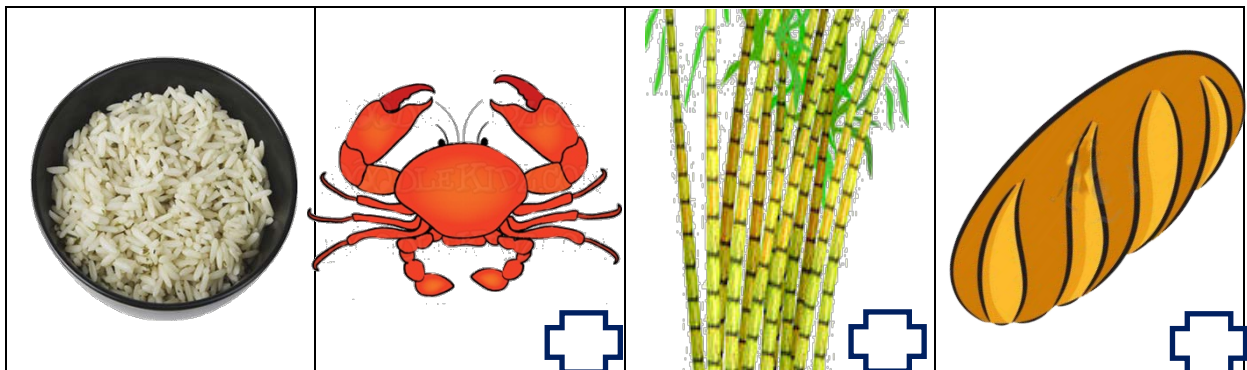
Câu 8 : Để hạn chế chảy máu chân răng cũng như da bạn luôn đẹp thì các bạn rất cần đến người bạn nhỏ tên là Vitamin C này đó. Các bạn có biết thực phẩm nào chứa chất dinh dưỡng này không ? Hãy xem và đánh dấu (X) vào ô trống cho đúng nhé !



Câu 13 : Bé có biết thực phẩm nào không cùng nhóm chất dinh dưỡng với thực phẩm đầu hàng không ? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé !



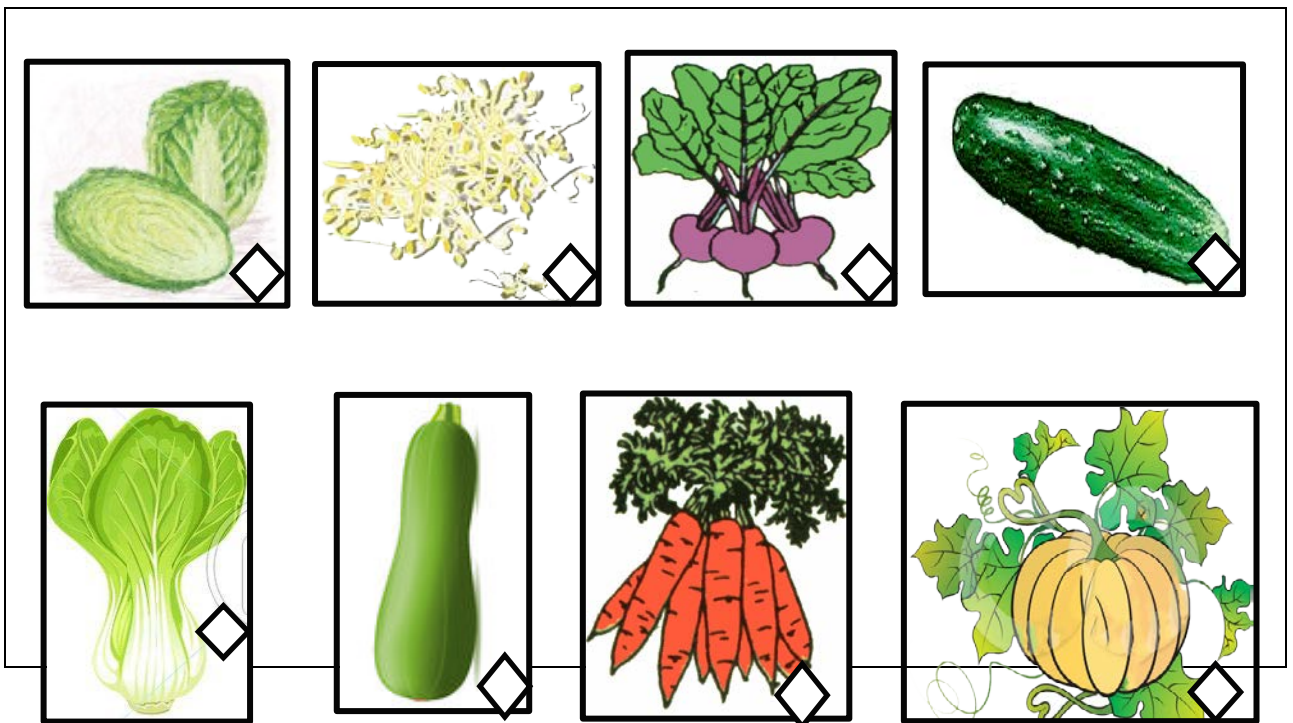
Câu 14 : Thực phẩm nào cùng nhóm chất dinh dưỡng với thực phẩm đầu hàng đây nhỉ ?? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



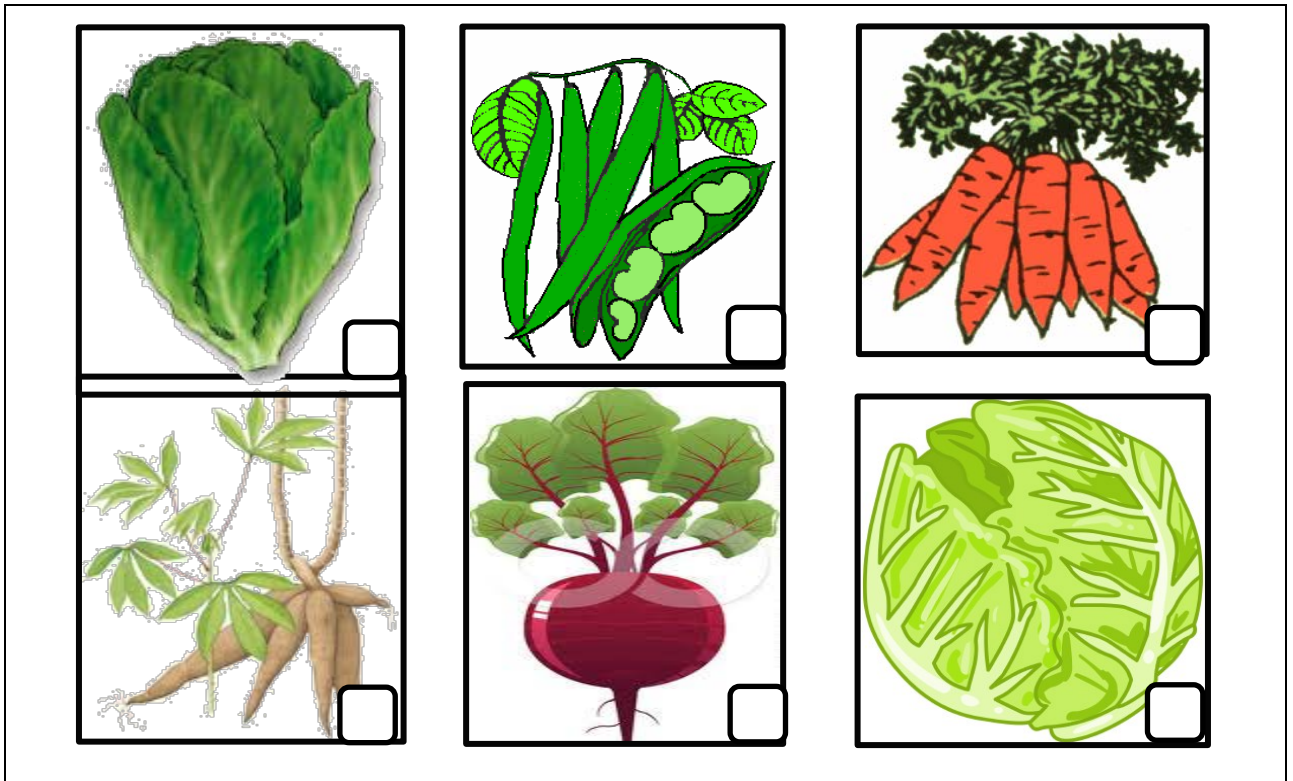
Câu 15 : Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống Các món rau có thể ăn sống và cần đem rửa sạch trước khi ăn nhé!



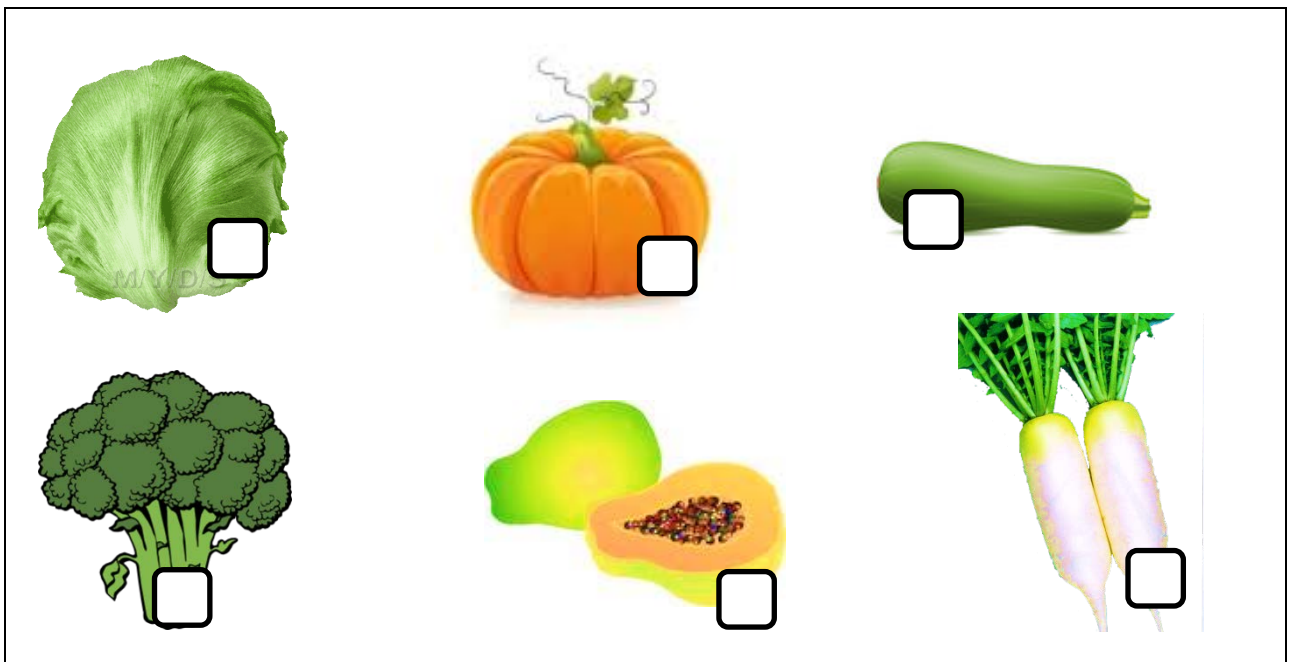
Câu 16 : Các Thực phẩm cần phải đem nấu chín mới có thể ăn được là những nào vậy? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 17 : Theo bé thì thực phẩm nào có thể vừa ăn sống bằng cách trộn hoặc đem nấu chín đều được? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 19: Các thực phẩm nào được muối chua, ngâm dấm vậy bé? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé! : dưa cải, cà pháo, hành, kiệu, đu đủ, củ cải...













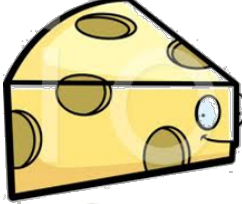


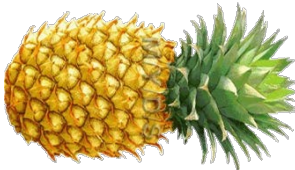

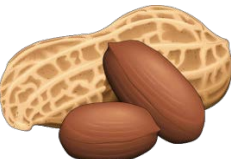
Câu 20 : Ồ! Cái lưới của chúng ta thật là tài giỏi có thể nếm được nhiều vị khác nhau nào chua, cay, ngọt, đắng. Không biết vị ở các thực phẩm dưới đây như thế nào ? Bạn hãy đem thực phẩm có cùng vị vào cùng một cái rổ nhé.



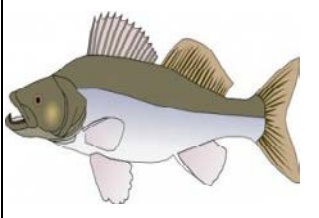





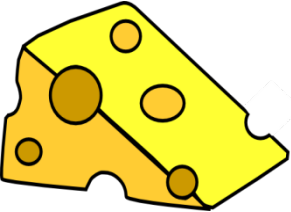
Câu 21: Hình vẽ thức ăn nào có lợi và hại cho sức khỏe hoặc nên ăn ít. Bé hãy đặt đúng bàn nhé!

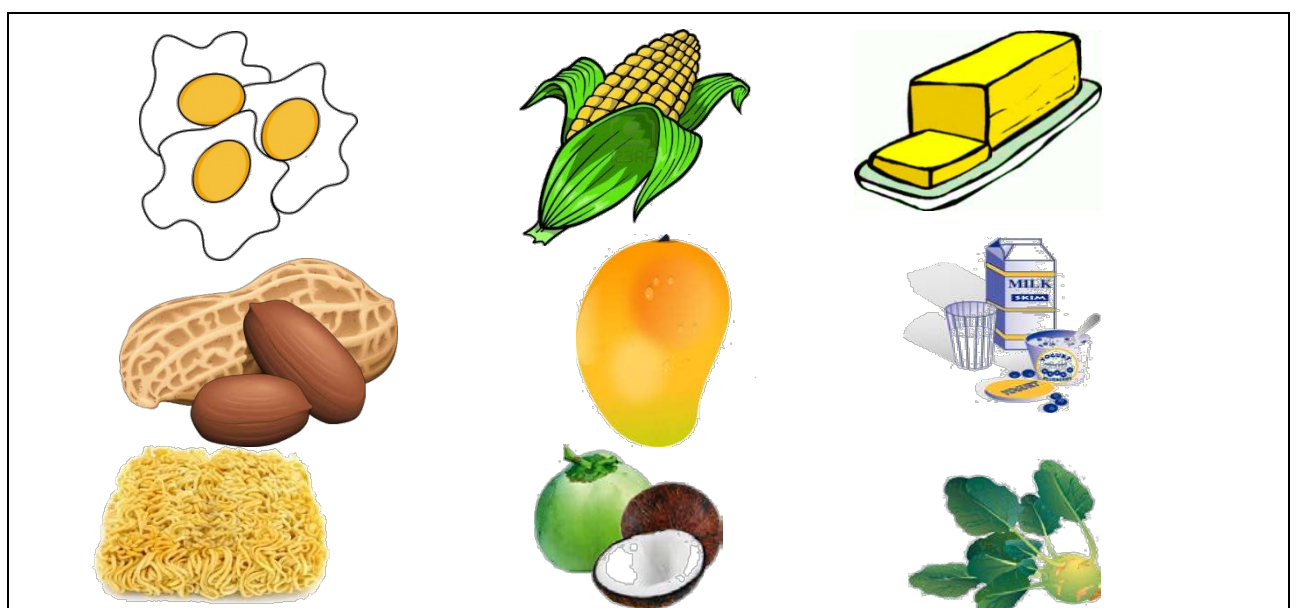


Câu 22: Đã đến giờ tập thể dục sáng rồi, cô giáo tập trung 4 nhóm thực phẩm thành 4 hàng dọc. Bé hãy giúp các tổ trưởng của 4 nhóm chất dinh dưỡng đang đứng đầu mỗi hàng tìm và xếp các bạn thực phẩm vào hàng cho ngay, cho đúng hàng nhé !

Câu 23: Phân biệt bốn nhóm thực phẩm sao cho mỗi hàng, mỗi cột đều chứa 4 nhóm chất dinh dưỡng.

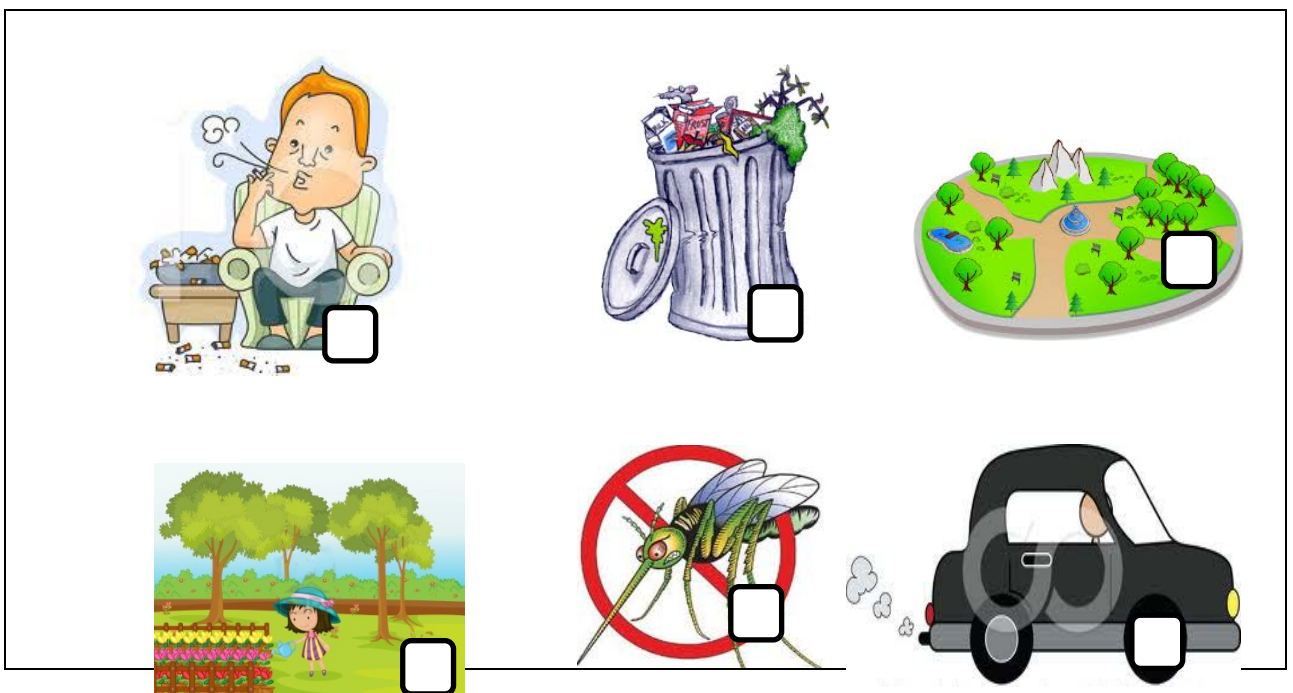
			
			
			
			



Câu 24 : Hôm nay là cuối tuần, ba mẹ đưa Min đi đến viện dinh dưỡng để xem tình hình sức khỏe, vừa bước lên cái biết nói để đo số ký của Min thì Min nghe có tiếng nói : “Béo quá! Béo quá!”. Theo các bạn nhỏ thì Min đã ăn nhiều những thực phẩm nào làm cho Min trở nên béo phì như vậy ?



Câu 25: Bé hãy đánh dấu (X) vào những nơi cần tránh xa khi gặp để không ảnh hưởng đến sức khỏe, bé nhé!

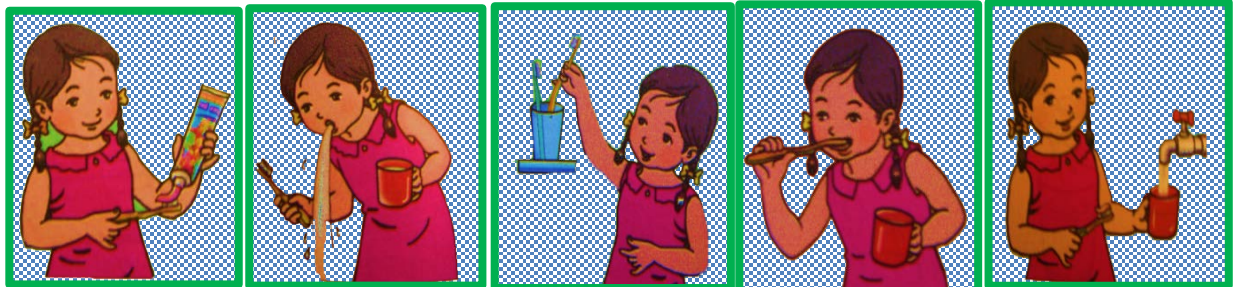


Câu 26: Chuột Jerry phải đi theo con đường có các thực phẩm giàu chất béo thì mới đến được chỗ có miếng phô mai thơm ngon kia. Chuột nên đi theo hướng nào đây? Các bạn chỉ giúp chuột đi nhé!

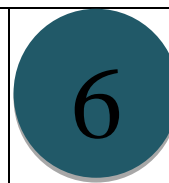
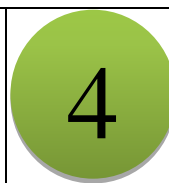
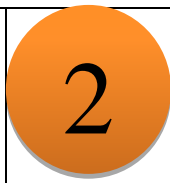
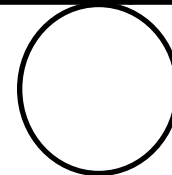
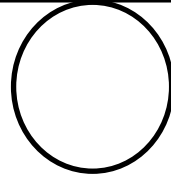
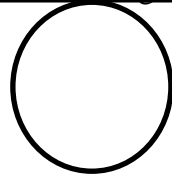
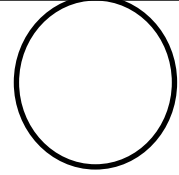
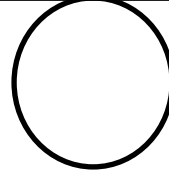
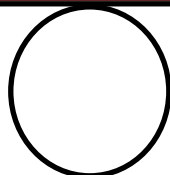
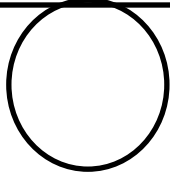


2.2.2. Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân.

Câu 1: Sau một đêm ngủ ngon, hôm nay Quỳnh quyết định đánh răng một mình vì thấy rằng mình đã lớn rồi. Các bạn hãy sắp xếp thứ tự các bước đánh răng để nhắc cho bạn Quỳnh nhé !



Câu 2: Đã đến giờ ăn trưa rồi và việc cần làm của Mi lúc này là rửa tay để không bị vi khuẩn xâm nhập làm đau bụng Mi được. Vậy các bước rửa tay như thế nào là đúng nhỉ? Bạn nhỏ hãy sắp xếp đặt số cho đúng thứ tự nhé!



Câu 3: Với thời tiết thế này thì bé sẽ chọn đồ nào để mặc? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 4: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống để chọn đồ cho phù hợp thời tiết nhé!

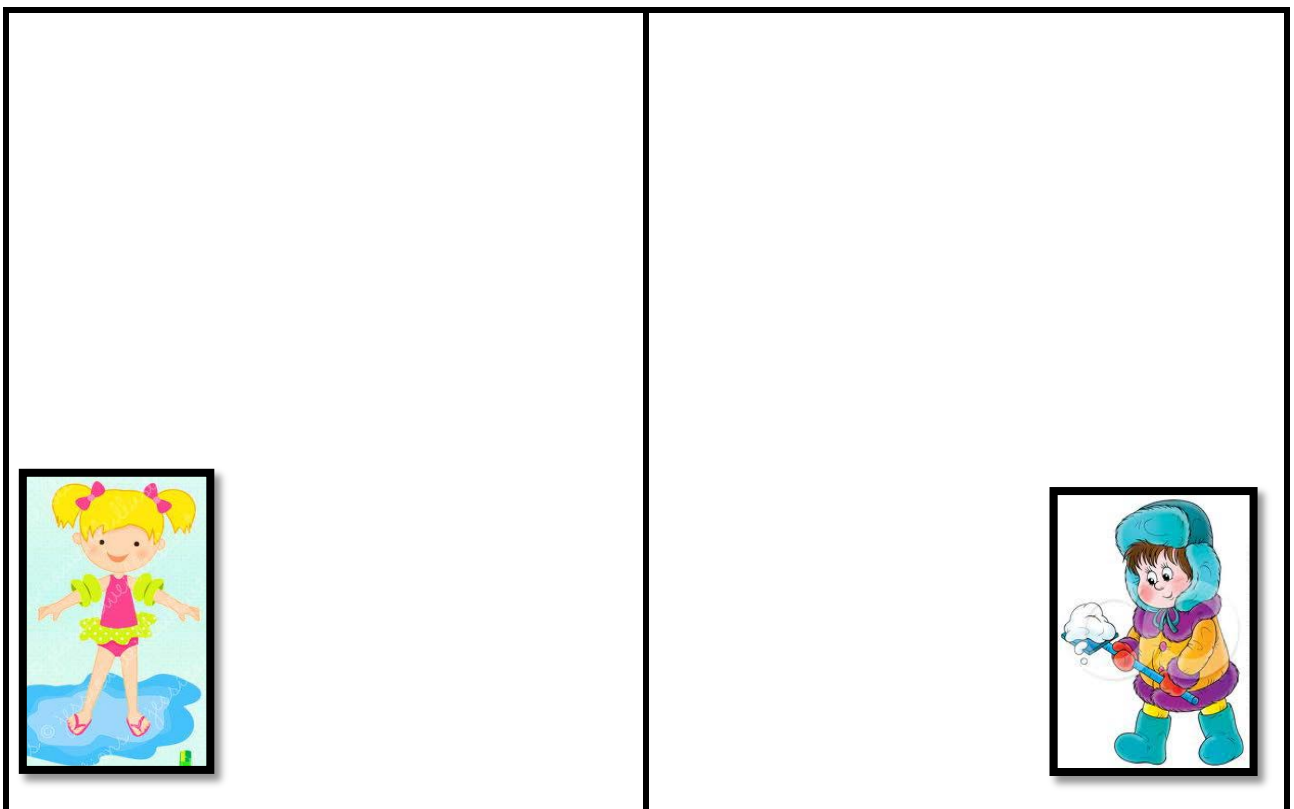




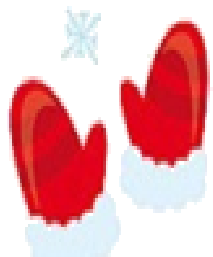
Câu 6: Trường hợp nào dưới đây cần lấy tay hoặc khăn che lại, bé hãy tìm và đánh dấu (X) vào ô trống nhé!

<input data-bbox="587 1473 651 1525" type="checkbox"/>	<input data-bbox="986 1473 1050 1525" type="checkbox"/>	<input data-bbox="1358 1473 1422 1525" type="checkbox"/>
<input data-bbox="587 1854 651 1906" type="checkbox"/>	<input data-bbox="986 1854 1050 1906" type="checkbox"/>	<input data-bbox="1358 1854 1422 1906" type="checkbox"/>

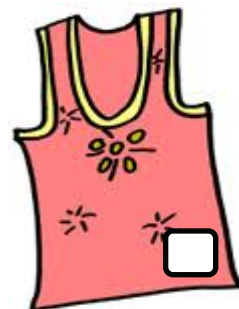
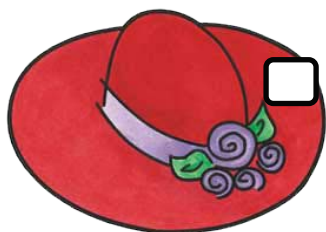
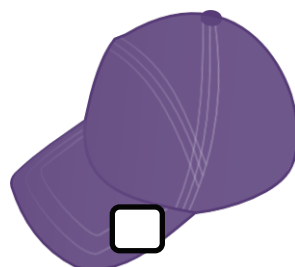
Câu 7: Các đồ này là của ai trong hai bạn nhỏ này đây ? Các bé hãy xem và kéo đồ vào cho hai bạn ấy nhé !






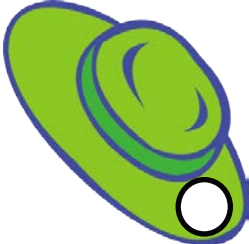
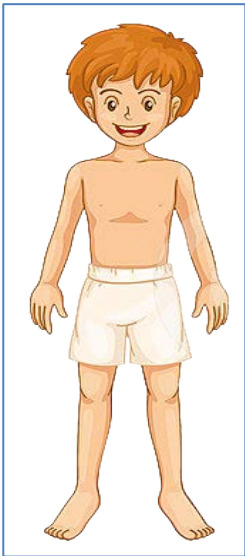
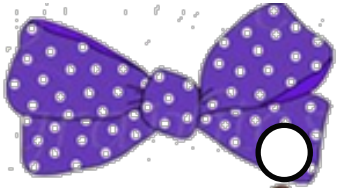





Câu 8: Với thời tiết thế này thì ba bạn nhỏ của chúng ta cần gì ? Bé hãy nói quần áo và đồ dùng với các bạn cho phù hợp với thời tiết nhé !



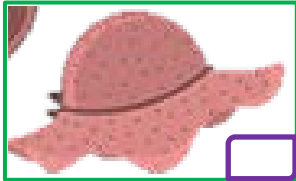




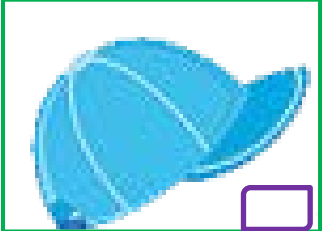
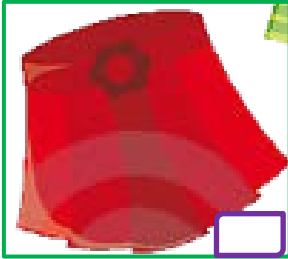


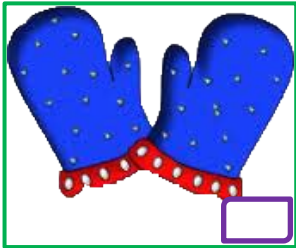



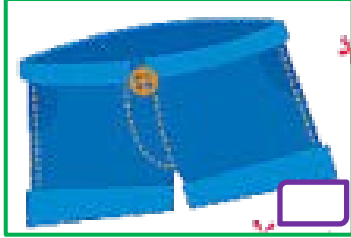
Câu 9: Đố bé biết bạn này là con trai hay con gái vậy ? Bé hãy xem và giúp bạn ấy chọn đồ phù hợp cho bạn ấy bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống nhé !



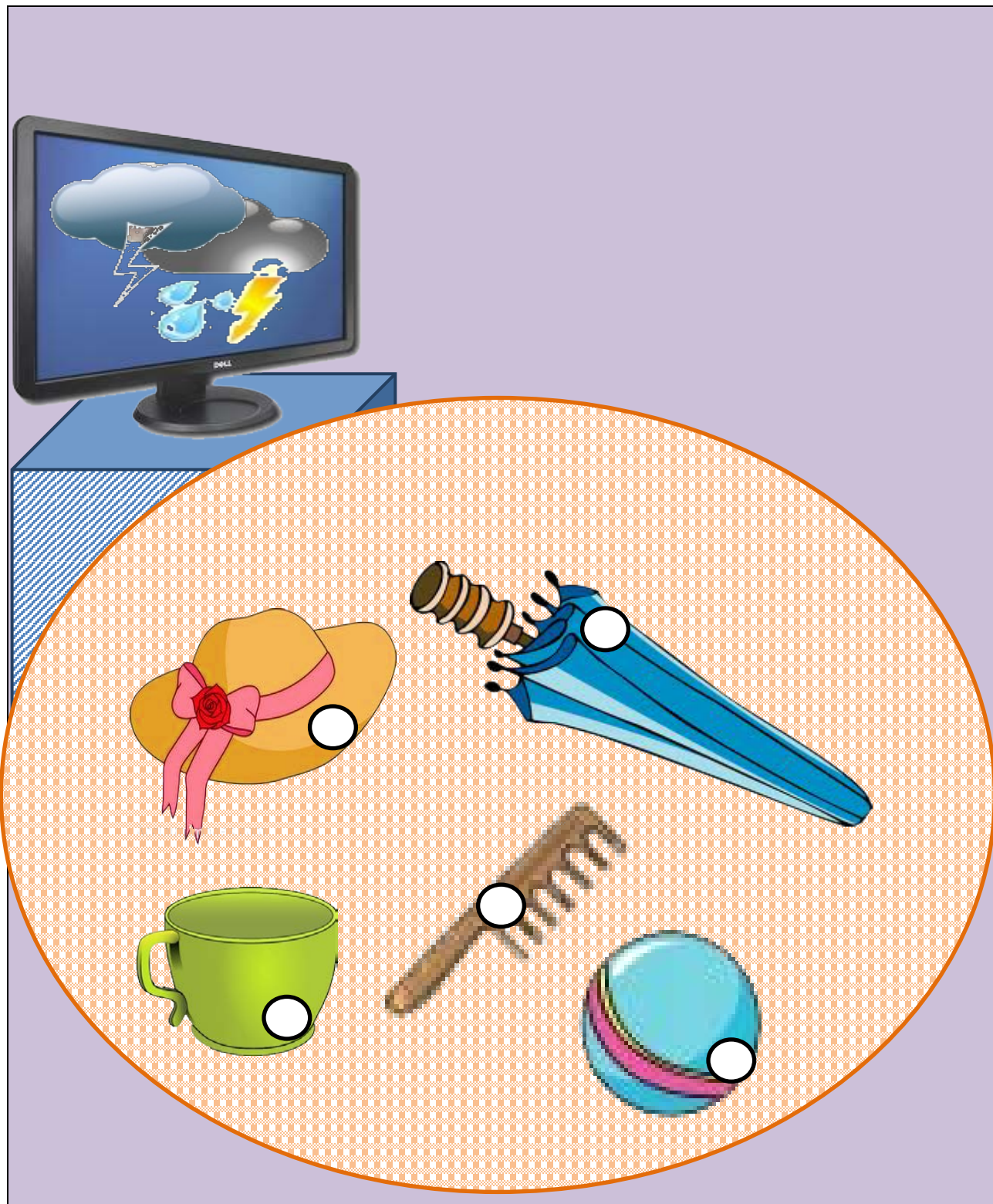
Câu 10 : Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống để chọn đồ phù hợp cho người bạn nhỏ dưới đây nhé !

Câu 11 : Bé hãy viết số 1 vào đồ của bạn trai, số 2 vào đồ bạn gái, số 3 vào đồ mà hai bạn đều có thể có sử dụng được nhé!

 <input data-bbox="504 506 571 551" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 584 1465 629" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="504 748 571 792" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 792 1465 837" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="485 1088 552 1133" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 1066 1465 1111" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="504 1391 571 1435" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 1323 1465 1368" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="504 1659 571 1704" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 1637 1465 1682" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="485 1895 552 1939" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1398 1895 1465 1939" type="checkbox"/>

Câu 12 : Chíp xem dự báo thời tiết trên tivi nhưng giờ Chíp có việc cần đi ra ngoài. Vậy với thời tiết thế này thì Chíp cần đem theo vật nào đây? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé !

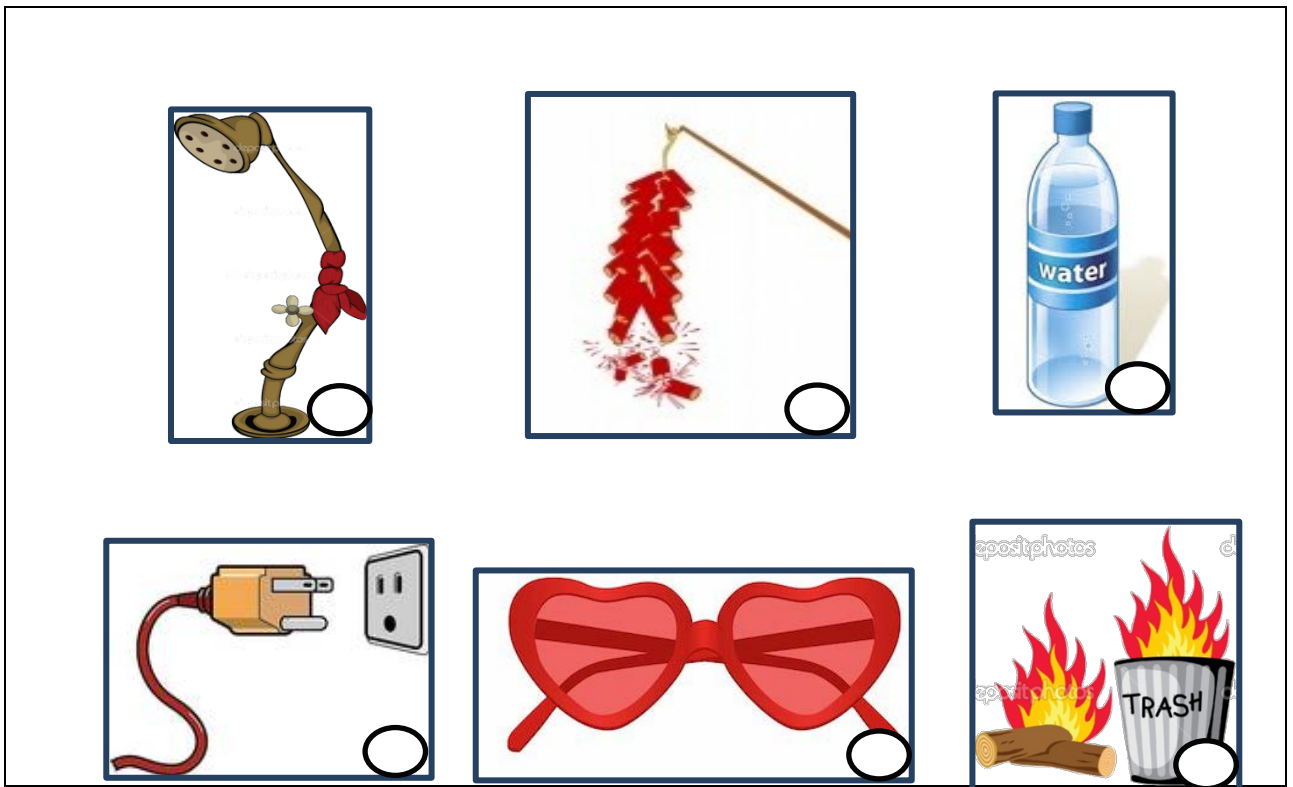


Câu 13 : Khi ho, hắt hơi, ngáp có thể lấy gì để che miệng lại Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!

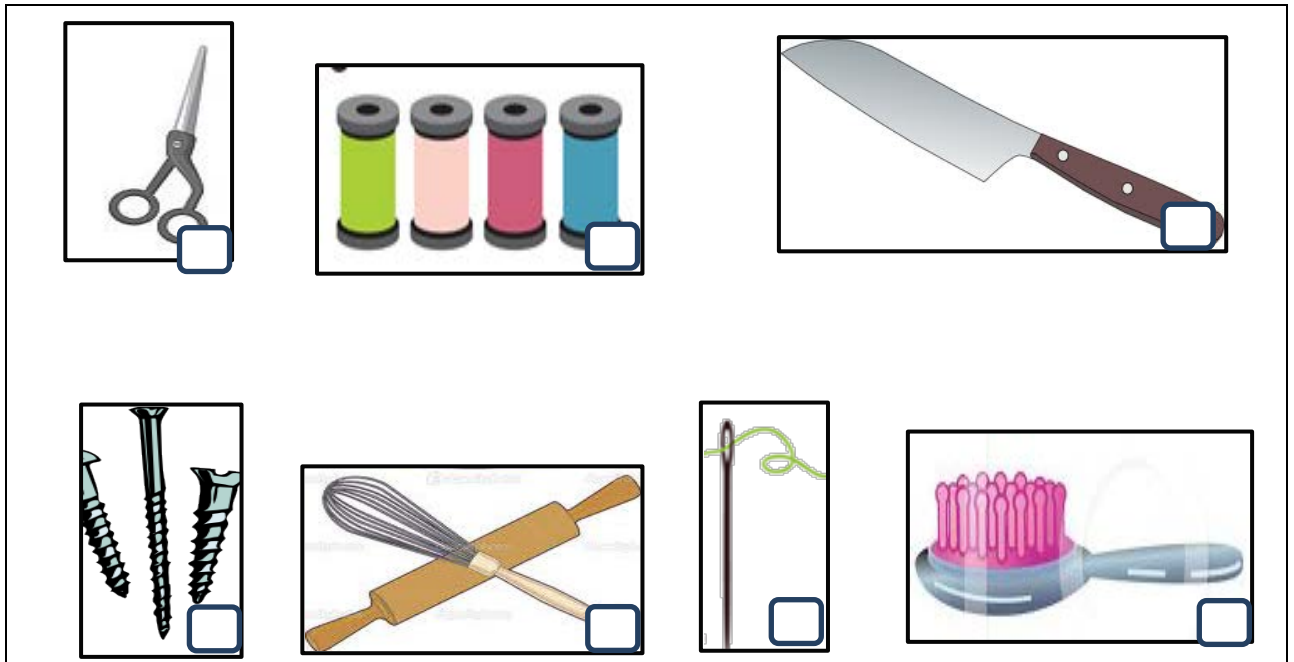


2.2.3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân.

Câu 1: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những đồ dễ gây cháy nổ nhé!-(đáp án: lửa, pháo, điện)



Câu 2: Bé hãy đánh dấu (X) vào vật dụng sắc nhọn gây nguy hiểm cho mọi người nhé!



Câu 3: Bé có biết vật dụng nào trong những vật dụng dưới đây đang nóng và dễ gây bỏng, nguy hiểm cho người khác không? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 4: Bé hãy nối vật dụng nguy hiểm với hình tam giác và nơi nguy hiểm với hình vuông nhé!

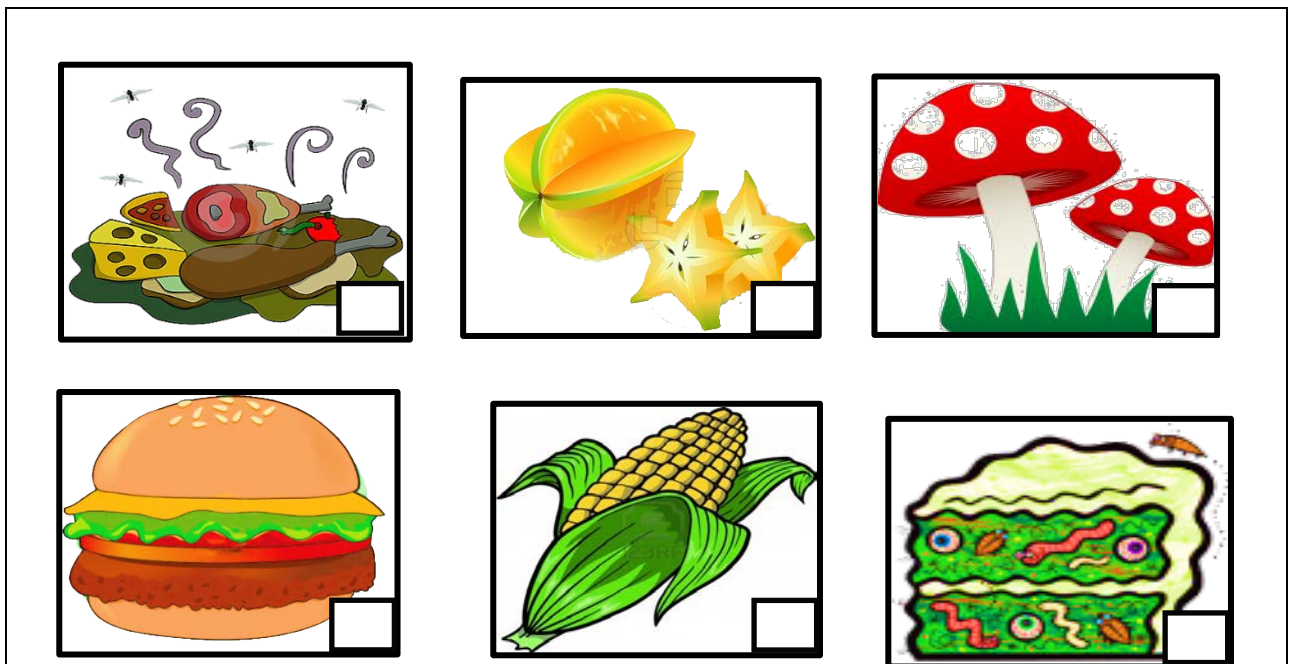
The image contains the following items for matching:

- Swimming pool with a wooden plank (dangerous object)
- Well with a bucket (dangerous place)
- Comb (dangerous object)
- Scissors (dangerous object)
- Purple triangle (shape)
- Orange square (shape)
- Lake with a boat (dangerous place)
- Park with trees (safe place)
- Whisk (dangerous object)
- Row of colorful lollipops (dangerous object)
- Hand saw (dangerous object)

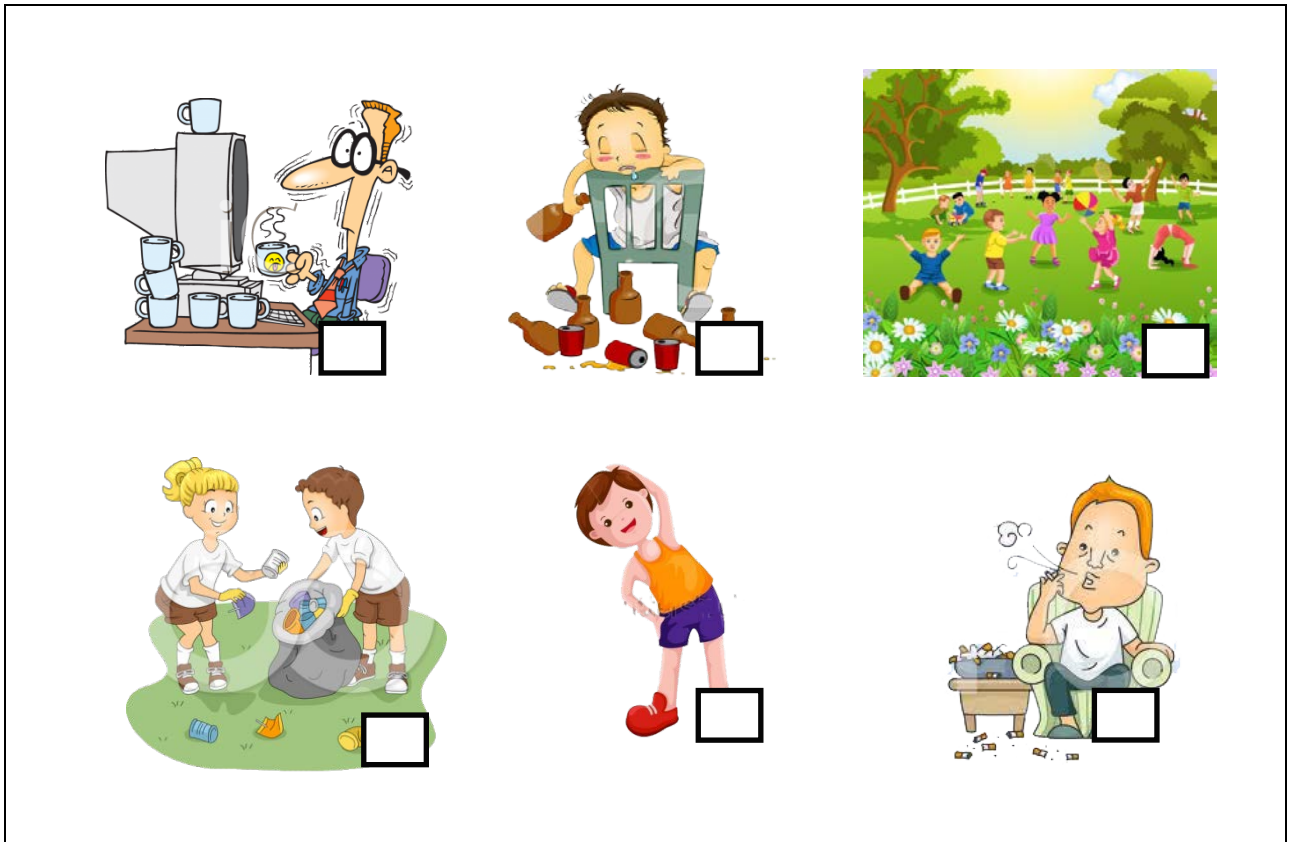
Câu 5: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những loại quả dưới đây khi ăn cần lưu ý để không bị hóc sặc nhé!



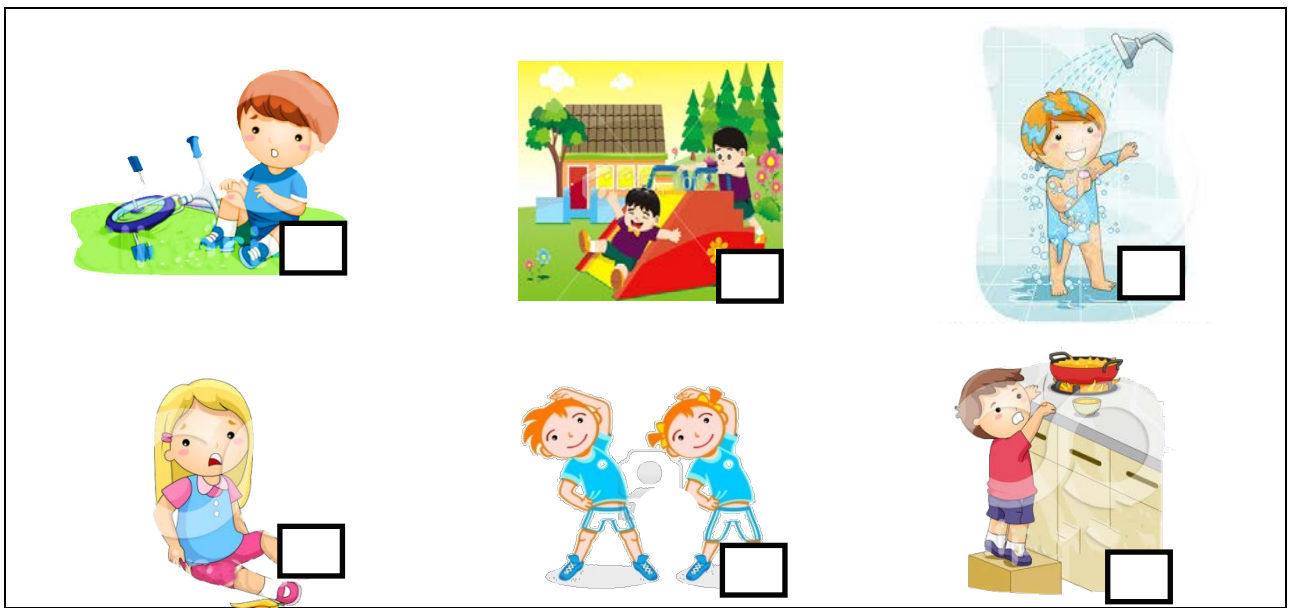
Câu 6: Bé hãy giúp KiWi tìm ra những thức ăn khi ăn có thể gây đau bụng hoặc bị ngộ độc để khi ăn còn tránh bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



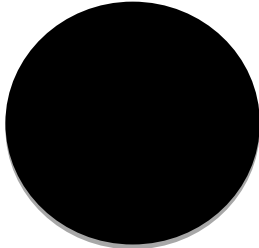

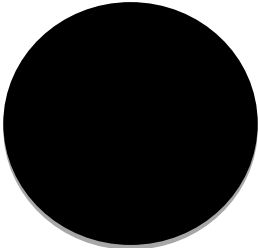
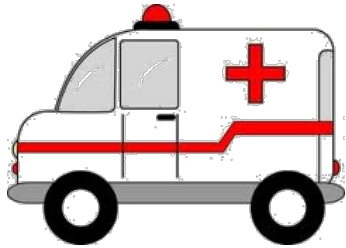


Câu 7: Việc nào sau đây không tốt cho sức khỏe vậy bé nhỉ? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!









Câu 8: Bé hãy đánh dấu (x) những trường hợp nào dưới đây bé cần gọi người lớn giúp nhé!



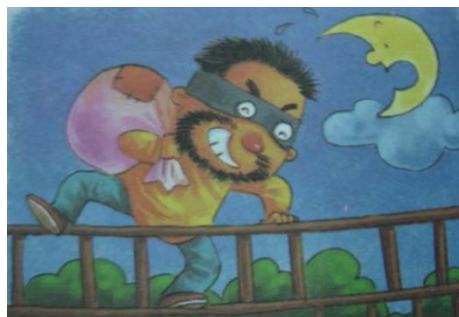
Câu 9: Bé có biết những số dưới đây là của xe nào không? Bé hãy nối số với xe cho thích hợp nhé!

Câu 10: Những người dưới đây đang gặp nguy hiểm cũng như có người đang gây hại. Vậy chúng ta cần gọi số nào để giúp họ cũng như một bài học cho kẻ gây hại? Bé hãy nối số điện khẩn tương ứng với hoàn cảnh nhé!

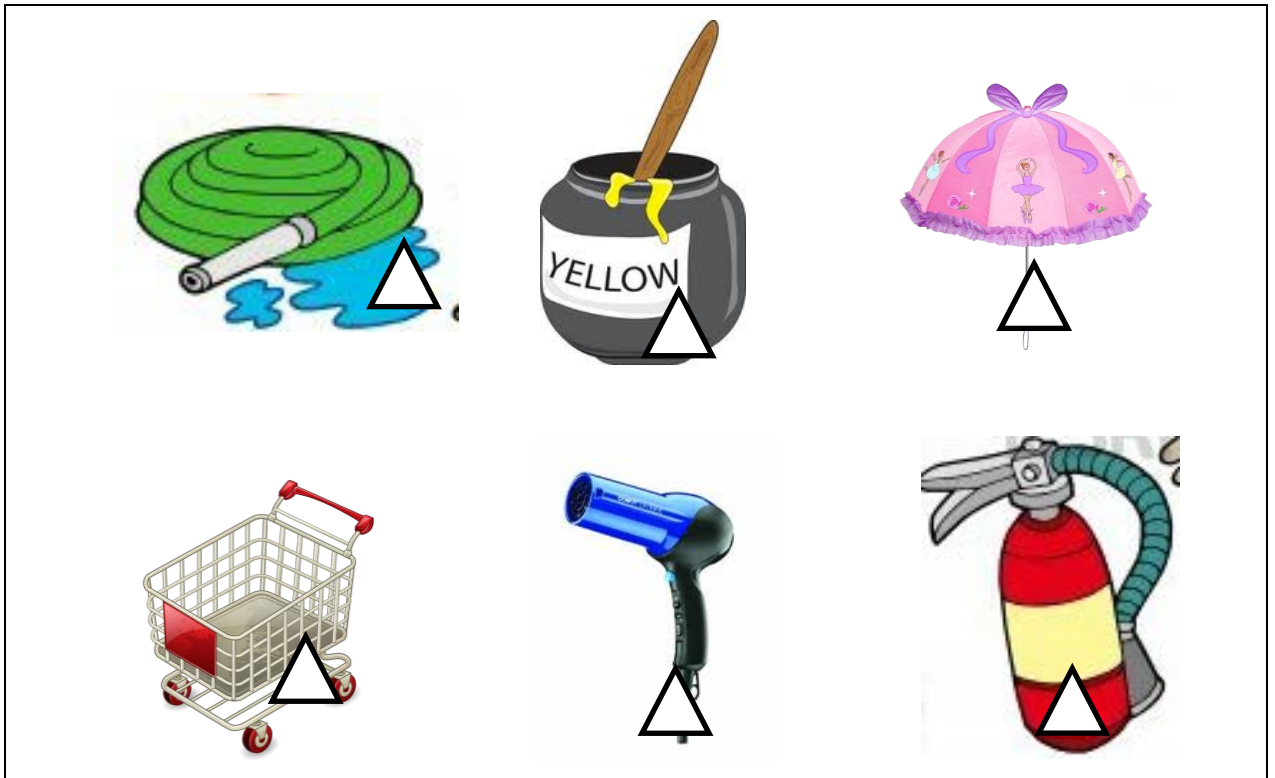
Câu 11: Bé có biết mỗi xe sẽ nhiệm vụ riêng của mình trong những trường hợp khẩn. Bé hãy thử nối các xe dưới đây với hoàn cảnh đang diễn ra nhé!



Câu 12: Bé có biết các nguồn gây ra lửa, dễ cháy không? Bé hãy đánh dấu vào ô trống nhé! (bếp gas, bật lửa, còi, nến, dầu, xăng,...)



Câu 13: Khi xảy ra đám cháy bé cần dùng những đồ dùng nào?



2.2.4. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội.

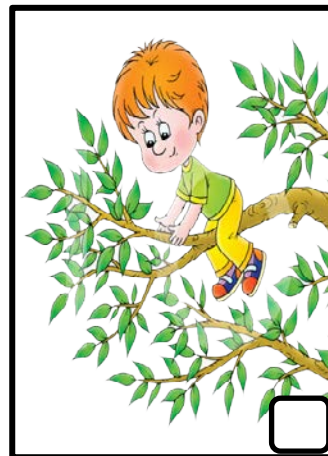
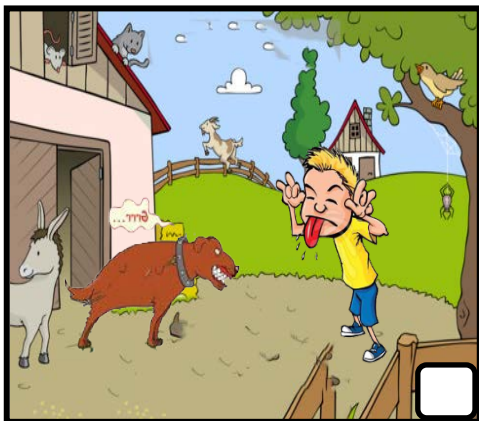
Câu 1: Khi đến một số nơi công cộng, chúng ta cần tuân thủ một số quy định ở đó. Vậy bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những việc không được phép làm tại công cộng nhé!



Câu 2: Để đảm bảo an toàn cho bản thân khi tham gia giao thông cũng cần tuân thủ những quy tắc giao thông. Vậy bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những trường hợp chưa tuân thủ quy tắc giao thông nhé!



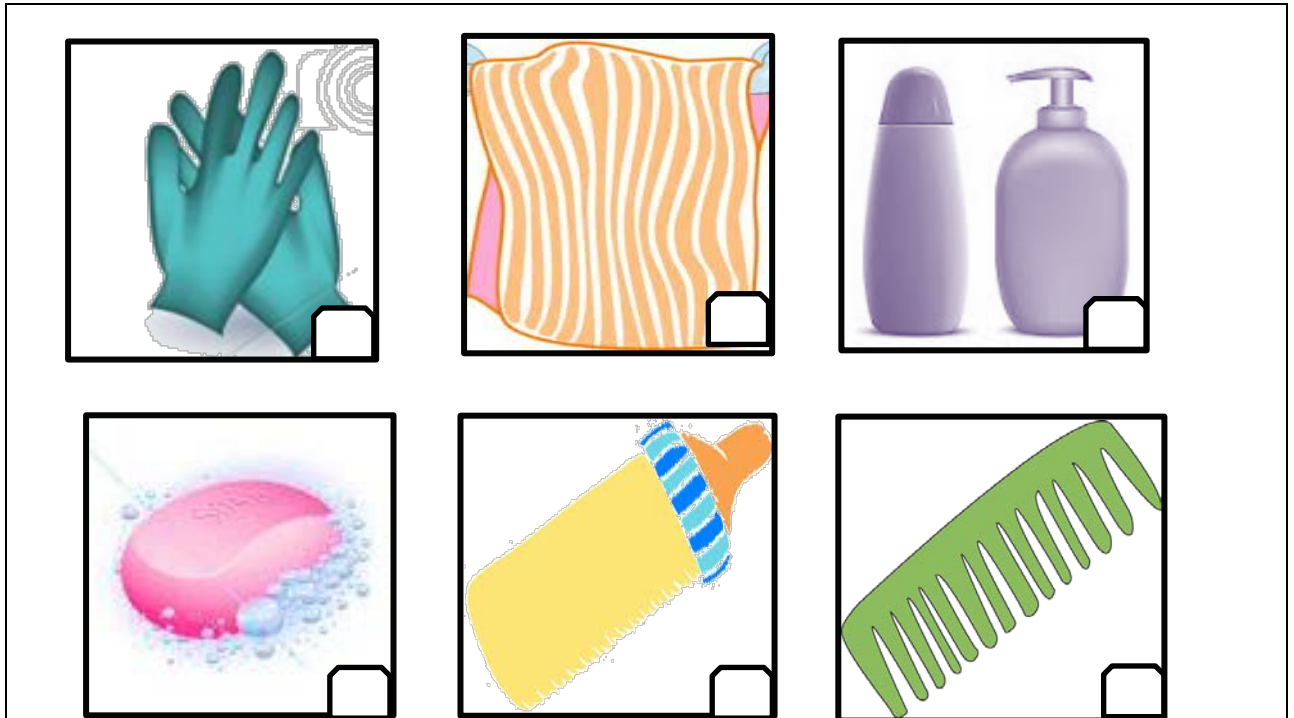
Câu 3: Khi đến những nơi như là vườn cây, trại chăn nuôi thì hành vi nào không nên làm? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



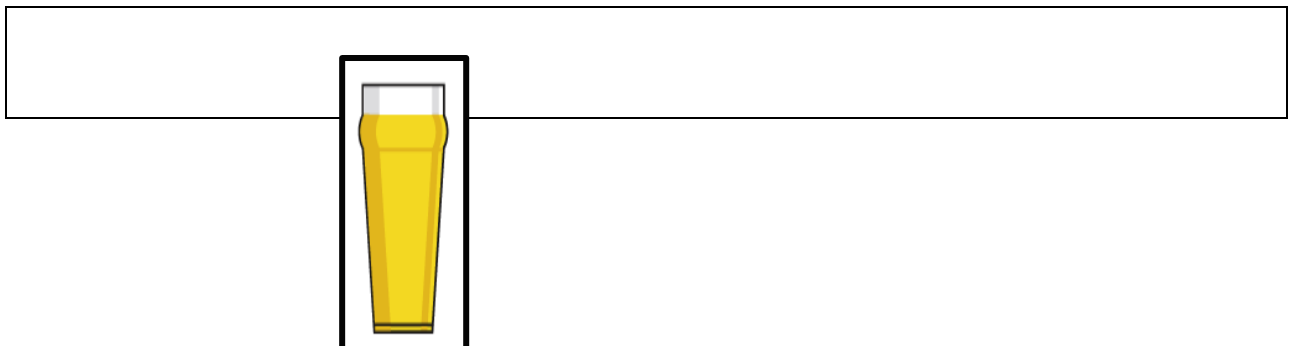
Câu 4: Hãy chọn cho bé đồ dùng g cách đánh dấu (X) vào ô trống mà bé thường dùng khi đánh răng để không bị sâu răng nhé!

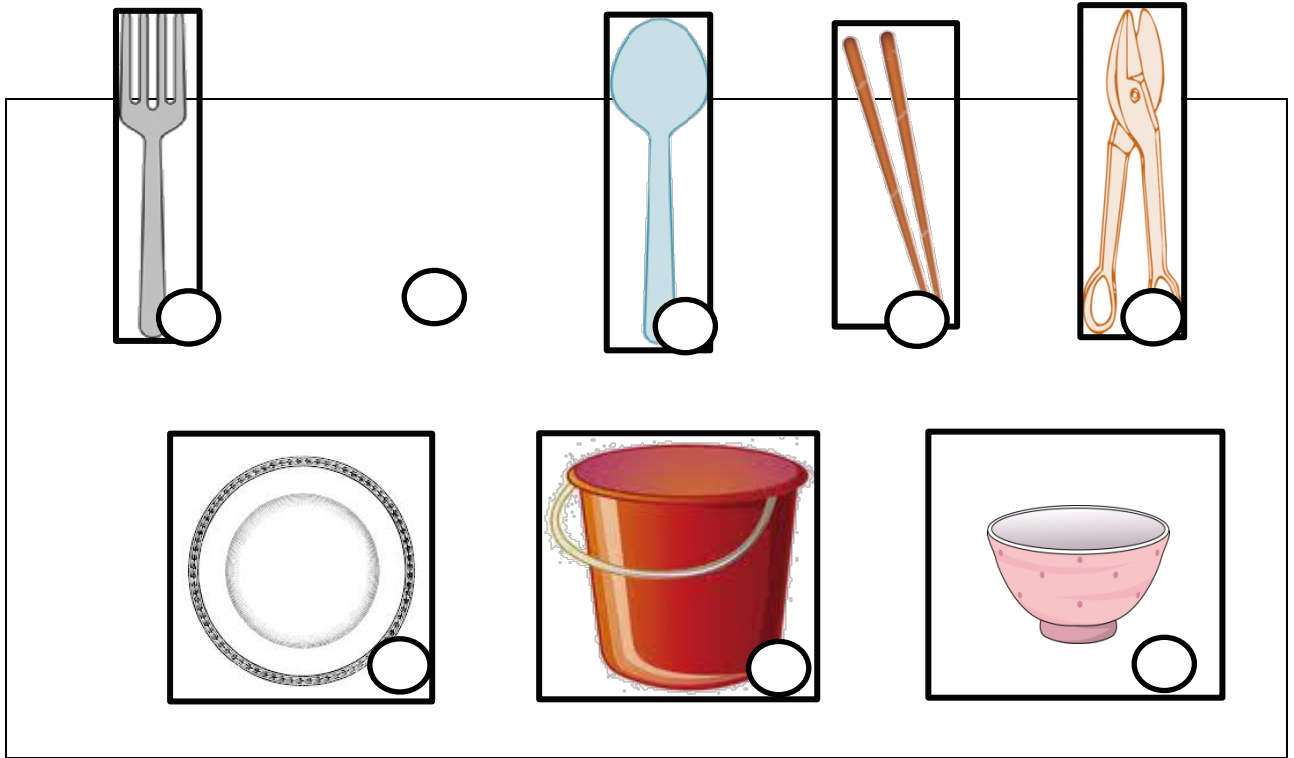


Câu 5: Để có một cơ thể sạch sẽ, không bị vi khuẩn xâm nhập thì bé cần phải tắm gội. Vậy khi tắm bé thường dùng đồ nào dưới đây? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 6: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống đồ dùng mà bé thường dùng khi ăn.



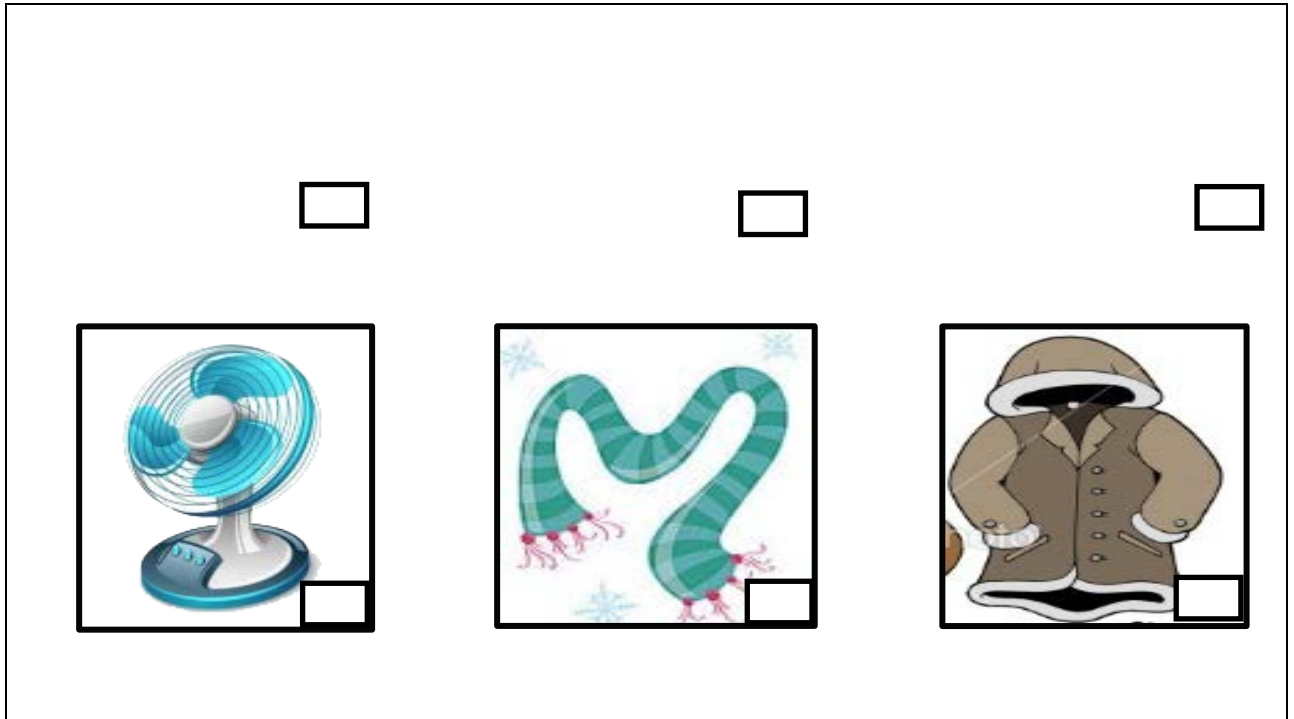


Câu 7: Bé thấy đồ dùng nào dưới đây thường dùng khi trời nắng nóng? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 8: Hãy chọn đồ dùng mà bé thấy thường dùng khi trời lạnh bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống.

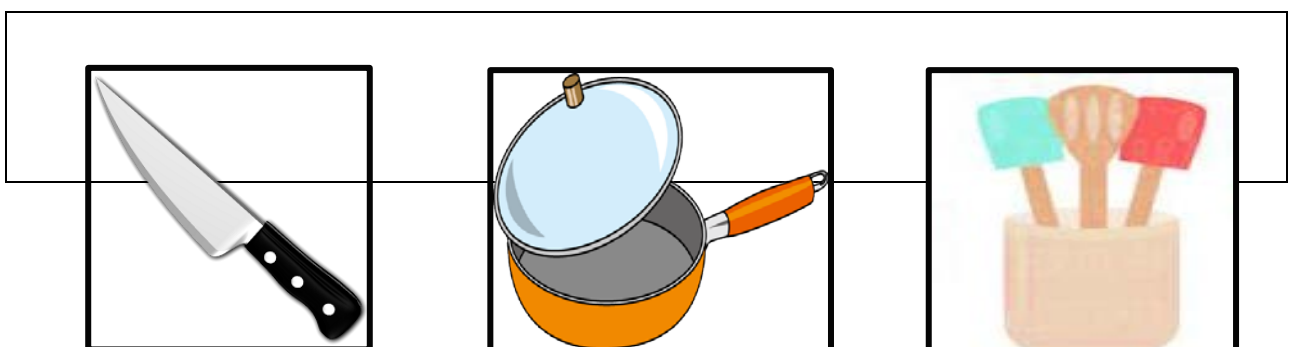


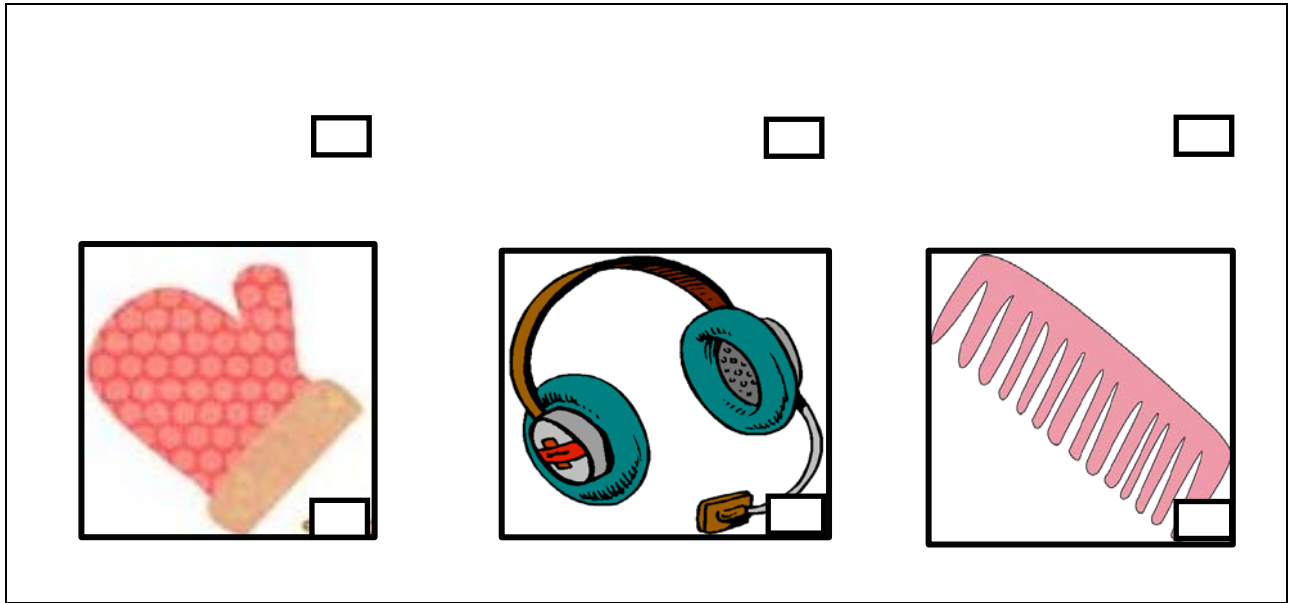


Câu 9: Để có giấc ngủ ngon, bé cần những đồ dùng nào trong các đồ dùng dưới đây khi ngủ vậy? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!

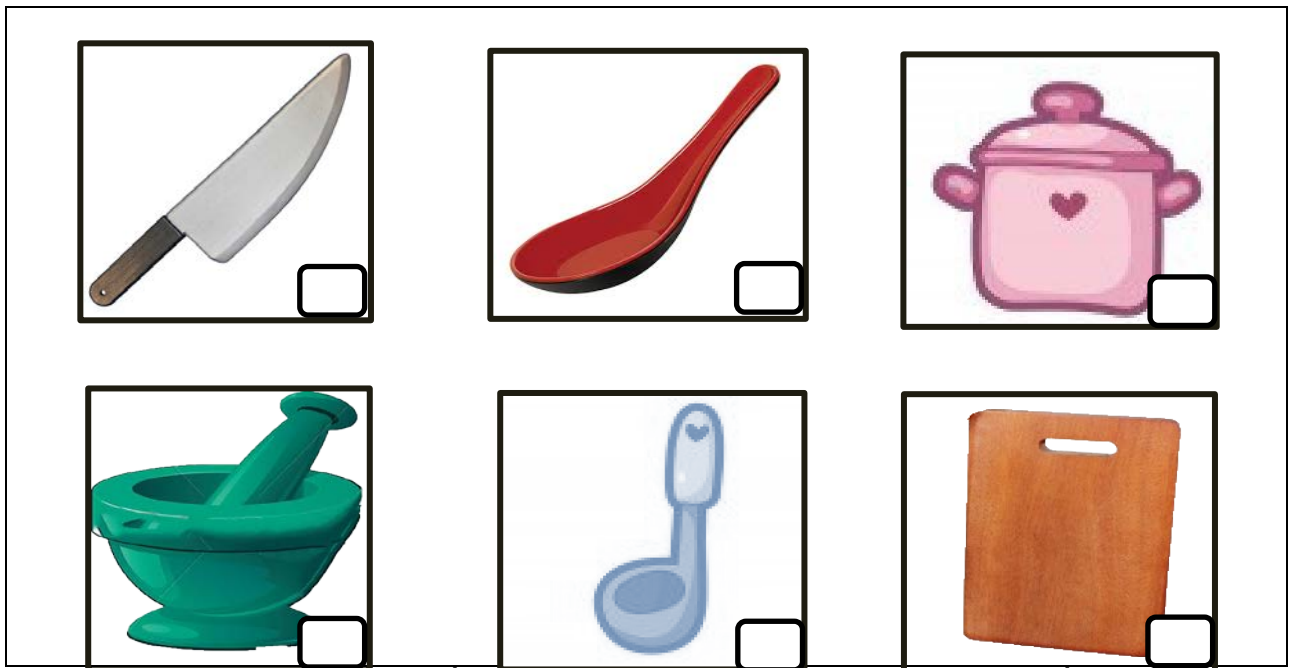


Câu 10: Hằng ngày mẹ thường là người nấu ăn cho gia đình. Bé có biết đồ dùng nào mà mẹ thường dùng khi làm bếp không? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



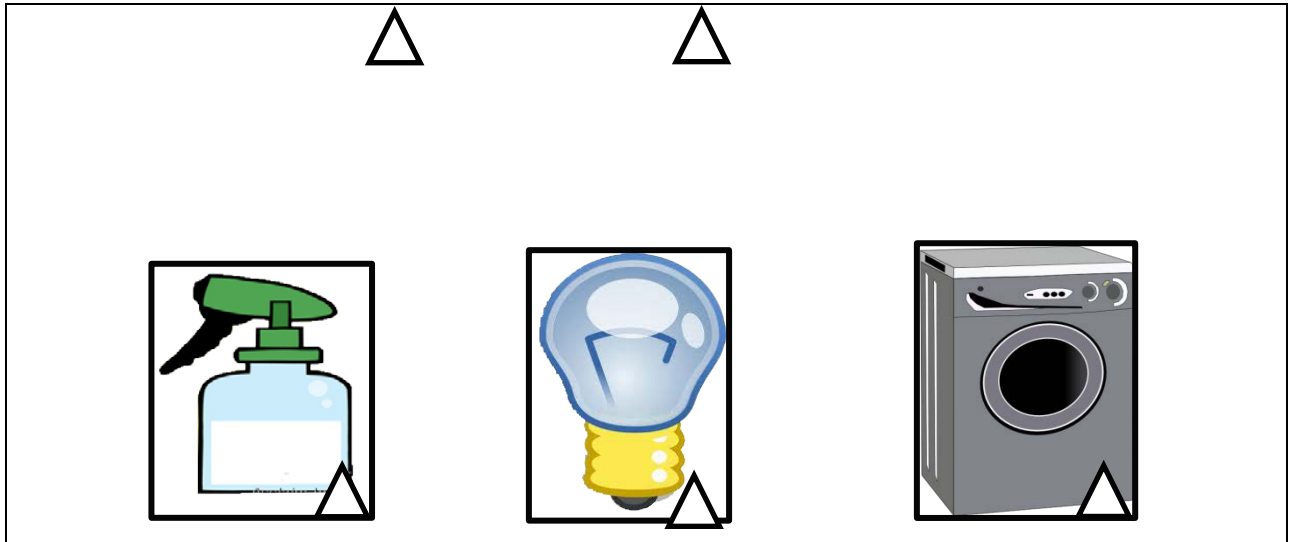


Câu 11 : Bé hãy đánh dấu (X) vào đồ dùng mà giúp mẹ cắt, thái, băm, chặt, giã cá loại thực phẩm cho mẹ.



Câu 12 : Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trông đồ dùng nào trong các đồ dùng dưới đây cần sử dụng điện nhé!

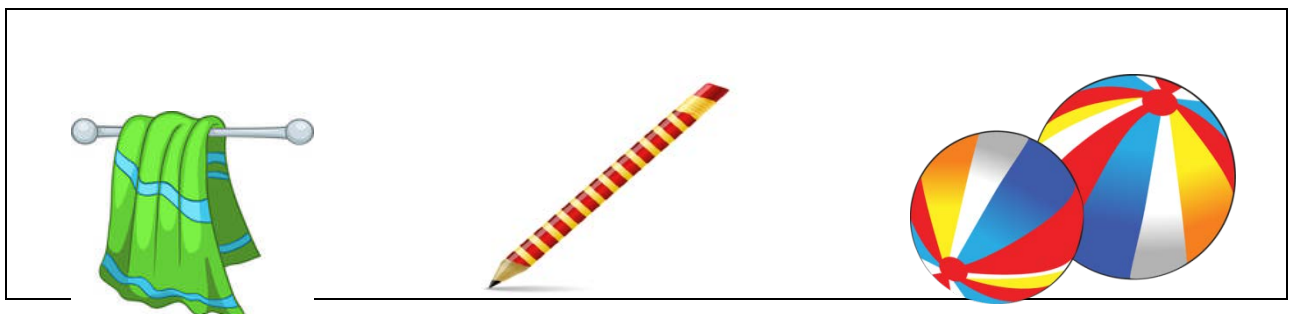




Câu 13: Bé hãy đánh dấu (X) vào đồ dùng phục vụ nhu cầu giải trí, xem tin tức nhé!

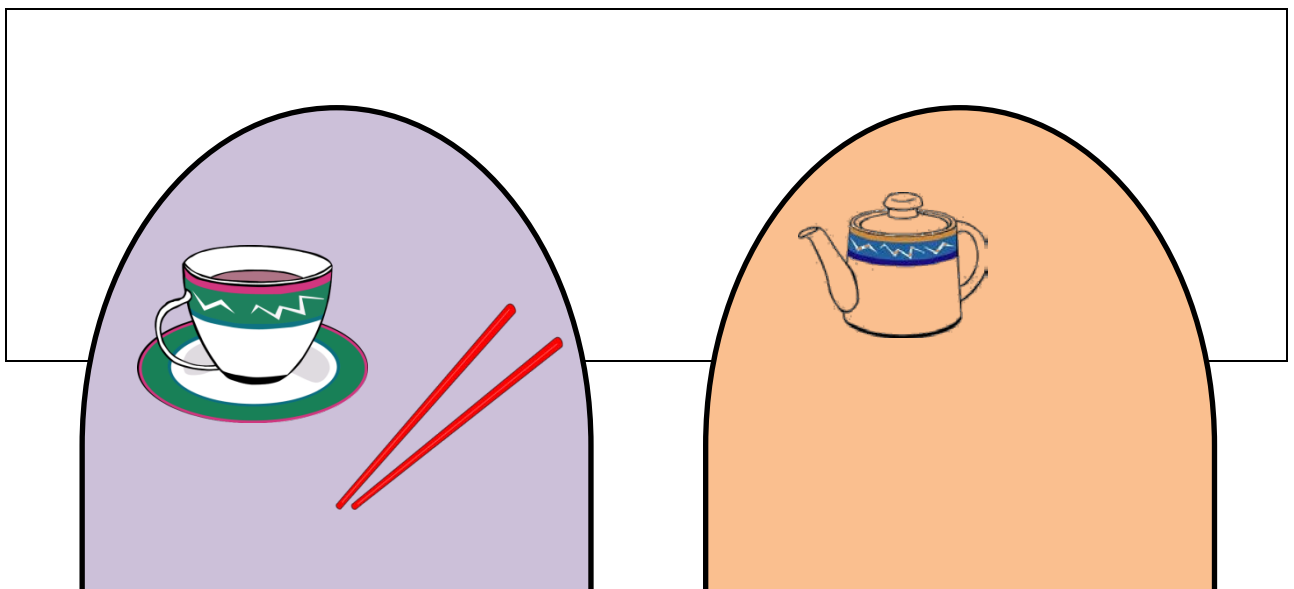


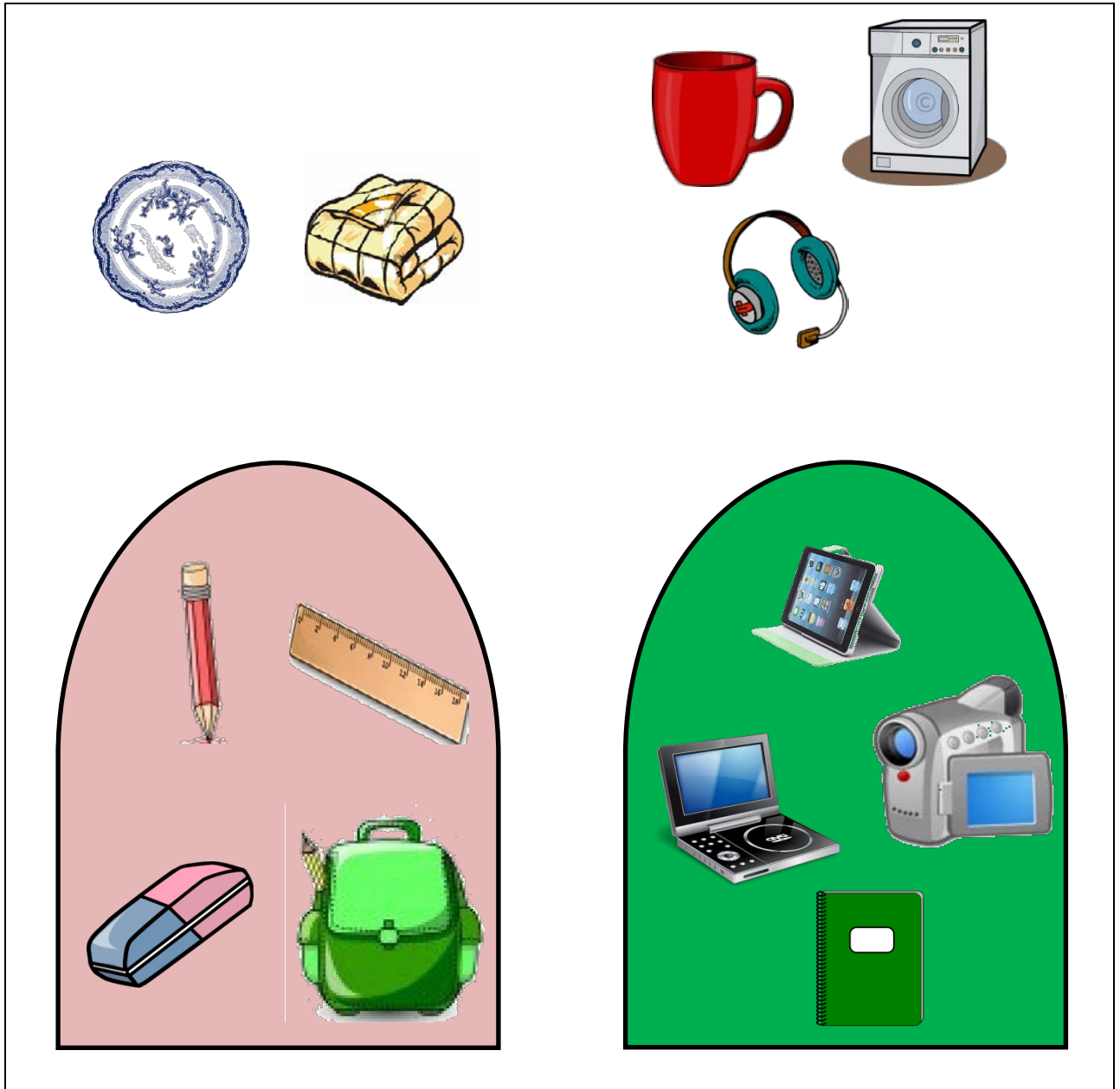
Câu 14: Bé hãy nối những đồ dùng có cùng công dụng với đồ dùng ở chính giữa để chuẩn bị cho Típ ra học lớp 1 nhé!



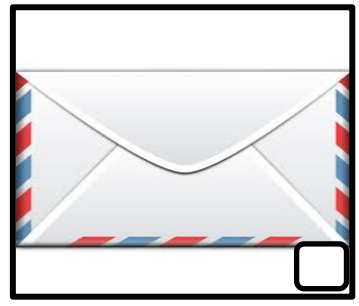
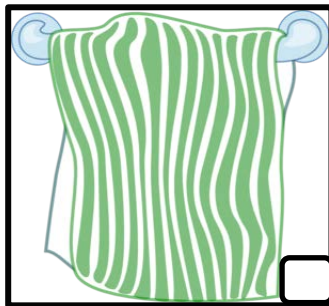


Câu 15 : Bé hãy tìm và đánh dấu (x) vào ô trống khung màu chứa các đồ vật có cùng công dụng nhé!

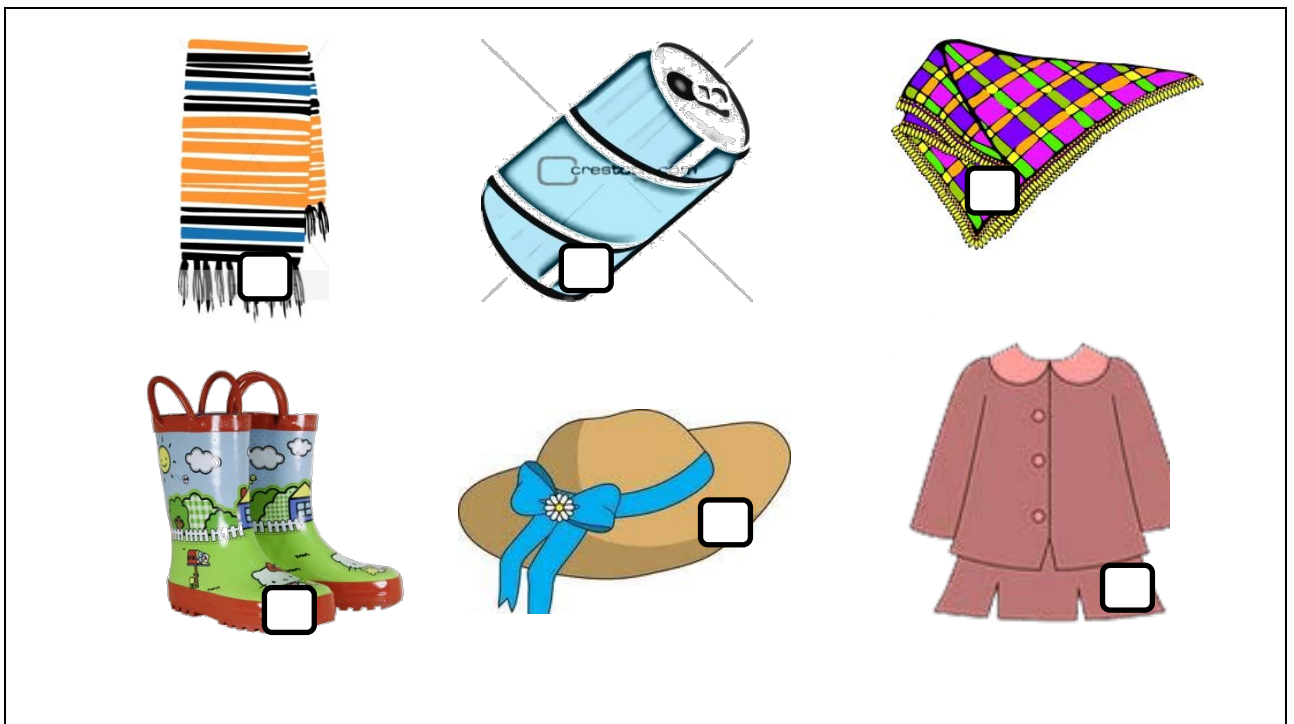




Câu 16: Bé hãy đánh dấu (X) vào đồ dùng làm bằng giấy nhé!



Câu 17: Bé hãy đánh dấu (X) vào đồ làm bằng vải nhé!



Câu 17: Bé có biết đồ nào dưới đây làm bằng kim loại không? Hãy đánh dấu vào (X) vào ô trống nhé!

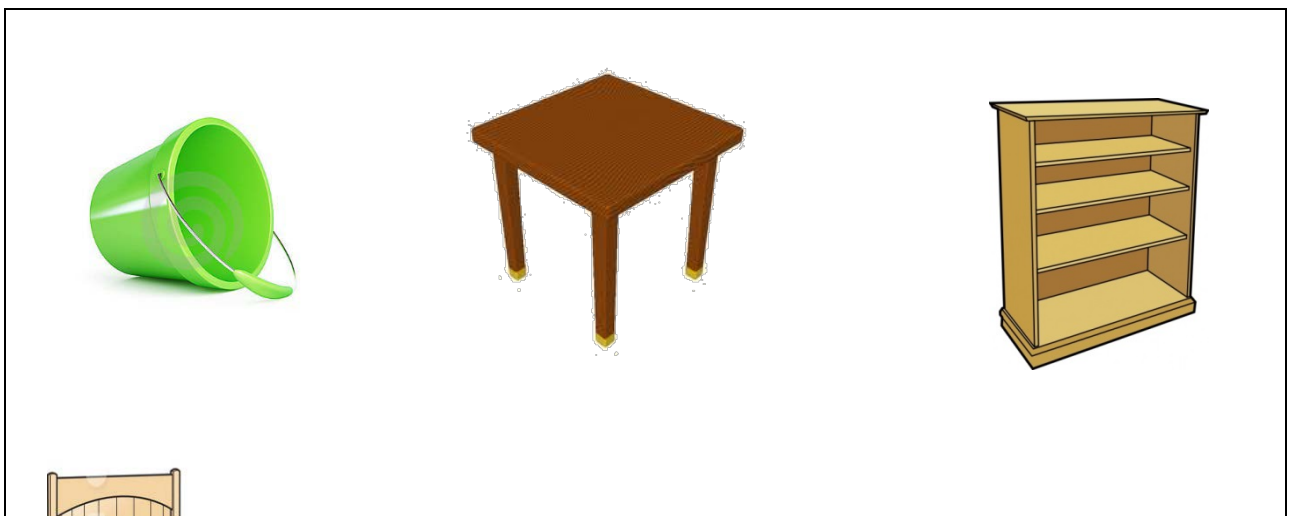




Câu 18: Bé hãy đánh dấu (X) vào đồ làm bằng sành, sứ nhé!

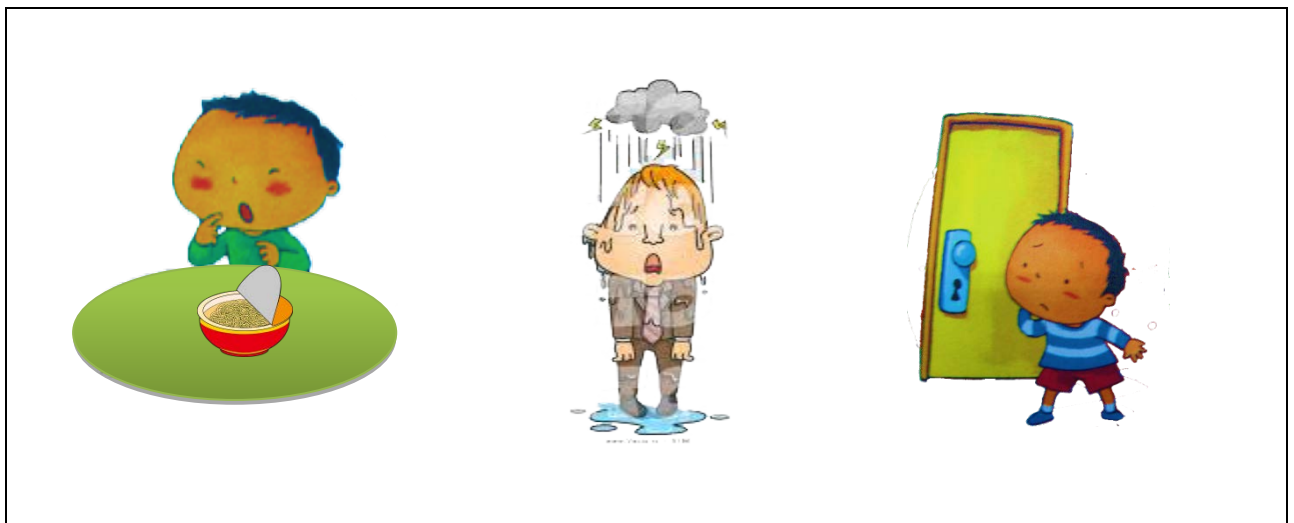


Câu 19: Bé hãy nối đồ vật cùng chất liệu với đồ nằm ở giữa các đồ vật nhé!





Câu 20 : Bé biết những người dưới đây đang cần đồ dùng gì không? Bé hãy nối người đó với đồ vật cần dùng phía dưới họ nhé!

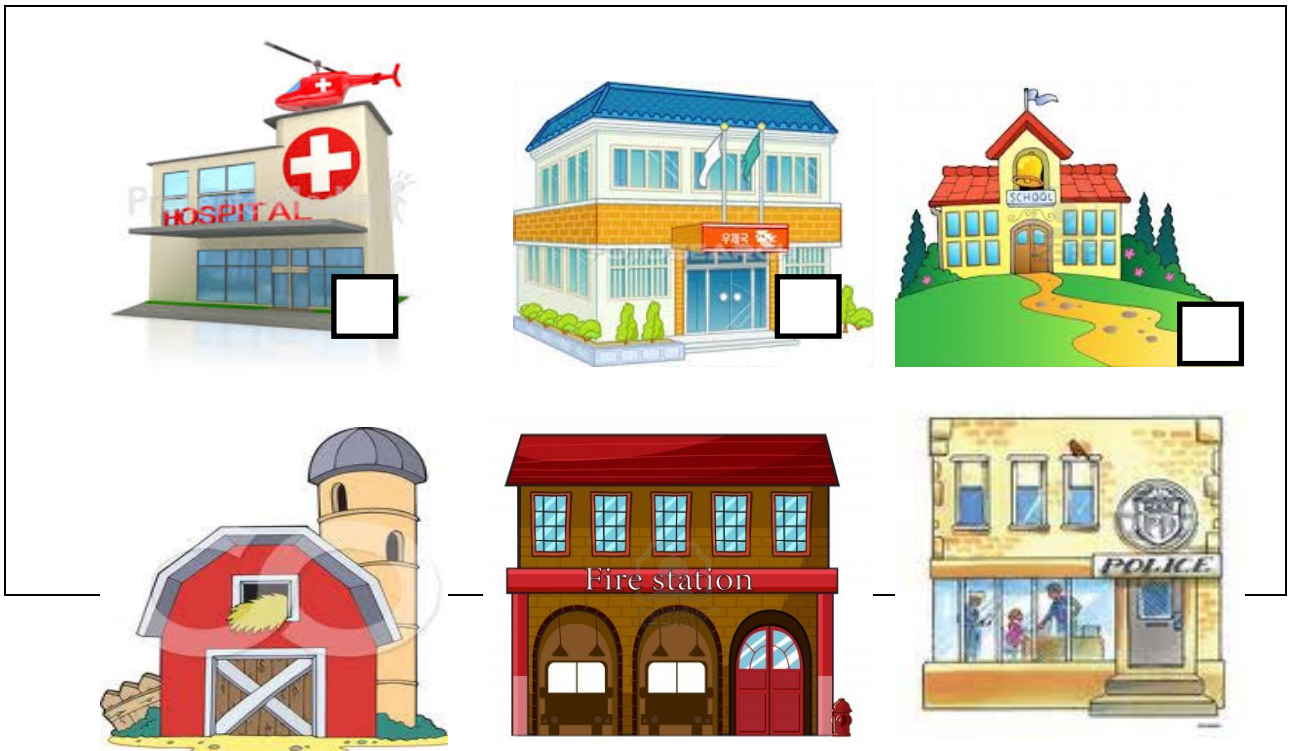




Câu 21 : Một ngày nọ, bé Năm nhớ bà ngoại quá liền viết thư và gửi cho bà ngoại. Vậy bé Năm cần đến nơi nào để gửi thư đây? Bé hãy đánh dấu vào nơi đó nhé!



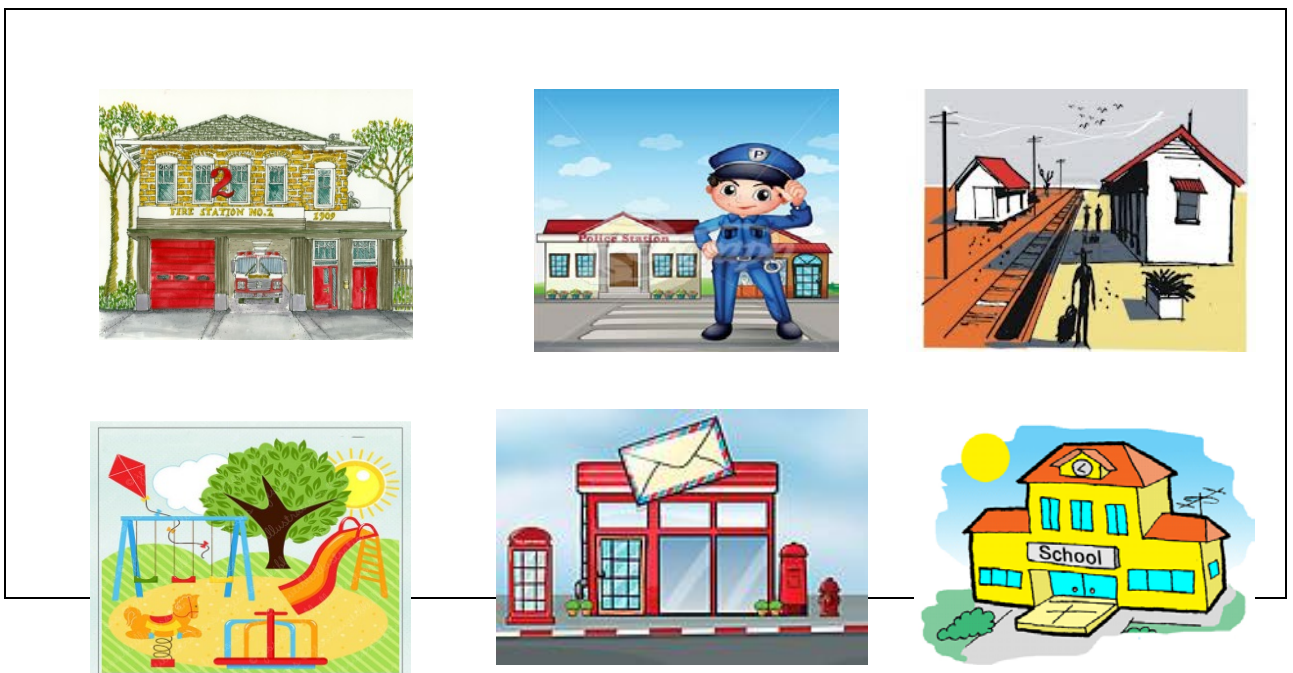
Câu 22: Hết năm nay là Tin ra lớp 1 rồi nè. Vậy theo các bé, Tin sẽ đến chỗ nào trong những chỗ sau để đi học lớp 1? Bé hãy đánh dấu vào nơi đó nhé!



Câu 23: Suri bị bệnh nặng, giờ mẹ sẽ đưa đến nơi nào trong các địa điểm dưới đây thì đúng? Bé hãy đánh dấu vào địa điểm đó nhé!



Câu 24: Một ngày mới bắt đầu, Trúc Nghi muốn tập thể dục và hít thở không khí trong lành cũng như muốn chơi một số trò chơi. Vậy theo bé, bạn Trúc Nghi sẽ đến nơi nào trong các địa điểm sau? Bé hãy đánh dấu (X) vào nơi đó nhé!



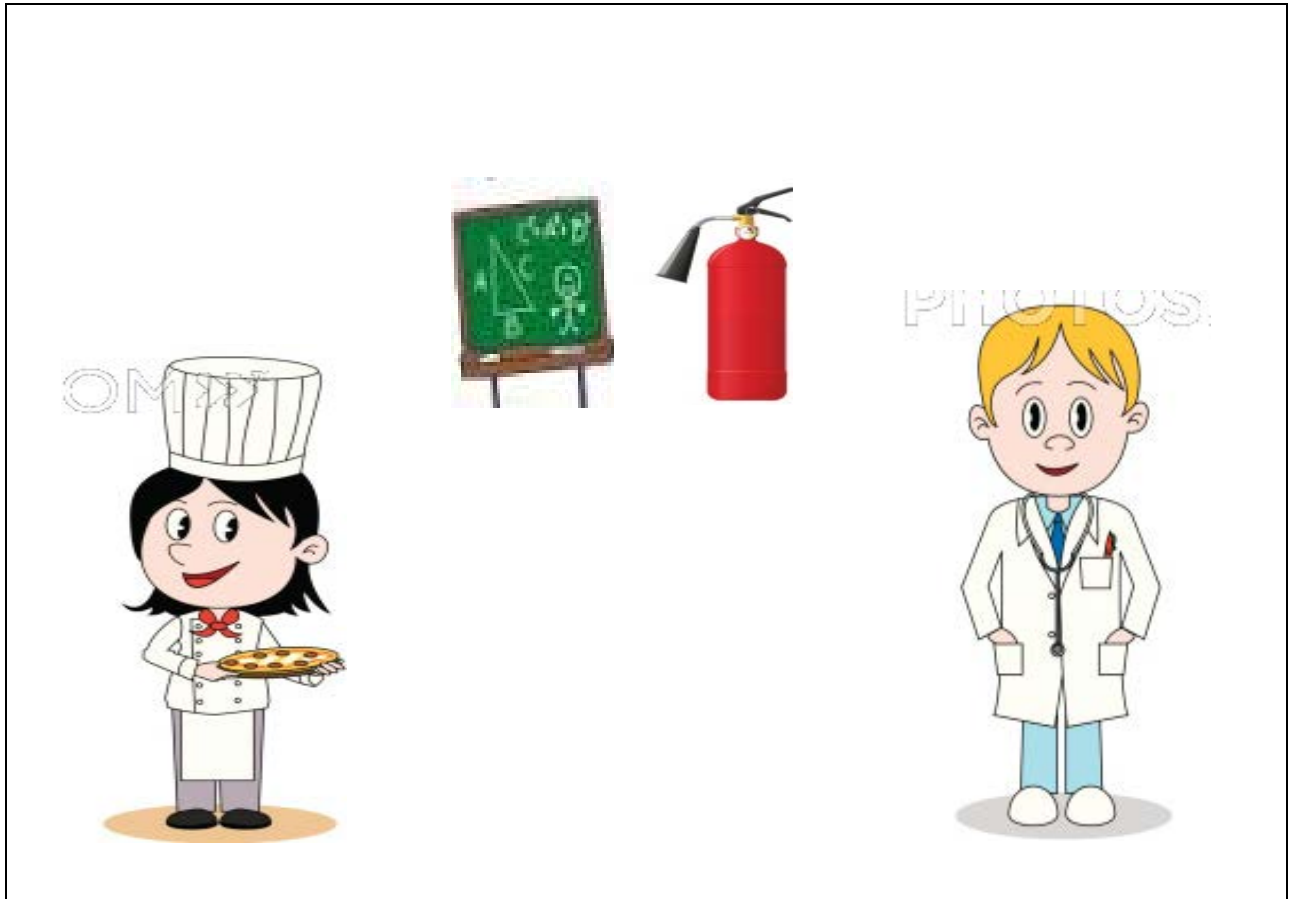


Câu 25 : Bé hãy nối những dụng cụ mà nghề của chú Năm cần dùng đến nhé!



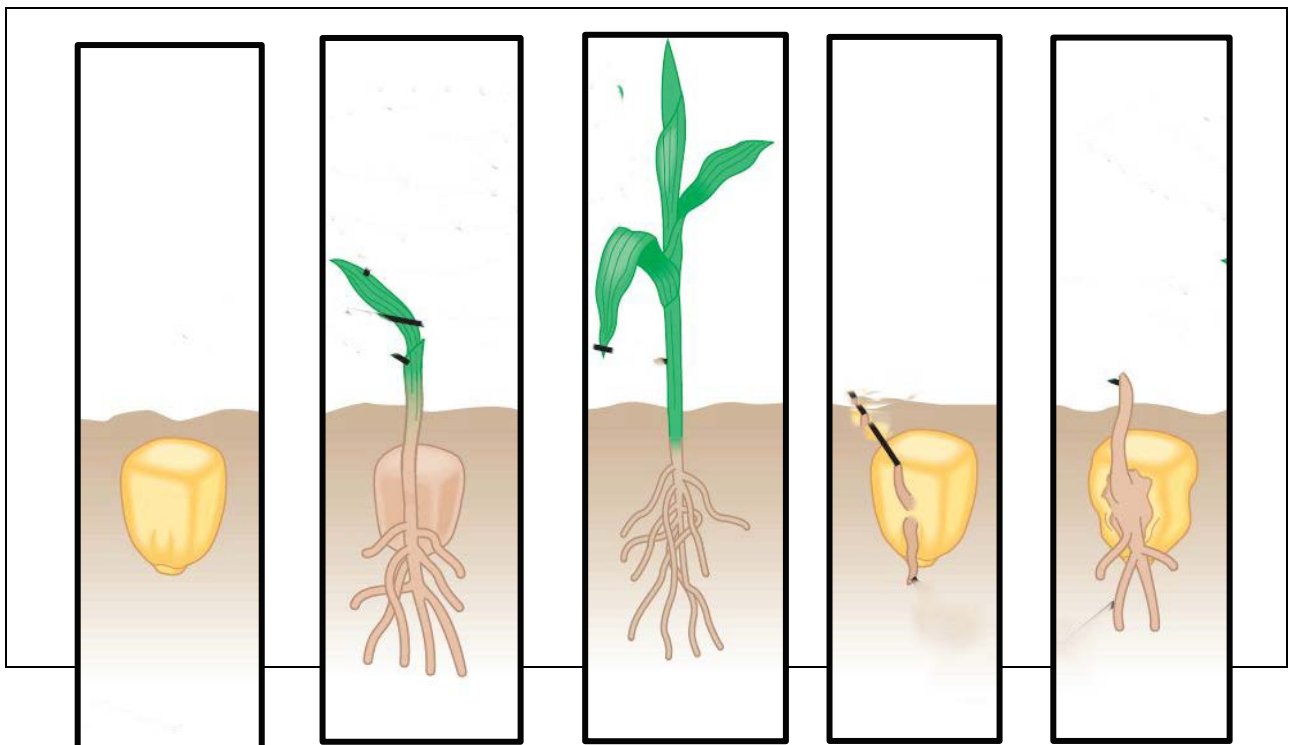
Câu 26: Bé hãy tìm lại dụng cụ của mỗi người dưới đây bằng cách nối dụng cụ với họ nhé!





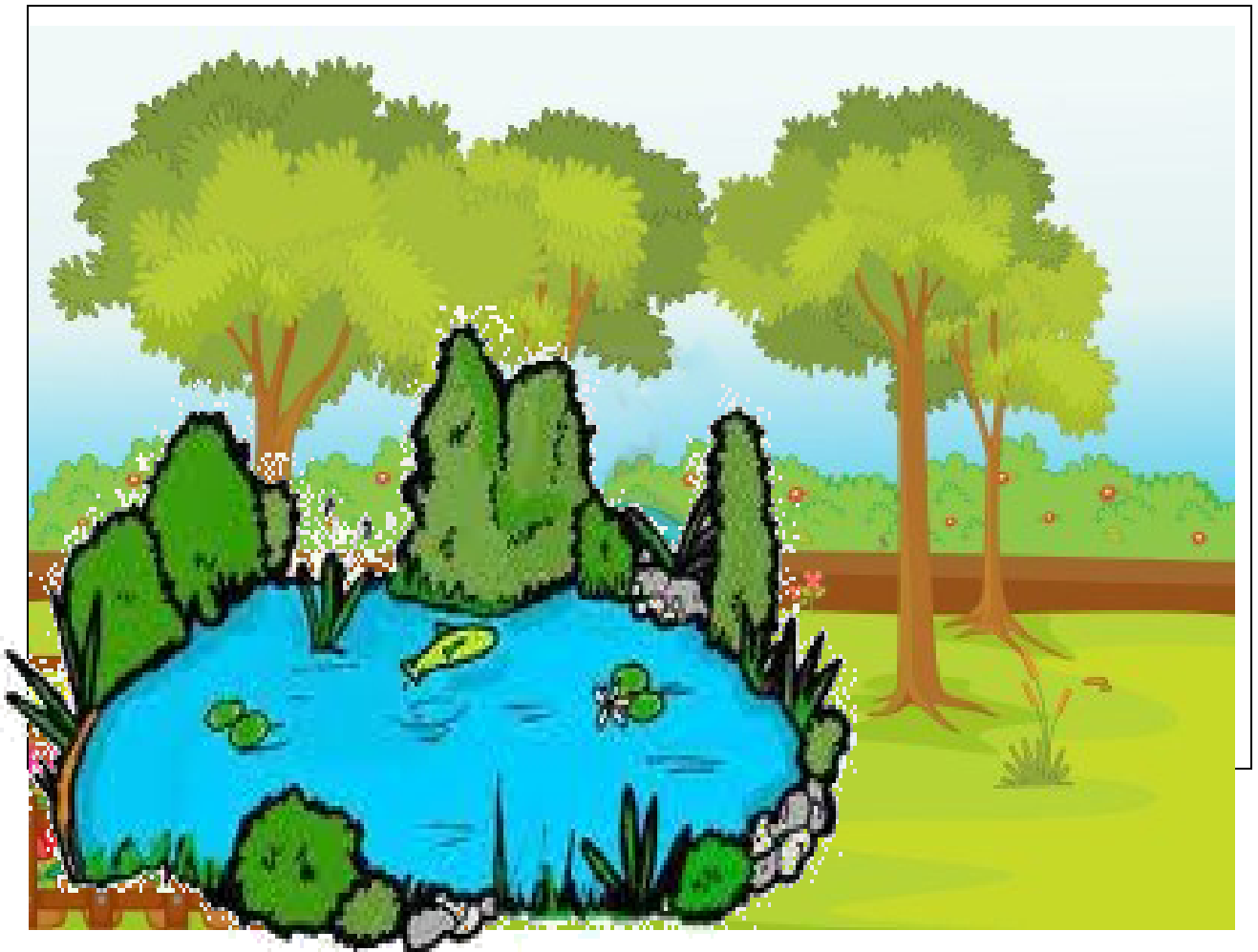
2.2.5. Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên.

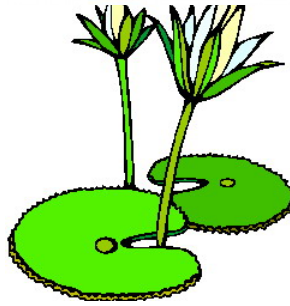
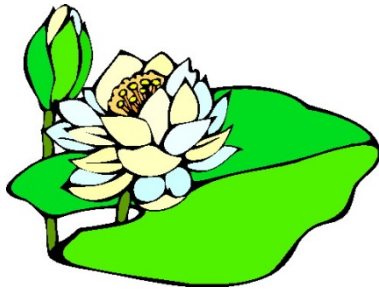
Câu 1: Bé hãy đánh dấu (X) vào số để xem những bức hình dưới đây là giai đoạn thứ mấy trong 5 giai đoạn phát triển của cây nhé!



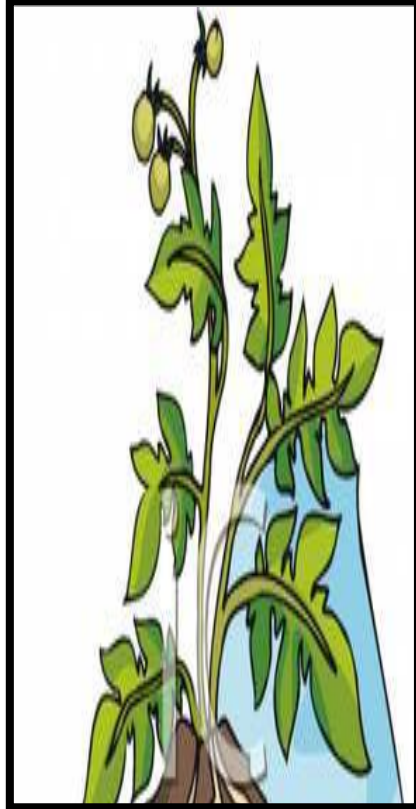
1	1	1	1	1
2	2	2	2	2
3	3	3	3	3
4	4	4	4	4
5	5	5	5	5

Câu 2 : Bé hãy tìm và nói nơi sống của những cây này nhé !

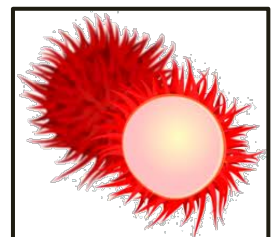
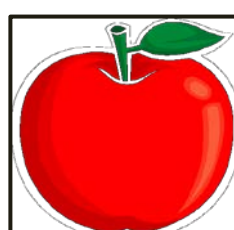
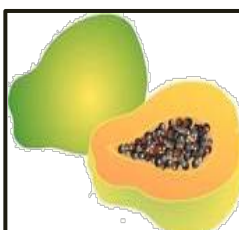
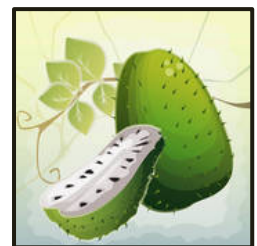
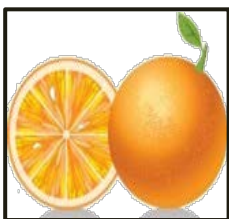
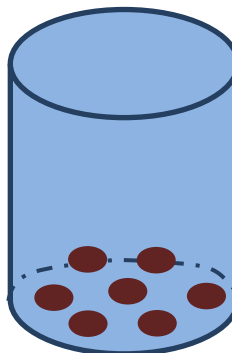
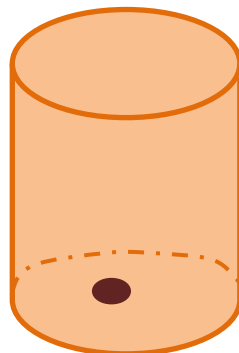
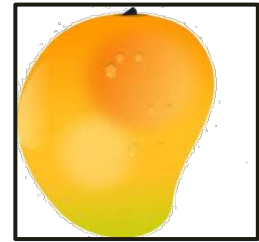
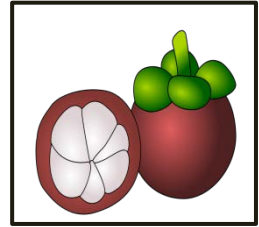
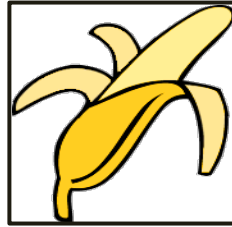
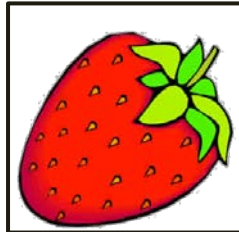




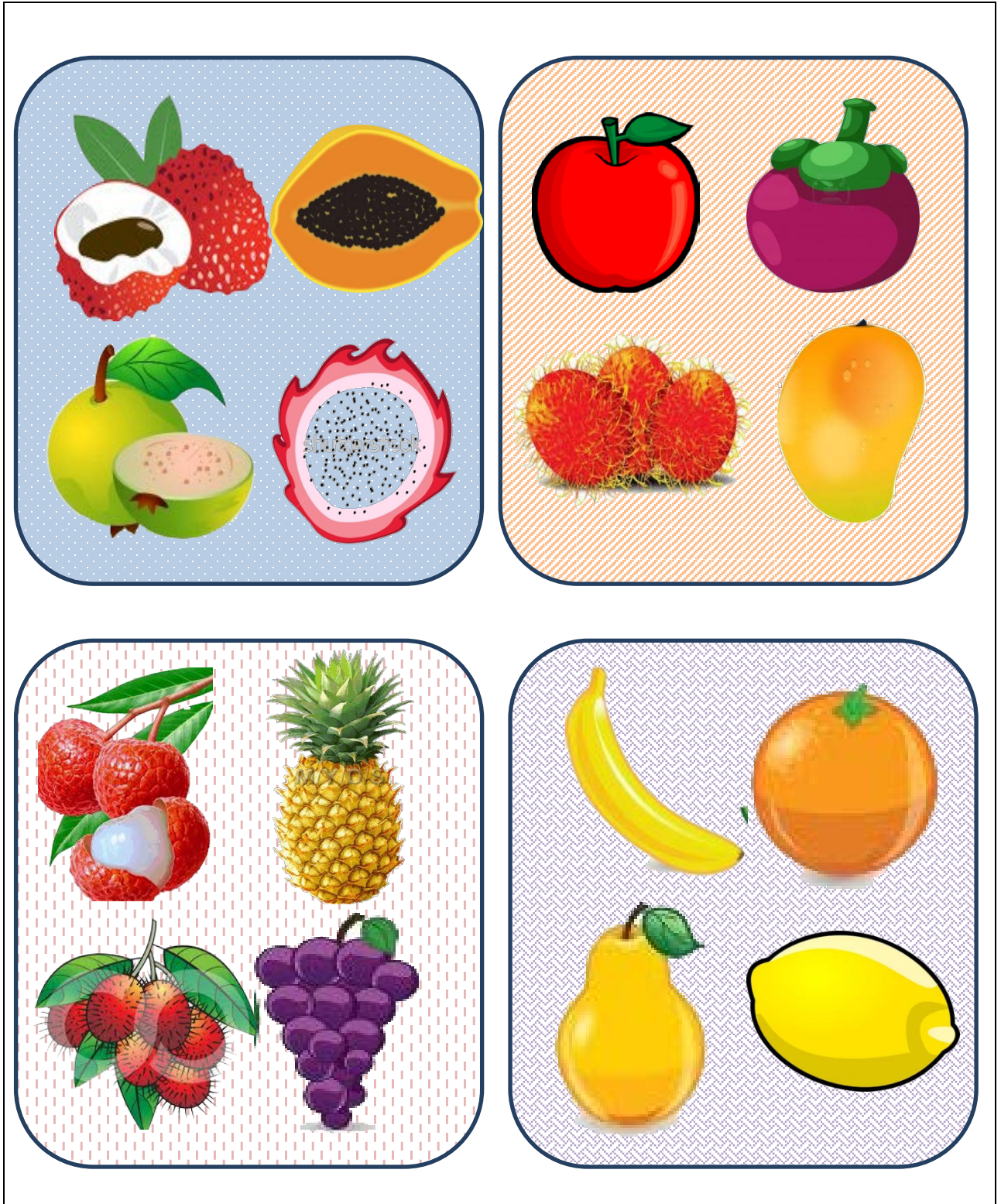
Câu 3: Không biết ai đã đem mắt rễ của các cây đi đâu rồi. Bé hãy tìm và nói lại rễ cho đúng cây của mình nhé!









Câu 4: Bé hãy nối các quả nhiều hạt với lon có nhiều chấm tròn, một hạt hoặc không hạt với lon có một chấm tròn.



Câu 5: Ở mỗi khay này đều có một quả không cùng nhóm với những quả còn lại về đặc điểm, tính chất bên ngoài lẫn bên trong. Bé hãy tìm và đánh dấu (X) vào quả nhé!



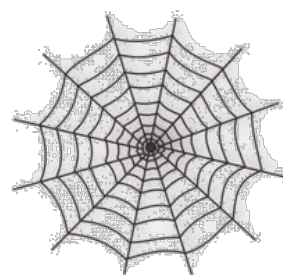
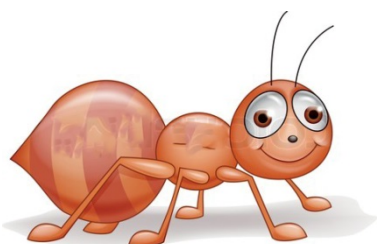
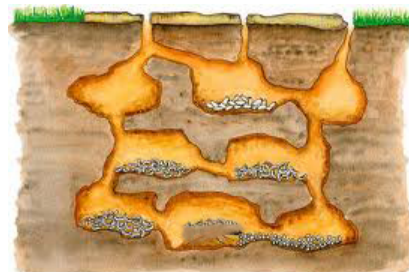
Câu 6: Đánh dấu vào con vật không cùng môi trường sống.









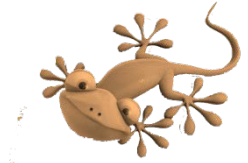


Câu 7: Nối các con vật nuôi trong gia đình với hình tròn, trong rừng với hình vuông.



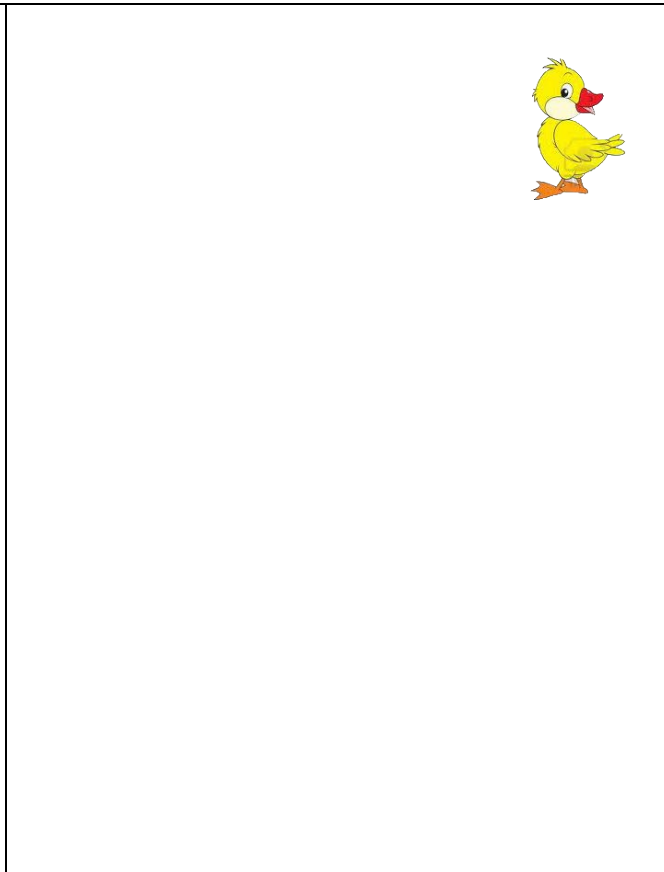
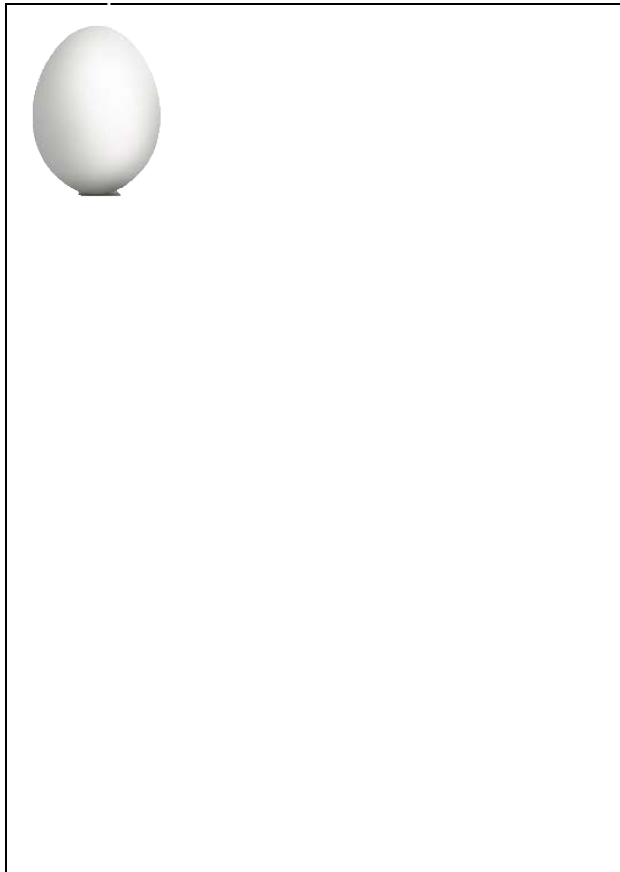
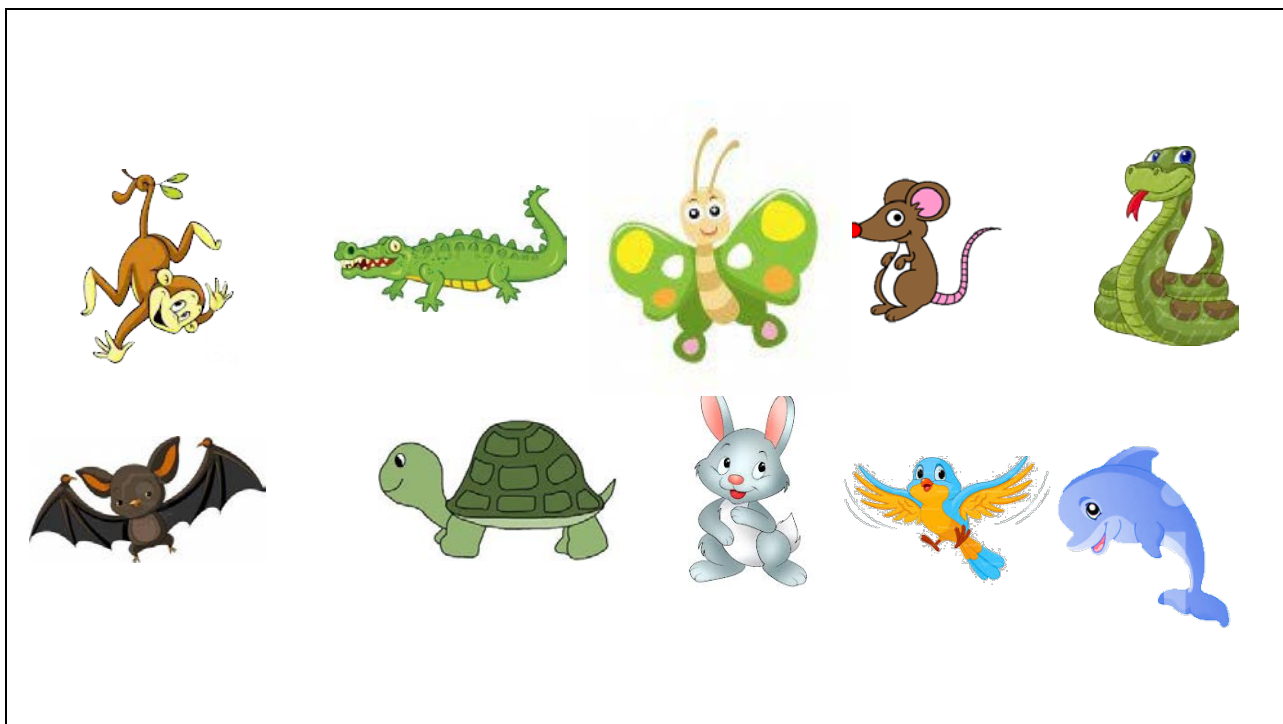
Câu 8: Sau một ngày đi chơi cùng nhau, giờ các bạn thú nhỏ phải về tổ mình rồi. Bé có thể đưa các bạn ấy về tổ được không! Bé hãy nối tổ với các bạn thú nhỏ nhé! Ong, nhện, sâu, chim.



Câu 9: Các bạn thú nhỏ không tìm được nhà của mình rồi. Bé có thể giúp các bạn ấy tìm nhà được không? Bé hãy kéo các bạn thú nhỏ vào nhà nhé!

Câu 10: Động vật nào đẻ trứng, động vật nào đẻ con? Bé hãy đặt con vật vào đúng ô trống nhé!



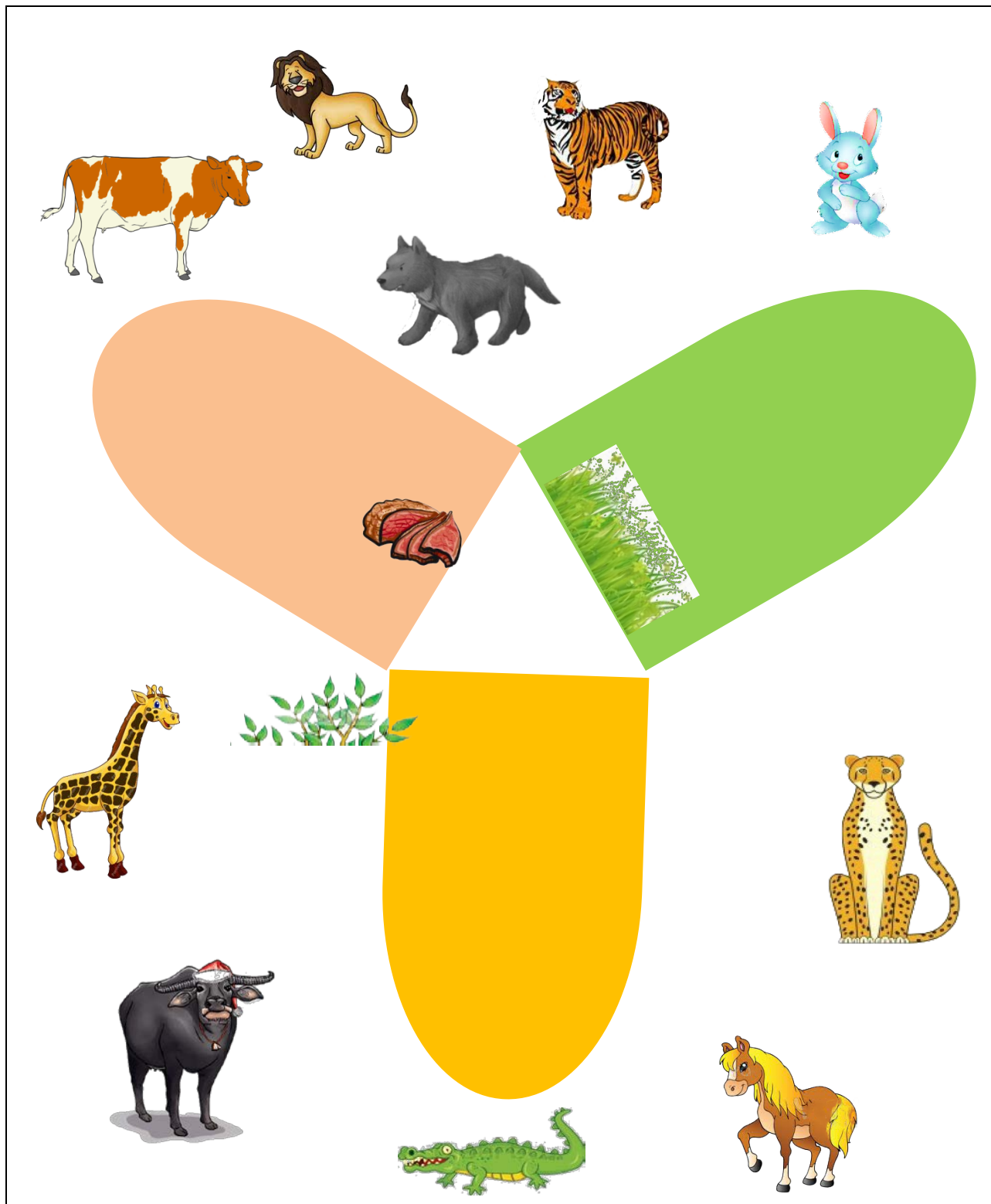
Câu 11: Bé có biết bạn thú nhỏ nào biết bơi giỏi không? Bé hãy kéo bạn thú nhỏ vào nơi có nước nhé!



Câu 12: Bé tìm thử và nối các con vật có cách di chuyển giống nhau lại nhé!



Câu 13: Thức ăn đã bày sẵn cho các bạn thú nhỏ, có bạn thì thích ăn thịt, bạn thì thích ăn cỏ, bạn thì thích ăn lá cây. Các bé hãy để các bạn thú nhỏ vào đúng bàn của họ nhé!



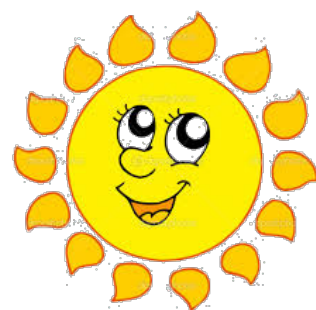
Câu 14: Bé có biết các hoạt động trong tranh diễn ra với thời tiết như thế nào không? Bé hãy nối các hoạt động này với thời tiết tương ứng nhé!



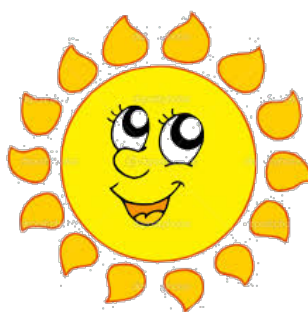
Câu 15: Trong cuộc sống hằng ngày nước là một điều rất cần thiết cho mọi người, mọi vật. Bé hãy nói ích lợi của nước bên trái phù hợp với hình bên phải nhé!



Câu 16: Các cảnh sinh hoạt sau diễn ra vào ban ngày hay ban đêm đây? Be hãy nói cho thích hợp nhé!



Câu 17: Bé hãy nối con vật ngủ ngày với ông mặt trời và con vật ngủ đêm với mặt trăng nhé!



KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Dựa vào cơ sở lí luận và thực tiễn ở Chương 1, tôi đã tiến hành xây các bài tập về nhận biết kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi. Hệ thống các bài tập này được thiết kế theo 5 kỹ năng sống bao gồm 95 bài tập. Các bài tập được soạn thảo theo từng mục kỹ năng sống để thuận tiện cho việc giáo viên cũng như người lớn lựa chọn bài tập củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ khi cần. Ở các bài tập này, có rất nhiều hình ảnh phong phú và đa dạng sẽ giúp cho quá trình làm bài của trẻ trở nên sinh động và khiến trẻ hào hứng hơn khi làm bài tập. Vì thời gian có hạn, chúng tôi sẽ tiến hành chuyển một số bài tập ở trên có ứng dụng công nghệ thông tin với sự hỗ trợ của một số các công cụ phổ biến, đặc biệt tôi đã nhấn mạnh đến công cụ ActivInspire , là công cụ mà tôi đã chọn để soạn thảo các bài tập. Sau khi hoàn thành sản phẩm là các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 -6 tuổi, tôi sẽ đưa bộ sản phẩm này xuống trường mầm non và thực nghiệm trên trẻ. Quá trình thực nghiệm và kết quả thực nghiệm sẽ được nêu rõ ở chương 3.

CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

3.1. Điều tra về nhận định của giáo viên và Ban giám hiệu trường mầm non sau khi đã xem xét và tự thử nghiệm các bài tập.

Trước khi tiến hành thực nghiệm trên trẻ, chúng tôi đã gửi tới Ban giám hiệu nhà trường và giáo viên khối Lá bộ sản phẩm thử nghiệm để các cô xem xét tính khả thi của các bài tập đó cũng như thử nghiệm trước các bài tập đó.

Sau khi các cô xem xét bộ sản phẩm thử nghiệm, chúng tôi phát phiếu hỏi đến các giáo viên khối Lá cũng như phỏng vấn Ban giám hiệu để biết được nhận định của các cô về các bài tập này.

3.1.1. Phương pháp và đối tượng điều tra

Chúng tôi đã phát phiếu điều tra anket cho 50 giáo viên thuộc 5 trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn 4 hiệu phó phụ trách chuyên môn.

Bảng 3.1.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu	Đối tượng nghiên cứu
Anket	50 giáo viên lớp Lá
Phỏng vấn Ban giám hiệu	4 Hiệu phó chuyên môn
Phỏng vấn giáo viên mầm non	6 Giáo viên lớp Lá

Phương pháp điều tra bằng Anket

Chúng tôi dùng phương pháp điều tra Anket để biết được chính xác nhận định cũng như những ý kiến riêng của các cô giáo lớp Lá về tính khả thi của các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non. Anket được thiết kế bao gồm 14 câu hỏi nhằm tìm hiểu nhận thức của giáo viên lớp Lá về ưu điểm, những thuận lợi cũng như khó khăn khi ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở tại trường mầm non; đánh giá của giáo viên về mức độ hứng thú, tích cực của trẻ và hiệu quả khi sử dụng các bài tập này. Đồng thời Anket cũng đưa ra những câu hỏi để tìm hiểu về cách thức giáo viên sử

dụng các bài tập cũng như những ý kiến xoay quanh về nội dung các bài tập được thiết kế trong hệ thống thử nghiệm. (Mẫu phiếu điều tra ở Phụ lục 1)

Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn được sử dụng nhằm tìm hiểu sâu hơn cách nhìn nhận của giáo viên mầm non và Ban giám hiệu về việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non. Nội dung phỏng vấn bao gồm 12 câu hỏi xoay quanh những vấn đề: nhận thức của Ban giám hiệu và giáo viên mầm non về tính hiệu quả, ưu điểm cũng như những khuyết điểm, những thuận lợi và khó khăn khi ứng dụng các bài tập này cho trẻ; nội dung của các bài tập đã phù hợp với trình độ và kiến thức của trẻ không; những đề xuất của giáo viên cũng như Ban giám hiệu nhằm nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non (Mẫu phỏng vấn của Phụ lục 2).

3.1.2. Phân tích kết quả điều tra

3.1.2.1. Thông tin chung về đối tượng điều tra

Bảng 3.1.2 Trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, chương trình giáo dục

(N = 50)

		Tỉ lệ	Tỉ lệ
Trình độ chuyên môn	a) Chưa có bằng cấp về ngành mầm non	0	0%
	b) Tốt nghiệp Trung học ngành mầm non	4	8%
	c) Tốt nghiệp Cao đẳng ngành mầm non	28	56%
	d) Tốt nghiệp Đại học mầm non	18	36%
Thâm niên công tác	a) Dưới 5 năm	19	38%
	b) Từ 5 đến 10 năm	14	28%
	c) Trên 10 năm	17	34%
Chương trình giảng dạy	a) Chương trình đổi mới	10	20%
	b) Chương trình mới	32	64%
	c) Chương trình khác	8	16%

Bảng 3.1.2 cho thấy gần 2/3 giáo viên mầm non tham gia vào nghiên cứu là những giáo viên có kinh nghiệm làm việc trên 5 năm; 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 36% giáo viên có trình độ đại học. Như vậy các giáo viên khảo sát có trình độ cao so với mặt bằng chung cả nước (1.5% giáo viên có trình độ đại học vào năm 2004). Bảng 3.1.2 còn cho thấy có 76% giáo viên đang thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới. Điều này cho thấy các giáo viên tham gia vào nghiên cứu đã được trang bị những kiến thức và kỹ năng dạy học trẻ mầm non và đủ khả năng tiếp cận với những kiến thức mới, cũng như khả năng nhận định tốt một vấn đề nằm trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

3.1.2.2. Nhận thức của giáo viên về ưu điểm của việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non.

Bảng 3.1.3 Ưu điểm của hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non (N = 50)

.STT	Ưu điểm của bài tập	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Gây hứng thú cho trẻ do có âm thanh và hình ảnh trực quan sinh động	42	84%
2	Giúp trẻ tích cực hơn đối với việc làm bài tập	32	64%
3	Trẻ củng cố lại những kiến thức đã học một cách dễ dàng hơn	44	88%
4	Trẻ có thể làm thêm bài tập tại nhà	39	78%
5	Giúp cho trẻ giải quyết nhiệm vụ làm bài tập một cách nhẹ nhàng hơn thông qua việc chơi mà học	40	80%
6	Ý kiến khác	0	0%

Qua tìm hiểu nhận thức của giáo viên lớp lá về ưu điểm của việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non. Kết quả cho thấy giáo viên đã nhận thấy các ưu điểm của các bài tập này như sau:

88% giáo viên thấy rằng hệ thống các bài tập này giúp trẻ củng cố lại những kiến thức tự nhiên cũng như xã hội đã học một cách dễ dàng hơn; 84% giáo viên thấy rằng hệ thống này gây nhiều hứng thú cho trẻ do có âm thanh và hình ảnh trực quan sinh động; 80% giáo viên cho rằng khi ứng dụng hệ thống này sẽ giúp cho trẻ giải quyết nhiệm vụ làm bài tập một cách nhẹ nhàng hơn thông qua việc chơi mà học; 78% ý kiến cho thấy có thể kết hợp với phụ huynh rất tốt trong việc cho trẻ ứng dụng hệ thống này khi làm bài tập trên máy tính tại nhà; 64% giáo viên cho rằng hệ thống này đã giúp trẻ tích cực hơn đối với việc làm bài tập. Thống nhất với các kết quả trong phiếu điều tra, ban giám hiệu và các giáo viên mầm non trong các cuộc phỏng vấn cũng nêu rõ những ưu điểm khi ứng dụng các bài tập này. Một Hiệu phó chuyên môn của một trường đã có ý kiến rằng:

“Các bài tập này có thể sẽ giúp cho trẻ cảm thấy thoải mái hơn với việc kiến thức đã học, có lẽ bài tập trên giấy và trên các giáo cụ đã quá quen thuộc với trẻ nên phần nào khiến các em cảm thấy không hứng thú và không tích cực trong lúc làm bài, các em chỉ cố gắng làm bài thật nhanh nộp cô để được ra chơi cùng các bạn. Nhưng với các bài tập làm trên máy tính này, kết hợp với âm thanh, những hình ảnh vui nhộn chắc chắn sẽ gây hứng thú cho trẻ hơn và tạo ra một niềm vui khi được làm bài tập đối với trẻ.” (C.K.Ng.H)

Bảng 3.1.4 Đánh giá của giáo viên về mức độ hứng thú của trẻ (N = 50)

STT	Mức độ hứng thú của trẻ	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Rất hứng thú	12	24%
2	Hứng thú	35	70%
3	Bình thường	3	6%
4	Không hứng thú	0	0%

Bảng 3.1.4 đa số giáo viên đánh giá rằng trẻ hứng thú với các bài tập. Khi được phỏng vấn, các giáo viên mầm non lẫn Ban giám hiệu đều cho rằng các bài tập này đem lại nhiều hứng thú cho trẻ, trẻ được học tương tác với máy tính, củng cố lại

những kiến thức đã được học đồng thời rèn luyện kỹ năng thao tác với máy tính. Một cô giáo mầm non đã cho biết:

“Đây là một cách học hoàn toàn mới so với trẻ và cả với tôi. Trước kia trẻ có làm quen với máy tính nhưng chỉ để chơi với các phần mềm trò chơi thôi, còn bây giờ trẻ được học trên máy tính và việc học như thế này sẽ không gây nhàm chán với trẻ, chắc chắn sẽ đem lại nhiều niềm vui, sự hứng thú cho trẻ.” (C.Ng.Tr.D.A)

Bảng 3.1.5 Những thuận lợi dành cho giáo viên khi sử các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo lớn. (N = 50)

STT	Những thuận lợi đối với giáo viên	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Sử dụng được ở mọi thời điểm, mọi lúc mọi nơi	25	50%
2	Sử dụng được trong nhiều năm	31	62%
3	Sử dụng một cách linh hoạt trong khi dạy trẻ	40	80%
4	Không cần mất nhiều thời gian để chuẩn bị giáo cụ	28	56%
5	Mở rộng các dạng bài tập củng cố cho trẻ	35	70%
6	Thay đổi cách thức về việc hình thành và củng cố kiến thức cho trẻ	34	68%
7	Ý kiến khác	0	0%

Qua điều tra chúng tôi thấy được rằng giáo viên có cái nhìn rất tích cực về các bài tập. 80% ý kiến cho rằng điều thuận lợi mà họ thấy là có thể sử dụng một cách linh hoạt khi dạy trẻ học, có thể nhờ hệ thống bài tập này sẽ hạn chế đi những giờ làm bài tập khô khan trên giấy; 70% giáo viên cho biết sẽ dựa vào hệ thống các bài tập này mà mở rộng hơn nữa các dạng bài tập cho trẻ, làm phong phú hơn các bài tập để tránh nhàm chán đối với trẻ; 68% ý kiến của giáo viên cho thấy nhờ vào hệ thống này họ sẽ có thể thay đổi cách thức về việc hình thành cũng như củng cố những kiến thức đã học cho trẻ; một số ý kiến chiếm 50%, 56% và 62% cho rằng nhờ vào hệ thống này mà giáo viên có thể giảm tải rất nhiều công việc hằng ngày vì hệ thống này có thể sử dụng ở mọi thời điểm, sử dụng được trong nhiều năm và nhất là không tốn thời gian chuẩn bị giáo cụ. Sau đây là ý kiến của một Hiệu phó chuyên môn: *“Giáo viên trường tôi thường hay tâm sự rằng do khối lượng công việc quá nhiều nên hầu như họ không có*

thời gian để soạn các bài tập cho trẻ và chuẩn bị các giáo cụ liên quan, các cô tốn rất nhiều thời gian để nghĩ ra các dạng bài tập mới cho trẻ để tránh việc nhàm chán đối với trẻ. Nhưng tôi tin rằng nếu trường tôi ứng dụng hệ thống này thì chắc chắn tôi sẽ không còn nghe thấy những lời than thở nữa mà thay vào đó là sự vui mừng của các cô.” (C.H.Th.Th.Th)

3.1.2.3. Nhận thức của giáo viên về việc ứng dụng các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non.

Bảng 3.1.6. Những bài tập ở kỹ năng sống khiến trẻ gặp nhiều khó khăn trong khi làm, những bài tập ở kỹ năng sống trẻ thích làm nhất (N = 50)

STT	Kỹ năng	Bài tập ở kỹ năng sống khó khăn khi làm		Bài tập ở kỹ năng sống trẻ thích làm nhất	
		Tỉ lệ	Tỉ lệ%	Tỉ lệ	Tỉ lệ%
1	Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng	40	80%	8	16%
2	Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân	32	64%	10	20%
3	Kỹ năng giữ an toàn cá nhân	25	50%	25	50%
4	Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội	16	32%	31	62%
5	Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên	12	24%	39	78%

Bảng 3.1.6 cho thấy nhận định của giáo viên về các bài tập có trong hệ thống các bài tập: 80% ý kiến cho rằng bài tập về hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng là bài tập gây khó khăn với trẻ trong khi làm vì nội dung bài tập này tuy đã

được dạy nhưng với thời nay trẻ được cha mẹ làm thay nhiều điều và cũng không được nhắc nhở củng cố lại nhiều làm trẻ có thể dần đánh mất nhận thức về kỹ năng này ; hai nhóm bài tập gây khó khăn tiếp theo cho trẻ là kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân (64%) và kỹ năng giữ an toàn cá nhân (50%); còn các bài tập không gây khó khăn nhiều cho trẻ trong khi làm là kỹ năng nhận thức môi trường xã hội (32%) và kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên (24%). Cũng trong bảng 3.1.6 chúng tôi có thể thấy rằng, có tới 78% ý kiến của giáo viên cho rằng bài tập ở kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên khiến trẻ thích nhất trong khi làm; tiếp theo là đến kỹ năng nhận thức môi trường xã hội chiếm tỉ lệ là 62%; bài tập trẻ không thích nhiều đó là ở kỹ năng hiểu biết và chăm sóc, sức khỏe dinh dưỡng(16%) và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân (20%). Một giáo viên đã cho ý kiến:

“Suy nghĩ của trẻ em rất ngây thơ và dễ thương, trẻ thường yêu thích những gì trẻ làm được, đó chính là lí do những dạng bài tập nào không gây khó khăn cho trẻ thì trẻ thích hơn rất nhiều so với những dạng bài tập trẻ không làm được” (C.Đ.Th.M)

Bảng 3.1.7 Thời điểm giáo viên cho trẻ làm các bài tập kỹ năng sống (N = 50)

STT	Thời điểm	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Mọi thời điểm	12	24%
2	Hoạt động có chủ đích	8	16%
3	Hoạt động góc	17	34%
4	Giờ hoạt động chiều	13	26%

Qua khảo sát, trên bảng 3.1.7 tôi thấy được rằng 34% ý kiến giáo viên cho rằng hệ thống các bài tập này nên cho trẻ làm vào giờ hoạt động góc và 26% ý kiến cho thấy nên cho trẻ làm vào hoạt động chiều; có 24% giáo viên nghĩ rằng có thể làm bài tập này vào mọi thời điểm và 8% ý kiến cho rằng nên làm vào giờ hoạt động có chủ đích. Lí do đa số giáo viên muốn cho trẻ làm vào giờ hoạt động góc theo điều kiện thực tế ở trường vì có thời gian để quan sát, tác động đến từng cá nhân trẻ tốt hơn.

Bảng 3.1.8 Những lúng túng trẻ thường gặp trong quá trình trẻ làm bài tập trên máy tính (N = 50)

STT	Các vấn đề trẻ thường gặp	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Không biết cách sử dụng máy tính	20	40%
2	Không hiểu nội dung bài tập	13	26%
3	Không biết cách làm bài tập	17	34%
4	Ý kiến khác	0	0%

Bảng 3.1.8 cho thấy đa số giáo viên nghĩ rằng việc làm trẻ lúng túng trong quá trình trẻ làm bài tập trên máy tính đó là do trẻ không biết cách sử dụng máy tính (40%); còn 34% ý kiến cho rằng trẻ không biết cách phải làm bài tập trên máy tính như thế nào. Cô Hiệu phó chuyên môn của một trường cho biết rằng:

“Vì trẻ không thường xuyên sử dụng máy tính nên đó là lí do chính khiến trẻ gặp nhiều khó khăn trong quá trình làm bài tập. Cần phải rèn luyện nhiều hơn nữa các thao tác đơn giản trên máy tính cho trẻ.” (C.Ng.Th.H)

3.1.2.4. Những khó khăn khi ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non và các biện pháp khắc phục

Bảng 3.1.9 Những khó khăn khi ứng dụng các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non (N = 50)

STT	Những khó khăn	Tỉ lệ	Tỉ lệ %
1	Không có máy vi tính tại lớp và mạng Internet	12	24%
2	Trường chưa có phòng máy riêng dành cho trẻ	16	32%
3	Trẻ chưa biết các thao tác đơn giản về sử dụng máy tính (đánh số, nhấp chuột vào đối tượng chọn)	8	16%
4	Trẻ chưa có kỹ năng làm hệ thống các bài tập này	11	22%
5	Cô chưa có kinh nghiệm hướng dẫn trẻ làm hệ thống các bài tập này	3	6%

6	Ý kiến khác	0	0%
---	-------------	---	----

Bảng 3.1.10 cho thấy đa số giáo viên cho rằng khó khăn nhất khi ứng dụng hệ thống các bài tập này là việc thiếu phòng máy dành cho trẻ thực hành đồng thời thiếu máy vi tính và mạng internet tại lớp học, chiếm tỉ lệ là 32% và 24%; ngoài ra 22% ý kiến cho rằng gặp phải khó khăn khi trẻ chưa có kỹ năng làm bài tập dạng này trên máy tính. Ngoài ra có khoảng 16% giáo viên cho rằng việc thao tác trên máy tính cũng là vấn đề rất khó khăn, một giáo viên đã cho ý kiến rằng:

“Theo tôi, việc ứng dụng các bài tập này tuy rất hiệu quả cho việc dạy của giáo viên và việc học của trẻ nhưng cũng gặp phải không ít khó khăn vào thời điểm lúc đầu khi ứng dụng trên trẻ, và một trong những khó khăn mà tôi thấy được là trẻ không có kỹ năng thao tác trên máy tính. Vì vậy, muốn ứng dụng hệ thống này thành công cần phải dành nhiều thời gian rèn luyện kỹ năng thao tác trên máy tính cho trẻ.”
(C.M.Th.Th.A)

Kết quả từ phiếu điều tra Anket và phỏng vấn đã cho thấy đa số trẻ gặp khó khăn khi làm các bài tập này là do không có nhiều những kỹ năng về sử dụng máy tính và tình trạng số lượng trẻ quá đông ở một số trường là một khó khăn rất lớn, đồng thời việc thiếu các trang thiết bị và cơ sở vật chất cũng đã gây ra rất nhiều trở ngại. Từ những khó khăn đó, Ban giám hiệu và các giáo viên mầm non đã đưa ra một số ý kiến để góp phần nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi:

- Cần có một phòng máy tính riêng cho trẻ, từ đó có thể lên lịch hoạt động của phòng để các lớp có thể thay phiên nhau sử dụng phòng máy.
- Thường xuyên rèn luyện kỹ năng, các thao tác đơn giản trong việc sử dụng máy tính cho trẻ.

3.2. Thực nghiệm sư phạm

3.2.1. Vài nét về trường thực nghiệm

Quá trình tổ chức thực nghiệm được tiến hành ở trường mầm non Trinh Vương, Q.Thủ Đức. Trường MN Trinh Vương, nằm ở khu phố 2, đường 25 phường Linh Đông- Quận Thủ Đức. Trường đã 3 năm liền đạt tiêu chuẩn lao động tiên tiến cấp

Quận. Năm học 2011- 2012 Trường đăng kí danh hiệu đạt lao động tiên tiến cấp thành phố. Trường có 12 lớp với 562 trẻ, trong đó có 1 lớp nhà trẻ (40 trẻ), 3 lớp mầm(148 trẻ), 4 lớp chồi (182 trẻ) và 4 lớp lá (192 trẻ). Số lượng GV tương đối đồng, toàn trường có 26 GV. Trình độ GV : 100% đạt chuẩn. Riêng GV dạy trẻ MG, có 38% đạt chuẩn và 62% đạt trên chuẩn.

3.2.2. Mục đích thực nghiệm

- Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.
- Đánh giá mức độ hứng thú của trẻ mẫu giáo lớn khi sử dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi.
- Kiểm chứng lại tính khả thi của việc vận dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.

3.2.3. Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm về việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ trong hoạt động có chủ đích và các thời điểm trong ngày.

- Trong hoạt động có chủ đích: giáo viên và tôi sẽ chọn một số các bài tập có trong bài tập mà tôi đã soạn tương ứng với giáo án để dạy cho trẻ học.
- Ngoài ra, chúng tôi thường xuyên cho trẻ làm các bài tập về kỹ năng sống trên máy tính để giúp trẻ củng cố các kiến thức đã học đồng thời cho trẻ quen dần với các thao tác trên máy tính. Hoạt động này được tiến hành mọi lúc mọi nơi trong ngày (giờ chơi, giờ hoạt động chiều, giờ hoạt động góc...).

3.2.4. Thời gian thực nghiệm

- Thời gian thực nghiệm từ tháng 3/2013 đến tháng 5/2013 được tiến hành làm 2 đợt:
 - + Đợt 1: trong tháng 3/2013.
 - + Đợt 2: từ giữa tháng 4/2013 đến tháng 5/2013.

3.2.5. Mẫu thực nghiệm

- Chúng tôi chọn 20 trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) làm nhóm thực nghiệm và 20 trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) ở nhóm đối chứng. 40 trẻ ở nhóm thực nghiệm và đối chứng đều đang học ở trường mầm non Trinh Vương – Q.Thủ Đức, TPHCM.

3.2.6. Phương pháp thực nghiệm

Xác định việc sử dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi có giúp trẻ nắm vững hơn về kiến thức đã học không, đồng thời xem hệ thống các bài tập đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với hứng thú học tập và củng cố mở rộng kiến thức cho trẻ.

Phương pháp dùng bài tập đo nghiệm.

Phương pháp lên tiết hoạt động chủ đích có kết hợp bài tập.

Phương pháp thu thập dữ liệu và phân tích kết quả.

Rút ra kết luận khoa học.

3.2.7. Điều kiện để tiến hành thực nghiệm.

- Số lượng trẻ ở hai nhóm thực nghiệm và đối chứng phải tương đương nhau.
- Kết quả khảo sát về các biểu tượng thành phần số ở mức độ tương đương nhau.
- GV có trình độ chuyên môn tốt, có kinh nghiệm giáo dục trẻ, tâm huyết với nghề.
- Trường mầm non có điều kiện cơ sở vật chất tương đối đầy đủ.

3.2.8. Tiến trình thực nghiệm

Khảo sát đợt 1: khảo sát kiến thức của trẻ về các kỹ năng sống dựa theo các nội dung của các kỹ năng.

Tiến hành thực nghiệm.

Khảo sát đợt 2: khảo sát kiến thức của trẻ về các kỹ năng sống sau khi đã thực nghiệm.

Trước khi tiến hành khảo sát và thực nghiệm, tôi và giáo viên đã cho trẻ làm quen với các thao tác đơn giản trên máy tính như: đánh số, nhấp chuột vào đối tượng chọn. Trẻ được sử dụng và thao tác trên máy tính vào các giờ chơi, hoạt động góc, hoạt động chiều. Chúng tôi muốn trẻ làm quen với máy tính để trẻ có thể thành thực hơn và không lúng túng khi sử dụng máy tính vào việc khảo sát và thực nghiệm.

3.2.8.1. Khảo sát (đợt 1 và 2)

Vì thời gian không nhiều nên tôi chỉ có thể khảo sát một số bài tập nằm trong hệ thống bài tập đã soạn, bao gồm 25 bài tập nhỏ được xây dựng dựa trên Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo 5-6 tuổi cho mỗi đợt khảo sát. Các bài tập này được thiết kế thành 5 nhóm kỹ năng sống (Phụ lục 3 & 4):

Nhóm 1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng

- Biết một số hoạt động của bản thân trẻ trong sinh hoạt hàng ngày có lợi cho sức khỏe, sự lớn lên và phát triển của cơ thể.

- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. Trẻ có thể lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm như thịt, cá,... Thực phẩm giàu chất vitamin và muối khoáng như rau, quả,... Bên cạnh đó, trẻ được kể tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, chiên (rán), kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....

- Biết một số hành vi ăn uống có hại cho sức khỏe

- Biết thuốc lá có hại cho sức khỏe và thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc.

Nhóm 2. Kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân

Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.

- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội hoặc giặt nước cho sạch.

- Có thói quen rửa mặt, đánh răng hàng ngày; biết tự thay quần áo khi đã dơ bẩn, bị ướt và để vào nơi quy định.

- Biết chọn quần áo phù hợp với thời tiết; giới tính.

- Giữ đầu tóc gọn gàng, quần áo sạch sẽ.

- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.

Nhóm 3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

- Biết những vật dụng và nơi nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.

- Biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm.
- Nhận biết và không tự ý sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm.
- Không đi theo và nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.
- Biết ý nghĩa và có ý thức thực hiện theo quy định của một số biển báo giao thông.

Nhóm 4. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội

- Có khả năng nhận biết và thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.
- Biết được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày.
- Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.
- Nói được nghề nghiệp và nơi làm việc của bố mẹ.

Nhóm 5. Kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên

- Chia nhóm cây cối, con vật và đặt tên theo đặc điểm chung;
- Biết thứ tự các giai đoạn phát triển cơ bản của cây
- Nói được những đặc điểm nổi bật của từng mùa trong năm; phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Biết được một số đặc điểm, tính chất của nước; ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.
- Biết được không khí, các nguồn sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

3.2.8.2. Thực nghiệm

- Sau khi đã soạn giáo án, tôi trao đổi ý kiến với giáo viên tại lớp TN về nội dung, phương pháp, về các thiết bị đồ dùng để sử dụng trong hoạt động dạy học.
- Giáo án lên tiết dạy (Phụ lục 5) cho trẻ có chứa các bài tập củng cố nằm trong hệ thống các bài tập mà tôi đã soạn, các bài tập được chọn để đưa vào giáo án cần phải phù hợp với nội dung và mục tiêu đã đề ra trong giáo án.

- Ngoài ra , trẻ còn được tiếp cận với hệ thống các bài tập trên máy tính vào các giờ hoạt động khác nhau trong ngày.

- Trong thời gian tiến hành thực nghiệm, cần tạo tâm thế thoải mái cho trẻ, không gò bó áp đặt trẻ làm theo ý muốn của cô, để trẻ có thể tiến hành thử nghiệm một cách tốt nhất.

- Người nghiên cứu và giáo viên quan sát, ghi chép, ghi điểm cho trẻ dựa vào phiếu ghi điểm đồng thời quan sát sự hứng thú tích cực của trẻ trong quá trình làm bài tập để xem xét tính khả thi của hệ thống các bài tập đó.

3.2.9. Đánh giá kết quả thực nghiệm

Chúng tôi dùng các bài tập đo nghiệm về 5 nhóm kỹ năng sống (như phụ lục số 3 và phụ lục số 4) để khảo sát thực trạng mức độ nhận thức của trẻ về các kỹ năng sống trước TN và đánh giá mức độ nhận thức kỹ năng sống của nhóm TN và ĐC sau khi thực nghiệm. Kết quả như sau:

3.2.9.1. Kết quả đo nghiệm bài tập về một số kỹ năng sống của nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm

Bảng 3.2.1. Kết quả mức độ nhận thức về một số kỹ năng sống giữa trẻ ĐC và TN (Trước thực nghiệm)

Mức độ Nhóm kỹ năng	Nhóm trẻ	Rất thấp		Thấp		Trung bình		Cao		Rất cao		Tổng cột	
		0	0%	9	45%	8	40%	3	15%	0	0%	20	100
1. Hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng	Trẻ TN lần 1	0	0%	9	45%	8	40%	3	15%	0	0%	20	100
	Trẻ ĐC lần 1	0	0%	8	40%	8	40%	4	20%	0	0%	20	100
2. Chăm sóc vệ sinh cá nhân	Trẻ TN lần 1	0	0%	9	45%	7	35%	4	20%	0	0%	20	100
	Trẻ ĐC lần 1	0	0%	8	40%	8	40%	3	15%	1	5%	20	100
3. Giữ an toàn cá nhân	Trẻ TN lần 1	0	0%	4	20%	8	40%	7	35%	1	5%	20	100
	Trẻ ĐC lần 1	0	0%	3	15%	8	40%	7	35%	2	10%	20	100
4. Nhận thức về môi trường xã hội	Trẻ TN lần 1	0	0%	2	10%	6	30%	11	55%	1	5%	20	100
	Trẻ ĐC lần 1	0	0%	2	10%	5	25%	10	50%	3	15%	20	100
5. Nhận thức về môi trường tự nhiên	Trẻ TN lần 1	0	0%	2	10%	4	20%	12	60%	2	10%	20	100
	Trẻ ĐC lần 1	0	0%	0	0%	5	25%	11	55%	4	10%	20	100

Sau khi đã khảo sát trên 2 nhóm trẻ của 2 lớp Lá (20 trẻ/ lớp) trường mầm non Trinh Vương, Quận Thủ Đức và nhìn vào bảng thống kê số liệu trên, chúng ta thu được kết quả như sau:

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng của nhóm TN và ĐC trước khi tiến hành thực nghiệm* còn thấp, trẻ ở nhóm TN có 9 trẻ chiếm tới 45% và nhóm ĐC có 8 trẻ chiếm 40%. Ở mức độ rất thấp cả hai nhóm TN và ĐC không có trẻ nào (chiếm 0%) và mức độ trung bình thì ở cả hai nhóm TN và ĐC đều có 8 trẻ (chiếm 40%) thông qua việc thực hiện bài tập. Mức cao thì nhóm TN có 3 trẻ (chiếm 15%) và nhóm ĐC có 4 trẻ (chiếm 20%). Còn ở mức rất cao thì cả nhóm TN và ĐC cũng đều không có trẻ nào nhận thức được hết kỹ năng thông qua việc thực hiện được bài tập (chiếm 0%). Qua trao đổi với các giáo viên lớp Lá ở trường và bản thân tôi quan sát thì thấy rằng nguyên nhân dẫn đến kết quả này là do: trẻ đa phần là con một, được gia đình chăm sóc kỹ càng, nên sự tự nhận thức về kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe- dinh dưỡng của trẻ còn chưa cao; mặt khác, trong quá trình dạy học cũng như ăn uống của trẻ ở trường, do số lượng trẻ khá đông nên việc truyền tải kiến thức cũng như nhắc nhở trẻ trong kỹ năng này của trẻ còn chưa đồng loạt và nhất quán.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân của nhóm TN và ĐC trước khi tiến hành thực nghiệm* cũng còn thấp, ta có thể thấy mức độ thấp thì trẻ ở nhóm TN có 9 trẻ chiếm tới 45% và nhóm ĐC có 8 trẻ chiếm 40%. Ở mức độ rất thấp thì ở nhóm TN không có trẻ nào (chiếm 0%) thông qua việc thực hiện bài tập. Còn có 7 trẻ (chiếm 35%) ở nhóm TN và 8 trẻ (chiếm 40%) ở nhóm ĐC đạt mức độ trung bình. Mức độ cao thì nhóm TN có 4 trẻ (chiếm 20%) và nhóm ĐC có 3 trẻ (chiếm 15%). Còn ở mức rất cao thì nhóm TN không có trẻ nào đạt được (chiếm 0%) và nhóm ĐC có 1 trẻ (chiếm 5%) thông qua việc thực hiện được bài tập. Tiếp tục trao đổi với giáo viên thì chúng tôi được biết nguyên nhân một số nội dung trong kỹ năng chưa cao như kỹ năng chọn quần áo phù hợp với thời tiết và giữ đầu tóc gọn gàng thì nhiều bé chưa thực hiện được là do trang phục bé mặc hàng ngày đều do mẹ hoặc ba lựa chọn và nhiều khi thấy trẻ làm lâu, sợ tốn thời gian nên chuẩn bị sẵn sàng hết mức có thể hoặc thậm chí làm thay cho bé.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng giữ an toàn cá nhân của nhóm TN và ĐC trước khi tiến hành thực nghiệm* đạt ở mức trung bình, trẻ ở cả hai nhóm TN và nhóm ĐC đều có 8 trẻ chiếm tới 40%. Ở mức độ rất thấp và mức độ cao thì ở cả hai nhóm TN và nhóm ĐC theo lần lượt là đều không có trẻ (chiếm 0%) và 7 trẻ (chiếm 35%) thông qua việc thực hiện bài tập. Còn có 4 trẻ (chiếm 20%) ở nhóm TN và 3 trẻ (chiếm 15%) ở nhóm ĐC đạt mức độ thấp. Mức độ rất cao thì nhóm TN có 1 trẻ (chiếm 5%) và nhóm ĐC có 2 trẻ (chiếm 25%) nhận thức được kỹ năng thông qua việc thực hiện được bài tập.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội của nhóm TN và ĐC trước khi tiến hành thực nghiệm* đạt ở mức cao, trẻ ở nhóm TN có 11 trẻ chiếm tới 55% và nhóm ĐC có 10 trẻ chiếm 50%. Ở mức độ rất thấp thì ở cả hai nhóm TN đều không có trẻ nào không nhận thức được về môi trường xã hội thông qua việc thực hiện bài tập. Ở mức độ thấp ở cả hai nhóm cũng chỉ có 2 trẻ (chiếm 10%). Còn có 6 trẻ (chiếm 30%) ở nhóm TN và 5 trẻ (chiếm 25%) nhóm ĐC ở mức độ trung bình. Và mức rất cao thì nhóm TN có 1 trẻ (chiếm 5%) và nhóm ĐC có 3 trẻ (chiếm 15%) nhận thức được hết kỹ năng thông qua việc thực hiện được bài tập.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên của nhóm TN và ĐC trước khi tiến hành thực nghiệm* đạt ở mức cao, trẻ ở cả nhóm TN và ĐC đều có 11 trẻ chiếm tới 55%. Thậm chí ở mức độ rất cao, nhóm TN có 2 trẻ (chiếm 10%) và có 4 trẻ (chiếm 20%) ở nhóm ĐC đã hoàn tất hết bài tập đưa ra. Ở mức độ rất thấp thì ở cả hai nhóm TN đều không có trẻ nào không nhận thức được về môi trường tự nhiên thông qua việc thực hiện bài tập. Ở mức độ thấp ở nhóm TN cũng có 3 trẻ (chiếm 15%). Còn có 6 trẻ (chiếm 30%) ở nhóm TN và 7 trẻ (chiếm 35%) ở mức độ trung bình. Và mức trung bình thì nhóm TN có 4 trẻ (chiếm 20%) và nhóm ĐC có 5 trẻ (chiếm 25%)

Tóm lại, chúng ta thấy có thể chia ra làm 3 nhóm. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân còn ở mức thấp; kỹ năng giữ an toàn cá nhân thì ở mức trung bình; Kỹ năng nhận thức về môi trường và kỹ năng nhận thức về tự nhiên thì đa số các trẻ của 2 lớp đều đạt được ở mức Cao. Xét tổng thể 2 nhóm trẻ có kết quả khảo sát gần giống nhau (không chênh lệch nhiều).

3.2.9.2. Kết quả đo nghiệm bài tập về một số kỹ năng sống của nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm

Bảng 3.2.2. Kết quả mức độ nhận thức về một số kỹ năng sống giữa trẻ ĐC và TN (sau thực nghiệm)

Mức độ Kỹ năng	Nhóm trẻ	Rất thấp		Thấp		Trung bình		Cao		Rất cao		Tổng cột	
		Số trẻ	Phần trăm	Số trẻ	Phần trăm	Số trẻ	Phần trăm	Số trẻ	Phần trăm	Số trẻ	Phần trăm	Số trẻ	Phần trăm
1. Hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng	Trẻ TN lần 2	0	0%	4	20%	6	30%	7	35%	3	15%	20	100
	Trẻ ĐC lần 2	0	0%	5	25%	7	35%	6	30%	2	10%	20	100
2. Chăm sóc vệ sinh cá nhân	Trẻ TN lần 2	0	0%	3	15%	5	25%	8	40%	4	20%	20	100
	Trẻ ĐC lần 2	0	0%	6	30%	7	35%	5	25%	2	10%	20	100
3. Giữ an toàn cá nhân	Trẻ TN lần 2	0	0%	0	0%	4	20%	10	50%	6	30%	20	100
	Trẻ ĐC lần 2	0	0%	2	10%	7	35%	8	40%	3	15%	20	100
4. Nhận thức về môi trường xã hội	Trẻ TN lần 2	0	0%	0	0%	2	10%	11	55%	7	35%	20	100
	Trẻ ĐC lần 2	0	0%	1	5%	4	20%	11	55%	4	20%	20	100
5. Nhận thức về môi trường tự nhiên	Trẻ TN lần 2	0	0%	0	0%	1	5%	13	65%	6	30%	20	100
	Trẻ ĐC lần 2	0	0%	0	0%	3	15%	12	60%	5	25%	20	100

Sau khi so sánh, đánh giá kết quả đo nghiệm về nhận thức một số kỹ năng sống, trước TN (lần 1) và sau TN (lần 2) ở cả 2 nhóm trẻ TN và ĐC, chúng tôi so sánh kết quả đo nghiệm về nhận thức một số kỹ năng sống của nhóm TN và đối chứng ở sau TN (lần 2) xem có sự khác biệt không? Kết quả của nhóm TN có tốt hơn so với nhóm ĐC không? Trên cơ sở đó chúng tôi đánh giá tính khả thi, hiệu quả của các bài tập tác động thực nghiệm.

Kết quả ở bảng 3.2.2 cho thấy:

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng của nhóm TN và ĐC sau khi tiến hành thực nghiệm* Ở mức rất thấp thì vẫn không có gì thay đổi, ở mức thấp và mức trung bình thì số lượng trẻ đều giảm đi rõ rệt và tăng lên ở các mức cao và mức rất cao. Cụ thể, mức cao, nhóm ĐC có 7 trẻ (35%). nhóm TN có 7 trẻ (35%). Mức rất cao, nhóm ĐC có 2 trẻ (10%), nhóm TN có 3 trẻ(15%). Kết quả có sự khác biệt nhưng chưa rõ rệt.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng chăm sóc vệ sinh cá nhân của nhóm TN và ĐC sau khi tiến hành thực nghiệm* ta có thể thấy số lượng trẻ ở mức độ thấp giảm hẳn ở nhóm TN chỉ còn 3 trẻ chiếm tới 15% trong khi trẻ nhóm ĐC có 6 trẻ chiếm 30%. Có 5 trẻ (chiếm 35%) ở nhóm TN và 8 trẻ (chiếm 40%) ở nhóm ĐC đạt mức độ trung bình. Mức độ cao thì nhóm TN có 8 trẻ (chiếm 40%) và nhóm ĐC có tăng nhưng cũng chỉ có 5 trẻ (chiếm 25%). Còn ở mức rất cao thì nhóm TN đã tăng nhiều so với bản thân nhóm trước thực nghiệm có 4 trẻ (chiếm 20%) và so với cả nhóm ĐC có 3 trẻ (chiếm 15%). Kết quả cũng đã rõ rệt, sau khi thực nghiệm trẻ ở nhóm TN đã thực hiện bài tập tốt hơn nhóm ĐC.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng giữ an toàn cá nhân của nhóm TN và ĐC sau khi tiến hành thực nghiệm* đã đạt ở mức cao không còn ở mức trung bình nhiều nữa, có thể thấy số lượng trẻ ở mức này tăng trẻ ở nhóm TN có 10 trẻ (chiếm 50%) và nhóm ĐC có 8 trẻ (chiếm 40%). Ở mức độ thấp nhóm TN không còn trẻ nào (chiếm 0%) trong khi nhóm ĐC còn 2 trẻ (chiếm 10%). Còn có 4 trẻ (chiếm 20%) ở nhóm TN và 7 trẻ (chiếm 35%) ở nhóm ĐC ở mức độ trung bình. Mức độ rất cao thì nhóm TN đã có 4 trẻ (chiếm 20%) và nhóm ĐC có 3 trẻ (chiếm 15%). Nhóm TN cũng thực hiện bài tập này tốt hơn nhóm ĐC, đã có sự khác biệt giữa hai nhóm.

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội của nhóm TN và ĐC sau khi tiến hành thực nghiệm* so sánh kết quả của trẻ ở nhóm TN và nhóm ĐC, số lượng mức độ thấp và trung bình ở nhóm TN giảm nhiều hơn so với nhóm ĐC. Cụ thể có 1 trẻ chiếm 5% nhóm ĐC và nhóm TN không có trẻ nào ở mức độ thấp và ở mức độ trung bình nhóm TN có 2 trẻ (10%), nhóm ĐC có 4 trẻ (20%). Ở mức độ thấp ở cả hai nhóm cũng chỉ có 2 trẻ (chiếm 10%). Thêm vào đó, đã có 6 trẻ (30%) nhận thức tốt về kỹ năng này trong khi nhóm ĐC chỉ có 4 trẻ (chiếm 20%)

- *Kết quả nhận thức về kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên của nhóm TN và ĐC sau khi tiến hành thực nghiệm* trẻ ở cả nhóm TN và ĐC đều không còn trẻ nào ở mức thấp (chiếm 0%). Mức độ trung bình thì nhóm TN còn có 1 trẻ (chiếm 5%) và nhóm ĐC có 3 trẻ (chiếm 15%). Ở mức độ cao tăng lên nhưng không nhiều

ở nhóm TN có 13 trẻ (chiếm 65%) và nhóm ĐC có 12 trẻ (chiếm 60%). Ở mức độ rất cao ở nhóm TN cũng có 6 trẻ (chiếm 15%).

Như vậy, có thể kết luận rằng kết quả nhận thức của nhóm trẻ TN tốt hơn nhiều so với nhóm ĐC ở lần đo sau TN.

3.2.9.3. Kết luận về quá trình thực nghiệm và khảo sát trên trẻ của 2 lớp TN và lớp ĐC

Qua quá trình thực nghiệm sư phạm, chúng tôi nhận thấy rằng việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi đã bước đầu đạt được những hiệu quả tốt. Điều đó đã được chứng minh qua việc khảo sát trên 2 nhóm trẻ của 2 lớp nhóm trẻ.

Ở cuộc đo nghiệm lần 1, chúng ta có thể thấy được rằng kiến thức về một số kỹ năng sống cần thiết giữa 2 nhóm trẻ là tương đương nhau, không chênh lệch nhiều. Nhưng sau một thời gian được tiếp xúc với các hệ thống bài tập này bằng nhiều cách khác nhau (như lồng các bài tập củng cố vào giáo án của hoạt động dạy có chủ đích, cho trẻ làm bài tập trực tiếp trên máy tính, trẻ được làm bài tập vào nhiều thời điểm trong ngày...), trẻ của lớp TN ở lần đo nghiệm 2 đã có một bước tiến khá tốt so với lần khảo sát 1, số trẻ đạt mức thấp là rất thấp, còn số trẻ đạt mức cao và rất cao lại tương đối cao. Không giống như trẻ ở lớp TN, trẻ ở lớp ĐC sau lần khảo sát 1 đã không được tiếp xúc với hệ thống các bài tập củng cố, không được thực hành các bài tập đó trên máy tính nên ở lần đo nghiệm 2, trẻ lớp ĐC không có tiến bộ gì so với lần đo nghiệm 1.

Chúng ta có thể thấy được rằng hiện tại nhận thức về một số kỹ năng sống cần thiết và kỹ năng sử dụng máy tính của trẻ ở lớp ĐC không bằng trẻ ở lớp TN do không được trải qua quá trình thực nghiệm trên lớp.

Vì vậy, tôi có thể nhận định rằng việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non đã đạt được hiệu quả ở mức độ tương đối tốt. Mặc dù việc khảo sát diễn ra trong phạm vi hẹp và đối tượng trẻ chưa nhiều nhưng nó cũng phần nào tạo cho tôi niềm tin rằng: “Nếu các bài tập này được

ứng dụng rộng rãi toàn trường dành cho trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi sẽ mang lại những kết quả tốt cho cả trẻ lẫn giáo viên”.

3.3. Kết luận chung về mối tương quan giữa nhận định của giáo viên và khảo sát thực tế trên trẻ

Qua việc khảo sát về nhận định của giáo viên và thực tế khảo sát trên trẻ, chúng tôi nhận thấy rằng các giáo viên và Ban giám hiệu đã nhận định và đánh giá rất chính xác về khả năng của trẻ, về những khó khăn mà trẻ gặp phải trong quá trình làm bài tập trong hệ thống các bài tập này.

Các giáo viên và Ban giám hiệu trường mầm non cũng đã thấy được những ưu điểm, thuận lợi, tính hiệu quả khi ứng dụng hệ thống này vào dạy học cho trẻ mẫu giáo lớn, đồng thời dựa trên thực tế tại trường học mà các cô đã nhận thấy rằng bên cạnh những điều thuận lợi đó cũng có những điều khó khăn cần phải có thời gian để giải quyết và hoàn thiện.

Qua khảo sát thực tế trên trẻ, tôi thấy rằng việc ứng dụng hệ thống các bài tập nếu có một số điều chỉnh thích hợp theo thực tế tại trường mầm non thì sẽ là một ứng dụng rất tốt dành cho việc dạy của cô và việc học của trẻ. Các bài tập này sẽ góp một phần trong việc hoàn thiện kiến thức của trẻ hơn đồng thời rèn luyện các kỹ năng sử dụng máy tính cho trẻ trở thành các kỹ xảo tốt.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, tôi đã phân tích kết quả điều tra về nhận định của giáo viên và Ban giám hiệu trường mầm non về việc ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi tại trường mầm non. Đồng thời cũng khảo sát và thực nghiệm trên trẻ để thấy được tính khả thi của hệ thống các bài tập này. Kết quả cho thấy đa số giáo viên đều nhận định rằng đây là một ứng dụng tương đối tốt với cả trẻ và cô, có thể ứng dụng hệ thống này tại trường mầm non. Tuy nhiên cũng gặp một số khó khăn và các giáo viên, Ban giám hiệu trường mầm non cũng đã đưa ra một số ý kiến đóng góp để khắc phục những khó khăn đó và nâng cao hiệu quả của ứng dụng này.

KẾT LUẬN CHUNG

Qua quá trình nghiên cứu đề tài “Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi” đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Xác lập được cơ sở lí luận và thực tiễn của việc xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi.
2. Xây dựng các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cần thiết đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học tại trường mầm non.
3. Góp phần củng cố ở trẻ một số kỹ năng sống cơ bản làm nền tảng cho sự lĩnh hội những kiến thức khác ở trường tiểu học.
4. Góp phần định hướng cho giáo viên mầm non trong việc xây dựng và soạn thảo thêm các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ, đồng thời ứng dụng thành quả của khoa học – công nghệ vào việc tổ chức dạy và học tương tác ở trường mầm non.
5. Xây dựng được phương pháp đánh giá nhận thức kỹ năng sống của trẻ mẫu giáo lớn ở trường mầm non.
6. Xác lập tính khả thi và tính hiệu quả của việc xây dựng và sử dụng hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước:

- [1] Tô Thị Ánh và Nguyễn Thị Bích Hồng, *Tâm lý học lứa tuổi*, NXB Giáo dục, 1991.
- [2] Nguyễn Thanh Bình, *Chương trình giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
- [3] Lê Thị Bình, *Hỏi – Đáp những vấn đề Tâm lý*, NXB Giáo dục, 2008.
- [4] Nguyễn Thị Oanh – Phạm Thị Châu – Trần Thị Sinh, *Giáo dục học mầm non*, NXBĐHQG – Hà Nội, 2002.
- [5] Vũ Dũng, *Từ điển Tâm lý học*, NXB Khoa học xã hội.
- [6] Lê Thị Hồng (chủ biên) và Lê Thị Ngọc Lan, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.
- [7] Lê Xuân Hồng & Tập thể cộng sự, *Tâm lý học đại cương*, Trường CĐSP mẫu giáo TW3 (lưu hành nội bộ), 2001.
- [8] Nguyễn Thị Bích Hồng – Võ Văn Nam, *Giáo dục học đại cương*, Lưu hành nội bộ của Khoa Tâm lý giáo dục trường Đại học Sư phạm TPHCM, 2004.
- [9] Phan Trọng Ngọ (chủ biên), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, 2003.
- [10] Vũ Thị Nho, *Tâm lý học phát triển*, NXB ĐHQG HN, 2000.
- [11] Huỳnh Văn Sơn, *Nhập môn kỹ năng sống*, NXB Giáo dục, TPHCM, 2009.
- [12] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non*, TPHCM, 2010.
- [13] Trần Trọng Thủy, *Tâm lý học lao động*, NXB ĐHQG HN, 1998.
- [14] Trần Trọng Thủy và Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, 1998.
- [15] Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại Học Sư phạm, 2007.
- [16] Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông*, NXB Giáo dục, 1998.
- [17] TS Đinh Thị Tứ - PGS.TS Phan Trọng Ngọ, *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục, 2007.
- [18] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học

Sư phạm, 2004.

[19] Bộ Giáo dục, Quyết định 55 quy định mục tiêu kế hoạch đào tạo của nhà trẻ - trường mẫu giáo, Hà Nội.

[20] Tạp chí giáo dục , số 26, tháng 3/2002

[21] Huỳnh Văn Sơn, *Kỹ năng sống của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay nhìn từ góc độ điều tra thực trạng*, Tạp chí Giáo dục tháng 7/2009.

[22] Bùi Hiền, *Từ điển giáo dục học*, NXB. Từ điển bách khoa Hà Nội.

[23] Từ điển Tiếng Việt, NXB. Khoa học xã hội, 1992.

[25] Nguyễn Hữu Nghĩa, Triệu Xuân Quỳnh, Bùi Ngọc Oánh, *Tâm lý học*, Đại học Sư phạm TPHCM, 1994.

[26] Petrovski A.V. (Chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Người dịch: Đỗ Văn, NCB. Giáo dục

[27] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi*, Hà Nội, tháng 11/2011.

Tài liệu nước ngoài:

[28] Education, What are the “skill” referred to in this approach, Unesco.

Các website:

[29] www.kynangviet.com.vn

[30] www.ketnoisunghiep.vn

[31] www.kynangsong.ning.com

[32] www.lamchame.com

[33] www.lamchame.com

[34] www.mamnon.com

[35] www.tamviet.edu.vn

[36] www.tiengiang.edu.com

[37] www.yeucon.com

[38] www.webtretho.com

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BẢNG HỎI DÀNH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON

Xin chào chị!

Hiện nay chúng tôi đang tiến hành khảo sát về tính hiệu quả và lợi ích của việc xây dựng hệ thống các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5 -6 tuổi ở trường mầm non. Xin chị vui lòng cho biết ý kiến của chị về một số vấn đề sau đây bằng cách đánh dấu vào ý phù hợp.

Tên giáo viên:.....Trình độ chuyên môn:.....

Tuổi:.....Thâm niên công tác:.....

Chức vụ:.....Nhóm lớp phụ trách:.....

Nơi công tác:.....

1. Theo chị, hệ thống các bài tập nhằm củng cố biểu tượng số lượng cho trẻ mẫu giáo lớn này đã phù hợp với kiến thức của trẻ chưa?

Phù hợp

Chưa phù hợp

Ý kiến khác:

2. Chị thường cho trẻ làm các bài tập củng cố này vào thời điểm nào trong ngày?

Mọi thời điểm

Hoạt động có chủ đích

Hoạt động góc

Giờ hoạt động chiều

3.Theo chị, trong quá trình sử dụng hệ thống các bài tập này, trẻ thường gặp lúng túng ở những bài tập của kỹ năng nào? (Chị có thể chọn 1 hay nhiều ô)

Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng

Kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân

Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

Kỹ năng nhận thức môi trường xã hội

Kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên

4. Theo chị, trong quá trình sử dụng hệ thống các bài tập này, những dạng bài tập nào trẻ dễ dàng làm được? *(Chị có thể chọn 1 hay nhiều ô)*

Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng

Kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân

Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

Kỹ năng nhận thức môi trường xã hội

Kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên

5. Theo chị, trong quá trình làm các bài tập này, trẻ thích nhất dạng bài tập gì?
(Chị có thể chọn 1 hay nhiều ô)

Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng

Kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân

Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

Kỹ năng nhận thức môi trường xã hội

Kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên

6. Khi làm các bài tập này, trẻ sử dụng máy tính (đánh số, nhấp chuột chọn đối tượng) như thế nào?

Dễ dàng

Khó khăn

Ý kiến khác:.....

7. Trẻ có hứng thú trong quá trình làm các bài tập này trên máy tính không?

Rất hứng thú

Hứng thú

Bình thường

Không hứng thú

8. Trong quá trình trẻ làm bài tập trên máy tính, trẻ thường lúng túng về vấn đề gì?

Không biết cách sử dụng máy tính

Không hiểu nội dung bài tập

Không biết cách làm bài tập

Ý kiến khác.....

9. Trong quá trình trẻ làm bài tập trên máy tính, giáo viên có giúp đỡ trẻ không?

Có giúp đỡ

Trẻ tự làm

Ý kiến khác:.....

10. Trẻ thường ngồi làm bài tập được khoảng bao lâu?

5 phút

10 phút

15 phút

20 phút

Ý kiến khác:.....

11. Theo chị, khi ứng dụng hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi có những ưu điểm nào?

(Chị có thể chọn 1 hay nhiều ô)

Gây hứng thú cho trẻ do có âm thanh và hình ảnh trực quan sinh động

Giúp trẻ tích cực hơn đối với việc làm bài tập

Trẻ củng cố lại những kiến thức đã học một cách dễ dàng hơn

Trẻ có thể làm thêm bài tập tại nhà

Giúp cho trẻ giải quyết nhiệm vụ làm bài tập một cách nhẹ nhàng hơn thông

qua việc chơi mà học

Ý kiến khác.....

12. Theo chị, khó khăn nào dưới đây là quan trọng nhất trong khi ứng dụng hệ thống các bài tập này cho trẻ ở tại trường mầm non?

Không có máy vi tính tại lớp và mạng Internet

Trường chưa có phòng máy riêng dành cho trẻ

Trẻ chưa biết các thao tác đơn giản về sử dụng máy tính (đánh số, nhấp chuột vào đối tượng chọn)

Trẻ chưa có kỹ năng làm hệ thống các bài tập này

Cô chưa có kinh nghiệm trong việc hướng dẫn trẻ sử dụng hệ thống bài tập

Ý kiến khác.....

13. Chị thấy có những thuận lợi nào dành cho giáo viên khi sử dụng hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ? (Chị có thể chọn 1 hay nhiều ô)

- Sử dụng được ở mọi thời điểm, mọi lúc mọi nơi
- Sử dụng được trong nhiều năm
- Sử dụng một cách linh hoạt trong khi dạy trẻ
- Không cần mất nhiều thời gian để chuẩn bị giáo cụ
- Mở rộng các dạng bài tập củng cố cho trẻ
- Thay đổi cách thức về việc củng cố kiến thức cho trẻ

Ý kiến khác.....

14. Theo chị, chúng ta cần lưu ý gì khi ứng dụng hệ thống bài tập này vào việc học cho trẻ?

- Không nên cho trẻ làm bài tập trên máy tính quá lâu
- Cập nhật thường xuyên các kiểu bài tập cho trẻ
- Cần kết hợp với phụ huynh trong việc cho trẻ làm bài tập này tại nhà

Ý kiến khác:

PHỤ LỤC 2

CÂU HỎI PHÒNG VẤN

(Dành cho ban giám hiệu)

Xin chào cô!

Hiện nay, chúng tôi đang tiến hành khảo sát về tính hiệu quả và lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non. Chúng tôi hi vọng cô có thể bớt chút thời gian trả lời những câu hỏi dưới đây. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ nhiệt tình của cô.

1. Trường cô đang dạy chương trình nào?
2. Theo cô, việc hình thành và củng cố một số kỹ năng sống có quan trọng đối với trẻ không?
3. Trường của cô có thường xuyên sưu tầm hay soạn thảo ra những hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi không?
4. Trẻ ở trường mầm non chúng ta có thường xuyên được sử dụng máy tính không?
5. Theo cô, việc đưa các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi có ích lợi gì cho giáo viên và cho trẻ?
6. Theo cô, việc ứng dụng các bài tập này có đem lại hiệu quả cao trong việc dạy của giáo viên và việc học của trẻ không?
7. Cô có thể cho biết về những thuận lợi và khó khăn khi ứng dụng các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tại trường mầm non không?
8. Nếu có khó khăn, theo cô sẽ có những biện pháp gì để khắc phục những khó khăn đó?
9. Theo cô, việc cho trẻ làm các bài tập này nên được sử dụng vào mọi thời điểm trong ngày hay chỉ nên sử dụng vào những thời điểm nhất định thôi?
10. Theo cô, hệ thống các bài tập này đã phù hợp với trình độ và kiến thức của trẻ chưa?

11. Sau khi đã tìm hiểu về hệ thống các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng cho trẻ mẫu giáo lớn 5-6 tuổi, cô thấy hệ thống này có những ưu điểm và khuyết điểm gì?

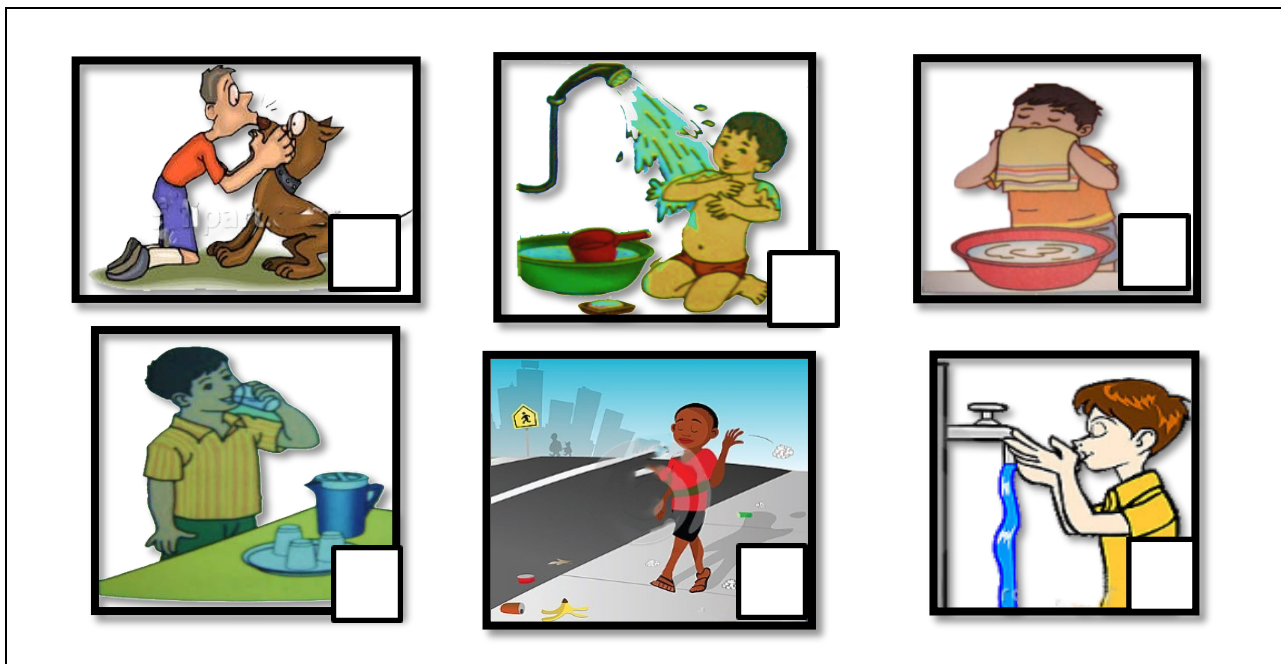
12. Xin cô cho biết ý kiến riêng của cá nhân cô về các bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

PHỤ LỤC 3

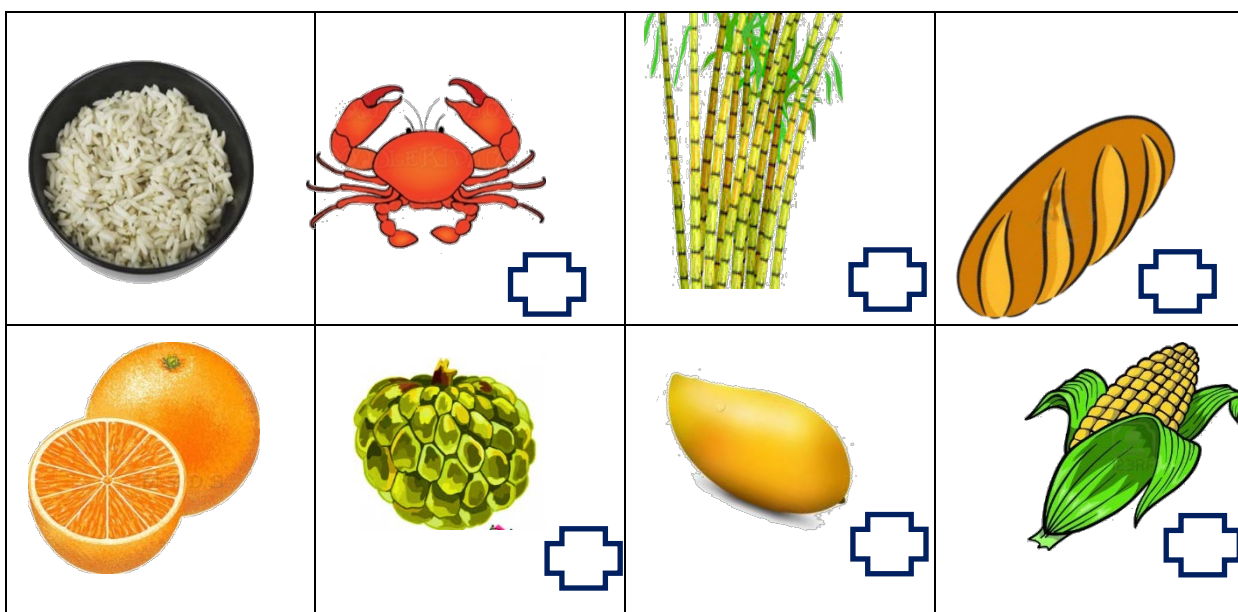
BÀI TẬP ĐO NGHIỆM LẦN 1

Nhóm 1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe

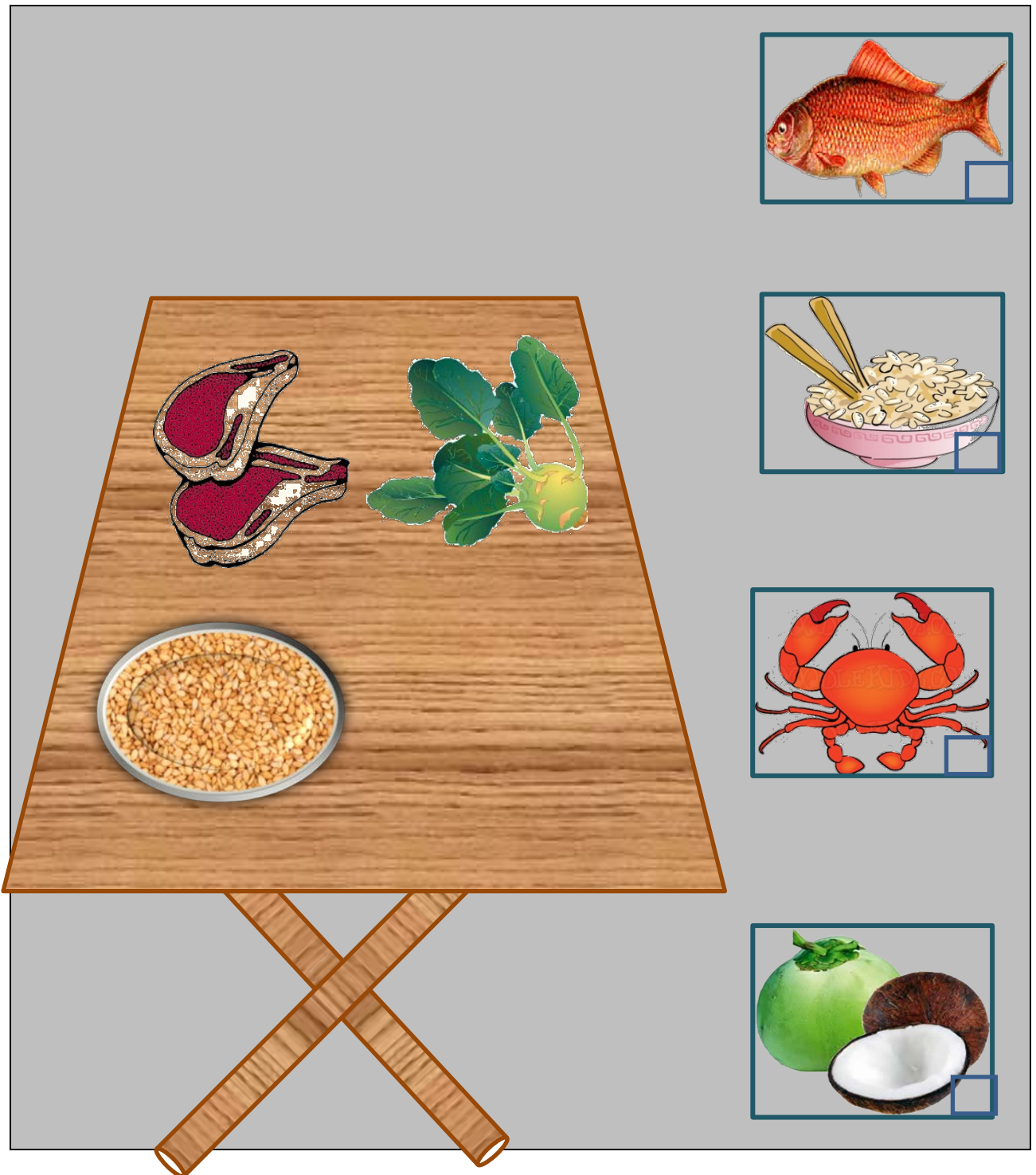
Câu 1: Bé có biết sức khỏe quan trọng như thế nào với con người. Vậy bé hãy chọn những hoạt động có lợi cho sức khỏe của mọi người cũng như của bé bằng cách đánh dấu vào các ô trống nhé!



Câu 2 : Thực phẩm nào cùng nhóm chất dinh dưỡng với thực phẩm đầu hàng đây nhỉ ?
? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!













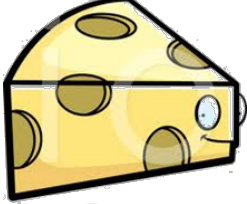


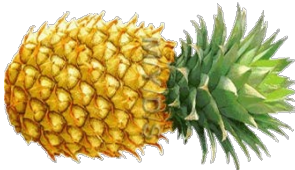

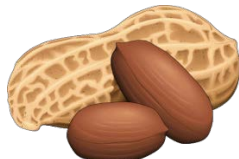
Câu 3: Một bữa ăn đầy đủ chất dinh dưỡng cần có 4 nhóm thực phẩm dinh dưỡng. Mẹ Típ mua nhiều thứ lặt vặt cho nhà mà quên mất một món của một nhóm chất. Vậy khi đến siêu thị Típ sẽ mua thêm món nào? Bé hãy xem và đánh dấu vào nha.



Câu 4 : Ồ! Cái lưới của chúng ta thật là tài giỏi có thể nếm được nhiều vị khác nhau nào chua, cay, ngọt, đắng. Không biết vị ở các thực phẩm dưới đây như thế nào ? Bạn hãy đem thực phẩm có cùng vị vào cùng một cái rổ nhé.



Câu 5: Đã đến giờ tập thể dục sáng rồi, cô giáo tập trung 4 nhóm thực phẩm thành 4 hàng dọc. Bé hãy giúp các tổ trưởng của 4 nhóm chất dinh dưỡng đang đứng đầu mỗi hàng tìm và xếp các bạn thực phẩm vào hàng cho ngay, cho đúng hàng nhé !

Nhóm 2. Kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân

Câu 1: Sau một đêm ngủ ngon, hôm nay Quỳnh quyết định đánh răng một mình vì thấy rằng mình đã lớn rồi. Các bạn hãy sắp xếp thứ tự các bước đánh răng để nhắc cho bạn Quỳnh nhé !


1


2


3


4

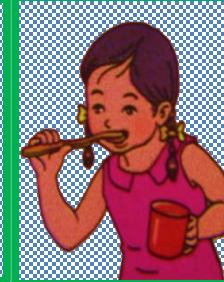
5






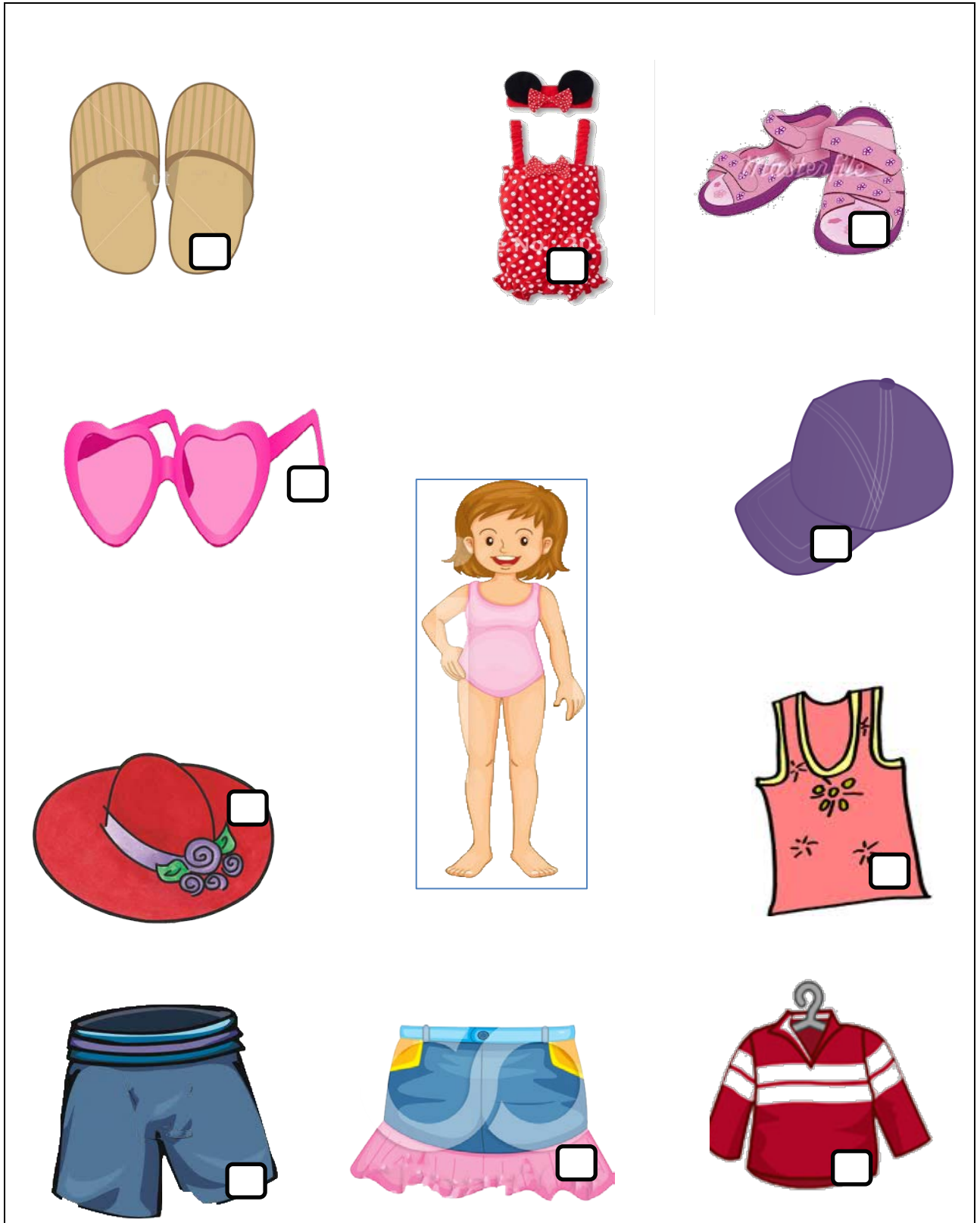






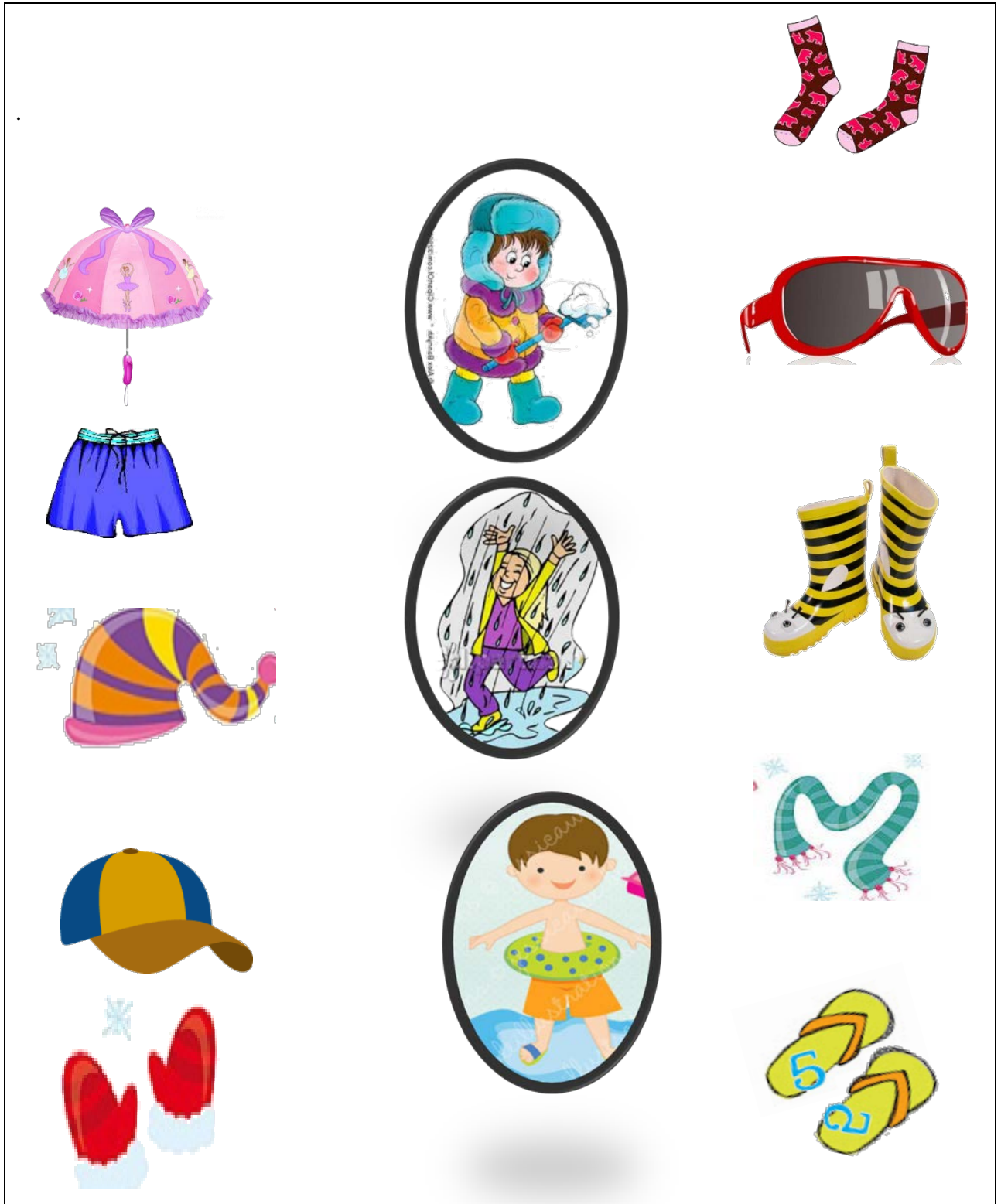


Câu 2: Đồ bé biết bạn này là con trai hay con gái vậy ? Bé hãy xem và giúp bạn ấy chọn đồ phù hợp cho bạn ấy bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống nhé !

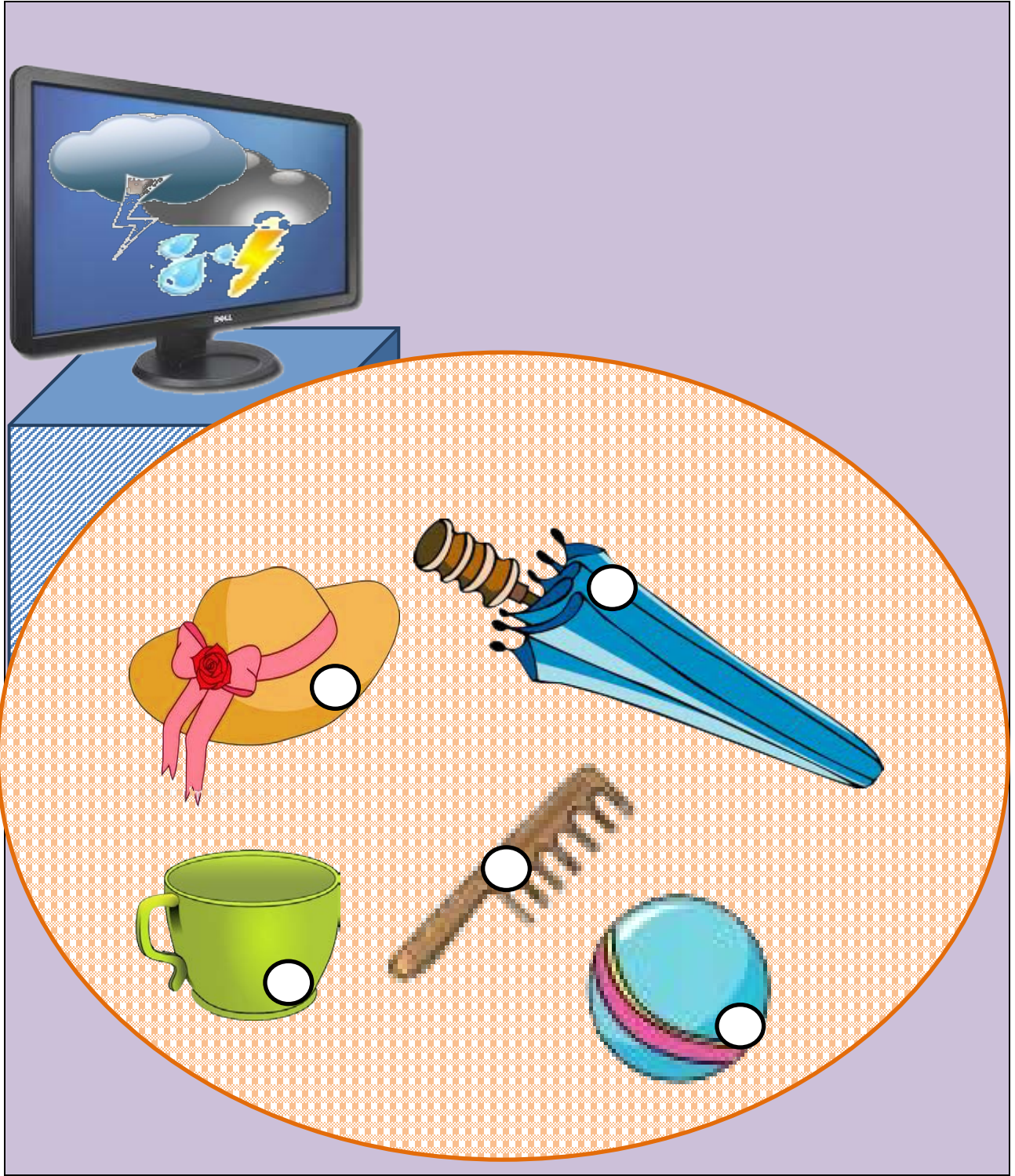


Câu 3: Với thời tiết thế này thì ba bạn nhỏ của chúng ta cần gì ? Bé hãy nói quần áo và đồ dùng với các bạn cho phù hợp với thời tiết nhé !



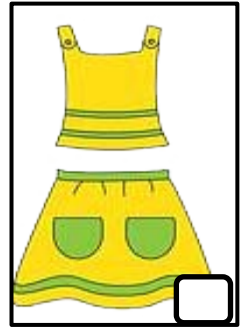
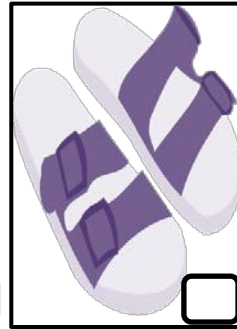
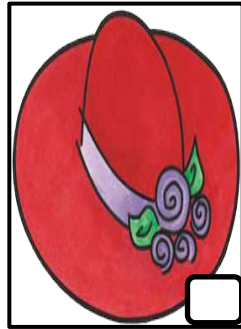


Câu 4 : Chíp xem dự báo thời tiết trên tivi nhưng giờ Chíp có việc cần đi ra ngoài. Vậy với thời tiết thế này thì Chíp cần đem theo vật nào đây ? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé !



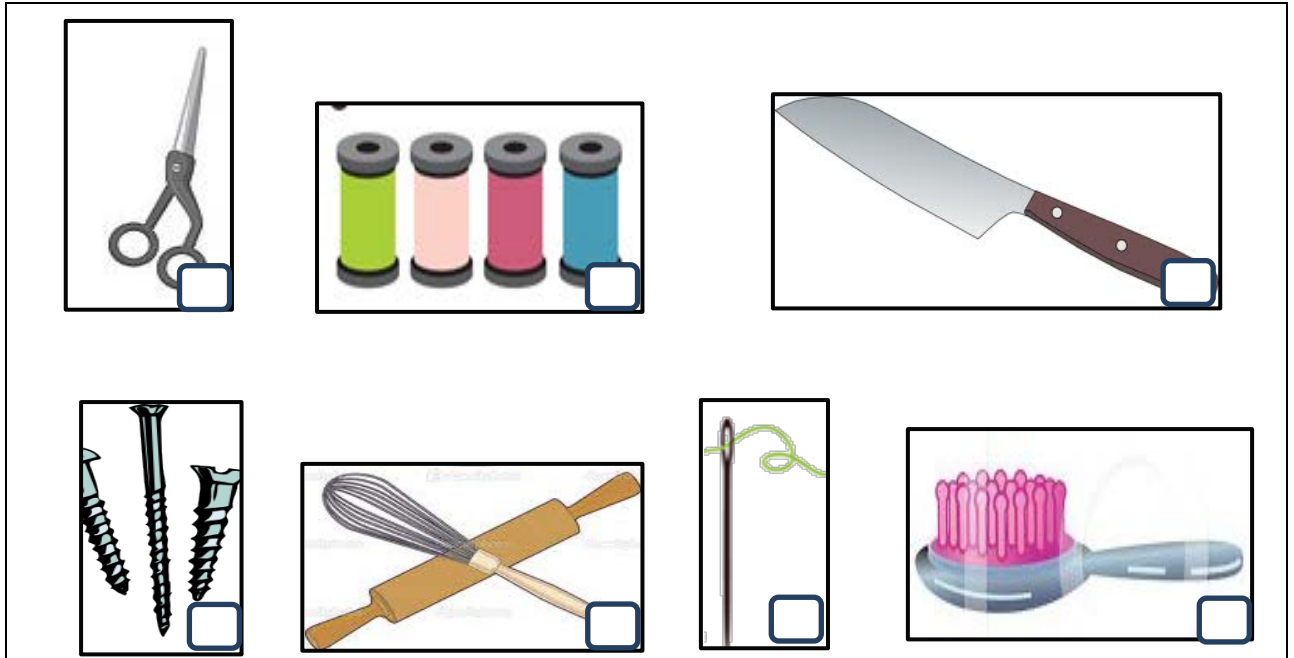
Câu 5: Với thời tiết thế này thì bé sẽ chọn đồ nào để mặc? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



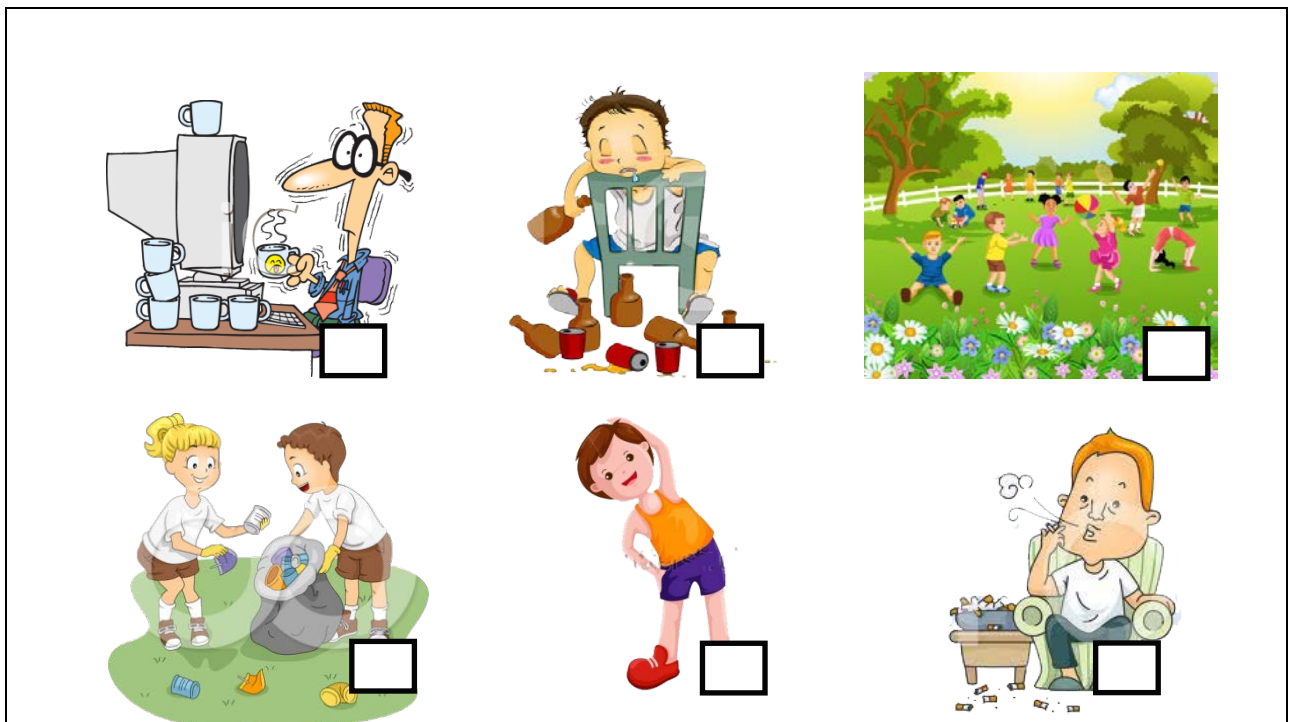


Nhóm 3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân.

Câu 2: Bé hãy đánh dấu (X) vào vật dụng sắc nhọn gây nguy hiểm cho mọi người nhé!



Câu 7: Việc nào sau đây không tốt cho sức khỏe vậy bé nhỉ? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 4: Bé hãy nối vật dụng nguy hiểm với hình tam giác và nơi nguy hiểm với hình vuông nhé!

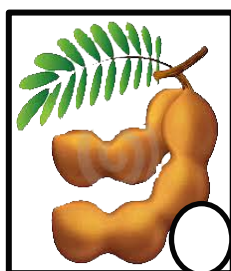
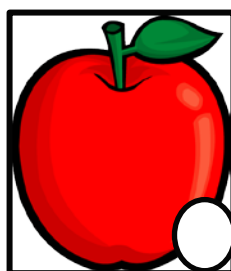
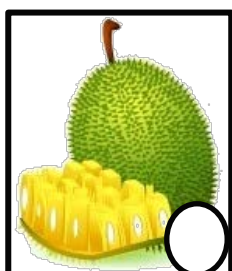
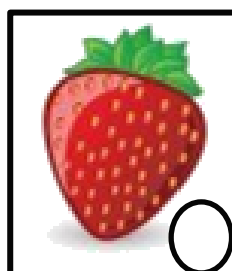
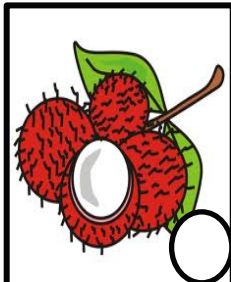
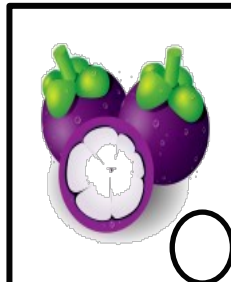

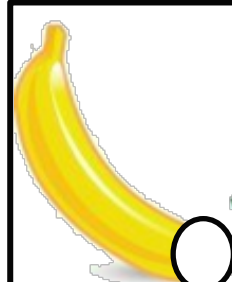
The image contains the following items for a matching exercise:

- Swimming pool with a wooden plank (square box)
- Well with a bucket (square box)
- Comb (square box)
- Scissors (square box)
- Purple triangle (triangle)
- Orange square (square)
- Lake with a boat (square box)
- Park with trees (square box)
- Whisk (square box)
- Colorful lollipops (square box)
- Saw (square box)

Câu 10: Những người dưới đây đang gặp nguy hiểm cũng như có người đang gây hại. Vậy chúng ta cần gọi số nào để giúp họ cũng như một bài học cho kẻ gây hại? Bé hãy nói số điện khẩn tương ứng với hoàn cảnh nhé!

		
 113	 114	 115

Câu 5: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những loại quả dưới đây khi ăn cần lưu ý để không bị hóc sặc nhé!

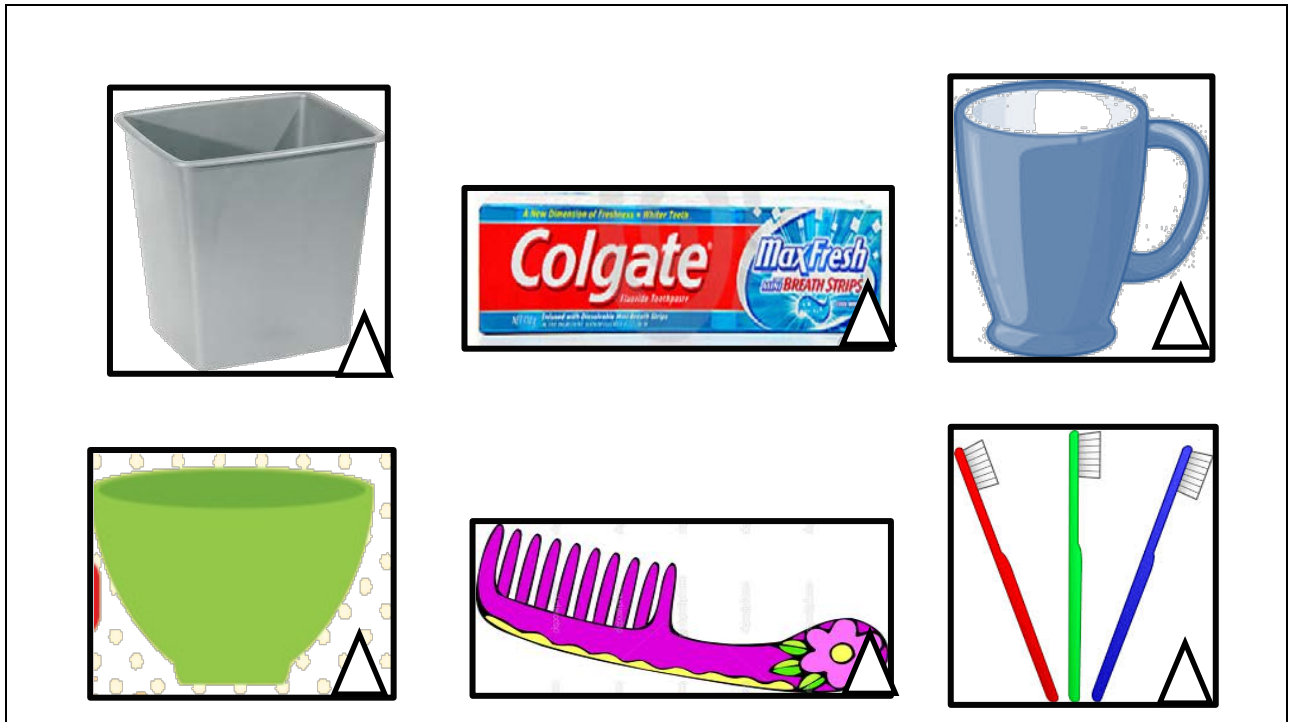
			
			

Nhóm 4. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội

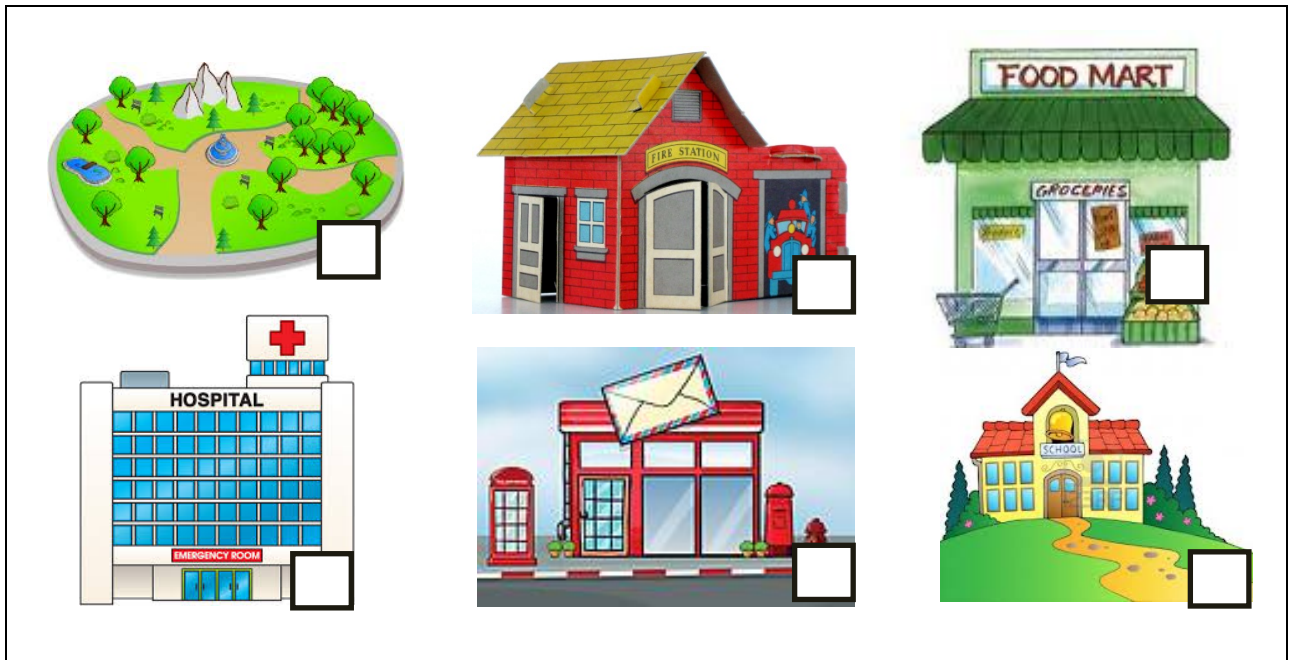
Câu 1: Để đảm bảo an toàn cho bản thân khi tham gia giao thông cũng cần tuân thủ những quy tắc giao thông. Vậy bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những trường hợp chưa tuân thủ quy tắc giao thông nhé!



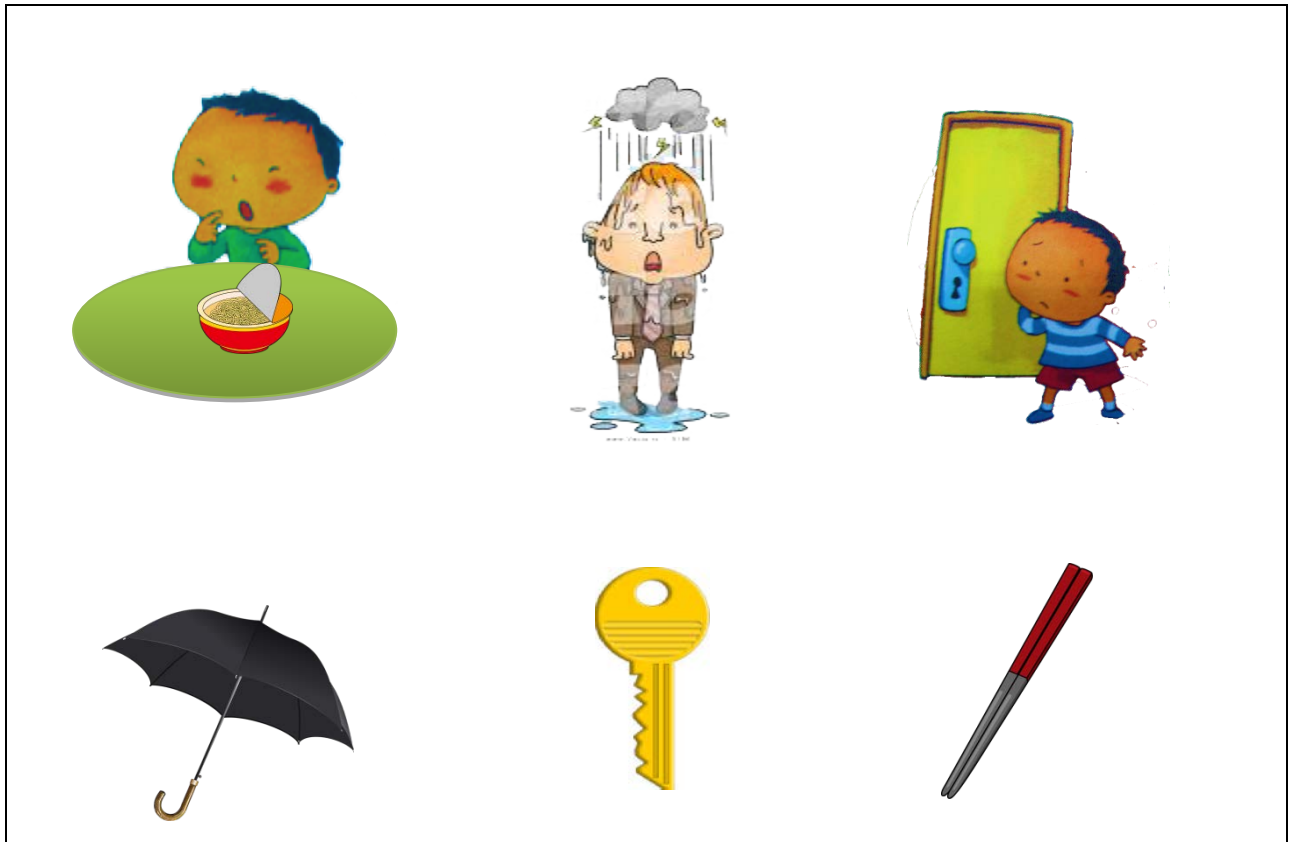
Câu 2: Hãy chọn cho bé đồ dùng bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống mà bé thường dùng khi đánh răng để không bị sâu răng nhé!



Câu 3 : Một ngày nọ, bé Năm nhớ bà ngoại quá liền viết thư và gửi cho bà ngoại. Vậy bé Năm cần đến nơi nào để gửi thư đây? Bé hãy đánh dấu vào nơi đó nhé!



Câu 4 : Bé biết những người dưới đây đang cần đồ dùng gì không? Bé hãy nối người đó với đồ vật cần dùng phía dưới họ nhé!

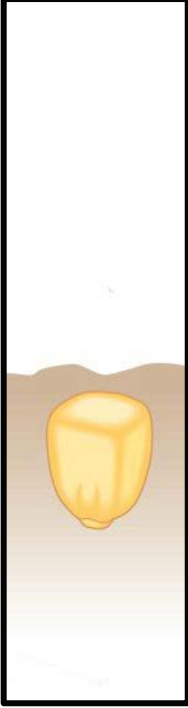
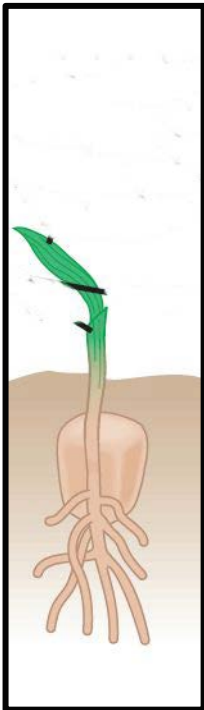
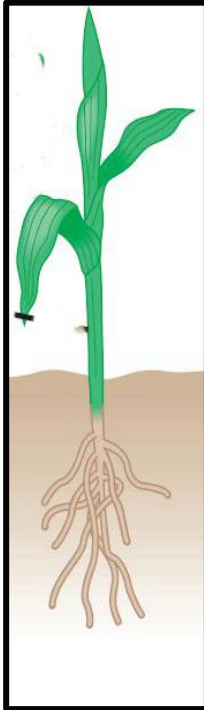




Câu 5 : Bé hãy nối những dụng cụ mà nghề của chú Năm cần dùng đến nhé!

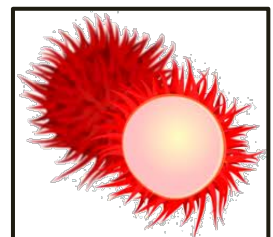
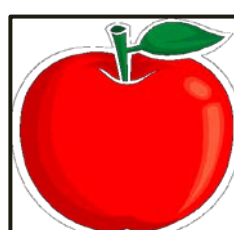
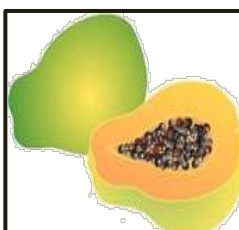
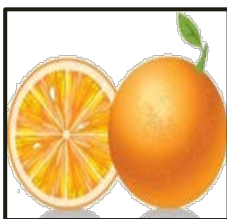
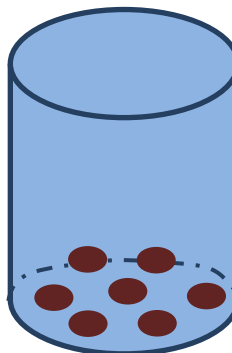
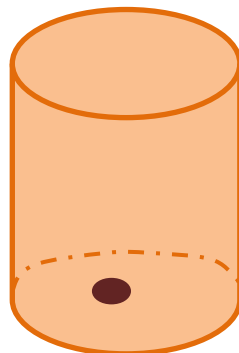
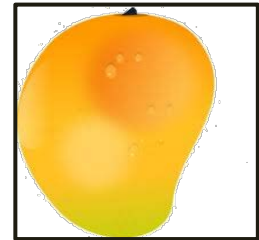
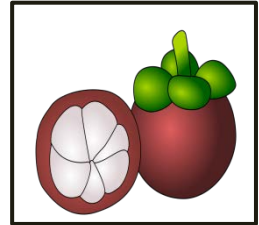
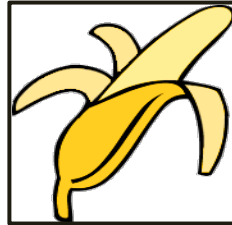
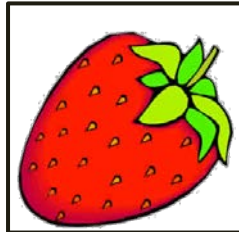


Nhóm 5. Nhận thức về môi trường tự nhiên.

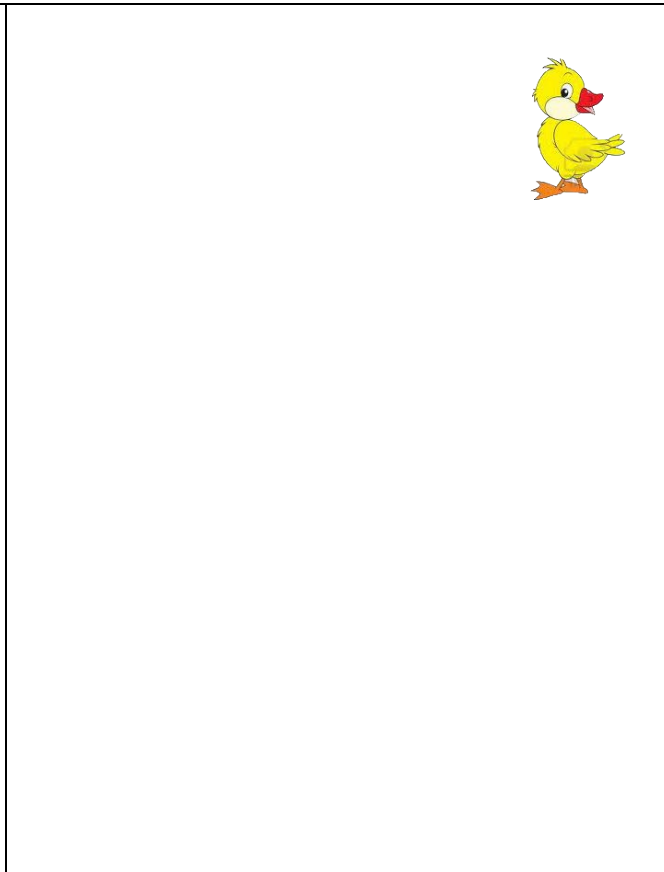
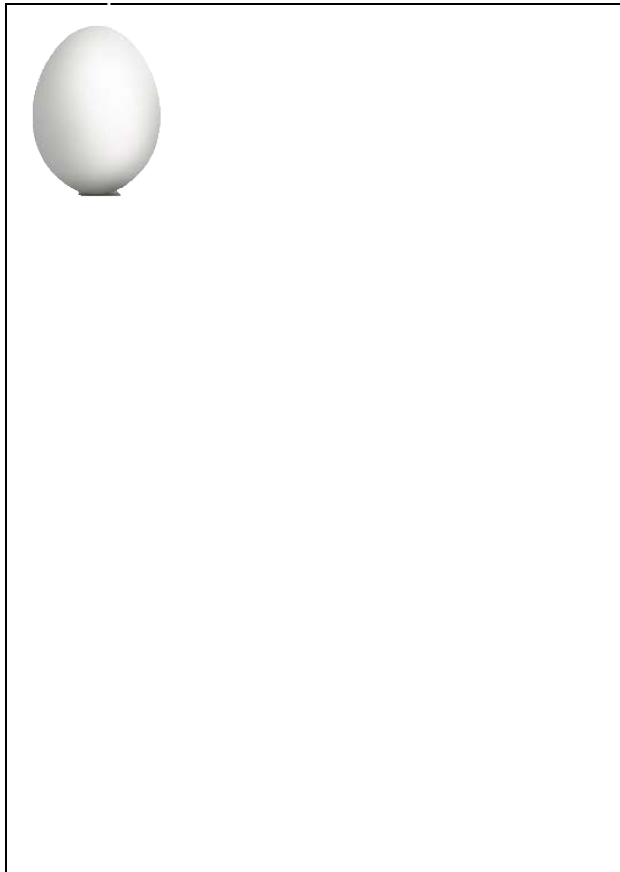
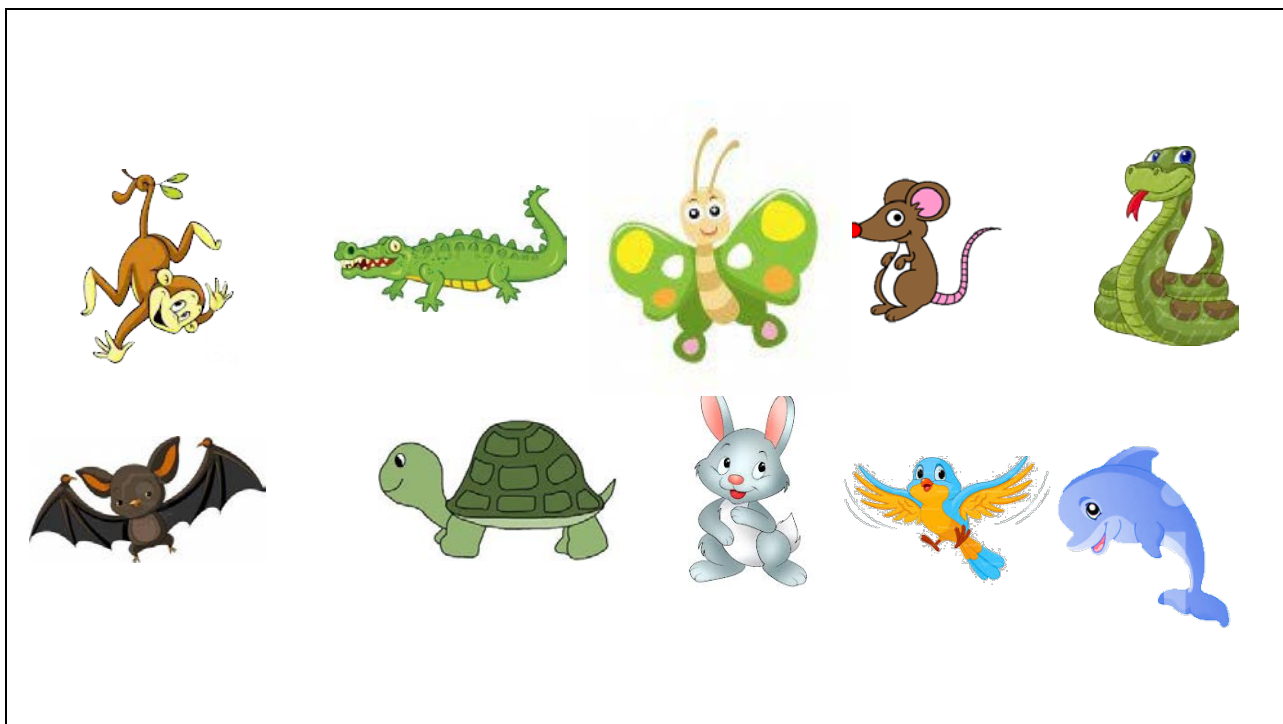
Câu 1: Bé hãy đánh dấu (X) vào số để xem những bức hình dưới đây là giai đoạn thứ mấy trong 5 giai đoạn phát triển của cây nhé!

				
1	1	1	1	1
2	2	2	2	2
3	3	3	3	3
4	4	4	4	4
5	5	5	5	5

Câu 2: Bé hãy nối các quả nhiều hạt với lon có nhiều chấm tròn, một hạt hoặc không hạt với lon có một chấm tròn.



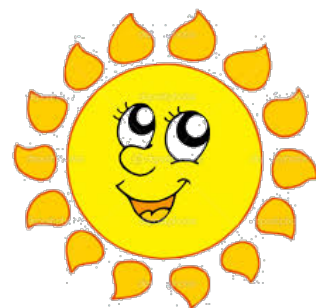
Câu 3: Động vật nào đẻ trứng, động vật nào đẻ con? Bé hãy đặt con vật vào đúng ô trống nhé!



Câu 4: Bé có biết các hoạt động trong tranh diễn ra với thời tiết như thế nào không? Bé hãy nói các hoạt động này với thời tiết tương ứng nhé!



Câu 5 : Các cảnh sinh hoạt sau diễn ra vào ban ngày hay ban đêm đây? Bé hãy
nối cho thích hợp nhé!



PHỤ LỤC 4

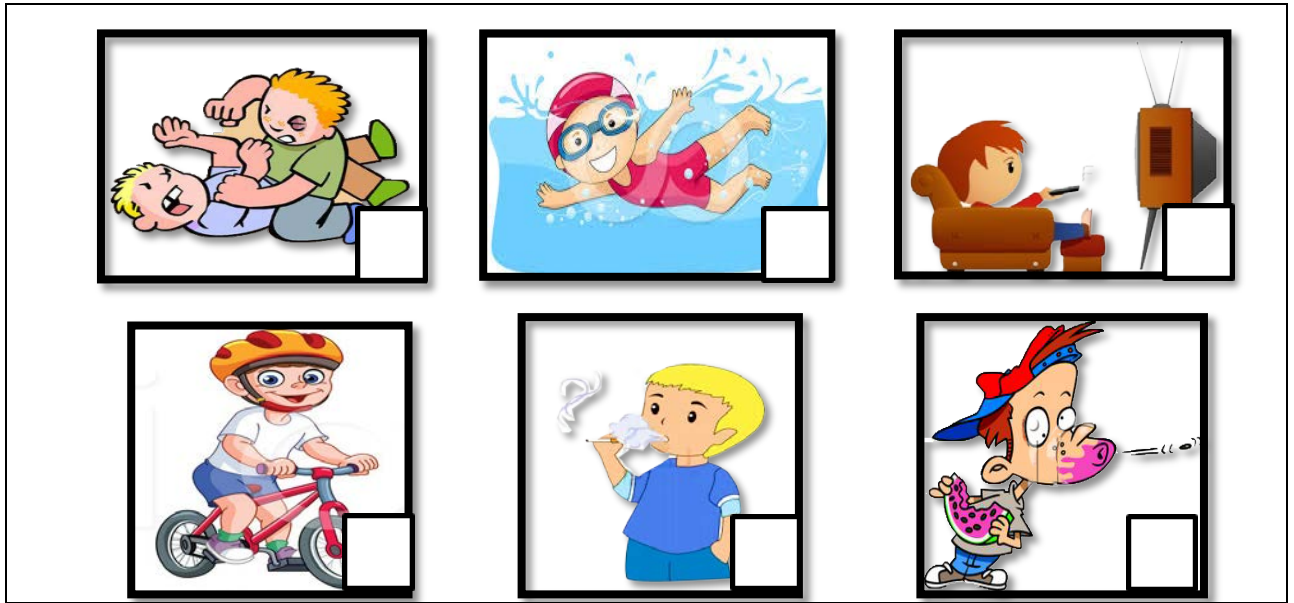
BÀI TẬP ĐO NGHIỆM LẦN 2

Nhóm 1. Kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng.

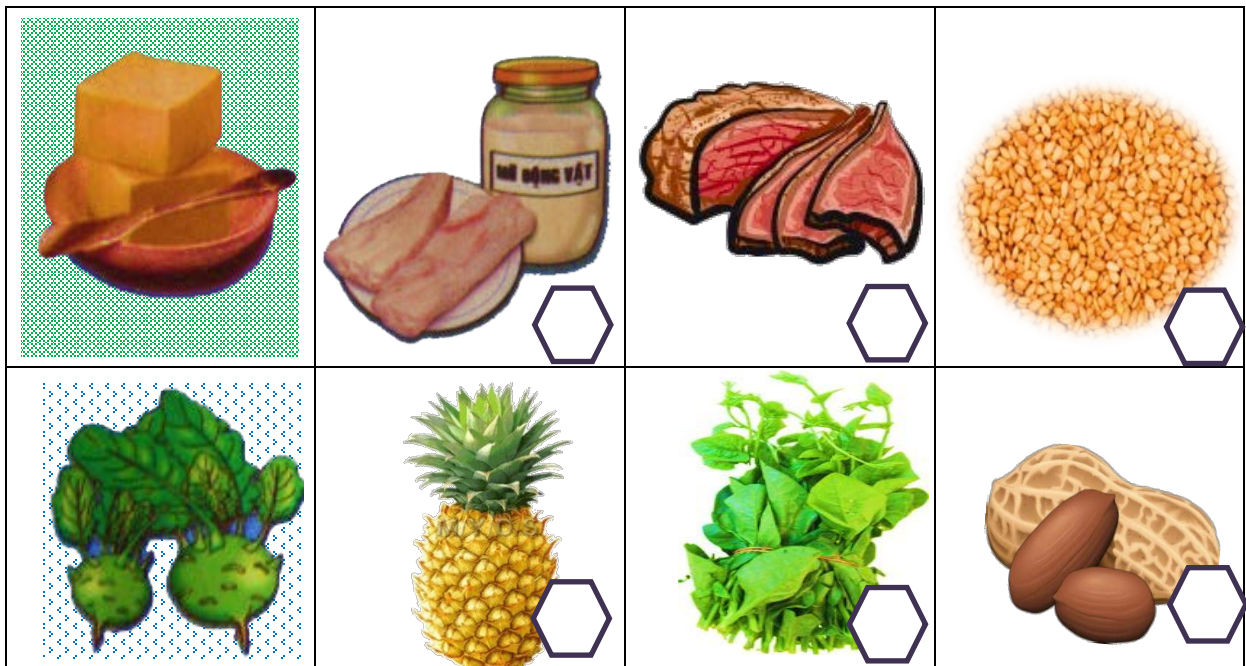
Câu 1: Ông Tư năm nay đã sáu mươi lăm tuổi rồi. Một ngày nọ, ông đem album ảnh ra ôn lại kỷ niệm. Các bé có biết theo thời gian ông đã lớn lên như thế nào không? Các bé hãy sắp xếp lại cho đúng thứ tự nhé.

The image contains six circular illustrations arranged in two rows of three. The top row shows an elderly man with a cane, a young boy playing with a toy car, and a pregnant woman. The bottom row shows a crawling baby, a boy walking with a backpack, and a man playing soccer. Below these illustrations is a circular arrangement of six colored buttons (red, dark blue, green, purple, light blue, yellow) connected by arrows in a clockwise cycle.

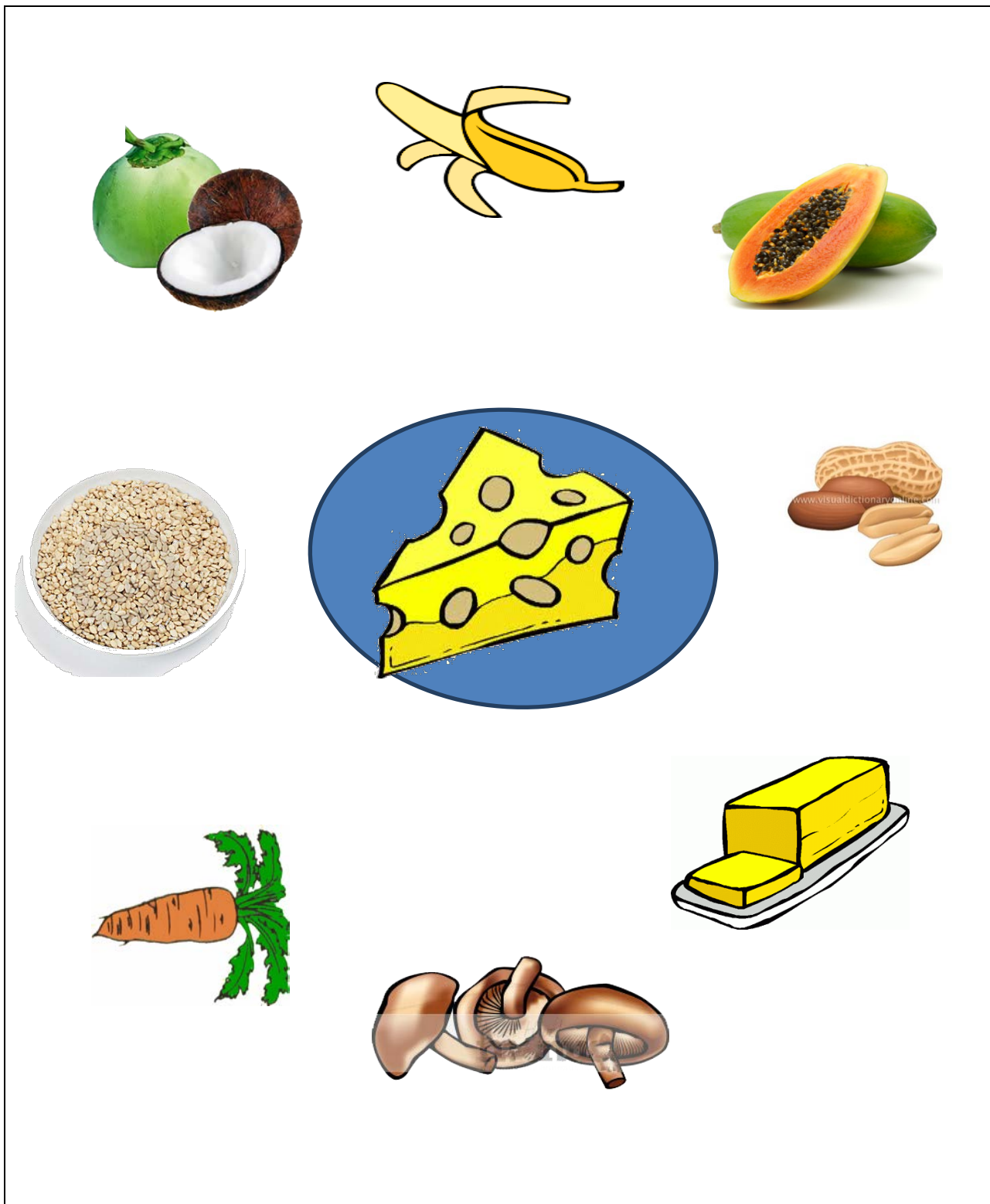
Câu 2: Bé hãy đánh dấu (X) vào hoạt động gây hại cho sức khỏe.



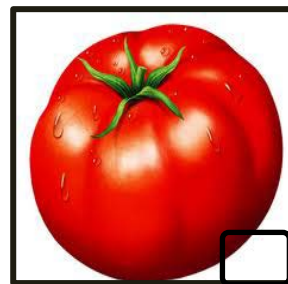
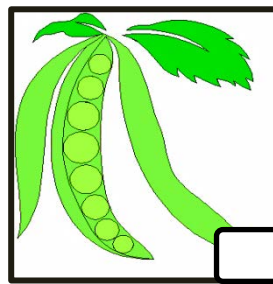
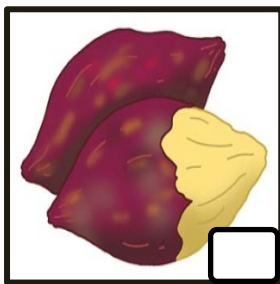
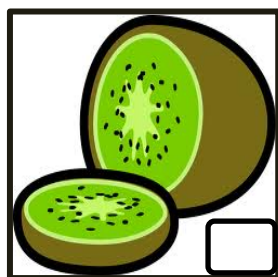
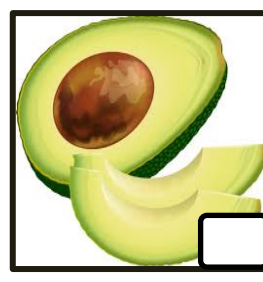
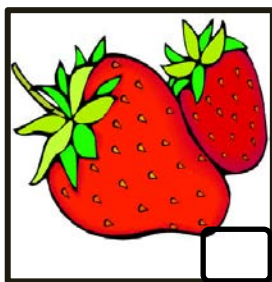
Câu 3 : Bé có biết thực phẩm nào không cùng nhóm chất dinh dưỡng với thực phẩm đầu hàng khôn



Câu 4: Chào các bạn nhỏ! Tổ là Pho mai mồm mồm đây! Các bạn có biết trong các thực phẩm dưới đây, ai là người họ hàng với tổ không nè ? Bé hãy nói Pho mai những ai có họ với Pho mai nhé !


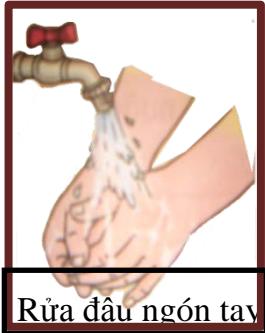







Câu 5 : Để hạn chế chảy máu chân răng cũng như da bạn luôn đẹp thì các bạn rất cần đến người bạn nhỏ tên là Vitamin C này đó. Các bạn có biết thực phẩm nào chứa chất dinh dưỡng này không ? Hãy xem và đánh dấu (X) vào ô trống cho đúng nhé !



Nhóm 2. Kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân

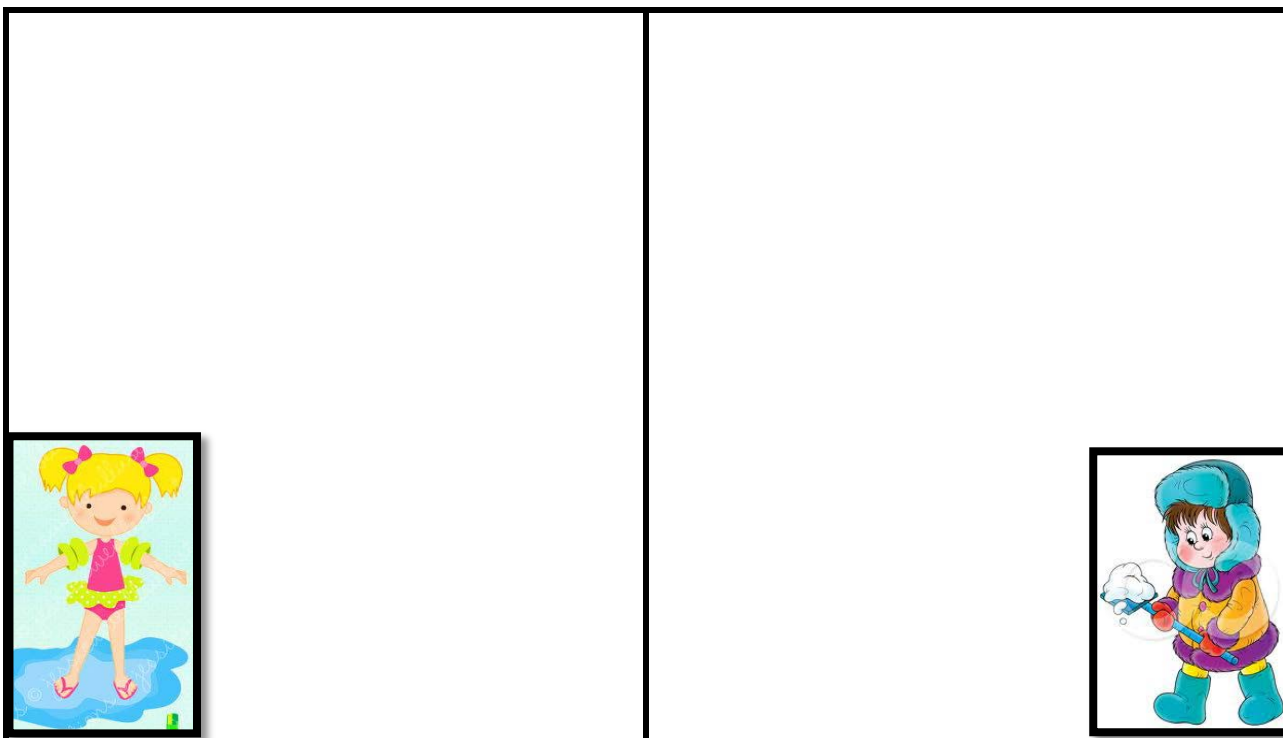
Câu 2: Đã đến giờ ăn trưa rồi và việc cần làm của Mi lúc này là rửa tay để không bị vi khuẩn xâm nhập làm đau bụng Mi được. Vậy các bước rửa tay như thế nào là đúng nhỉ ? Bạn nhỏ hãy sắp xếp đặt số cho đúng thứ tự nhé!

 <p>Xả nước</p> <input type="text"/>	 <p>Rửa đầu ngón tay</p> <input type="text"/>	 <p>Lau khô tay</p> <input type="text"/>	 <p>Xả sạch xà phòng</p> <input type="text"/>			
 <p>Xoa xà phòng</p> <input type="text"/>	 <p>Rửa mu bàn tay</p> <input type="text"/>	 <p>Rửa kẽ ngón tay</p> <input type="text"/>				
1	2	3	4	5	6	7

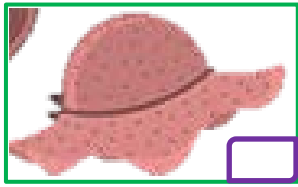




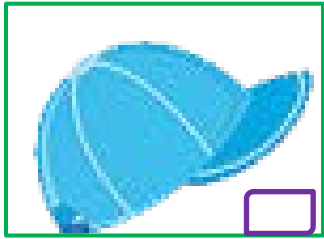
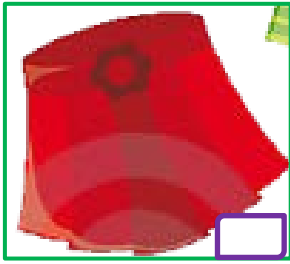


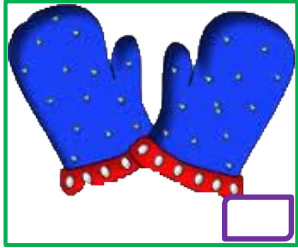




Câu 4: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống để chọn đồ cho phù hợp thời tiết nhé!



Câu 7: Các đồ này là của ai trong hai bạn nhỏ này đây ? Các bé hãy xem và kéo đồ vào cho hai bạn ấy nhé !



Câu 11 : Bé hãy viết số 1 vào đồ của bạn trai, số 2 vào đồ bạn gái, số 3 vào đồ mà hai bạn đều có thể có sử dụng được nhé!

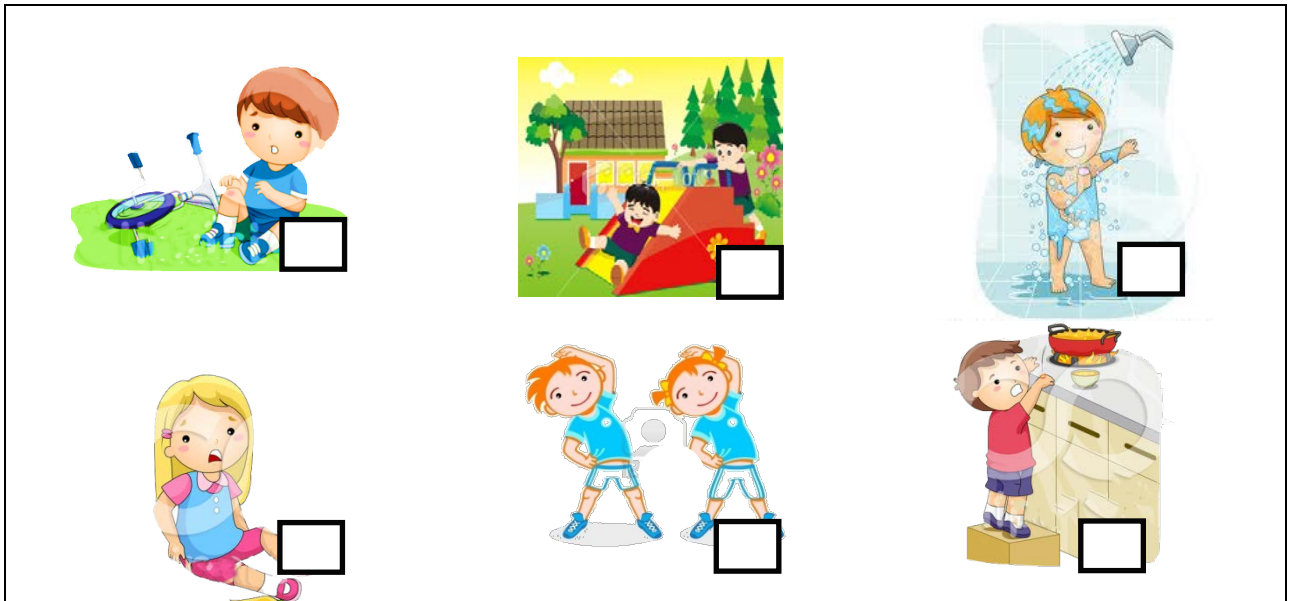
 <input data-bbox="502 504 571 548" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 582 1465 627" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="502 750 571 795" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 784 1465 828" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="486 1086 555 1131" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 1064 1465 1108" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="502 1388 571 1433" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 1321 1465 1366" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="502 1657 571 1702" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 1635 1465 1680" type="checkbox"/>
 <input data-bbox="486 1892 555 1937" type="checkbox"/>		 <input data-bbox="1396 1892 1465 1937" type="checkbox"/>

Nhóm 3. Kỹ năng giữ an toàn cá nhân

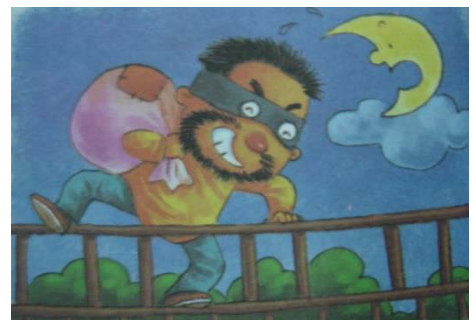
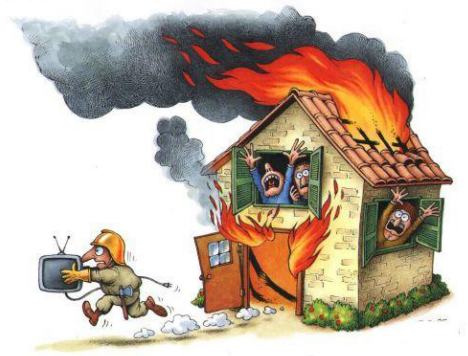
Câu 1: Bé có biết vật dụng nào trong những vật dụng dưới đây đang nóng và dễ gây bỏng, nguy hiểm cho người khác không? Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống nhé!



Câu 2: Bé hãy đánh dấu (x) những trường hợp nào dưới đây bé cần gọi người lớn giúp nhé!

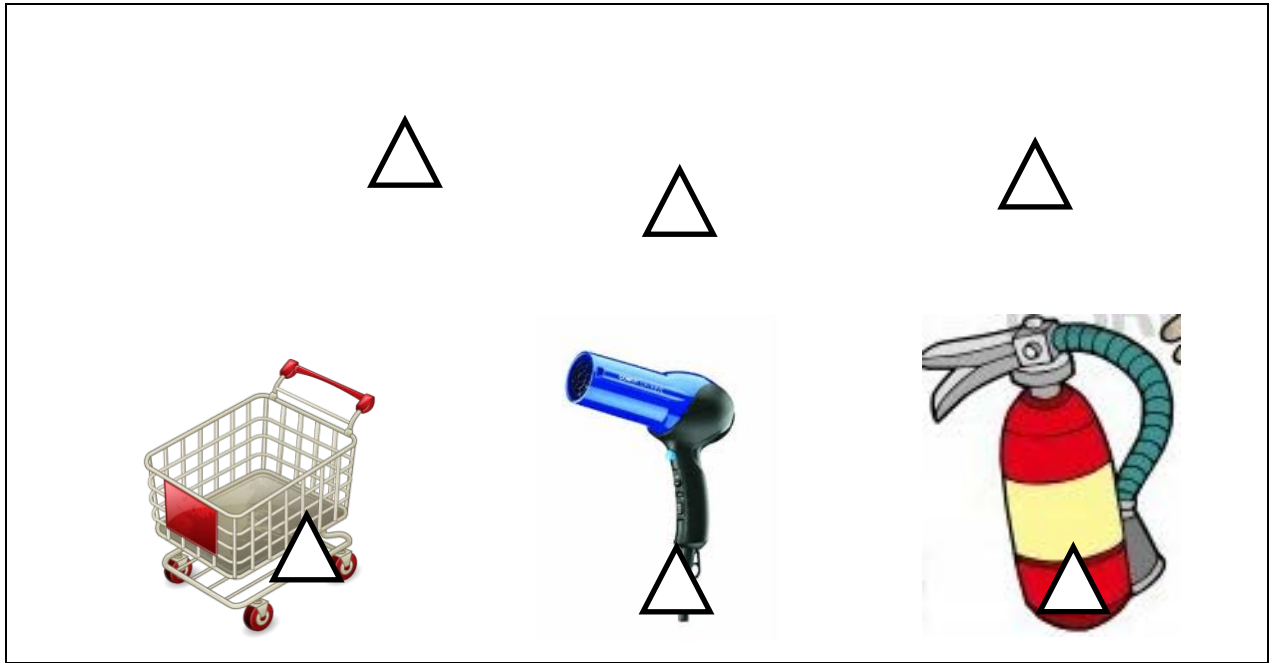


Câu 3: Bé có biết mỗi xe sẽ nhiệm vụ riêng của mình trong những trường hợp khẩn. Bé hãy thử nối các xe dưới đây với hoàn cảnh đang diễn ra nhé!

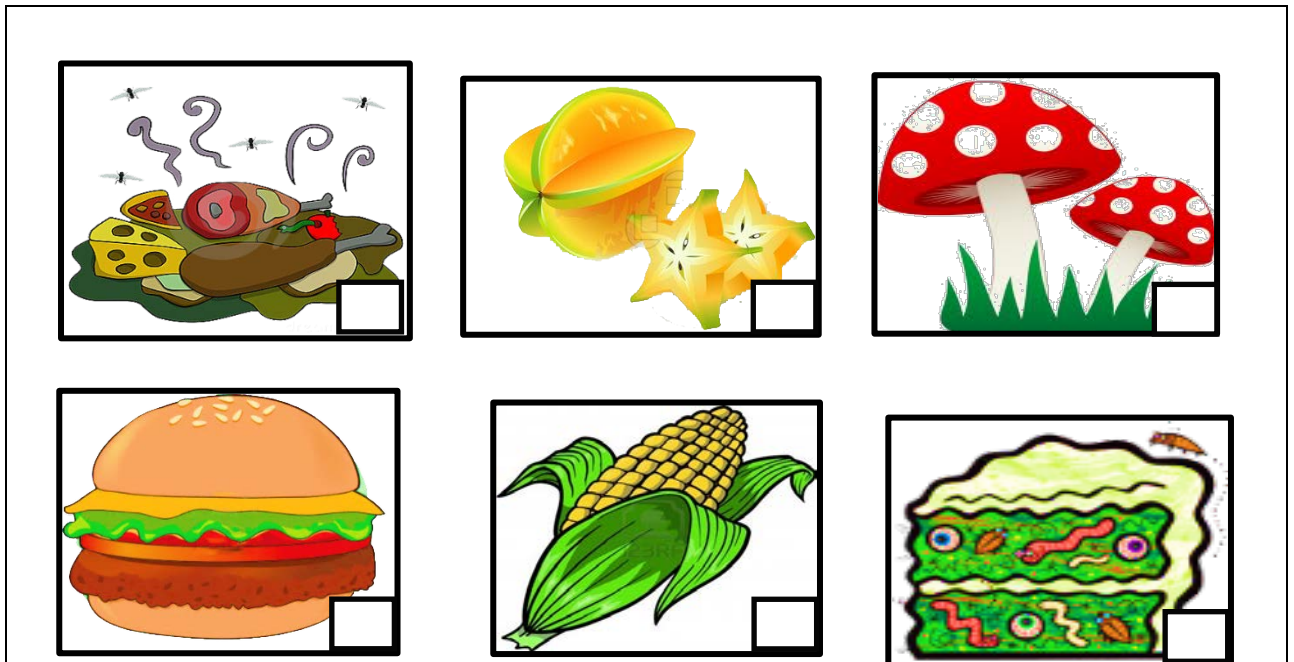


Câu 4: Khi xảy ra đám cháy bé cần dùng những đồ dùng nào?





Câu 5: Bé hãy giúp KiWi tìm ra những thức ăn khi ăn có thể gây đau bụng hoặc bị ngộ độc để khi ăn còn tránh bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống nhé!

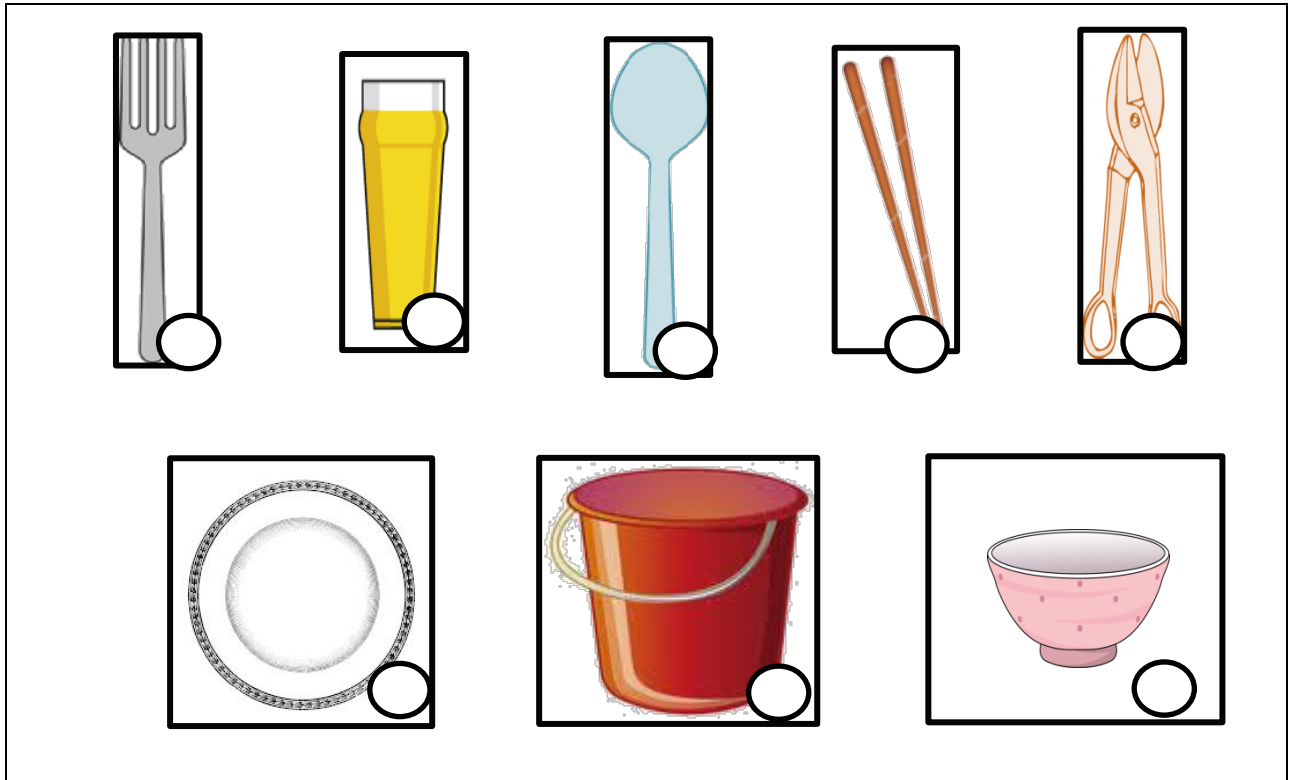


Nhóm 4. Kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội

Câu 1: Khi đến một số nơi công cộng, chúng ta cần tuân thủ một số quy định ở đó. Vậy bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống những việc không được phép làm tại công cộng nhé!



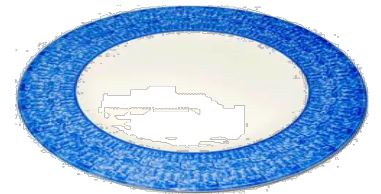
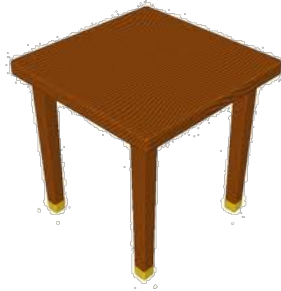
Câu 2: Bé hãy đánh dấu (X) vào ô trống đồ dùng mà bé thường dùng khi ăn.



Câu 3: Suri bị bệnh nặng, giờ mẹ sẽ đưa đến nơi nào trong các địa điểm dưới đây thì đúng? Bé hãy đánh dấu vào địa điểm đó nhé!



Câu 4: Bé hãy nối đồ vật cùng chất liệu với đồ nằm ở giữa các đồ vật nhé!

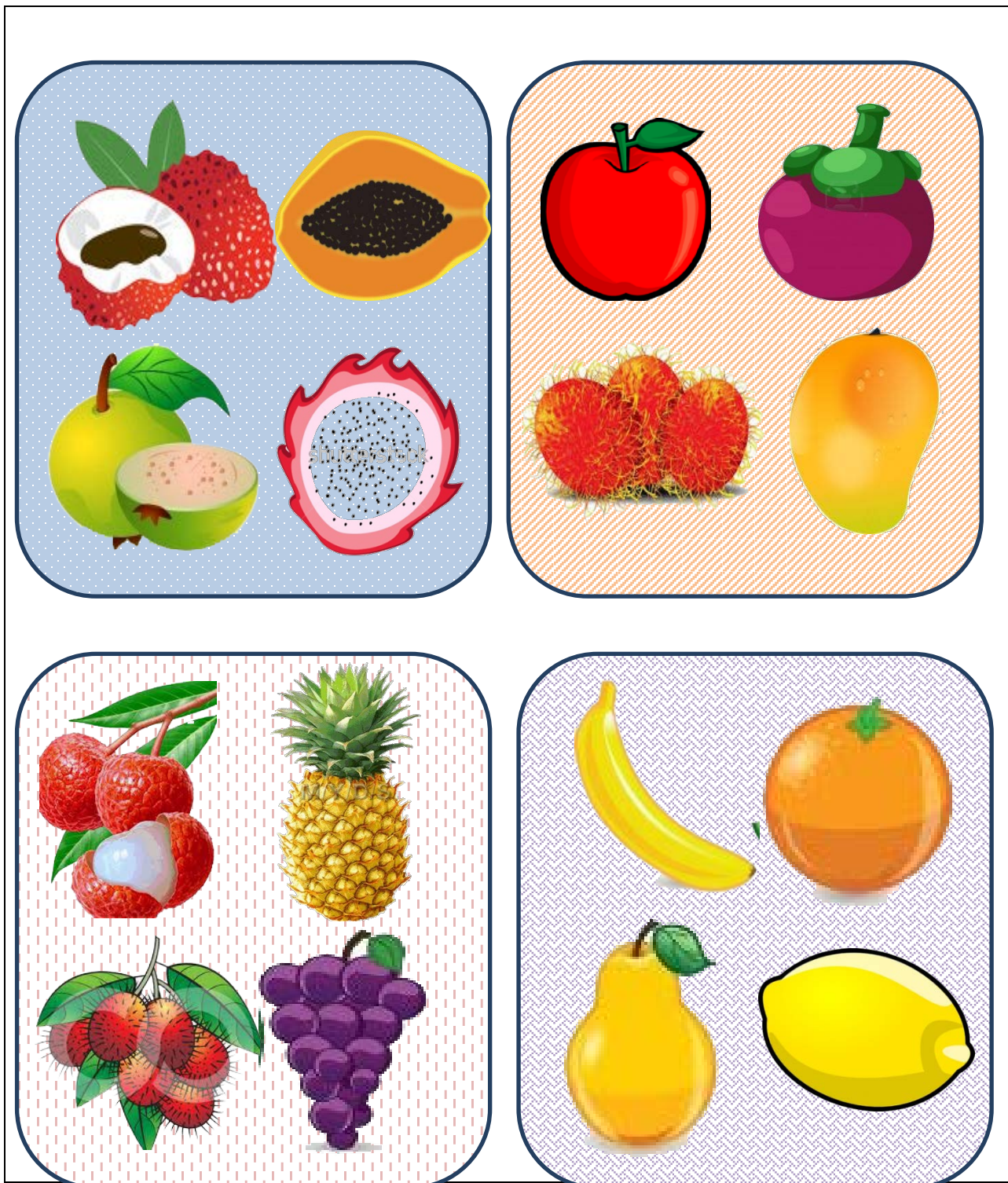


Câu 5: Bé hãy tìm lại dụng cụ của mỗi người dưới đây bằng cách nối dụng cụ với họ nhé!

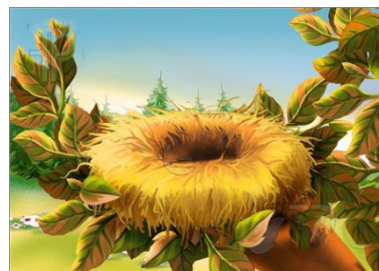
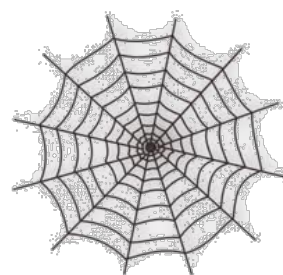
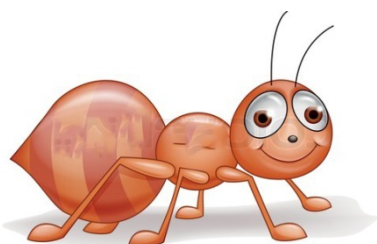
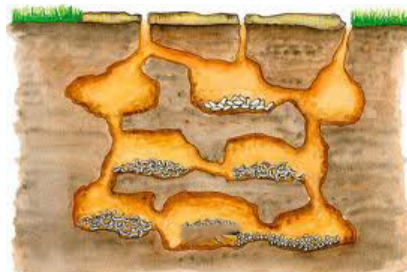


Nhóm 5. Kỹ năng nhận thức môi trường tự nhiên









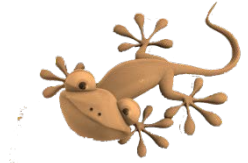


Câu 1: Ở mỗi khay này đều có một quả không cùng nhóm với những quả còn lại về đặc điểm, tính chất bên ngoài lẫn bên trong. Bé hãy tìm và đánh dấu (X) vào quả nhé!



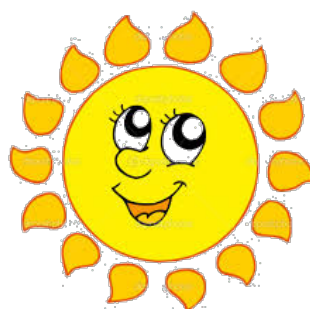
Câu 2: Sau một ngày đi chơi cùng nhau, giờ các bạn thú nhỏ phải về tổ mình rồi. Bé có thể đưa các bạn ấy về tổ được không! Bé hãy nối tổ với các bạn thú nhỏ nhé! Ong, nhện, sâu, chim.



Câu 3: Các bạn thú nhỏ không tìm được nhà của mình rồi. Bé có thể giúp các bạn ấy tìm nhà được không? Bé hãy kéo các bạn thú nhỏ vào nhà nhé!

Câu 4: Bé hãy nối con vật ngủ ngày với ông mặt trời và con vật ngủ đêm với mặt trăng nhé!



Câu 5: Trong cuộc sống hằng ngày nước là một điều rất cần thiết cho mọi người, mọi vật. Bé hãy nói ích lợi của nước bên trái phù hợp với hình bên phải nhé!



PHỤ LỤC 5

MỘT SỐ GIÁO ÁN DẠY THỬ NGHIỆM

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC VỆ SINH

I. Mục đích yêu cầu

1. Kiến thức

- Trẻ biết giữ gìn thân thể vệ sinh đôi bàn tay.
- Biết rửa tay khi tay bẩn, trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- Trẻ biết các bước thực hiện các thao tác rửa tay và thực hiện thành thạo nhanh nhẹn.

2. Kỹ năng

- Rèn cho trẻ kỹ năng rửa tay

3. Giáo dục

- Giáo dục trẻ vệ sinh thân thể sạch sẽ để cơ thể khỏe mạnh, phòng các bệnh tật như chân tay miệng.

II. Chuẩn bị

- 1 bình nước, 1 giá đựng.
- 1 xô
- 1 chậu.
- Thảm khô trải dưới chân trẻ
- Khăn lau tay cho trẻ
- Giá phơi khăn.
- Máy tính.

III. Tổ chức thực hiện

1. Hoạt động 1: Tạo cảm xúc

Cô mời các con đứng lên hát cùng cô nào.

- Cô cùng trẻ hát bài: “Tay thơm tay ngoan”
- Cô con mình vừa hát bài gì?
- Cô cùng trẻ chơi trò chơi "đấu tay"
- Trò chuyện về đôi bàn tay:

+ Mỗi chúng mình đều có mấy bàn tay?

+ Hàng ngày đôi bàn tay giúp chúng mình làm gì?

* Bàn tay đã giúp chúng ta rất nhiều việc: Đánh răng, rửa mặt xúc com, cầm đồ dùng đồ chơi và còn làm nhiều việc khác nữa.

- Nếu đôi bàn tay bẩn thì sẽ thế nào?

- Nếu đôi bàn tay chúng mình bị bẩn, khi ăn thức ăn, trứng giun sẽ theo xuống ruột và chúng mình sẽ bị nhiễm giun đấy, nếu tay bẩn mà các con dụi mắt sẽ bị đau mắt và còn mắc bệnh ngoài da nữa đấy....

- Các con rửa tay khi nào?

* Giáo dục: Muốn cho cơ thể khỏe mạnh các con phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, các con phải rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi chơi có tiếp xúc với đất cát, sau giờ học, giờ vui chơi với đồ dùng đồ chơi. Giữ cho đôi bàn tay sạch sẽ có tác dụng phòng chống bệnh đường tiêu hóa, bệnh ngoài da, nhất là bệnh chân tay miệng và phòng chống bệnh đau mắt nữa đấy.

Hôm nay cô sẽ cùng các con thực hành thao tác: Rửa tay theo đúng quy trình nhé .

2. Hoạt động 2: Làm mẫu

(Trước khi rửa tay, cô xắn cao tay áo để khỏi ướt).

1. Làm ướt hai bàn tay, thoa xà phòng vào lòng bàn tay. Chà sát hai lòng bàn tay vào nhau.

2. Dùng ngón tay và lòng bàn tay phải cuốn và xoay lần lượt từng ngón tay của bàn tay trái và ngược lại.

3. Dùng bàn tay phải chà sát chéo lên cổ tay, mu bàn tay trái và ngược lại.

4. Dùng đầu ngón tay của bàn tay phải miết vào kẽ giữa các ngón tay của bàn tay trái và ngược lại.

5. Chụm năm đầu ngón tay của bàn tay phải cọ vào lòng bàn tay trái bằng cách xoay đi xoay lại.

6. Xả tay cho sạch hết xà phòng dưới vòi nước sạch .Vẫy nhẹ tay xuống phía dưới.

7. Sau đó lau tay bằng khăn khô.

- Các con thấy tay cô bây giờ thế nào?

- Có một bạn nhỏ không biết phải rửa tay như thế nào, bây giờ các con hãy giúp bạn ấy sắp xếp lại các bước rửa tay để có bàn tay sạch nhé! (Cho trẻ thực hiện bài tập trên máy tính)

- Cô mời con nào giỏi nên rửa tay nào?

- Cô lần lượt cho trẻ thực hiện

3. Hoạt động 3: Trẻ thực hiện

- Cô nhắc trẻ xắn tay áo

- Cho trẻ thực hiện các thao tác rửa tay theo từng cá nhân trẻ.

- Cô trò chuyện với trẻ và hỏi trẻ bạn đang thực hiện thao tác gì?

- Trong quá trình trẻ thực hiện, cô quan sát, sửa sai cho trẻ, kết hợp giáo dục trẻ giữ gìn vệ sinh thân thể và đôi bàn tay luôn sạch sẽ để cơ thể luôn khỏe mạnh, phòng chống bệnh chân tay miệng.

4. Kết thúc:

- Cô con mình vừa thực hiện thao tác gì? Các con thấy bàn tay thế nào? Đã đến giờ ăn trưa, cô con mình cùng nhau ra ngoài và chuẩn bị ăn trưa nhé.

- Cho trẻ hát bài: "Khoe tay"

TÌM HIỂU ĐỒ DÙNG ĐỂ ĂN, ĐỂ UỐNG

I.Mục đích- yêu cầu

1. Kiến thức

- Trẻ nhận biết, gọi tên, phân loại một số đồ dùng để ăn, để uống trong gia đình.

- Trẻ biết đặc điểm, công dụng, chất liệu của một số đồ dùng đó.

2. Kỹ năng

- Rèn khả năng quan sát, ghi nhớ và diễn đạt mạch lạc.

- Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý của mình.

3. Thái độ

- Trẻ hứng thú và tham gia tích cực hoạt động.

- Giáo dục trẻ biết giữ gìn và bảo quản đồ dùng sạch sẽ, gọn gàng, cẩn thận khi sử dụng.

II. Chuẩn bị

- Máy tính, silde các đồ dùng gia đình cho trẻ xem mở rộng.
- Đồ dùng để ăn, để uống : Bát, thìa, bộ ấm chén.

III. Tổ chức thực hiện :

*Hoạt động 1 : Ổn định, hứng thú

- Trò chơi : Đi siêu thị
- Cách chơi: Cho cả lớp đi tới siêu thị và mua một đồ dùng mà mình thích.
- Cho trẻ đi mua

*Hoạt động 2: Bé tìm hiểu

- Chia nhóm cho trẻ quan sát.
- + Nhóm 1: Quan sát ấm, chén
- + Nhóm 2: Quan sát bát, thìa.
- Đại diện các nhóm lên nói những gì mà nhóm mình quan sát được.

* Đồ dùng để uống

- + Đây là cái gì? – Bộ ấm chén
- Cô đưa bộ ấm chén ra trước mặt
- + Chúng mình thấy bộ ấm chén này như thế nào ?
- + Chúng mình có nhận xét gì về bộ ấm chén này?
- + Cái ấm được dùng để làm gì? Nó được làm bằng chất liệu gì?
- + Ngoài chất liệu bằng sứ ấm còn được làm bằng chất liệu nào nữa?
- Cô và trẻ tạo dáng: Cái ấm.
- Con có nhận xét gì về cái chén?
- + Cái chén được dùng để làm gì ?
- + Được làm từ chất liệu nào?
- + Ngoài ấm chén ra còn có đồ dùng nào dùng để uống?
- Mở rộng một số đồ dùng để uống : Ấm trà, chén, phích nước, bình nước.

* Đồ dùng để ăn

- Cô đọc câu đố trẻ đoán xem đó là cái gì ?
“ Miệng tròn lòng trắng phau phau
Đựng cơm, đựng thịt, đựng rau hàng ngày”

(Cái bát, cái đĩa)

- Cô đưa vật thật : Cái bát
- Ai có nhận xét gì về cái bát ?
- Cái bát này có đặc điểm gì?
- + Miệng bát như thế nào
- + Bát được trang trí như thế nào ?
- + Bát dùng để làm gì ?
- + Tại sao bát lại đứng được ?
- + Chiếc bát này được làm từ chất liệu gì ?
- Ngoài bát làm bằng sứ con biết bát làm bằng gì ?
- + Hàng ngày ăn cơm con cầm bát tay nào ?
- + Con cầm thìa tay nào ?
- + Cái thìa có đặc điểm gì ?
- + Thìa được làm bằng chất liệu gì ?
- Đoán xem đây là cái gì ?
- + Đĩa cáo đặc điểm gì ?
- + Nó được làm bằng chất liệu nào ?
- + Đĩa dùng để làm gì ?
- + Chúng mình phải làm gì để giữ đồ dùng luôn sạch sẽ ?
- Cô khẳng định lại và giáo dục trẻ.
- Cho trẻ kể một số đồ dùng để ăn mà trẻ biết.
- Cô mở rộng một số đồ dùng để ăn trên máy chiếu.
- * So sánh : Đĩa và chén có đặc điểm gì giống và khác nhau
- Cô khái quát lại.
- * Mở rộng :
- Ngoài đồ dùng để ăn, để uống, còn một số đồ dùng gì trong gia đình mà các con biết nữa ?
- Cô khẳng định lại
- Cô cho trẻ xem một số đồ dùng trong gia đình : Đai, tủ lạnh, giường, quạt, tivi.
- * GD: Trẻ yêu quý và bảo vệ đồ dùng.

*** Hoạt động 3 :** Trò chơi củng cố

* Trò chơi : Ai nhanh hơn

- Cách chơi : Chia trẻ thành 2 đội. Bật qua các vòng thẻ đục lên chọn đồ dùng. Đội 1 chọn đồ dùng để ăn. Đội 2 chọn đồ dùng để uống

- Luật chơi : Bật không chạm vào vòng. Đội nào lấy được nhiều đồ dùng hơn sẽ dành chiến thắng.

- Cho trẻ chơi.

TRÒ CHUYỆN VỀ MÙA HÈ

1.Mục đích:

a.Kiến thức:

-Trẻ biết mùa hè là một trong 4 mùa của năm.

-Trẻ biết một số đặc điểm thời tiết, cảnh vật thiên nhiên, hoạt động của con người trong mùa hè.

b.Kỹ năng:

-Rèn luyện cho trẻ khả năng quan sát, nhận biết và mô tả dấu hiệu đặc trưng của thời tiết mùa hè, cảnh vật thiên nhiên, hoạt động của con người trong mùa hè.

c.Thái độ:

-Giáo dục trẻ biết ăn mặc trang phục, phù hợp thời tiết.

-Giáo dục trẻ yêu mến cảnh vật thiên nhiên mùa hè: Có thói quen sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường phù hợp thời tiết, hứng thú với các hoạt động vui chơi, rèn luyện sức khỏe.

2.Chuẩn bị:

-1 số tranh ảnh vẽ cảnh vật mùa hè và sinh hoạt của con người trong mùa hè.

-Hai tranh vẽ cảnh vật mùa hè, mùa đông

-3 rổ đựng lô tô về các đồ dùng, quần áo của trẻ về các mùa.

3.Tổ chức hoạt động:

1.Hoạt động 1: Ôn định và gây hứng thú.

-lắng nghe, lắng nghe.

-các con lắng nghe cô đó đó là mùa gì nhé?

Cô đọc câu đố: “Mùa gì nóng nực
Trời nắng chang chang
Đi học đi làm
Phải đội nón mũ”

-Đó là mùa gì?

-Có bài hát nào nói về mùa hè không nhỉ?

-Cô và trẻ cùng hát bài “Mùa hè đến”.

-Sắp đến mùa hè rồi các con thấy mùa hè như thế nào?

-Hôm nay cô con mình sẽ tìm hiểu về mùa hè có những đặc điểm gì nổi bật nhất nhé.

2.Hoạt động 2: Trò chuyện về mùa hè:

Thời tiết và cảnh vật thiên nhiên mùa hè:

-Cô cho trẻ xem một số tranh ảnh về cảnh vật và thời tiết trưng bày ở lớp và đàm thoại:

-Âm thanh nào của thiên nhiên là biểu hiện đặc biệt của mùa hè?

-Những loại cây nào nở hoa làm cho cảnh vật mùa hè thêm rực rỡ?

-Tại sao mùa hè có nhiều trái cây ngon ngọt?

-Mùa hè diễn ra sau và trước mùa nào trong năm?

-Nhìn bầu trời mùa hè các con thấy thế nào?

-Các con có biết về mùa hè, mấy giờ thì trời sáng và mấy giờ thì trời tối không?

-Về mùa hè ban ngày dài hay ngắn hơn thời gian mùa đông?

-Câu tục ngữ nào nói về đặc điểm này của mùa hè?

-Những ngày hè trời thường nóng nhất vào lúc nào?

-Vào buổi chiều và buổi tối mùa hè thường có hiện tượng thời tiết nguy hiểm nào?

-Để phòng tránh dông, sấm,sét, lốc xoáy mọi người phải làm gì?

-Có một hiện tượng thời tiết nữa đó là gây ra thiếu nước sinh hoạt cho con người và nước tưới cho cây trồng về mùa hè đó là hiện tượng gì?

Sinh hoạt của con người trong mùa hè:

-Mùa hè các anh, các chị của bé đi học đến hết tháng nào? và nghỉ hè vào tháng nào?

-Để tránh cái nắng gay gắt của mùa hè khi đi học, đi chơi các con phải chú ý điều gì?

Mùa hè trời nóng bức con người thường mắc bệnh dịch gì?

-Để phòng tránh các loại bệnh dịch mùa hè chúng ta phải làm gì?

-Khi trời mưa to sấm chớp các con có nên đùa nghịch và tắm nước mưa và chơi dưới gốc cây to và cầm các vật bằng kim loại không?

-Hoạt động nào vào buổi chiều mùa hè ở vùng biển được mọi người mong chờ nhất?

-Nơi nghỉ mát nào được mọi người mong muốn được đến thăm trong mùa hè nhất?

-Các con đã được bố mẹ cho đi du lịch, nghỉ mát ở những đâu?

3.Hoạt động 3:Trò chơi luyện tập:

Trò chơi 1: Tìm đồ dùng phù hợp cho mùa hè.

-Cách chơi: Cô chia trẻ thành 3 đội chơi mỗi đội 9 trẻ.

-Mỗi đội có 1 lô tô về các đồ dùng của trẻ như: áo mưa, mũ len, khăn len...khi cô ra hiệu lệnh hãy chọn đồ dùng và trang phục mùa hè thì 3 đội thi đua trẻ đứng đầu hàng sẽ chạy lên chọn 1 lô tô chỉ đồ dùng hoặc trang phục mùa hè rồi đặt lên bàn của đội mình sau đó trẻ chạy xuống đập tay bạn tiếp theo cứ như thế cho đến hết thời gian cô qui định.

-3 đội chơi xong cô kiểm tra kết quả của từng đội chơi.Đội nào lấy được đúng và nhiều lô tô thì đội đó thắng cuộc.

Trò chơi 2:Mùa hè có gì?

-Cô nêu câu hỏi trẻ trả lời.

-Mùa hè hoa gì nở?

-Mùa hè có loại trái cây gì?

-Bầu trời mùa hè thế nào?

-Thời tiết mùa hè thế nào?

-Đi du lịch mùa hè ở đâu?

☐ Các con ơi mùa hè thời tiết nóng nực nên các con khi đi ra ngoài trời phải đội nón mũ, ăn uống phải ăn chín uống sôi các con nhé!

4. Hoạt động 4: Kết thúc, nhận xét, chuyên hoạt động:

- Cho trẻ hát bài “Trời nắng, trời mưa”

NHỮNG ĐỒ VẬT CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM TẠI LỚP, TRƯỜNG MN

I. Mục tiêu giáo dục:

- Trẻ nhận biết, kể tên các đồ dùng có thể gây nguy hiểm tại lớp, trường MN.
- Trẻ biết sử dụng và cất dọn các đồ dùng đúng nơi, cẩn thận tránh gây nguy hiểm.
- Giáo dục trẻ không nghịch phá đồ dùng có thể gây nguy hiểm cho bản thân và những người xung quanh.

II. Chuẩn bị:

- Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp, sân trường.
- Hình ảnh một số vật dụng, đồ dùng khác (ở lớp, trong nhà bếp...), họa báo
- Bảng phân nhóm những hành động đúng và không đúng khi sử dụng các đồ dùng.

III. Tổ chức hoạt động:

1. Hoạt động 1: Trò chuyện về các đồ dùng và cách sắp xếp các đồ dùng trong lớp.

- cô tạo tình huống sắp xếp một số đồ dùng có thể gây nguy hiểm ở trong lớp.
- Hỏi trẻ về cách sắp xếp, mức độ an toàn khi sắp xếp các đồ dùng đó.

2. Hoạt động 2: Thảo luận và đưa ra giải pháp an toàn khi sử dụng các đồ dùng dễ gây nguy hiểm tại lớp, trường.

- Cho trẻ thực hiện bài tập tìm thêm những đồ dùng nguy hiểm khác ở trường, nhà bếp, nhà trên máy tính.

- Hỏi ý kiến của Trẻ về cách sử dụng và cất giữ các đồ dùng sao cho an toàn nhất.

+) Những đồ vật sắc, nhọn.. cần làm gì khi sử dụng để không gây nguy hiểm cho bản thân và những người xung quanh.

+) Những đồ vật nhỏ, tròn có thể gây nguy hiểm cho chúng ta không ? tại sao?

3. Hoạt động 3: Lập bảng những hành động đúng và không đúng khi sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

- cho Trẻ chia thành 3 nhóm tự lấy họa báo, kéo, hồ.
 - Trẻ tìm cắt những hành động đúng và không đúng khi sử dụng các đồ dùng trên họa báo.
 - Dán các hình ảnh sưu tầm được dán vào bảng phân loại hành động đúng, sai.
- * Kết thúc: nhận xét bảng phân loại của từng nhóm.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA NGÀY VÀ ĐÊM, MẶT TRỜI, MẶT TRĂNG

I. Mục đích yêu cầu:

- Trẻ biết được sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm, biết các buổi trong ngày, biết mặt trời xuất hiện vào ban ngày, mặt trăng xuất hiện vào ban đêm và biết ích lợi của chúng.
- Phát triển ở trẻ khả năng so sánh, suy luận. Phân biệt được sự khác nhau giữa ngày và đêm, phối hợp các kỹ năng đã học: vẽ, nặn, xé dán tạo bức tranh ngày và đêm,.... - Trẻ hứng thú tham gia hoạt động, biết giữ gìn sức khỏe.

II. Chuẩn bị:

- Máy vi tính.
- Phần mềm Kisdmart “Ngôi nhà thời gian và không gian của Trudy”
- Đoạn videoclip về các buổi trong ngày, các hiện tượng mặt trời mọc, mặt trời lặn, đêm trăng
- Một số tranh minh họa câu chuyện về ngày và đêm.
- 4 tờ giấy A 3 và một số nguyên vật liệu mở: giấy màu, lá khô, cây khô, bút màu, màu nước, kéo, keo...

III. Tổ chức hoạt động:

*Hoạt động 1: Vui cùng Trudy

-Chơi “Trời sáng - trời tối”

-Cô mở hình ảnh ban ngày trong chương trình KIDSMART-Ngôi nhà thời gian của Trudy

+Đây là quang cảnh lúc nào? Vì sao con biết ?

+Chia trẻ làm 2 đội thi đua tìm đúng giờ theo yêu cầu của cô

VD: cô nói 6 giờ - trẻ lick chuột đúng số giờ của cô

+Mỗi đội sẽ giải thích hình ảnh tương ứng số giờ đã chọn.

Chuyển tiếp: Chơi trò chơi “Ngày và đêm”

*Hoạt động 2: Nhận biết ngày và đêm

- Hỏi trẻ ban ngày bắt đầu từ lúc nào ? (lúc mặt trời mọc)

- Khi mặt trời mọc người ta còn gọi là gì? (bình minh)

- Khi nào thì chuyển qua ban đêm ? (lúc mặt trời lặn)

- Mặt trời lặn còn gọi là gì? (hoàng hôn)

- Vào ngày rằm thì trên bầu trời có cái gì xuất hiện? (mặt trăng)

Cho trẻ xem đoạn videoclip về cảnh: mặt trời mọc, mặt trời lặn, đêm trăng sáng và các hoạt động của ngày và đêm

+ Cho trẻ nêu nhận xét về ban ngày?

- Hỏi trẻ hiện giờ đang là buổi gì?

- Thời tiết vào lúc này như thế nào? khí hậu ra sao?

- Trên bầu trời có gì?

- Kể các hoạt động của con người vào ban ngày ?

+ Cho trẻ nêu nhận xét về ban đêm? (thời tiết, khí hậu, thời gian...Các hoạt động của con người vào ban đêm ..)

+ Mặt trời và mặt trăng có vào lúc nào? Có tác dụng gì ?

Chuyển tiếp: hát «Trăng sáng »

*Hoạt động 3 : Kể chuyện « Ngày và đêm »

- Cô giới thiệu một số hình ảnh (trong câu chuyện ngày và đêm). Cho thực hiện theo yêu cầu: Tìm và nối các hình ảnh thể hiện ban ngày và ban đêm ứng với mặt trời và mặt trăng.

- Cô kể chuyện kết hợp các hình ảnh trẻ vừa sắp xếp

+ Hỏi trẻ vì sao lại có ngày và đêm ?

+ Vì sao mặt trời mọc và lặn trên bầu trời ?

+ Nếu không có mặt trời và mặt trăng thì điều gì sẽ xảy ra ?

*Hoạt động 4 : Bé tạo bức tranh ngày và đêm

- Chia trẻ làm 4 nhóm, trẻ dùng các nguyên vật liệu mở tạo thành 2 bức tranh về ban ngày và 2 bức tranh về ban đêm

Kết Thúc : Cả lớp cùng hát bài Điều kỳ diệu quanh em

PHỤ LỤC 6

PHIẾU GHI KẾT QUẢ ĐO NGHIỆM

I. Sơ yếu lý lịch

1. Họ và tên trẻ:.....

2. Giới tính:.....

3. Trường, lớp:.....

4. Tình trạng sức khỏe của cháu:.....

Chiều cao:.....Cân nặng:.....

Bệnh bẩm sinh:.....Bệnh mãn tính:.....

II. Kết quả đo nghiệm:

Nhóm 1: Bài tập về kỹ năng hiểu biết và chăm sóc sức khỏe.

Câu \ Kết quả	Kết quả đo nghiệm	Ghi chú
Câu 1		
Câu 2		
Câu 3		
Câu 4		
Câu 5		

Nhóm 2: Bài tập về kỹ năng chăm sóc sức khỏe cá nhân.

Câu \ Kết quả	Kết quả đo nghiệm	Ghi chú
Câu 1		
Câu 2		
Câu 3		
Câu 4		
Câu 5		

Nhóm 3: Bài tập về kỹ năng giữ an toàn cá nhân.

Câu \ Kết quả	Kết quả đo nghiệm	Ghi chú
Câu 1		
Câu 2		

Câu 3		
Câu 4		
Câu 5		

Nhóm 4: Bài tập về kỹ năng nhận thức về môi trường xã hội.

Câu	Kết quả	Kết quả đo nghiệm	Ghi chú
Câu 1			
Câu 2			
Câu 3			
Câu 4			
Câu 5			

Nhóm 1: Bài tập về kỹ năng nhận thức về môi trường tự nhiên.

Câu	Kết quả	Kết quả đo nghiệm	Ghi chú
Câu 1			
Câu 2			
Câu 3			
Câu 4			
Câu 5			

GHI CHÚ: Đánh dấu (+) vào ô kết quả đo nghiệm nếu bé làm đúng.

Đánh dấu (-) vào ô kết quả đo nghiệm nếu bé làm sai.

PHỤ LỤC 7

DÀNH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON

Xin chào cô!

Hiện nay chúng tôi đang tiến hành khảo sát về một số kỹ năng sống cần thiết cho trẻ 5 - 6 tuổi từ đó có thể ứng dụng thông tin nhằm củng cố một số kỹ năng cần thiết đó. Xin cô vui lòng cho biết ý kiến của cô về một số vấn đề sau đây bằng cách đánh dấu vào ý phù hợp.

Những thông tin chính xác mà quý cô cung cấp sẽ làm tăng thêm giá trị cho đề tài. Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý cô.

- Họ và tên:.....
- Trình độ chuyên môn:..... Tuổi:.....
- Năm niên công tác:..... Chức vụ:.....
- Nhóm lớp phụ trách:..... Nơi công tác:.....

Câu 1: Theo cô, việc trẻ 5- 6 tuổi có kỹ năng sống quan trọng như thế nào cho bản thân trẻ, cho gia đình và cho xã hội?

Thái độ	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Số phiếu						
Khối mẫu giáo lớn	9	18%	23	46%	18	36%

Câu 2: Cô thường làm gì để củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi?

Thái độ	Bài tập củng cố		Trò chơi	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Số phiếu				
Khối mẫu giáo lớn	27	54%	23	46%

Câu hỏi 3: Việc thiết kế bài tập nhằm củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ được cô thực hiện như thế nào?

Thái độ / Số phiếu	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	7	14%	15	30%	28	56%

Câu hỏi 4: Cô thường tiến hành cho trẻ thực hiện những bài tập do:

Phương pháp / Số phiếu	Tự xây dựng		Sưu tầm từ sách chuyên ngành		Sưu tầm từ các nguồn khác	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	20	36%	23	50%	7	14%

Câu hỏi 5: Những khó khăn chủ yếu cô gặp phải khi sưu tầm các bài tập là:

Lựa chọn / Số phiếu	Nơi cung cấp		Thời gian		Chi phí		Nơi lưu trữ	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	30	60%	15	30%	5	10%	0	0%

Câu hỏi 6: Khi thiết kế hoặc sưu tầm bài tập về kỹ năng sống cho trẻ thực hiện cô thường căn cứ vào đâu?

Lựa chọn Số phiếu	Nội dung kiến thức mới		Độ khó của Bài tập		Khả năng của trẻ		Tất cả điều trên	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	3	6%	7	14%	10	20%	30	60%

Câu hỏi 7: Theo cô, trẻ giải quyết bài tập ở bối cảnh nào thì hứng thú hơn?

Lựa chọn Số phiếu	Bài tập trong sách vở		Bài tập có sử dụng công nghệ thông tin	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	0	0%	50	100%

Câu hỏi 8: Cô có thường xây dựng bài tập có ứng dụng công nghệ thông tin không?

Thái độ Số phiếu	Rất thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa bao giờ	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	10	20%	15	30%	25	50%

Câu hỏi 9: Cô gặp khó khăn nào nhất trong quá trình xây dựng bài tập có ứng dụng công nghệ thông tin?

Số phiếu	Lựa chọn		Mất nhiều thời gian		Chưa được tiếp cận nhiều với công nghệ thông tin		Điều kiện cơ sở vật chất của trường	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	7	14%	25	50%	18	36%		

Câu hỏi 10: Khi xây dựng các bài tập củng cố một số kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi. Những việc nào sau đây cản trở các cô nhất?

Số phiếu	Nội dung		Dạng bài tập		Giáo cụ		Thời gian	
	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ	Tần số	Tỷ lệ
Khối mẫu giáo lớn	10	20%	27	54%	13	26%		

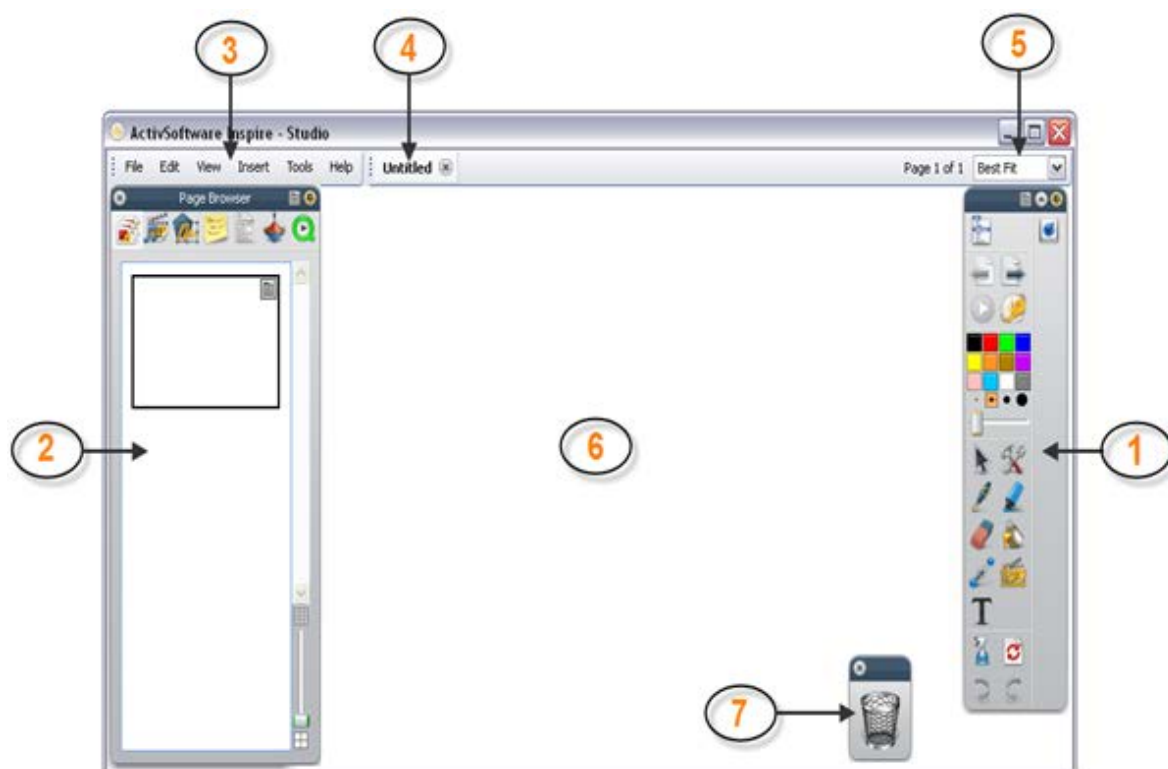
PHỤ LỤC 8

PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE

PHẦN I: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE

Phiên bản ActivInspire Professional:

Bức ảnh sau sẽ hiển thị một hình ảnh thu nhỏ của cửa sổ phiên bản **ActivInspire Professional**. Danh sách bên tay trái sẽ chỉ cho bạn thấy những thành phần được đánh số:



- 1/ Hộp công cụ chính
- 2/ Trình duyệt
- 3 / Thanh Menu
- 4 / Tên **Flipchart**
- 5 / Chi tiết các kích cỡ
- 6 / Trang **Flipchart**
- 7 / Thùng rác **Flipchart**

Tạo 1 Flipchart mới:

Tập tin → Mới → Chọn độ phân giải phù hợp. Tuy nhiên, nên chọn Bảng lật kích cỡ màn hình


Mở một Flipchart đã soạn sẵn:

Tập tin → Mở ... → Xuất hiện cửa sổ → Chỉ đường dẫn đến nơi lưu trữ **Flipchart** cần mở → Chọn **Flipchart** cần mở → Nhấp **Open**.

Lưu trữ một Flipchart:

Vào Trình đơn chính / Tập tin → Lưu (**Save**) → Xuất hiện cửa sổ → Chỉ đường dẫn đến nơi cần lưu trữ **Flipchart** → Đặt tên **Flipchart** trong mục File name → Nhấp **Save**.

Đang thao tác mà bạn muốn lưu thì nhấn Ctrl+S

Nhấp vào mũi tên  để di chuyển tới lui giữa các trang trình bày.

PHẦN II: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE

A. HỘP CÔNG CỤ CHÍNH

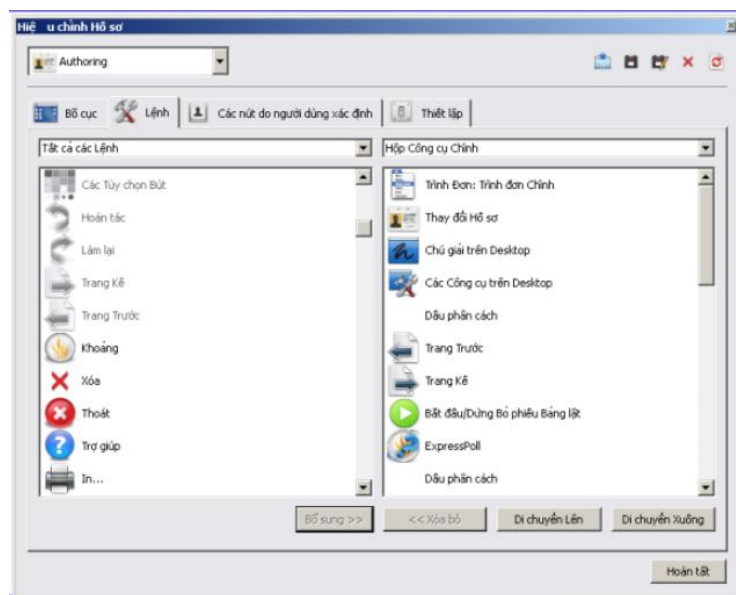
Hộp công cụ chính xuất hiện trên màn hình khi khởi chạy **ActivInspire**. Khi chạy **ActivInspire** trong lần đầu tiên, hộp công cụ bao gồm một loạt các công cụ phổ biến nhất.

Những khoản mục trong hộp công cụ chính chỉ là chọn lựa của một vài công cụ sẵn có. Có thể truy nhập vào rất nhiều các công cụ bổ sung từ menu “công cụ”. Lần tiếp theo khi khởi chạy **ActivInspire**, nó sẽ nhớ nơi đặt hộp công cụ lần cuối và công cụ nào bao gồm trong đó.



B. TUỖ BIẾN HỘP CÔNG CỤ

Trình đơn chính / Xem → Tùy chỉnh ... (hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + U**)



Cửa sổ bên tay trái: Bao gồm tất cả các công cụ có trong phần mềm **ActivInspire**. Những công cụ bị mờ là những công cụ hiện đã có trên hộp công cụ chính, ngược lại.

Cửa sổ bên tay phải: Hiển thị các công cụ hiện có trên hộp công cụ chính

Muốn thêm công cụ mới vào hộp công cụ:

Chọn công cụ cần thêm → Nhấp nút **Bổ sung (Add)** → Công cụ mới sẽ xuất hiện trên hộp công cụ chính (**Main toolbox**).

Muốn thay đổi vị trí công cụ trên hộp công cụ:

Chọn công cụ cần thay đổi → Nhấp **Di chuyển lên** hoặc **Di chuyển xuống** để thay đổi vị trí công cụ.

C. KHÁM PHÁ CÁC CÔNG CỤ


ActivInspire bao gồm một số công cụ giúp tạo ra những bài học sống động nhằm thu hút các học sinh và sự quan tâm của các em khi học tập tại bảng.

Hộp công cụ chính bao gồm những công cụ phổ biến nhất và thêm nhiều công cụ sẵn có trong menu các công cụ.

Sau đây, là sự hướng dẫn khám phá một vài công cụ :



Chú thích trên màn hình nền (Annotate over Desktop): Đây là một công cụ cho phép liên kết các file khác với màn hình nền của **Flipchart**.

Muốn trở lại **Flipchart**, nhấn vào  một lần nữa.




Camera: Công cụ này cho phép thực hiện một bức ảnh chụp nhanh tức thời những gì trên màn hình và đặt nó vào **Flipchart**, băng ghi tạm hoặc trong thư mục tài nguyên của tôi và tài nguyên dùng chung. Một loạt những tùy chọn cho phép điều chỉnh kích cỡ và hình dạng của những bức ảnh chụp nhanh phù hợp với nhu cầu.



Chức năng biểu quyết (Express Poll): Công cụ này cho phép nhanh chóng hỏi các học sinh một câu hỏi và ghi lại những câu trả lời của các em bằng cách sử dụng các thiết bị **Activote** và **ActivExpression**. Một công cụ hữu dụng để xác nhận sự hiểu biết hoặc để khuyến khích khả năng tranh luận.



Trình thu âm : Công cụ này cho phép ghi lại âm thanh thành 1 tập tin trong **Flipchart**. Ví dụ, có thể tạo ra các trích đoạn âm thanh và liên kết chúng vào các từ nhằm giúp học sinh phát âm hoặc ghi lại âm thanh trong khi thực hiện chức năng quay phim màn hình bằng  **trình quay phim màn hình** .



Trình quay phim màn hình : Công cụ này cho phép thu lại bất cứ những gì xảy ra trên màn hình thành 1 tập tin video (*.avi). Có thể giữ file âm thanh trong **Flipchart**, hoặc lưu đến một thư mục tài nguyên và phát lại mỗi khi cần thiết.



Công cụ vén màn hình (Revealer): Công cụ này che phủ trang **Flipchart**.



Công cụ đèn chiếu điểm (Spotlight tool): Công cụ này cho phép chọn lọc ẩn hiện các vùng trong trang **Flipchart**.

Có thể di chuyển đèn chiếu điểm xung quanh và:

- Ẩn màn hình, nhưng chỉ **hiển thị** vùng hình tròn hoặc hình chữ nhật của đèn chiếu.
- Hiện màn hình, nhưng chỉ **ẩn** vùng hình tròn hoặc hình chữ nhật của đèn chiếu.



Các công cụ sẽ nhớ các thiết lập của chúng. Khi chuyển qua lại giữa các công cụ, mỗi một công cụ sẽ nhớ lựa chọn cuối cùng. Ví dụ, công cụ **bút (Pen)** và công cụ **bút tô sáng (Highlighter)** sẽ nhớ các thiết lập về màu và độ dày của nét bút.



D. CÁC CÔNG CỤ THƯỜNG ĐƯỢC SỬ DỤNG NHIỀU NHẤT

Khi đang làm việc với phần mềm **ActivInspire**, thanh tắt của hộp công cụ nằm bên phải hộp công cụ chính sẽ dần dần lấp đầy các biểu tượng. **ActivInspire** sẽ tự động đặt các công cụ thường được sử dụng thường xuyên nhất vào đó, sao cho chúng có thể dễ dàng được truy nhập.

Trong các bức hình sau đây, thanh tắt của hộp công cụ bao gồm một số công cụ đã được khám phá trong chủ đề trước.



Chú thích trên màn hình nền
hình



Công cụ quay phim màn



Trình thu âm



Công cụ vén màn hình



Công cụ thu phóng trang (Page Zoom)
phim



Công cụ chụp ảnh quay

E. CÁC TRÌNH DUYỆT CỦA ACTIVINSPIRE



Có 7 trình duyệt trong ActivInspire:

- Trình duyệt trang (Page Browser) 
- Trình duyệt tài nguyên (Resource Browser) 
- Trình duyệt đối tượng (Object Browser) 
- Trình duyệt ghi chú (Note Browser) 
- Trình duyệt thuộc tính (Properties Browser) 
- Trình duyệt thao tác (Action Browser) 
- Trình duyệt biểu quyết (Voting Browser) 

I/. Trình duyệt trang :

Giúp nhanh chóng kết hợp các cơ sở cho trang **Flipchart**.

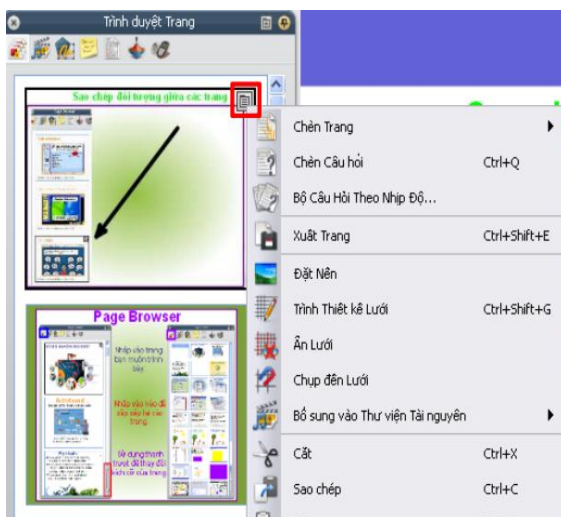
Nhấp chuột vào trình duyệt trang (biểu tượng được bao quanh bởi hình vuông màu xanh ở hình trên).

Ngoài việc cung cấp các chức năng giống với những phiên bản trước, Trình duyệt trang còn cho phép sắp xếp lại các trang bảng lật (**Flipchart**) bằng cách kéo và thả chúng trực tiếp trong Trình duyệt. Cũng có thể kéo các trang từ Trình duyệt Trang và thả chúng lên bất kỳ tab bảng lật nào để sao chép các trang giữa các bảng lật đang mở.

- Để việc sắp xếp các trang được dễ dàng, kéo thanh trượt (góc phải, phía dưới trong hình phía dưới).

- Có thể sao chép đối tượng giữa các trang với nhau: Chọn đối tượng muốn copy qua trang khác, kéo đối tượng từ trang hiện tại sang trang mới trong Trình duyệt trang.








Sử dụng Menu Popup (biểu tượng đánh dấu đỏ) để làm việc với các tran

II/. Trình duyệt tài nguyên :

Trình duyệt này giúp nhanh chóng xem, định hướng và sử dụng các tài nguyên được cung cấp cùng **ActivInspire** để làm giàu **Flipchart**. Thư viện Tài nguyên có rất nhiều trò chơi và các hoạt động, chú giải, đánh giá, hình nền, các bản đồ khái niệm, hình ảnh, hình dạng, âm thanh và những hạng mục khác ...

Có thể dễ dàng mở rộng thư viện của mình bằng các tài nguyên của chính mình và của người khác cũng như bổ sung các gói tài nguyên từ trang web Promethean Planet tại www.prometheanplanet.com, hoặc từ các đồng nghiệp.

Sử dụng Trình duyệt Tài nguyên để:

- Nhanh chóng định hướng đến và xem tất cả các tài nguyên trong một thư mục cụ thể, ví dụ như Tài nguyên Của tôi (**My Resources**)  , Tài nguyên Dùng chung (**Shared Resources**)  hoặc những địa điểm khác trên máy tính .
- Hiển thị các hình nhỏ và tên tập tin của các tài nguyên đã chọn trong trình duyệt.

- Kéo và thả các tài nguyên chẳng hạn như mẫu trang, các trang hoạt động và các trang câu hỏi từ trình duyệt vào bảng lật.
- Kéo và thả tài nguyên từ một trang bảng lật vào một thư mục trong Thư viện Tài nguyên
- Sử dụng **Con dấu cao su** (Rubber Stamp On/Off)




để nhanh chóng tạo ra nhiều bản sao của một tài nguyên trong bảng lật.



Ví dụ: Theo mặc định, Trình duyệt Tài nguyên sẽ mở thư mục Tài nguyên dùng chung. Hình ở phía trên minh họa một số tài nguyên trong thư mục Tài nguyên dùng chung.



III/. Trình duyệt đối tượng :

Có tất cả 4 lớp trong trang Flipchart:

- Lớp trên cùng: là các đối tượng được tạo ra bởi các công cụ **Bút**  , **Bút dạ quang**

 , **Bút thần kì**  .

- Lớp giữa gồm: hình ảnh, hình dạng và các đối tượng văn bản.

- Lớp dưới cùng: có thể kéo và thả các đối tượng khác lên tầng này.



- Lớp nền: nền, lưới và màu trang.


Nhấp chuột vào  trên thanh  để vào trình duyệt đối tượng



Trong trình duyệt đối tượng hiển thị tất cả các đối tượng có trên trang **Flipchart** dưới dạng biểu tượng đã tạo ra chúng và tên đối tượng.

Trình duyệt hiện rõ đối tượng nào ở tầng trên, tầng giữa và tầng dưới cùng .

* Lưu ý:


- Biểu tượng  phía sau văn bản trong trình duyệt cho biết đối tượng này đã được khoá. Có thể “**mở khoá**” bằng cách nhấp đôi chuột vào biểu tượng  trong trình duyệt, sau đó chọn “**mở khoá**”.

- Hình tam giác và các hình vuông được tạo ra bằng công cụ **Hình dạng**  ở tầng giữa theo mặc định.


- Biểu tượng con mắt gạch chéo  kế bên đối tượng trong trình duyệt. Biểu tượng này cho biết đối tượng đã được ẩn. Cho đối tượng “không ẩn” bằng cách nhấp đôi chuột vào biểu tượng , chọn **Hiện thị**.

- Có thể thay đổi lớp (tầng) cho các đối tượng bằng cách chọn đối tượng trong **Trình duyệt đối tượng** và kéo đến lớp (tầng) theo ý muốn.

Cũng có thể thay đổi lớp của đối tượng bằng cách nhấp chuột phải vào đối tượng muốn phân lớp / Sắp xếp lại / chọn lớp theo ý muốn (Đến tầng trên cùng, Đến tầng giữa hoặc đến tầng dưới cùng).

IV/. Trình duyệt ghi chú : Sử dụng trình duyệt ghi chú để bổ sung ghi chú và nhận xét cho trang **Flipchart**, giúp cho việc chia sẻ và tái sử dụng được dễ dàng

Nhấp chuột vào khung Trình duyệt ghi chú để gõ ghi chú dưới dạng văn bản đơn giản. Hoặc sử dụng thanh công cụ định dạng văn bản để điều chỉnh văn bản.

V. Trình duyệt thuộc tính : giúp xem sơ bộ tất cả các thuộc tính của một đối tượng.

Nhấp chuột vào  trên  để mở trình duyệt thuộc tính

MỘT SỐ THAO TÁC TRÊN FLIPCHART

PHẦN I: TẠO HÌNH NỀN

Cách 1: Từ trang hiện tại, vào liên kết màn hình, mở tệp mà bạn muốn, chọn hình nền bạn thích, copy, vào liên kết màn hình, chuột phải, chọn “dán”. Sau đó chỉnh kích cỡ ảnh cho phù hợp, rồi chuột phải, chọn “đã khoá”, để khi bạn di chuột, hình nền không di chuyển theo. Với cách này, hình nền phải được chọn trước các thao tác khác. Với những đối tượng cần cố định trên màn hình bạn cũng phải khoá như thế.

Cách 2: Từ trang hiện tại, vào thanh công cụ bên phải, vào biểu tượng “hình nền”, một cửa sổ hiện ra, chọn dòng “hình ảnh”, thấy một cửa sổ khác chứa đường dẫn tới các tệp tin, bạn vào tệp của mình, chọn hình nền, rồi quay lại cửa sổ thứ nhất, bên dưới dòng “tìm kiếm”, chọn “phù hợp nhất”, rồi nhấn chuột vào “áp dụng”. Với cách này, hình nền có thể chọn sau khi đã hoàn chỉnh mọi thao tác trên trang, và bạn không cần phải “khóa”.

Muốn đổi hình nền, bạn chỉ cần thao tác lại từ đầu qui trình trên.

PHẦN II: TẠO VĂN BẢN

1. Công cụ soạn thảo văn bản

Bạn ấn vào nút (T) nằm ở thanh công cụ phía bên phải màn hình. Khi đó, ở phía bên dưới màn hình sẽ hiện ra các công cụ hỗ trợ cho việc soạn thảo văn bản

Sau đó, bạn chỉ cần ấn vào chỗ nào trên bảng (nơi mà bạn muốn hiện đoạn văn bản đó) rồi dùng bàn phím để nhập các chữ, số như dùng microsoft word thông thường.

Có thể copy một văn bản từ một trang hay một phần mềm khác (Unicop) vào trang của **Flipchart**

2. Các công cụ hỗ trợ cho việc soạn thảo

Bạn có thể thấy giao diện này khá giống so với khi sử dụng word, **(B): in đậm chữ; (I) : Chữ in nghiêng, U: chữ gạch chân.** Các màu xanh đỏ tím vàng... là màu của chữ mà bạn mong muốn. **Size: cỡ chữ to nhỏ.....**

3. Chỉnh sửa văn bản

Khi nào bạn muốn chỉnh sửa đoạn văn bản mà bạn đã đánh, bạn kích đúp chuột trái vào đoạn văn bản cần sửa. Khi đó bạn có thể chỉnh sửa đoạn text như bình thường. **4.**

Công cụ bàn phím ảo


Giả sử bạn đang đứng ở trên bục giảng, đứng cạnh chiếc bảng, bạn có thể không cần lại gần bàn phím máy vi tính mà có thể chỉnh sửa ngay trên bảng bằng cách:

Ấn vào nút “công cụ” sau khi 1 cửa sổ hiện ra, Chọn “công cụ bổ sung” trong cửa sổ đó, rồi chọn “bàn phím màn hình” 1 hình ảnh bàn phím sẽ hiện ra giống như hình vẽ dưới đây:




Bạn sử dụng bàn phím này giống như bàn phím của máy vi tính.

PHẦN III: VẼ HÌNH

Vào biểu tượng  ở hộp công cụ bên phải, các hình vẽ hiện ra, tùy bạn chọn. nếu muốn vẽ hình theo mục đích, vào biểu tượng “đầu nổi” ở hộp công cụ bên phải, các đường nét sẽ hiện ra, bạn vẽ hình theo ý muốn của mình.

CÔNG CỤ ĐỔ MÀU



Muốn đổi màu khối hình hay bất kì một đối tượng nào, bạn chỉ cần nhấn vào nút  trên thanh công cụ chính phía bên phải màn hình. Đây là công cụ đổ màu. Tiếp đến, bạn chọn màu bất kỳ trên bảng màu đa năng phía trên, chọn màu, rồi nhấn đối tượng đó, màu đối tượng đó sẽ đổi màu thành màu mà bạn mong muốn.

PHẦN IV. CÁC KỸ NĂNG NÂNG CAO

I.Tạo kính lúp nhìn thấu qua 1 lớp.

*** Bước 1:**

- Tạo hai đối tượng: một đối tượng che và một đối tượng bị che (*giả sử 2 hình dưới*).



Đối tượng bị che



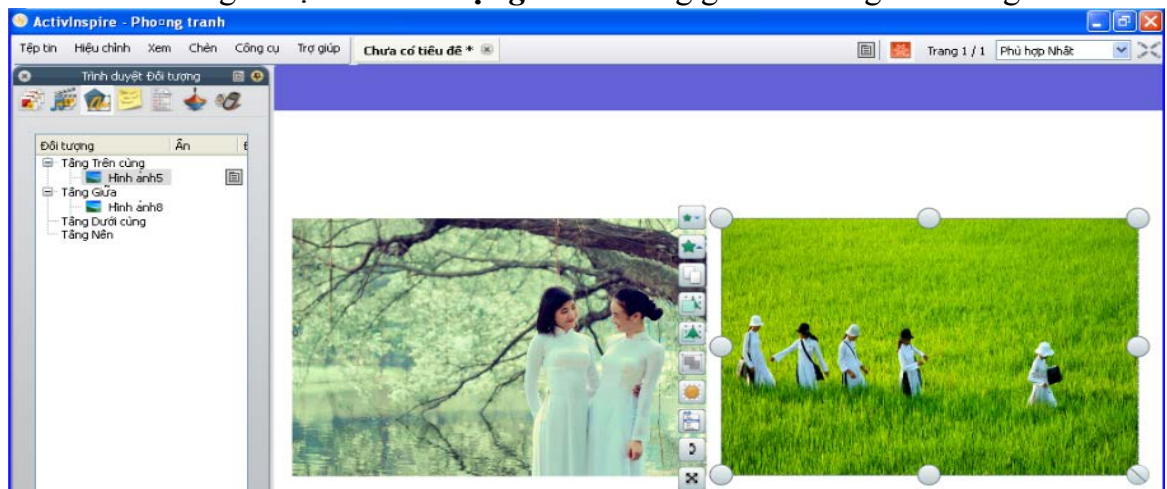
Đối tượng che

*** Bước 2:**


- Đưa *đối tượng che* lên tầng trên cùng bằng cách:

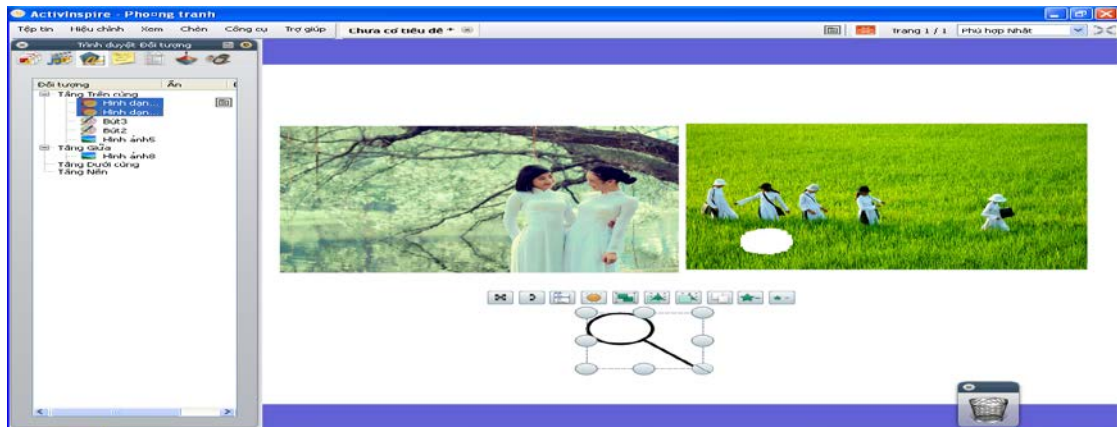
+ Mở *trình duyệt đối tượng*

+ Sau đó dùng chuột kéo *đối tượng che* từ tầng giữa lên tầng trên cùng.





Bước 3:

- Vào biểu tượng công cụ  chọn **Mục thần kỳ**.
- Giữ chuột trái tô 1 hình tròn theo ý thích (*chú ý: khi tô hình tròn ta phải tô bên **đôi tượng che** thì mới có nhìn thấy hình tròn này được. Và nhớ giữ chuột trái liên tục, không nên bỏ chuột trái, vì khi thả ra nó sẽ tạo ra nhiều nét bút khác nhau*).

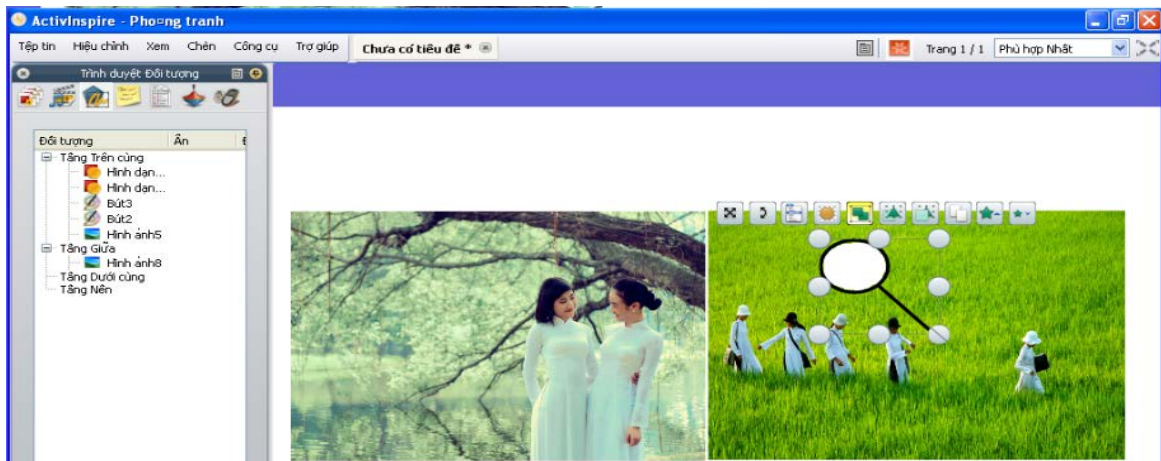


* Bước 4:

- Tạo đường viền và cán cho kính lúp bằng cách: sử dụng công cụ **hình thể**. 
(*Chú ý: Tạo đường tròn không nên “click vào ô nhân  chéo ở bên hộp màu*)



- Ta dùng chuột và đưa 2 hình dạng này lên **tầng trên cùng** (vì 2 hình này đang nằm ở tầng giữa, chú ý phải đưa 2 hình này lên lớp trên cùng của tầng trên cùng)
 - Sau đó ta đưa đường viền và cán của kính lúp tới hình tròn của mục thần kỳ để ta **nhóm** chúng lại. (*chú ý: Đưa đối tượng che ra ngoài rồi mới nhóm*)



- Cuối cùng ta sắp xếp đối tượng che trông lên đối tượng bị che, và kiểm tra xem kính lúp của mình vừa tạo có nhìn thấy được không.



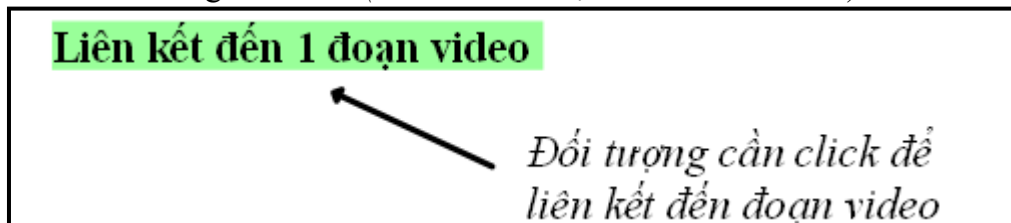
II. Tạo liên kết

(LIÊN KẾT ĐẾN 1 ĐOẠN PHIM, FLASH, ÂM THANH, PHẦN MỀM KHÁC, WEB).

1. Liên kết đến một tệp tin.

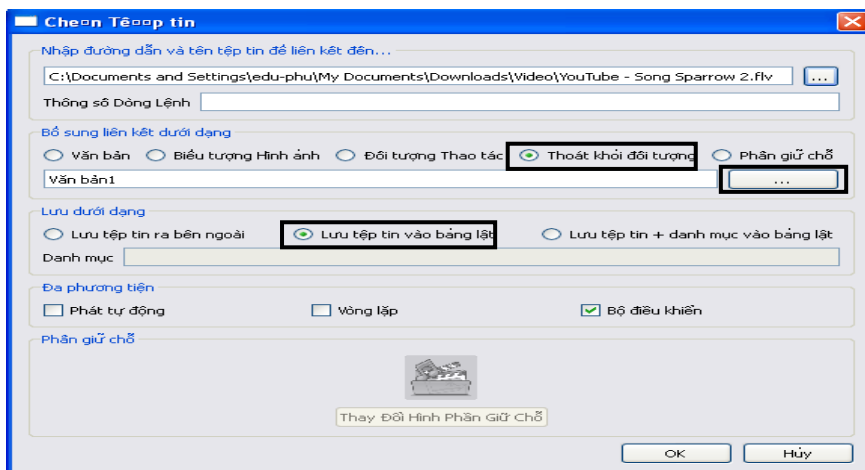
* Bước 1:

- Tạo 1 đối tượng cần click (Giả sử là 1 đoạn chữ "hình dưới").



*** Bước 2:**

- Vào **Chèn/Liên kết/Tệp tin** (Nếu muốn liên kết đến trang web thì thay vì chọn **tệp tin** ta sẽ chọn **trang web**).
- Sau khi chọn **Tệp tin** hộp thoại chèn tệp tin xuất hiện, lúc này ta tìm đến 1 đoạn video, âm thanh, flash hoặc 1 phần mềm, sau đó click nút “**Open**”. Hộp thoại “**Chèn tệp tin**” khác xuất hiện.



- Trong hộp thoại “**Chèn tệp tin**” ta chú ý các điểm sau:

- Trong mục “**Bổ sung liên kết dưới dạng**” ta đánh dấu vào mục “**Thoát khỏi đối tượng**” tiếp tục click vào nút **3 chấm** tìm đến 1 đoạn video, âm thanh, flash, 1 phần mềm khác (ở đây ta chọn 1 đoạn phim) sau đó click nút “**Open**”.
- Trong mục “**Lưu dưới dạng**” ta đánh dấu vào mục “**Lưu tệp tin vào bảng lật**” (Khi đó ta mang bài giảng sang 1 máy tính khác thì đoạn video này sẽ không bị mất đi và ta không phải tạo liên kết lại).

Cuối cùng ta click nút “**Ok**”. Chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.

2. Liên kết đến một trang web.

Gán một website vào đối tượng có sẵn trong trang **Flipchart**.

Ví dụ: Nhấp chuột vào ngôi sao (đối tượng) sẽ mở website www.mamnon.com

- Chọn ngôi sao.
- Bên cửa sổ **Trình duyệt thao tác** (Action Browser) chọn **Mở trang web** (Open website).

- Trong ô URL gõ: www.mamnon.com

- Nhấp chuột vào **Áp dụng các thay đổi** (Apply changes).

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ THUỘC TÍNH VÀ HIỆU ỨNG TRONG PHẦN MỀM ACTIVINSPIRE

I. GÁN THUỘC TÍNH CHO ĐỐI TƯỢNG

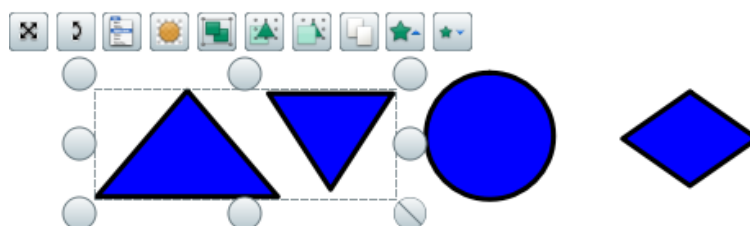
1. Thuộc tính chứa đựng.

* Bước 1:

- Tạo 2 đối tượng : đối tượng chứa (thùng chứa) và đối tượng bị chứa (*hình dưới*)

* Bước 2:

- Chọn tất cả các “**đối tượng bị chứa đúng**” (Giả sử thùng chứa này sẽ chứa tất cả các tam giác thì lúc này các tam giác là **đối tượng bị chứa đúng**).



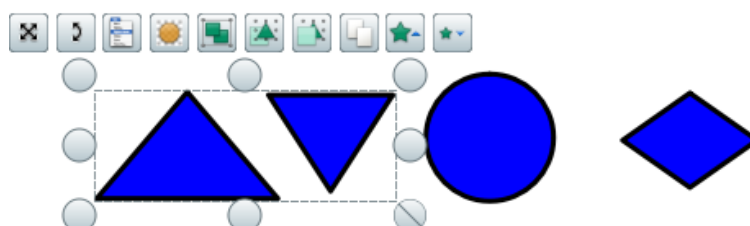
1. Thuộc tính chứa đựng.

* Bước 1:

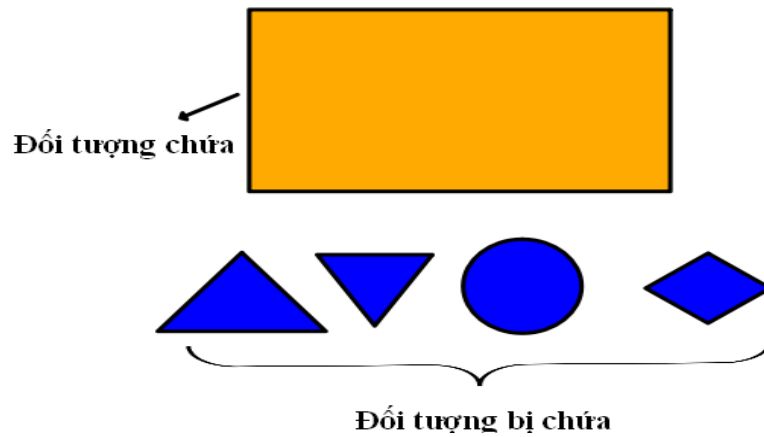
- Tạo 2 đối tượng : đối tượng chứa (thùng chứa) và đối tượng bị chứa (*hình dưới*)

* Bước 2:

- Chọn tất cả các “**đối tượng bị chứa đúng**” (Giả sử thùng chứa này sẽ chứa tất cả các tam giác thì lúc này các tam giác là **đối tượng bị chứa đúng**).

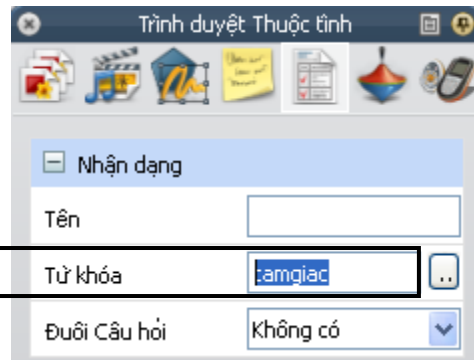


Vào “*Trình duyệt thuộc tính*” Chọn mục “*Nhận dạng*” Đặt cho nó cái tên trong mục



“*Từ khóa*”
này).

(và nhớ cái tên



*** Bước 3:**

- Chọn tất cả các “*đối tượng bị chứa*”.



- Vào “*Trình duyệt thuộc tính*” chọn mục “*Thùng Chứa*”. Đối với đối tượng bị chứa ta chỉ làm việc với một mục là “*Trở lại nếu không chứa*” ta chọn “*Đúng*”.

Thùng chứa	
Có thể Chứa	Không có gì
Chứa Đối tượng	
Chứa Từ	
Chứa Quy tắc	Chứa Hoàn toàn
Âm Thường	Sai
Địa điểm Âm Thường	
Trở lại nếu Không ch	Đúng

*** Bước 4:**

- Chọn **đối tượng chứa** (*Thùng chứa*).
- Vào “*Trình duyệt thuộc tính*” chọn mục “*Thùng chứa*”, trong mục thùng chứa ta sẽ làm việc với các mục sau:
 - Mục “*Có thể chứa*” ta chọn “*Từ khóa*”.
 - Mục “*Chứa từ*” ta đánh từ khóa mà ta đã đặt với *đối tượng bị chứa đúng*.
 - Mục “*Địa điểm Âm Thường*” Click vào nút 2 chấm tìm đến 1 âm thanh cần tán thưởng khi kéo đúng.

*** Bước 5:**

- Lưu lại (*Ctrl + S*). Lúc này chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.

2. Thuộc tính chuyển động.

(*Thuộc tính này nó sẽ giới hạn chuyển động của 1 đối tượng nào đó*)

*** Bước 1:**

- Tạo một đường dẫn bất kỳ (*có thể là nét vẽ tay hoặc 1 đường hình thể nào đó*) và tạo một đối tượng cần di chuyển).



*** Bước 2:**

- Chọn “*đối tượng cần di chuyển*” vào “*Trình duyệt thuộc tính*” chọn mục “*Bộ hạn chế*”. Trong mục bộ hạn chế ta chú ý 2 mục sau:
 - Mục “*Có thể di chuyển*” chọn “*Đọc theo đường dẫn*” (*nếu muốn di chuyển theo chiều ngang, dọc, tự do thì ta chọn các mục đó*).
 - Mục “*Di chuyển đường dẫn*” Click vào nút 2 chấm chọn đường dẫn cần di chuyển.

Bộ hạn chế	
Có thể Chặn	Sai
Có thể Chụp	Đúng
Điểm Chụp x	0
Điểm Chụp y	0
Chụp đến	Dưới Trái
Có thể Di chuyển	Đọc theo đường d
Di chuyển Đường dẫn	Bút2 ..
Có thể Định cỡ	Tự do

* **Bước 3:** Ta lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.

3. Thuộc tính nhãn.

(Thuộc tính này cho phép khi ta đưa chuột lại 1 đối tượng nào đó thì sẽ xuất hiện ghi chú của đối tượng đó “*Thường sử dụng thuộc tính này để ghi chú ảnh...*”).

* **Bước 1:**

- Tạo 1 đối tượng cần ghi chú (*giả sử ở đây ta sẽ ghi chú bức ảnh phía dưới*).



* **Bước 2:**

- Chọn đối tượng cần ghi chú (*chọn bức ảnh*).
- Vào “*Trình duyệt thuộc tính*” chọn mục “*Nhãn*”, trong mục “*Nhãn*” ta chú ý các mục sau:

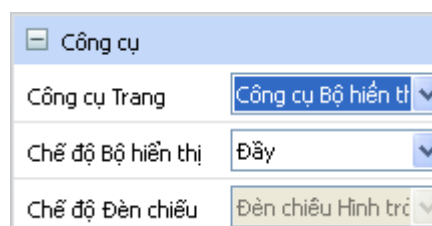
Mục “**Tiêu đề**” ta đánh dòng chữ cần ghi chú cho đối tượng (**chú ý**: Trong mục tiêu đề ta chỉ định dạng được font chữ, kiểu chữ, màu chữ còn ta không thể enter xuống dòng được. Khi ta đánh xong dòng



- Mục “*Âm Thuởng*” ta chọn “*Đúng*”.
- Mục “*Kiểu phát thảo*” cho phép ta chọn kiểu đường viền của ghi chú.
- Mục “*Chế độ nền*” chọn nền cho ghi chú (“*Trong suốt*” hoặc “*Mờ*”).
- Mục “*Màu nền*” cho phép ta chọn màu nền ghi chú.
- Mục “*Hành vi*”:
 - + Chọn “*Luôn bật*” thì ghi chú này luôn bật. (*Không nên chọn*)
 - + Chọn “*Chú giải công cụ*” thì ghi chú sẽ hiện khi ta đưa chuột lại gần, còn khi đưa chuột ra khỏi đối tượng thì ghi chú này sẽ bị mất đi. (*Thông thường ta nên chọn mục này*)

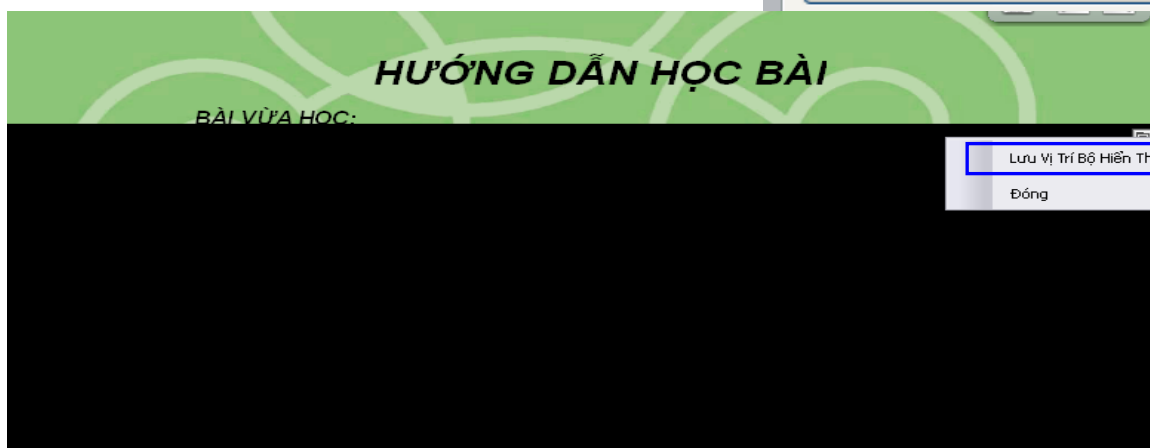
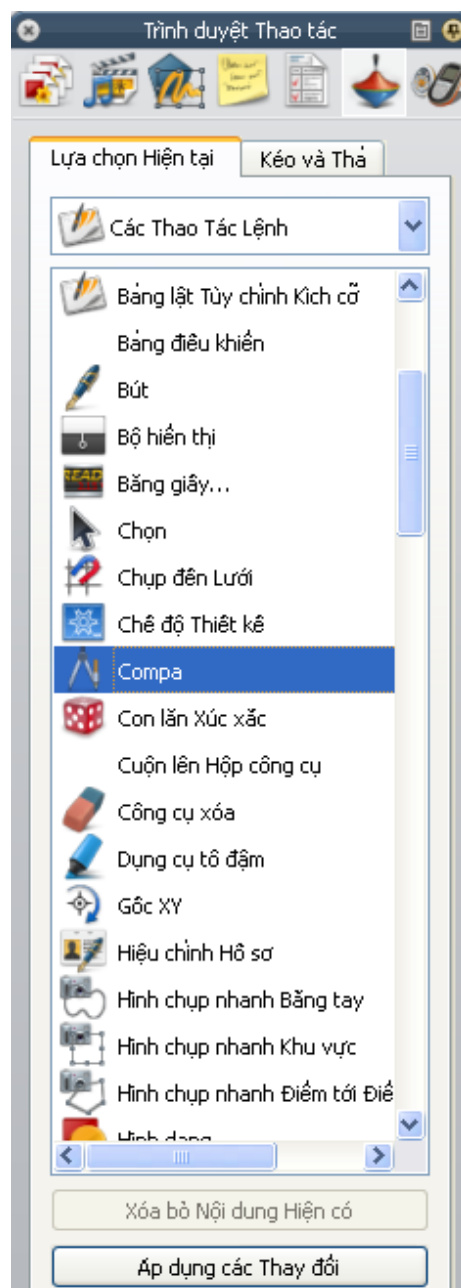
4. Cách thiết lập màn che (*Bộ hiển thị*)

Trang2
Trang 3
Cần sử dụng bộ hiển



Giả sử ta có 3 trang liên tiếp: **Trang thứ 3** ta cần thiết lập “Bộ hiển thị”:

- **Mở trang 2, vào “Trình duyệt thuộc tính” chọn mục “Công cụ” cần chú ý mục sau:**
 - Ở mục “*Công cụ Trang*” chọn “*tắt công cụ*”.
 - **Tiếp theo mở trang 3. Vào “Trình duyệt thuộc tính” chọn mục “Công cụ” cần chú ý mục sau:**
 - Ở mục “*Công cụ trang*” chọn “*Công cụ bộ hiển thị*” (nếu muốn đèn chiếu điểm thì ta chọn “*Công cụ đèn chiếu điểm*”), ngoài ra ta có thể thiết lập 1 số các chế độ hiển thị trong mục “*Chế độ hiển thị*”...
- ⇒ Ở đây có một nút ta cần lưu ý ở góc bên phải trên cùng (Hình). Ta muốn màn che, che phần nào thì ta chỉ việc click vào nút trên bên phải chọn “**Lưu vị trí bộ hiển thị**”
- **Tiếp theo mở trang 4 ta vào “Trình duyệt thuộc tính” chọn mục “Công cụ” cần chú ý:**
 - Ở mục “*Công cụ Trang*” chọn “*tắt công cụ*”.
 - **Cuối cùng lưu lại. Lúc này ta mở trang thứ 3**



thì nó đã tự động xuất hiện sẵn màn che.

II. GÁN HIỆU ỨNG TƯƠNG TÁC CHO ĐỐI TƯỢNG

1. Các thao tác lệnh.

Các thao tác lệnh cho phép khi ta click vào 1 đối tượng nào đó nó sẽ thực hiện lấy 1 công cụ nào đó ra “lấy công cụ toán học...” hoặc liên kết đến trình duyệt ghi chú nào đó...).

* Bước 1:

- Tạo 1 đối tượng cần click vào.

* Bước 2:

- Chọn đối tượng cần click. Chọn nút “*Trình duyệt thao tác*”. Sau đó chọn 1 công cụ ở danh sách phía dưới mà ta cần lấy, hoặc ta muốn liên kết đến “*Trình duyệt ghi chú*” thì chọn trình duyệt ghi chú (với điều kiện phải tạo ghi chú trang trước).
- Cuối cùng ấn nút “*Áp dụng các thay đổi*”.
- Lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra

2. Thao tác trên trang.

(Thao tác trang giúp chúng ta tạo liên kết qua lại giữa các trang với nhau)

* **Bước 1:** Tạo các đối tượng cần click. (Giả sử ở đây là “Trang 1”, “Trang 2”, “Trang 3”).

Trang 1 **Trang 2** **Trang 3**

* Bước 2:

- Chọn đối tượng cần click .
(Giả sử ở đây là “Trang 1”).
- Vào “*Trình duyệt thao tác*” chọn “*Thao tác trên trang*” Chọn “*Một trang khác*”.
- Trong mục “*Số trang*” xuất hiện phía dưới. Ta muốn liên kết đến trang bao nhiêu thì ta đánh số trang vào mục này.

(*Chú ý: để biết được trang nào mình cần liên kết đến thì ta mở trang đó ra và nhìn lên trên thanh chọn, để biết được mình đang làm việc ở trang bao nhiêu*).

- Lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.
- Hiệu ứng sang trang : Vào ‘xem’, vào dòng ‘hiệu ứng sang trang’, rồi chọn kiểu hiệu ứng.
- Chèn trang : Vào ‘chèn’, chọn ‘trang’, chọn ‘trang trước trang hiện tại’, hoặc sau ‘trang hiện tại’

3. Các thao tác đối tượng.

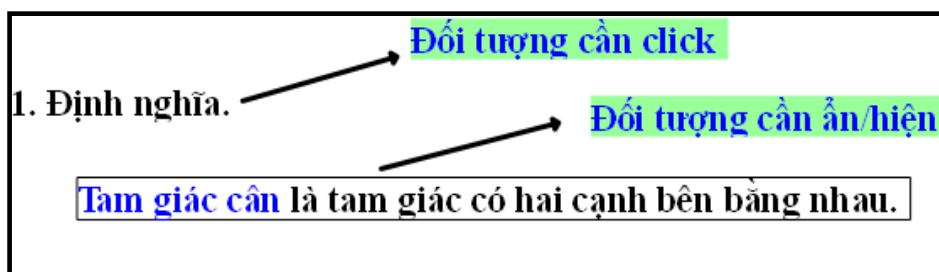
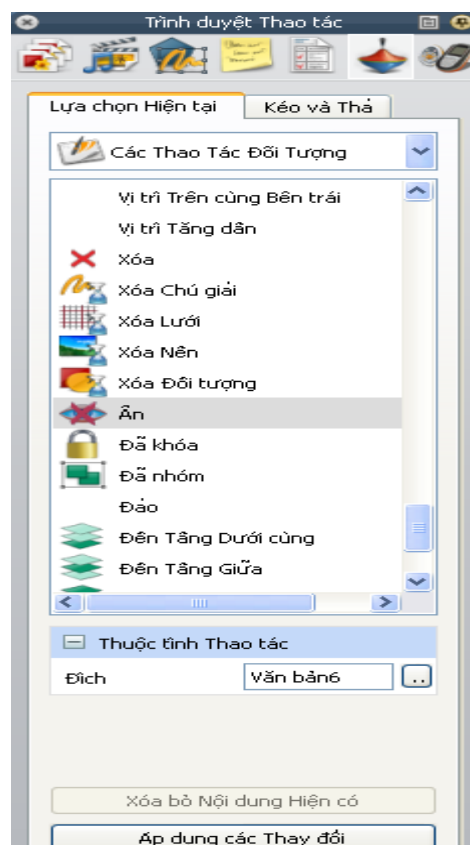
(*Các thao tác đối tượng giúp ta gán các hiệu ứng tương tác cho đối tượng*)

a. Ẩn/ hiện.

(*Thao tác Ẩn/hiện giúp ta thực hiện thao tác click vào 1 đối tượng nào đó thì 1 đối tượng khác sẽ ẩn đi hoặc hiện ra*).

* Bước 1:

- Tạo đối tượng cần click và đối tượng cần ẩn hiện. (*giả sử hình dưới*)
(Đối tượng cần click có thể là chính đối tượng cần hiệu ứng)



*** Bước 2:**

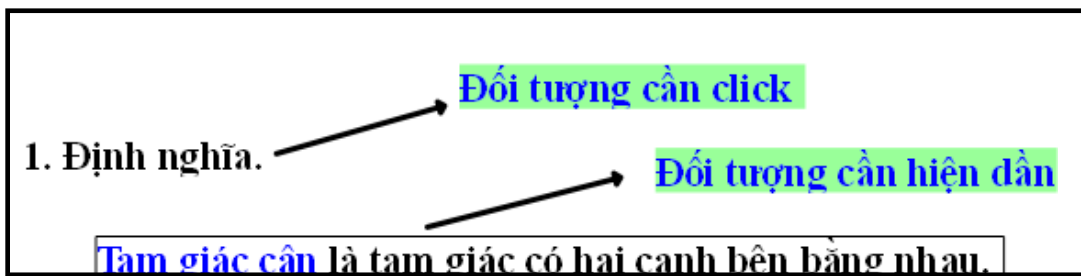
- Chọn đối tượng cần click.
- Vào “*Trình duyệt thao tác*”, chọn “*Các thao tác đối tượng*”, Chọn “*Ẩn*”.
- Trong mục “*Đích*” click vào nút hai chấm tìm đến *đối tượng cần ẩn/hiện* sau đó click nút “*OK*”.
- Cuối cùng ấn nút “*Áp dụng các thay đổi*”.
- Lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.
- (*Chú ý: Nếu muốn đối tượng cần ẩn/hiện ẩn đi ta click chuột phải lên đối tượng đó sau đó đánh dấu vào mục “Ẩn”. Và lưu lại.*)



(*Thao tác làm hiện dần đối tượng giúp ta thực hiện thao tác click vào 1 đối tượng nào đó thì 1 đối tượng khác sẽ **hiện dần** ra.*)

*** Bước 1:**

- Tạo một đối tượng cần click. Và đối tượng cần hiện dần (*Giả sử hình dưới*)



*** Bước 2:**

- Chọn *đối tượng cần click*.
- Vào “*Trình duyệt thao tác*” chọn “*Các thao tác đối tượng*”, Chọn “*Ít trong mờ*”.

- Trong mục “Độ trong mờ” ta đánh số mà ta muốn hiện (*số càng lớn thì càng hiện nhanh và ngược lại*). Trong mục “Đích” Click vào nút hai chấm và tìm đến đối tượng ta cần hiện dần và click “OK”.
- Click chọn “Áp dụng các thay đổi”.

*** Bước 3:**

- Chọn “Đối tượng cần làm hiện dần”. Sử dụng nút lệnh thứ 4 “Thanh trượt trong mờ” kéo thanh trượt về phía trái để cho đối tượng này mờ đi.

b. Làm hiện dần đối tượng.



- Lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.

(*Chú ý: Đối với làm mờ dần đối tượng đi thì ta cũng làm tương tự như vậy tuy nhiên lúc này ta chọn “Trong mờ hơn” và bỏ bước 3*)

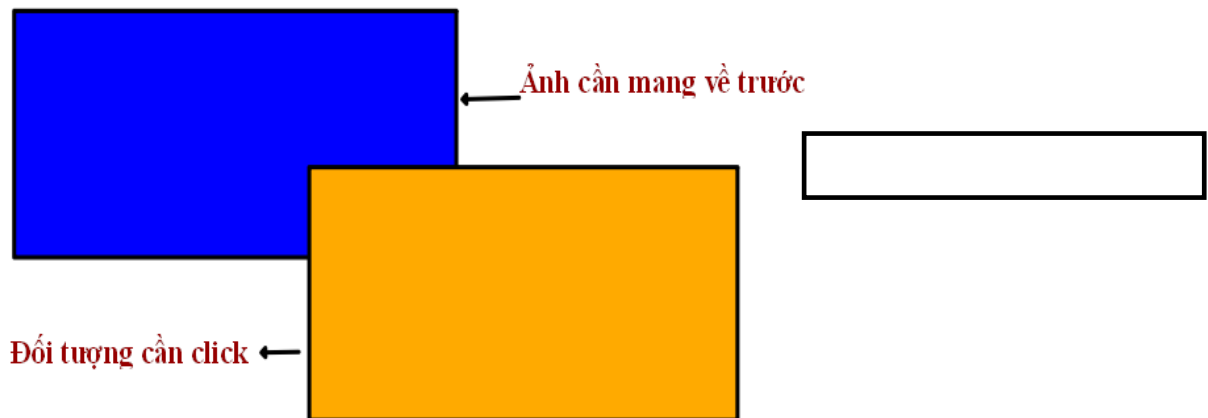
c. Đưa về trước.

(*Thao tác đưa về trước giúp ta thực hiện thao tác click vào 1 đối tượng nào đó thì 1 đối tượng khác sẽ được đưa về trước*).

*** Bước 1:**

- Tạo 1 đối tượng cần click. Và đối tượng cần mang về trước (*Giả sử hình dưới*).





*** Bước 2:**

- Chọn đối tượng cần click.
- Vào “*Trình duyệt thao tác*”, chọn “*Các thao tác đối tượng*”, chọn “*Đưa về trước*”.
- Trong mục “*Đích*” ta click vào nút hai chấm tìm đến đối tượng cần đưa về trước.
- Click nút “*Áp dụng các thay đổi*”.
- Cuối cùng lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.
- (*Chú ý: Với thao tác “Đưa về sau” ta cũng làm tương tự như vậy*)


d. Đổi giá trị văn bản

(*Khi click vào 1 đối tượng thì giá trị của văn bản này sẽ được thay thế bởi 1 văn bản khác*)

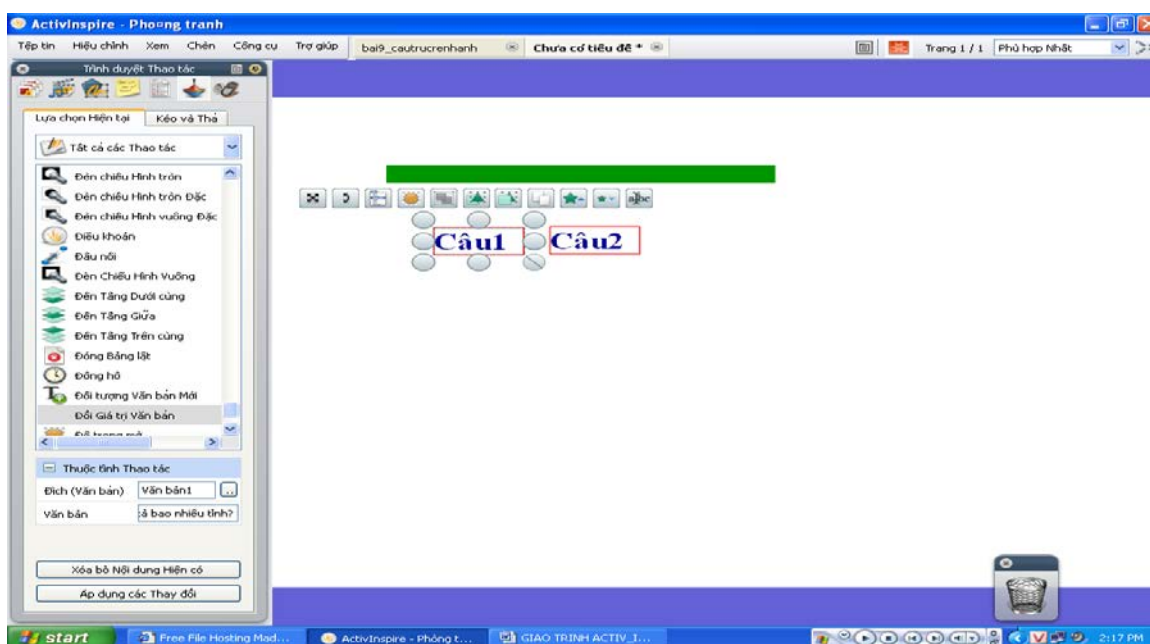
*** Bước 1:**

- Tạo 1 văn bản chứa ***dấu cách trống*** bằng cách sử dụng công cụ văn bản.
- Tạo các đối tượng cần click (*ở đây là Câu1, Câu2*).

*** Bước 2:**

- Chọn đối tượng cần click (*ở đây ta chọn Câu1*).
- Mở trình duyệt thao tác/Các thao tác đối tượng/Đổi giá trị văn bản.
- Trong mục “**Thuộc tính thao tác**”:
 + Mục **Đích (văn bản)** Click vào nút  chọn tên **văn bản chứa cách trống**, sau đó click nút **ok**.

- + Trong mục **Văn bản** ta đánh nội dung cần thay thế (ở đây giả dụ ta đánh: **Câu1: Việt Nam có tất cả bao nhiêu tỉnh?**).
- ⇒ *Chú ý: Vì trong mục **Văn bản** ta không thể trình bày được văn bản, nên khi cần trình bày nội dung này, người làm cần trình bày nội dung đó ở Word trước sau đó mới copy nội dung này vào mục **Văn bản**.*
- Cuối cùng ta chọn **Áp dụng các thay đổi**, Sau đó lưu lại và chuyển sang chế độ trình chiếu để kiểm tra.



(Cách làm thao tác “*bổ sung văn bản*” cũng tương tự như thao tác “*đổi giá trị văn bản*”)

e. Di chuyển đối tượng tùy ý

*Di chuyển và tự động nhân đôi đối tượng

Chọn đối tượng / chuột phải / Kéo một bản sao

*Khóa đối tượng (không cho di chuyển sửa chữa)

Chọn đối tượng / chuột phải / Đã khóa

g. Hiệu ứng tăng, giảm kích thước... đối tượng

Tăng vị trí của đối tượng :Chọn đối tượng - Các thao tác đối tượng - Vị trí tăng dần

Làm tăng giảm kích thước của đối tượng về các vị trí : Trái, phải, trung tâm...

Chọn đối tượng - Các thao tác đối tượng - Kích cỡ tăng dần Trái, phải, trung tâm...

Lưu ý: Muốn xóa bỏ thuộc tính đã gán cho đối tượng.

- Chọn đối tượng muốn xóa thuộc tính.

- Nhấp chuột vào “Xóa bỏ nội dung hiện có” .